

**ĐỀ TÀI CẤP TỈNH**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP  
TRUYỀN THÔNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG  
CỦA CÔNG NHÂN VÀ CÔNG ĐOÀN  
TỈNH SÓC TRĂNG 1929-2008**

**Cơ quan chủ trì đề tài:** LĐLĐ tỉnh Sóc Trăng

**Đồng Chủ nhiệm đề tài:** - CN. Nguyễn Minh Châu

- CN. Nguyễn Thanh Hà

# MỤC LỤC

	Trang
<b>CHỮ VIẾT TẮT, KÝ HIỆU VÀ THUẬT NGỮ</b>	3
<b>DANH SÁCH VÀ HÌNH ẢNH TƯ LIỆU</b>	4
<b>NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</b>	5
<b>Chương 1: MỞ ĐẦU</b>	7
1. Đặt vấn đề	7
2. Tổng quan	8
3. Mục tiêu của đề tài	8
4. Giới hạn của đề tài	9
<b>Chương 2: NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b>	10
1. Nội dung nghiên cứu	10
2. Phương pháp nghiên cứu	10
<b>Chương 3: KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN</b>	11
1. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời	11
2. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930-1945)	11
3. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954)	11
4. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)	12
5. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 10 năm đấu tranh thống nhất tổ quốc (5/1975-1985)	13
6. Phong trào công nhân lao động và tổ chức Công đoàn khu vực Sóc Trăng từ năm đầu của thời kỳ đổi mới đến khi tái lập tỉnh (1986-1992)	14
7. Phong trào công nhân lao động và tổ chức Công đoàn tỉnh Sóc Trăng từ khi tái lập tỉnh đến năm 2008 (1992-2008)	15
8. Các bài học kinh nghiệm	17
9. Ý nghĩa của kết quả nghiên cứu	18
<b>Chương 4 : KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ</b>	20
1. Kết luận	20
2. Các kiến nghị	21
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	22
<b>BÁO CÁO THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI</b>	23

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b>	23
1. Tên đề tài	23
2. Chủ nhiệm đề tài	23
3. Tổ chức chủ trì đề tài	23
<b>II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN</b>	23
1. Thời gian thực hiện đề tài	24
2. Kinh phí và sử dụng kinh phí	24
3. Các văn bản hành chính trong quá trình thực hiện đề tài	25
4. Tổ chức phối hợp thực hiện đề tài	25
5. Cá nhân tham gia thực hiện đề tài	25
6. Tình hình hợp tác quốc tế	26
7. Tình hình tổ chức hội thảo, hội nghị	26
8. Tóm tắt các nội dung, công việc chủ yếu	26
<b>III. SẢN PHẨM KH&amp;CN CỦA ĐỀ TÀI</b>	27
1. Sản phẩm KH&CN đã tạo ra	27
2. Đánh giá về hiệu quả do đề tài mang lại	28
3. Nội dung, tiến độ của đề tài	28
4. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra của đề tài	29
<b>CHUYÊN ĐỀ 1: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI</b>	31-37
<b>CHUYÊN ĐỀ 2: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG THỜI KỲ ĐẦU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (1930-1945)</b>	38-55
<b>CHUYÊN ĐỀ 3: PHONG TRÀO CÁC MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG SÓC TRĂNG TRONG 9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1954)</b>	56-72
<b>CHUYÊN ĐỀ 4: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG TRONG 21 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954-1975)</b>	73-90
<b>CHUYÊN ĐỀ 5: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG TRONG 10 NĂM ĐẦU THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (5/1975- 1985)</b>	91-109
<b>CHUYÊN ĐỀ 6: PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN KHU VỰC SÓC TRĂNG TỪ NĂM ĐẦU CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI ĐẾN KHI TÁI LẬP TỈNH (1986- 1992)</b>	110-118
<b>CHUYÊN ĐỀ 7: PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN SÓC TRĂNG TỪ KHI TÁI LẬP TỈNH ĐẾN NĂM 2008 (1992-2008)</b>	119-148

## CHỮ VIẾT TẮT, KÝ HIỆU VÀ THUẬT NGỮ

Chữ viết tắt	Đọc là
ATVSLĐ	An toàn vệ sinh lao động
BCH	Ban Chấp hành
BCN	Ban Chủ nhiệm
BBS	Ban biên soạn
BHLĐ	Bảo hiểm lao động
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CBCC	Cán bộ công chức
CNVCLĐ	Công nhân viên chức lao động
CT	Chủ tịch
HCSN	Hành chính sự nghiệp
HĐKH	Hội đồng Khoa học
LĐLĐ	Liên đoàn Lao động
KHCH	Khoa học Công nghệ
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNTP	Thanh niên Tiền phong
UBND	Ủy ban Nhân dân
QQG-HTVL	Quỹ quốc gia-hỗ trợ việc làm

## DANH SÁCH VÀ HÌNH ẢNH TƯ LIỆU

1. Danh sách BCH lâm thời và BCH Công đoàn tỉnh Sóc Trăng (từ sau tái lập tỉnh) từ khóa V đến khóa VIII.
2. Hình ảnh một số đồng chí lãnh đạo Công đoàn tỉnh qua các thời kỳ (lồng vào các trang trong kết quả nghiên cứu).
3. Hình ảnh một số kỳ Đại hội Công đoàn tỉnh.
4. Hình ảnh một số phong trào tiêu biểu của tổ chức Công đoàn và CNVCLĐ tỉnh.

Thư viện Sóc Trăng

# Thư viện Sốt Trắng

NỘI DUNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

# Thư viện Sóc Trăng

# Chương 1

## MỞ ĐẦU

### 1. Đặt vấn đề :

Giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp tiên phong của cách mạng, đã liên minh cùng giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và các tầng lớp quần chúng khác trong nước tham gia các phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo từ năm 1930 đến nay, góp phần to lớn trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, trong hòa bình xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay. Trên phạm vi cả nước, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về phong trào đấu tranh chung của công nhân. Một số tỉnh trong và ngoài khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã có một số nghiên cứu biên soạn đề tài phong trào đấu tranh của công nhân, lao động và sự hình thành, phát triển tổ chức công đoàn ở địa phương tỉnh hay thành phố thuộc trung ương như TP. Cần Thơ, tỉnh Bạc Liêu v.v. . .

Đối với Sóc Trăng, từ sau giải phóng đến 2008, việc nghiên cứu tổ chức công đoàn và phong trào công nhân lao động chưa được tiến hành, trong khi các nhân chứng, các cán bộ công đoàn trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và 2 cuộc kháng chiến ngày càng ít dần, trí nhớ suy giảm, nên việc sưu tầm tư liệu ngày càng gặp khó khăn. Mặt khác, LĐLĐ tỉnh cần có tư liệu mang tính hệ thống và đảm bảo tính khoa học để làm tài liệu giáo dục truyền thống cho tổ chức công đoàn và cán bộ, công nhân viên chức lao động trong tỉnh; đồng thời đúc kết rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo phong trào, vận dụng vào quá trình xây dựng tổ chức và chỉ đạo phong trào trong thời kỳ mới.

Ngoài ra, việc triển khai thực hiện đề tài còn bổ sung một số tư liệu lịch sử cho công tác biên soạn lịch sử Đảng của địa phương, cho biên soạn giáo trình giảng dạy trong nhà trường phổ thông.

Với các yêu cầu trên, việc đề xuất nghiên cứu triển khai đề tài này là thật sự cần thiết và cấp bách.

### 2. Tổng quan

#### + Khái quát tình hình nghiên cứu:

Như trình bày ở phần trên, việc nghiên cứu tổ chức công đoàn và phong trào công nhân lao động của tỉnh Sóc Trăng từ sau ngày giải phóng đến nay chưa được tiến hành. Không chỉ phạm vi cả nước, có một số đề tài nghiên cứu về phong trào Công nhân toàn quốc được thực hiện, nhưng phần nói về Sóc Trăng lại quá mờ nhạt. Trong khi đó, một số tỉnh trong và ngoài khu vực có nghiên cứu hoặc xuất bản thành sách nói về phong trào công nhân lại thuộc phạm vi từng địa phương, nhưng lại chưa có tỉnh nào nghiên cứu phong trào công nhân lao động và tổ chức công đoàn từ năm 1929 đến năm 2008.

Vi vậy, có thể nói rằng, việc nghiên cứu đề tài “Truyền thống đấu tranh cách mạng của Công nhân và Công đoàn tỉnh Sóc Trăng (1929-2008)” là sự cố gắng lớn của BCH LĐLĐ tỉnh, của tập thể BCN, BBS đề tài cùng đội ngũ cộng tác viên.

#### + Các tài liệu nghiên cứu có liên quan :

Để phục vụ cho việc nghiên cứu biên soạn đề tài, tập thể BCN, BBS đã đầu tư thời gian để tập hợp các tài liệu liên quan phục vụ cho công tác biên soạn. Trong này,



quan trọng nhất là các quyển Lịch sử Đảng bộ tỉnh tập 1 (1930-1954) và tập 2 (1954-1975), các quyển Những hạt giống đỏ, tập 1 và 2. Lịch sử lực lượng vũ trang tỉnh Sóc Trăng, Lịch sử Đảng bộ một số huyện và xã trong tỉnh . . . Ngoài ra, còn có một số quyển sách đã phát hành của một số tỉnh về đề tài này giai đoạn 1929-1975 và 1975-2000 hoặc 1975-2005.

#### **+ Hướng nghiên cứu của đề tài.**

Tuy tài liệu có liên quan không phải ít nhưng thật sự phục vụ trực tiếp cho những sự kiện về phong trào công nhân, lao động và tổ chức công đoàn của tỉnh Sóc Trăng lại quá ít. Vì vậy, ngoài việc tận dụng tư liệu từ các quyển sách đã xuất bản, BBS cố gắng sưu tầm thêm tư liệu thành văn, các báo chí trong các kho, Trung tâm lưu trữ của Trung ương và tỉnh, gặp gỡ các nhân chứng, các cán bộ công đoàn qua các thời kỳ v.v. . . để bổ sung thêm nguồn tư liệu. Về nội dung từ 1975 đến 2005, BBS cố gắng sưu tập các văn bản báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, báo cáo chuyên đề của Công đoàn tỉnh Hậu Giang (cũ) và Sóc Trăng hiện nay.

#### **+ Phạm vi áp dụng :**

Đề tài được hoàn thành sẽ là tài liệu khoa học giúp cho công tác giáo dục truyền thống trong cán bộ, công nhân, viên chức lao động trong tỉnh, bổ sung tư liệu giảng dạy lịch sử địa phương ở các trường học, bổ sung tư liệu cho biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện và xã. Đặc biệt là đề tài cũng góp phần phục vụ cho công tác nghiên cứu lý luận về tổ chức mô hình và chỉ đạo hoạt động công đoàn trong thời kỳ mới.

#### **+ Các quan điểm về vấn đề cần được nghiên cứu :**

Là đề tài nghiên cứu về Lịch sử truyền thống của giai cấp công nhân tỉnh nhà, nên BCN, BBS luôn quán triệt và chấp hành tốt các nguyên tắc trong quá trình thực hiện đề tài. Đó là tính Đảng, tính giai cấp, tính khoa học; tôn trọng và ghi lại các sự kiện lịch sử theo thực tế khách quan. Nhìn nhận, đánh giá vấn đề theo quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong quá trình trình bày quá trình hình thành, phát triển phong trào, nội dung hoạt động của công đoàn luôn thể hiện sự gắn bó với sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh.

#### **+ Mức độ giải quyết vấn đề, thuận lợi, khó khăn, hướng giải quyết.**

Từ sự quyết tâm và với quan điểm phải hoàn thành tốt đề tài, BCN, BBS đã nỗ lực giải quyết các khó khăn trở ngại trong quá trình thực hiện đề tài. Tiếp tục kiên trì sưu tầm tư liệu, đo chiếu các thông tin, tài liệu thành văn, tổ chức hội thảo, gặp gỡ từng cán bộ lão thành để xin ý kiến, tìm ra sự kiện có độ tin cậy cao nhất. Ngoài ra, còn liên hệ với các tỉnh bạn để bổ sung thêm một số sự kiện có liên quan.

Khi có ý kiến đóng góp kéo dài thêm thời gian nghiên cứu trong đề cương từ năm 1929 đến 2005 tăng lên 1929-2008, BCN và BBS đã xin ý kiến và bổ sung ngay. Nhờ vậy, dự thảo được hoàn chỉnh hơn so với đề cương được duyệt năm 2005.

### **3. Mục tiêu của đề tài :**

Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu tổng hợp, hình thành một tài liệu khoa học, có hệ thống về quá trình hình thành, phát triển tổ chức công đoàn và phong trào công nhân, viên chức lao động của tỉnh. Từ đó, làm cơ sở nâng cao chất lượng của công tác giáo dục truyền thống trong đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, lao động trong tỉnh.

#### **4. Giới hạn đề tài :**

Đề tài được thực hiện với không gian nghiên cứu là địa bàn tỉnh Sóc Trăng hiện nay trong thời gian từ năm 1929 đến 2008. Trong này, BBS sẽ có liên hệ tình hình Sóc Trăng và trong nước từ đầu thế kỷ XX đến năm 1929 để làm sáng tỏ thêm một số tình hình tác động đến việc hình thành tổ chức công đoàn và phong trào công nhân, viên chức, lao động trong tỉnh.

**Thư viện Sóc Trăng**

## Chương 2

# NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Nội dung nghiên cứu.

Tập trung tìm hiểu về quá trình hình thành, phát triển tổ chức công đoàn của tỉnh từ năm 1929 đến 2008 ; phong trào đấu tranh của công nhân, lao động tỉnh Sóc Trăng từ năm 1929 đến 30/4/1975 ; phong trào thi đua của cán bộ, công nhân, viên chức, lao động tỉnh từ sau ngày 30/4/1975 đến năm 2008, được cụ thể qua từng Đại hội Công đoàn của tỉnh ; đúc kết thành những đặc điểm và bài học kinh nghiệm trong quá trình hình thành, phát triển và tổ chức hoạt động công đoàn cũng như phong trào công nhân viên chức và người lao động trong tỉnh.

### 2. Phương pháp nghiên cứu :

#### 2.1 Đối tượng nghiên cứu, địa điểm :

Đối tượng nghiên cứu chính của đề tài chính là tổ chức công đoàn và phong trào công nhân, lao động trong tỉnh, có liên hệ với quá trình hình thành và phát triển của tổ chức Đảng trong tỉnh cùng các phong trào quần chúng có liên quan như phong trào đấu tranh của nông dân, lao động thành thị, giáo viên, học sinh . . .

Địa bàn nghiên cứu trong phạm vi tỉnh Sóc Trăng và một số thời điểm có liên quan đến khu vực tỉnh Bạc Liêu và TP.Cần Thơ.

#### 2.2 Quy mô và thời gian thực hiện :

Nội dung đề tài nghiên cứu là phong trào công nhân lao động và tổ chức công đoàn của tỉnh Sóc Trăng từ năm 1929 đến 2008. Riêng giai đoạn 1976-1992 có liên hệ với tỉnh Hậu Giang ( cũ ), trong đó có khu vực tỉnh Sóc Trăng hiện nay.

Thời gian thực hiện đề tài trong 3 năm, từ 7/2005 đến tháng 7/2008.

#### 2.3 Phương pháp nghiên cứu :

Đề tài được nghiên cứu bằng 2 phương pháp chính: phương pháp lịch sử và phương pháp lô gích. Phương pháp lịch sử giúp cho công tác sưu tầm, xác minh, chỉnh lý tài liệu, đảm bảo tính khoa học, chính xác, độ tin cậy cao của các tư liệu lịch sử. Phương pháp lô gích cho quá trình phân tích, đánh giá, nhận xét về những tính chất đặc điểm của công nhân, kết quả của quá trình hình thành, tổ chức hoạt động và phát triển của tổ chức công đoàn và phong trào công nhân, lao động trong tỉnh.

Ngoài ra, BBS còn vận dụng thực hiện các phương pháp điền dã, thống kê, so sánh, đối chiếu, phương pháp nghiên cứu của lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc . . . để bổ sung cho 2 phương pháp chính nêu trên nhằm giúp cho quá trình biên soạn đề tài đạt hiệu quả cao hơn.

## Chương 3

# KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### **1. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời :**

Trình bày khái quát về vị trí địa lý, dân số, tình hình kinh tế xã hội của tỉnh từ đầu thế kỷ XX đến năm 1929, về chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, về phong trào yêu nước trong tỉnh và khu vực và bước đầu hình thành tổ chức tập hợp giai cấp công nhân trong tỉnh. Các phong trào yêu nước và cách mạng trong thời gian này có tác dụng cổ vũ tinh thần đoàn kết đấu tranh của đồng bào các dân tộc trong tỉnh trong cuộc đấu tranh chung chống áp bức, chống thực dân, phong kiến và tay sai. Đặc biệt, phong trào ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu khi Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức ra đời ngày 3/2/1930 và giữ quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng: các sự kiện xảy ra ở tỉnh trong giai đoạn này được sưu tập và trích dẫn khá tốt. Tuy nhiên chưa phát hiện, sưu tập tài liệu về phong trào công nhân và tổ chức Công đoàn do nguồn tư liệu thành văn tại trung tâm lưu trữ của tỉnh và trung tâm lưu trữ Trung ương tại TP Hồ Chí Minh quá ít. Mặt khác, số nhân chứng của thời kỳ này không còn, nhất là về phong trào đấu tranh của công nhân lao động.

#### **Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy:**

Trong quá trình khai phá và mở mang lập vùng đất mới đã có sự đoàn kết của cộng đồng các dân tộc ở nơi đây. Khi có ngoại xâm, sự đoàn kết của cộng đồng chưa phải là điều kiện duy nhất để giành thắng lợi trong đấu tranh, mà cần phải có một tổ chức cách mạng lãnh đạo đúng đắn, có lý luận và phương pháp cách mạng phù hợp. Con đường đấu tranh đó cần có một thời gian nhất định mới có thể giành được thắng lợi. Vấn đề cốt lõi là cần phải xây dựng được một mặt trận tập hợp đoàn kết các tầng lớp nhân dân tại địa phương trong cuộc đấu tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng mácxít.

### **2. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930-1945):**

Phần này trình bày sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và các chi bộ Cộng sản của tỉnh gắn liền với phong trào đấu tranh của công nhân, lao động tỉnh Sóc Trăng qua các giai đoạn 1930-1936, 1936-1939 và 1939-1945, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 trong tỉnh. Đoạn cuối của chuyên đề 2 nêu rõ: “Từ ngày khởi nghĩa tháng Tám 1945 giành thắng lợi trong cả nước nói chung và tại Sóc Trăng nói riêng, đã quy tụ đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, không phân biệt tôn giáo, dân tộc. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong tỉnh đã đoàn kết dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Tỉnh ủy, phát huy sức mạnh giai cấp và dân tộc, góp phần cùng nhân dân cả nước làm nên chiến thắng vĩ đại, bước đầu tiêu diệt ách thống trị của thực dân Pháp, Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Châu Á.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng: các sự kiện và diễn biến phong trào chung của tỉnh, trong đó có phong trào CNVC lao động của tỉnh được trích dẫn khá tốt, góp phần tích cực cho giai đoạn cách mạng 1930-1945 của tỉnh. Ban biên soạn có bổ sung thêm

một số tư liệu và sự kiện lịch sử về phong trào công nhân, lao động gắn với phong trào cách mạng chung của tỉnh theo góp ý ở hội thảo đầu tiên.

**Quá trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy:**

Để lãnh đạo thành công cuộc cách mạng, tổ chức Đảng cần phải có lý luận cách mạng soi đường, biết vận dụng vào hoàn cảnh thực tiễn của đất nước, biết tuyên truyền, vận động và tập hợp các tầng lớp nhân dân các giai cấp theo mình làm cách mạng, biết xây dựng lực lượng cách mạng từ không đến có, từ có ít đến có nhiều và đảm bảo lực lượng hơn hẳn kẻ địch. Tiếp đến là vấn đề biết tận dụng và phát huy thời cơ cách mạng là vấn đề có tính chất quyết định cho cuộc cách mạng. Chần chừ, chờ đợi hay làm cách mạng cướp chính quyền trước khi thời cơ xuất hiện hay sau khi thời cơ đã mất thì cũng sẽ không thành công, Kẻ địch có thể đàn áp và sẽ làm tổn thất về lực lượng cách mạng; đồng thời vẫn giữ quyền thống trị.

**3. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954):**

Phần này nêu rõ phong trào công nhân lao động và tổ chức Công đoàn tỉnh Sóc Trăng từ giai đoạn đầu tham gia xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng cho đến những năm đầu kháng chiến và kết thúc với sự thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ. Kết luận của chuyên đề khẳng định “Vượt qua những khó khăn thử thách ban đầu, lực lượng cách mạng ngày càng phát triển và lớn mạnh. Công tác công đoàn và phong trào công nhân, nhân dân lao động ngày càng gắn bó, phục vụ tốt hơn cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Tuy một số nơi chưa hình thành tổ chức công đoàn như trong các công binh xưởng, công an xưởng, nhà in, đội ngũ giáo viên . . . nhưng hoạt động của cán bộ, chiến sĩ, công nhân lao động, giáo viên đều thể hiện tốt tinh thần giai cấp công nhân, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công, trong bất cứ tình huống nào.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giành thắng lợi, trong đó có phần đóng góp của quân dân Sóc Trăng nói chung, của công nhân của công binh xưởng, nhà in, đội ngũ giáo viên và đông đảo công nhân, thợ thủ công, các tầng lớp nhân dân lao động vùng tạm chiếm nói riêng. Thắng lợi này tạo tiền đề cho những thắng lợi tiếp theo của phong trào cách mạng tỉnh nhà trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng: tư liệu và các sự kiện lịch sử của chuyên đề này khá đầy đủ, phản ánh khá tốt các diễn biến phong trào của CNVC lao động và tổ chức công đoàn trong tỉnh.

**Quá trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy:**

Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc là hết sức khó khăn, nhưng giữ vững nền độc lập tự do còn khó khăn gấp nhiều lần.. Sự kiên trì chủ nghĩa Mác-Lê nin, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là điều kiện tiên quyết để cách mạng đi đến thắng lợi. Vấn đề là phải kiên trì xây dựng lực lượng cách mạng, với nòng cốt là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân , để đảm bảo đủ thế và lực, tranh thủ sự ủng hộ của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và bạn bè tiến bộ trên toàn thế giới. Phải giải quyết cuộc cách mạng bằng một cuộc chiến tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản mới đi đến kết quả thành công, lật đổ ách thống trị của đế quốc và tay sai.

**4. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ (1954-1975):**

Trình bày phong trào công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 9 năm kháng chiến chống Mỹ (1954-1975). Nội dung phần này giới thiệu hoạt động của công nhân lao động tỉnh nhà tham gia đấu tranh chống lại âm mưu của Mỹ và tay sai, đòi thi hành hiệp định Genève cho đến tham gia phong trào Đồng Khởi, các phong trào tiến công đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, tiến tới tham gia Tổng tiến công và nổi dậy, giành thắng lợi quyết định bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Tuy chưa hình thành mạng lưới tổ chức công đoàn rộng khắp trong tỉnh, nhưng với đội ngũ công nhân trong các đơn vị công binh xưởng, công an xưởng, nhà in, trong đội ngũ cán bộ, giáo viên kết hợp với đội ngũ công nhân lao động làm thuê trong trung tâm tình lý, thị trấn, các chợ đã hình thành nên lực lượng chiến đấu đa dạng, nhiều hình thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tỉnh có sự đóng góp tích cực của tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn và công nhân, lao động trong tỉnh.

Qua khảo sát thấy rằng: các sự kiện, diễn biến phong trào trong giai đoạn này được thể hiện khá đầy đủ, nhưng do điều kiện nhân chứng còn ít và không nhớ nhiều về giai đoạn này, nên Ban biên soạn cần khai thác thêm tư liệu khi có điều kiện.

#### **Quá trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy:**

Kinh nghiệm trong giai đoạn này cho thấy, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tỉnh giành thắng lợi là kết quả của sự lãnh đạo của Đảng và tập hợp rộng rãi mặt trận đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, trong đó có sự đóng góp tích cực của tổ chức công đoàn, phong trào nghiệp đoàn và công nhân, lao động trong tỉnh.

Sự tập hợp quần chúng, công nhân lao động, làm thuê phải hết sức đa dạng về hình thức và đảm bảo bí mật, rèn luyện cho quần chúng tinh thần yêu nước và quyết tâm chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng. Phải luôn luôn nêu cao tinh thần tiên phong của cán bộ đảng viên và giai cấp công nhân tỉnh nhà trong kháng chiến; từng bước xây dựng lực lượng cách mạng lớn mạnh. Nhất là biết coi trọng và xây dựng lực lượng công nhân, lao động, quần chúng cách mạng trong nội thành để kết hợp với sức mạnh từ bên ngoài tấn công kẻ thù. Biết chủ động từng bước tấn công kẻ thù, chớp lấy thời cơ tiến lên giành chính quyền giải phóng tỉnh nhà.

#### **5. Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 10 năm đầu thống nhất tổ quốc (5/1975-1985):**

Có khá nhiều sự kiện được nêu trong nội dung này như sự ra đời và hoạt động của tổ chức Liên hiệp Công đoàn tỉnh Sóc Trăng và Liên hiệp Công đoàn tỉnh Hậu Giang, hệ thống, nội dung nghị quyết các kỳ Đại hội Công đoàn tỉnh từ lần thứ I (5/1975-01/10/1977) đến lần thứ III (8/1983). BBS đã cố gắng nêu rõ nội dung phát triển tổ chức công đoàn và kết quả của phong trào công nhân viên chức lao động khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất, thi đua thực hiện nghị quyết của từng kỳ Đại hội.

Nội dung này đi sâu trình bày 3 kỳ Đại hội của Công đoàn và có tiểu kết quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết của từng kỳ Đại hội. Trong đó, về hiệu quả của việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ III nêu rõ “Như `n chung, được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Tổng Công đoàn Việt Nam, trong 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ III, có sự đóng góp tích cực và hiệu quả của đội ngũ cán bộ công nhân viên chức, lao động tỉnh nhà. Bộ máy công đoàn các cấp được củng cố, xây dựng ngày càng vững mạnh hơn, lãnh đạo cán bộ, đoàn viên, công nhân viên chức, lao

động vượt qua khó khăn về đời sống, điều kiện công tác, lao động để giữ vững vị trí công tác của mình, góp phần đưa năng suất nông nghiệp, tổng sản lượng công nghiệp trong tỉnh ngày càng tăng . . .

Tuy còn một số hạn chế nhất định, nhất là về vấn đề đoàn kết trong nội bộ BCH Liên hiệp Công đoàn tỉnh, chất lượng hoạt động của từng Ban chuyên môn, chỉ tiêu thành lập Hội Lao động hợp tác, vấn đề đào tạo bồi dưỡng cán bộ công đoàn, nhưng thành tích trong nhiệm kỳ III là đáng trân trọng, nhất là trong giai đoạn đất nước đang từng bước vượt qua thử thách, chỉ mới bắt đầu hành trình đổi mới đầy gay go, phức tạp.

Quá trình khảo sát trong giai đoạn này cho thấy các tư liệu thành văn có khá nhiều nhưng cũng chưa đầy đủ do tư liệu của tỉnh Hậu Giang cũ không hoàn chỉnh. Các nhân chứng cung cấp khá nhiều nhưng trí nhớ có hạn chế, một số sự kiện không xác định rõ. Tuy còn thiếu một số sự kiện trong giai đoạn Sóc Trăng thuộc tỉnh Hậu Giang, nhưng do khách quan nên đại biểu dự hội thảo nhất trí với dự thảo chuyên đề 5 và có đề nghị Ban biên soạn và Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh có điều kiện thì nên cố gắng sưu tầm, bổ sung thêm một số tư liệu về phong trào công nhân, viên chức lao động khu vực Sóc Trăng giai đoạn 1976-1986.

#### **Quá trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy:**

Phải xây dựng bộ máy công đoàn các cấp ngày càng vững mạnh hơn, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức công đoàn, tạo điều kiện cho công tác hoạt động và phát huy tốt vai trò vị trí của mình, có mô hình đa dạng tập hợp cán bộ công chức, viên chức và người lao động, phát động thi đua phong trào thi đua tăng năng suất, sản lượng và hiệu quả sản xuất.

Tăng cường đoàn kết trong nội bộ nâng cao chất lượng hoạt động của từng Ban chuyên môn là yêu cầu cần thiết trong quá trình hoạt động của tổ chức công đoàn.

#### **6. Phong trào công nhân lao động và tổ chức Công đoàn khu vực Sóc Trăng từ năm đầu của thời kỳ đổi mới đến khi tái lập tỉnh (1986-1992):**

Nội dung chính là trình bày tổ chức công đoàn và phong trào công nhân viên chức, lao động của khu vực tỉnh Sóc Trăng hiện nay, từ năm 1986- 1992, trong đó có nêu rõ sự kiện Đại hội Công đoàn tỉnh Hậu Giang lần thứ IV (1988-1992) và phong trào thi đua trong đội ngũ cán bộ, đoàn viên, CNVC lao động trong tỉnh, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội này. BBS đã cố gắng tái hiện lại phong trào công nhân viên chức, lao động của khu vực tỉnh Sóc Trăng với những hoạt động sôi nổi tích cực và hiệu quả trong những năm đầu đổi mới.

Sau khi nêu rõ quá trình chỉ đạo và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Công đoàn tỉnh Hậu Giang, phần cuối chuyên đề này nhấn mạnh: “Cán bộ công nhân viên chức lao động khu vực Sóc Trăng đã cùng với công nhân viên chức lao động trong tỉnh nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách, thi đua lao động trên các lĩnh vực, lập được những thành tích nhất định, tạo niềm tin và động lực để tiến quân vào thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh nhà trong thời gian tiếp theo. Đặc biệt, sau khi chia tách tỉnh, với địa bàn được thu hẹp, công tác chỉ đạo từ tỉnh xuống huyện và cơ sở ngày càng sâu sát hơn, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức công đoàn có nhiều hoạt động phong phú, đáp ứng ngày càng tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân viên chức, lao động”.

Chuyên đề này thể hiện khá đầy đủ các sự kiện diễn ra trong giai đoạn này. Tuy nhiên, do điều kiện tư liệu thành văn không lưu trữ đầy đủ, nên BBS chỉ có thể sưu tập

bổ sung mức độ do thiếu một số báo cáo chuyên đề, báo cáo năm của cơ quan Công đoàn tỉnh giai đoạn này. Vì vậy, các đại biểu dự hội thảo đều nhất trí với dự thảo sau cùng của chuyên đề.

Quá trình thực hiện nghị quyết các Đại hội của Công đoàn tỉnh Hậu Giang, có thể rút ra một bài học kinh nghiệm như sau:

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên chức lao động khu vực Sóc Trăng đã cùng với công nhân viên chức lao động trong tỉnh nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách, thi đua lao động trên các lĩnh vực, tạo niềm tin và động lực để cán bộ, công nhân viên chức và người lao động thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

- Sau khi chia tách tỉnh, địa bàn được thu hẹp, từ đó đã tạo thuận lợi cho công tác chỉ đạo từ tỉnh xuống huyện và cơ sở ngày càng sâu sát hơn. Tổ chức Công đoàn có nhiều hoạt động phong phú, đi vào chiều sâu, đáp ứng ngày càng tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân viên chức, lao động.

### **7. Phong trào công nhân lao động và tổ chức Công đoàn tỉnh Sóc Trăng từ khi tái lập tỉnh đến năm 2008 (1992-2008):**

Phần này trình bày việc thành lập và hoạt động của BCH lâm thời Công đoàn tỉnh Sóc Trăng, nội dung, chỉ tiêu các nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh lần thứ V (1993-1998), lần thứ VI (1998-2003), lần thứ VII (2003-2008), lần thứ VIII (2008-2013) và kết quả phong trào thi đua của công nhân viên chức lao động tỉnh, thực hiện các nghị quyết từ Đại hội V đến Đại hội VII của Công đoàn tỉnh. Nhìn chung, nội dung 7 nêu khá nhiều lĩnh vực hoạt động của công đoàn, những điển hình trong phong trào thi đua của CNVC LĐ trong các đơn vị hành chính sự nghiệp, trong các loại hình doanh nghiệp. Chuyên đề này trình bày theo từng nhiệm kỳ của Đại hội. Cuối mỗi nhiệm kỳ đều có phần đánh giá mặt đạt được và chưa được, rút ra nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo phong trào.

Đối với quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII, chuyên đề nêu lên một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Hoạt động của Công đoàn phải xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nguyện vọng chính đáng của CNVC LĐ để đề ra mục tiêu, nội dung, biện pháp hoạt động; tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự hỗ trợ của các cấp chính quyền và chuyên môn và sự phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan; trong tổ chức thực hiện phải xác định những việc trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; có kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm thường xuyên là yếu tố quyết định đến kết quả các mặt hoạt động Công đoàn.

- Lấy việc thực hiện chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân, viên chức, lao động là nhiệm vụ hàng đầu của các cấp công đoàn, xem đây là yếu tố rất quan trọng để thu hút CNVC LĐ tham gia vào tổ chức công đoàn.

- Công tác cán bộ phải được coi trọng, có chiến lược lâu dài trong khâu quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ. Chú ý, những cán bộ trẻ mạnh dạn phân công, thử thách, rèn luyện trong hoạt động thực tiễn, coi đây là nguồn để xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa.

- Tập trung củng cố, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh thật sự là nền tảng của tổ chức công đoàn; đồng thời quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động của công



đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở. Trong hoạt động phải hướng về cơ sở, để kịp thời giúp cho cơ sở tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

- Thường xuyên chăm lo củng cố, xây dựng sự đoàn kết nội bộ. Trước hết là trong đội ngũ cán bộ chủ chốt, trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ công đoàn các cấp.

Đối với chuyên đề này, các nội dung sự kiện khá phong phú và đầy đủ hơn cả. Tuy nhiên, cần lược bỏ những chi tiết không cần thiết để nội dung được chặt chẽ và hợp lý hơn. Ban biên soạn đã chỉnh lý và bớt đi một số nội dung không cần thiết, đảm bảo bố cục của chuyên đề được chặt chẽ, cô đúc hơn.

### **Quá trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy:**

- Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, mọi hoạt động của công đoàn phải xuất phát từ đường lối chính sách của Đảng, nguyện vọng của người lao động và qui định của Pháp luật, biết vận dụng phù hợp với đơn vị, cơ sở địa phương mình. Sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ của Công đoàn cấp trên, sự quan tâm và phối hợp chặt chẽ của Chính quyền cấp cấp là yếu tố quan trọng để công đoàn thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Nêu cao tinh thần đại đoàn kết toàn dân, chăm lo xây dựng giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng để giai cấp công nhân thật sự là lực lượng nòng cốt trong khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức.

- Tập trung xây dựng CĐCS vững mạnh và đào tạo, chọn lựa, bố trí đội ngũ cán bộ công đoàn có trình độ, năng lực, năng động sáng tạo, nhạy bén, có bản lĩnh và nhiệt tình với phong trào là nhân tố quyết định năng lực thành công trong hoạt động công đoàn.

- Phương thức hoạt động công đoàn phải thường xuyên đổi mới đa dạng, phong phú, phù hợp với các đối tượng CNLĐ. Hoạt động xã hội của công đoàn càng được mở rộng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ càng được quan tâm bảo vệ thì càng có điều kiện sẵn sàng sẵn gửi để vận động tập hợp, thu hút đông đảo CNVC-LĐ tham gia tổ chức và hoạt động công đoàn. Hoạt động công đoàn càng bớt quan liêu, hành chính thì vị trí công đoàn trong xã hội càng được nâng lên.

- Việc xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ hoạt động công đoàn phải xuất phát từ quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết, chủ trương của TLĐ và nguyện vọng chính đáng của CNVCLĐ. Trên cơ sở đó vận dụng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương cho sát hợp.

- Tranh thủ cho được sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp, hỗ trợ, có hiệu quả của Chính quyền, các ban ngành, các đoàn thể trong tỉnh và sự nỗ lực của Ban Chấp hành công đoàn các cấp, đây là yếu tố rất quan trọng để công đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ.

Khi có Nghị quyết, chương trình công tác, khâu tổ chức thực hiện có ý nghĩa quyết định. Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện cần xác định chọn khâu đột phá, tìm biện pháp thực hiện; sơ kết, tổng kết kịp thời; chú ý phát hiện kịp thời nhân rộng những điển hình, nhân tố mới trong phong trào.

- Về công tác cán bộ, trước hết là phải xây dựng cho được đội ngũ cán bộ chủ chốt ở công đoàn các cấp có bản lĩnh, uy tín, nhiệt tình; có năng lực hoạt động thực tiễn, am hiểu về ngành nghề, luật pháp, chính sách. Cần có chính sách động viên cán bộ yên tâm gắn bó với tổ chức công đoàn.

- Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, trước hết là xây dựng tổ chức CĐCS thật sự là nền tảng của tổ chức Công đoàn Việt Nam.

- Hoạt động của Công đoàn phải xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nguyện vọng chính đáng của CNVCLĐ để đề ra mục tiêu, nội dung, biện pháp hoạt động; tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự hỗ trợ của các cấp chính quyền và chuyên môn và sự phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan; trong tổ chức thực hiện phải xác định những việc trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; có kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm thường xuyên là yếu tố quyết định đến kết quả các mặt hoạt động Công đoàn.

- Lấy việc thực hiện chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân, viên chức, lao động là nhiệm vụ hàng đầu của các cấp công đoàn, xem đây là yếu tố rất quan trọng để thu hút CNVCLĐ tham gia vào tổ chức công đoàn.

- Công tác cán bộ phải được coi trọng, có chiến lược lâu dài trong khâu quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ. Chú ý, những cán bộ trẻ mạnh dạn, năng động, thử thách, rèn luyện trong hoạt động thực tiễn, coi đây là nguồn để xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa.

- Tập trung củng cố, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh nhất là nền tảng của tổ chức công đoàn; đồng thời quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở. Trong hoạt động phải hướng về cơ sở, đề kịp thời giúp cho cơ sở tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

- Thường xuyên chăm lo củng cố, xây dựng sự đoàn kết nội bộ. Trước hết là trong đội ngũ cán bộ chủ chốt, trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ công đoàn các cấp.

#### **8. Các bài học kinh nghiệm :**

Ngoài ra, đề tài còn rút ra 4 bài học kinh nghiệm trong quá trình hình thành phát triển tổ chức công đoàn và phong trào công nhân viên chức lao động của tỉnh từ năm 1929 đến năm 2008, đó là :

1. Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục truyền thống là một trong những yêu cầu quan trọng trong hoạt động công đoàn. Những hình thức tuyên truyền giáo dục, học tập chính trị đã góp phần tích cực giúp cho đội ngũ công nhân viên chức lao động nâng cao giác ngộ giai cấp, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vững vàng trước khó khăn thử thách, lập nên những thành tích mới trong mọi lĩnh vực. Những thành tích đạt được của công nhân viên chức lao động thời gian qua chính là hiệu quả của việc thực hiện tốt các mô hình hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng của các cấp công đoàn trong tỉnh. Tuy nhiên, trong điều kiện phát triển ngày càng nhanh mẽ của tiến bộ khoa học kỹ thuật, phương tiện thông tin, đòi hỏi công tác tuyên truyền cần được đổi mới mạnh mẽ hơn về hình thức và nội dung, chuyển tải có hiệu quả chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến giai cấp công nhân, công nhân viên chức lao động trong tỉnh.

2. Công tác phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể, các ngành hữu quan cùng cấp đối với hoạt động công đoàn là một trong những yếu tố làm nên những thành tích chung của tổ chức công đoàn trong tỉnh. Sự phối hợp giữa tổ chức công đoàn với các ngành thông qua việc ký kết liên tịch cùng chỉ đạo tổ chức thực hiện các phong trào cách mạng chính là cơ sở cho công nhân viên chức lao động liên kết, tham gia phục vụ tốt hơn các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Từ đó, ngày càng khẳng định chức năng, vị trí và tầm quan trọng của tổ chức công đoàn, nâng cao uy tín và vị thế của tổ chức công đoàn trong sự nghiệp đổi mới.

3. Sự nỗ lực chủ quan, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn của cán bộ lãnh đạo công đoàn các cấp và tập thể CNVC LĐ là một trong những bài học kinh nghiệm quý báu đem lại sự thắng lợi cho tổ chức công đoàn và phong trào công nhân viên chức, lao động tỉnh nhà. Trong chiến tranh, trước khi có tổ chức công đoàn của tỉnh, những cán bộ, công nhân công tác ở các công binh xưởng, nhà in, giáo dục, y tế... đều nêu cao ý thức, thực hiện tốt vai trò trách nhiệm của mình trong mọi hoàn cảnh ngặt nghèo của chiến tranh hay trong những khó khăn của những năm sống trong thời kỳ bao cấp, phải ăn độn, đời sống còn nhiều thiếu thốn, vất vả... Đó là hiệu quả tất yếu của tinh thần giác ngộ, nêu cao tính tiên phong của giai cấp công nhân trong từng giai đoạn của cách mạng; là sự nỗ lực, tận tụy nghiên cứu, bám lấy cơ sở, gắn bó với phong trào của lãnh đạo công đoàn từng cấp trong tỉnh. Từ đó, có sức tập hợp, lập cuốn tập thể cán bộ CNVC, lao động trong tỉnh tích cực tham gia các phong trào thi đua, lập nên nhiều thành tích nổi bật, xây dựng nên nhiều điển hình của phong trào.

4. Bài học cuối cùng và vô cùng quan trọng chính là các cấp công đoàn luôn tranh thủ và bám sát sự lãnh đạo của cấp Ủy Đảng cùng cấp. Với đại diện tổ chức công đoàn của tỉnh ra đời sau khi đã có chi bộ Đảng và cán bộ Đảng trực tiếp lãnh đạo phong trào công nhân qua từng thời kỳ. Sự lãnh đạo của Đảng thể hiện ngay trong thời kỳ kháng chiến, cấp ủy ở trung tâm tỉnh lỵ, thị xã, thị trấn luôn đều phân công cán bộ đảng viên, hay cấp ủy phụ trách công tác công vận, sau này là cấp ủy trực tiếp đảm nhận chức danh thư ký, chủ tịch công đoàn. Những chủ trương chỉ đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động công đoàn được tập thể BCH chi bộ, Đảng bộ thảo luận, quyết định. Ngược lại, BCH Công đoàn từng cấp đều bám sát sự chỉ đạo của Công đoàn cấp trên, kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp nhằm chuyển tải, triển khai tốt các phong trào thi đua, phong trào xây dựng tổ chức công đoàn ngày càng phát triển đông về số, mạnh về chất. Trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đất nước đang thực hiện tiến trình hội nhập, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng bộ đối với đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, lao động trong tỉnh và các cấp công đoàn luôn bám sát và sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng cùng cấp là một yêu cầu hết sức quan trọng, có tính cấp thiết và lâu dài, để cùng với giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và các tầng lớp nhân dân trong cả nước phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, góp phần cùng cả nước xây dựng Tổ quốc Việt Nam ngày càng “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn” như lòng Bác Hồ hằng mong ước.

Nhìn chung, so với các tỉnh bạn trong cả nước, Sóc Trăng là tỉnh đầu tiên hoàn thành biên soạn lịch sử Truyền thống đấu tranh cách mạng của công nhân và công đoàn tỉnh giai đoạn từ 1929 đến 2008. Đây là sự cố gắng nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao của tập thể CBCNV của LĐLĐ tỉnh và các huyện, TP; của tập thể Ban chấp hành và BBS đề tài, nhất là sự đóng góp quý báu của các cán bộ cách mạng lão thành đã từng gắn bó, đóng góp cho sự hình thành và phát triển của phong trào công nhân và tổ chức công đoàn tỉnh. Trong điều kiện kinh phí rất hạn chế, công tác sưu tầm tư liệu và gặp gỡ nhân chứng không được thuận lợi, việc hoàn thành đề tài và các chuyên đề nêu trên là kết quả rất đáng được khích lệ và trân trọng.

### **9. Ý nghĩa của kết quả nghiên cứu :**

Đề tài được hoàn thành đã chính thức tập hợp, đúc kết một cách khoa học phong trào đấu tranh của công nhân viên chức lao động tỉnh Sóc Trăng từ năm 1929 đến 2008 cũng như quá trình hình thành và phát triển hệ thống tổ chức công đoàn trong tỉnh. Đây là quyển cẩm nang tổng kết một quá trình tương đối dài của tổ chức và hoạt động công đoàn của tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Những đặc điểm và

bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình này góp phần định hướng cho xây dựng tổ chức, đề ra các mô hình hoạt động, chỉ đạo phong trào công đoàn tỉnh nhà, đáp ứng với yêu cầu tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng.

Đề tài là một công trình khoa học hệ thống quá trình hình thành phát triển của tổ chức công đoàn tỉnh Sóc Trăng cùng các phong trào cách mạng của CNVCLĐ trong tỉnh từ năm 1929 đến 2008 dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh. Khi được nghiệm thu, đề tài sẽ được in thành sách, góp phần trong tổ chức giáo dục truyền thống cho cán bộ, công nhân, viên chức, lao động trong tỉnh. Đây là nguồn tư liệu quý được lưu trữ có hệ thống, có thể sử dụng làm đề cương báo cáo chuyên đề hay giảng dạy trong nhà trường, tổ chức cuộc thi hàng năm tìm hiểu truyền thống lịch sử công đoàn tỉnh nhà.

Thư viện Sóc Trăng

## Chương 4

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận:

#### 1.1 Về nội dung nghiên cứu:

Đề tài nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của phong trào CNVCLĐ và tổ chức công đoàn tỉnh nhà từ năm 1929 đến 2008 qua 7 chuyên đề:

**Chuyên đề 1:** Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời

**Chuyên đề 2:** Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc (1930-1945)

**Chuyên đề 3:** Phong trào cách mạng của công nhân lao động Sóc Trăng trong 9 năm kháng chiến chống thực dân pháp (1946-1954)

**Chuyên đề 4:** Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ (1954-1975)

**Chuyên đề 5:** Phong trào cách mạng của công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng trong 10 năm đầu thống nhất tổ quốc (5/1975- 1985)

**Chuyên đề 6:** Phong trào công nhân lao động và tổ chức Công đoàn khu vực Sóc Trăng từ năm đầu của thời kỳ đổi mới đến khi tái lập tỉnh (1986- 1992)

**Chuyên đề 7:** Phong trào công nhân lao động và tổ chức Công đoàn Sóc Trăng từ khi tái lập tỉnh đến năm 2008 (1992-2008)

#### 1.2. Về quản lý, tổ chức thực hiện và ứng dụng kết quả nghiên cứu ở các cấp:

##### 1.2.1. Về quản lý, tổ chức thực hiện:

Quá trình triển khai đề tài, Ban chủ nhiệm và BBS đã bám sát theo đề cương đã được HĐKH tỉnh thông qua và phân công nhiệm vụ trong BCN, BBS đề tài, hợp tác chặt chẽ với ban ngành liên quan cũng như phát huy vai trò của cán bộ công đoàn qua các thời kỳ, của các cộng tác viên trong sưu tầm khai thác tư liệu.

Tuy nhiên do có khó khăn trong quá trình sưu tầm, tập hợp tư liệu, gặp gỡ nhân chứng, đối chiếu các tư liệu nên thời gian thực hiện đề tài chưa đúng theo kế hoạch. Mặt khác trong quá trình biên soạn, theo yêu cầu khách quan, BBS đã bổ sung thời gian nghiên cứu đề tài từ năm 2005 lên đến năm 2008 cho phù hợp với từng nhiệm kỳ Đại hội Công đoàn tỉnh.

Kết quả của nghiên cứu đề tài đã đáp ứng tốt mục tiêu đề ra là tập hợp phản ánh khá đầy đủ về phong trào công nhân và tổ chức công đoàn của tỉnh qua các thời kỳ, nhất là cập nhật được những dữ kiện của công đoàn và phong trào CNVCLĐ của tỉnh đến năm 2008. 7 chuyên đề đã thực hiện đúng theo kế hoạch. Ngoài ra còn có phần kết luận và những bài học kinh nghiệm đã đúc kết quá trình hình thành và phát triển của tổ chức công đoàn tỉnh nhà từ năm 1929 đến 2008

Nhìn chung, tuy có trễ thời gian, nhưng nội dung nghiên cứu được BCN, BBS đề tài nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch và đề cương được HĐKH tỉnh xem xét, nhất trí, như thực hiện thủ tục xin gia hạn, quy trình thực hiện báo cáo v.v. . .

**\* Thuận lợi:**

Đa số cán bộ tham gia đề tài là những cán bộ công tác lâu năm, chuyên sâu lĩnh vực công tác Đảng, công tác chính quyền, đoàn thể, có trình độ năng lực, kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn và am hiểu lĩnh vực mà đề tài nghiên cứu.

Cán bộ lão thành cách mạng trong và ngoài tỉnh, cán bộ Công đoàn các cấp rất ủng hộ vì đề tài phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của toàn thể cán bộ, CNVCLĐ.

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh quan tâm chỉ đạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc triển khai, tổ chức thực hiện đề tài. Mặt khác Sở Khoa học & Công nghệ thường xuyên nhắc nhở, tình hướng dẫn và giúp đỡ cho LĐLĐ tỉnh, Ban Chủ nhiệm đề tài trong quá trình thực hiện.

**\* Khó khăn:**

Một số nhân chứng trong giai đoạn chống Pháp, chống Mỹ nay đã lớn tuổi, không ghi được lời kể mà đề nghị Ban biên soạn trực tiếp ghi âm, ghi lại lời kể, trong khi đó phần lớn các nhân chứng nhà ở xa và có trường hợp liệt binh tảo táng nhưng không rõ địa chỉ, nên việc dò tìm rất khó, mất nhiều thời gian ảnh hưởng rất lớn đến công tác nghiên cứu đề tài. Mặt khác, trong quá trình thực hiện Ban Chủ nhiệm đề nghị và được Sở Khoa học & Công nghệ tỉnh chấp thuận cho bổ sung thêm giai đoạn 2005-2008 để có cơ sở đánh giá chính xác hoạt động Công đoàn và phong trào CNVCLĐ tỉnh trong nhiệm kỳ (2003-2008) và sau Đại hội có thay đổi trong lãnh đạo... Do đó, thời gian hoàn chỉnh đề tài kéo dài hơn so với thời gian đăng ký ban đầu.

**1.2.2. ứng dụng kết quả nghiên cứu**

Trên cơ sở đề tài này, từng cấp công đoàn trong tỉnh có thể nghiên cứu, bổ sung tư liệu để hình thành tài liệu lịch sử về tổ chức công đoàn và phong trào CNVCLĐ ở từng huyện, thành phố hay của ngành. Văn phòng và Ban Tuyên giáo LĐLĐ tỉnh có thể nghiên cứu đề tài này để xây đề cương tuyên truyền theo từng nội dung hoạt động trong từng thời điểm nhất định.

**2. Các kiến nghị**

-Từ kết quả này, đề nghị Sở KHCN tỉnh hỗ trợ cho việc tiến hành kế hoạch chia đề tài này ra từng nội dung nghiên cứu sâu theo chuyên đề như phong trào nữ công nhân viên chức lao động; các mô hình tập hợp công nhân, viên chức lao động; phong trào thi đua lao động trong các nhà máy xí nghiệp; vấn đề bảo vệ quyền lợi cho công nhân viên chức lao động v.v. . . .

Việc thực hiện nghiên cứu chuyên sâu sẽ rút ra được những bài học kinh nghiệm quý báu cho xây dựng kế hoạch hoạt động hoặc chỉ đạo từng mảng công tác của công đoàn trong giai đoạn mới.

BCN, BBS đề tài cố gắng tiết kiệm trong các chi phí, chi đúng theo quy định cũ, nên có dôi ra một số kinh phí. Phần dôi ra này, đề nghị HĐ KH và Sở KHCN cho phép LĐLĐ tỉnh và BCN đề tài chi bổ sung hoặc để hỗ trợ cho việc xuất bản quyền sách, vì hiện nay, LĐLĐ tỉnh chưa có kinh phí cho việc xuất bản này.

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2009

**Xác nhận của cơ quan**

Chủ trì đề tài

**Chủ nhiệm đề tài**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tài liệu sách:

1. BCH TW ĐCSVN, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2, 1930, NXB CTQG, Hà Nội 1998
2. BCH TW ĐCSVN, Văn kiện Đảng toàn tập, tập 6 (1936-1939), NXB CTQG HN 2.0
3. Ban NCLSD Trung ương, Các tổ chức tiền thân của Đảng, Hà Nội 1977.
4. Ban TG Tỉnh ủy ST, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, tập 1, xb năm 2002.
5. Ban TG Tỉnh ủy ST, Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, tập 2, xb năm 1999.
6. Ban Nghiên cứu Lịch sử Công đoàn, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn Việt Nam, tập 1,2,3, Nxb Lao động
7. Ban Nghiên cứu Lịch sử Công đoàn Việt Nam, Lịch sử phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam ( 1860-1945), Nxb Lao động, 1977.
8. Ban Tuyên giáo Tổng LĐLĐ VN, Công đoàn Việt Nam 5 năm phát triển và trưởng thành, Nxb Lao động 2004.
9. Ban TG Thị ủy ST, Thị xã Sóc Trăng, 38 năm đầu tranh Cách mạng, Đảng bộ thị xã Sóc Trăng, xb năm 1991.
10. Ban TG Thị ủy ST, Thị xã Sóc Trăng, chiến thắng lịch sử 30/4/1975, 1997.
11. Xí nghiệp In Sóc Trăng, Truyền thống ngành In tỉnh Sóc Trăng (1946-2004, sơ thảo), 2004.
12. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng, Tự hạt giống đỏ tập 1, xb 1995.
13. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sóc Trăng, Lược sử 30 năm kháng chiến của Lực lượng vũ trang tỉnh Sóc Trăng, xb 11/1993.
14. Cao Văn Lượng, Công nhân miền Nam Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1977.
15. Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
16. LĐLĐ TP. Cần Thơ, Lịch sử phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn tỉnh Cần Thơ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, xb năm 2000.
17. LĐLĐ TP. Cần Thơ, Lịch sử phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn Cần Thơ (1975-2003) xb năm 2007.
18. LĐLĐ tỉnh Bạc Liêu, Lịch sử phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn tỉnh Bạc Liêu, tập 1 1930-1975 ( sơ thảo), xb 28/7/2006.

### B. Một số tài liệu khác:

1. Các nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Hậu Giang, tỉnh Sóc Trăng.
2. Các báo cáo chuyên đề của BCH LĐLĐ tỉnh Sóc Trăng.
3. Một số tư liệu tại Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, TP.HCM.
4. Báo Dân chúng năm 1938.
5. Báo Giải phóng năm 1976.

## BÁO CÁO THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

### I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Tên đề tài: “Truyền thống đấu tranh cách mạng của Công nhân và Công nhân viên đoàn tỉnh Sóc Trăng (1929-2008)”.

2. Chủ nhiệm đề tài: đồng chủ nhiệm: Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Thanh Hà.

Họ và tên: Nguyễn Minh Châu	Họ và tên: Nguyễn Thanh Hà
Ngày, tháng, năm sinh: 3/2/1949 (Nam)	Ngày, tháng, năm sinh: 1953 (Nam)
Học hàm, học vị: Cử nhân	Học hàm, học vị: Cử nhân
Chức danh khoa học:.....	Chức danh khoa học:.....
Điện thoại:	Điện thoại:
Tổ chức: 0793.821497	Tổ chức: 0793.821497
Nhà riêng: 0793.822636	Nhà riêng: 0793.866207
Mobile: 0913.890009	Mobile: 0913.786697
Fax: 0793.829008. Email:.....	Fax: 0793.829.008. Email:.....
Tên tổ chức đang công tác: LĐLĐ tỉnh Sóc Trăng	Tên tổ chức đang công tác: LĐLĐ tỉnh Sóc Trăng
Địa chỉ tổ chức: Số 10 Trần Hưng Đạo, P2, TP Sóc Trăng.	Địa chỉ tổ chức: Số 10 Trần Hưng Đạo, phường 2, TP Sóc Trăng.
Địa chỉ nhà riêng:.....	Địa chỉ nhà riêng:.....

### 3. Tổ chức chủ trì đề tài:

Tên tổ chức chủ trì đề tài: Cơ quan Liên đoàn Lao động tỉnh.

Điện thoại: 0793.821497. Fax: 0793.829008

Email: [ldldsoctrang@congdoanvn.org.vn](mailto:ldldsoctrang@congdoanvn.org.vn)

Website:.....

Địa chỉ: Số 10 Trần Hưng Đạo, phường 2, TP Sóc Trăng.

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Nguyễn Thanh Hà.

Số tài khoản: 946.03.00.00001.

Ngân hàng: Kho bạc nhà nước tỉnh Sóc Trăng.

Tên cơ quan chủ quản đề tài: Sở Khoa học & Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.

### II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN:



### 1. Thời gian thực hiện đề tài:

- Theo hợp đồng ký kết: từ tháng 7/2005 - tháng 7/2007

- Thực tế thực hiện: từ tháng 7/2005 - tháng 7/2009

- Được gia hạn:

+ Lần 1: từ tháng 7 năm 2005 - tháng 6 năm 2008

+ Lần 2: từ tháng 7 năm 2005 - tháng 6 năm 2009

+ Lần 3: từ tháng 7 năm 2005 - tháng 12 năm 2009

### 2. Kinh phí và sử dụng kinh phí:

A) Tổng số kinh phí thực hiện: **143** triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ từ SNKH: **143** triệu đồng.

+ Kinh phí từ các nguồn khác: **Không** triệu đồng.

+ Tỷ lệ và kinh phí thu hồi đối với đề tài (nếu có): **Không**

b) Tình hình cấp và sử dụng kinh phí từ nguồn SNKH:

STT	Theo kế hoạch		Thực tế được đạt		Ghi chú (Số đề nghị quyết toán)
	Thời gian (tháng, năm)	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian (tháng, năm)	Kinh phí (triệu đồng)	
1	7/2005-7/2007	143	2005-2007	90	
2			2009	53	Đã quyết toán xong
...				143	

c) Kết quả sử dụng kinh phí theo các khoản chi (triệu đồng)

STT	Nội dung các khoản chi	Theo kế hoạch			Thực tế đạt được		
		Tổng	SNKH	Nguồn khác	Tổng	SNKH	Nguồn khác
1	Thư viện chuyên môn	61			48,5		
2							
3	Thiết bị, máy móc	2			2		
4	Chi khác	80			32,5		
5	Tổng cộng	143			143		

*Đơn vị tính: triệu đồng*

- Lý do thay đổi (nếu có):

### 3) Các văn bản hành chính trong quá trình thực hiện đề tài:

(Liệt kê các quyết định, văn bản của cơ quan quản lý từ công đoạn xác định nhiệm vụ, xét chọn, phê duyệt kinh phí, hợp đồng, điều chỉnh (thời gian, nội dung, kinh phí thực hiện...nếu có); văn bản của tổ chức chủ trì (đơn, kiến nghị điều

STT	Số, thời gian ban hành văn bản	Tên văn bản	Ghi chú
1	QĐ số 732/QĐHC-CTUBND, ngày 11/7/2005	V/v phê duyệt danh mục kinh phí thực hiện các đề tài dự án nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ năm 2005	
2	Hợp đồng số 10/2005/HĐ.KHCN	V/v thực hiện đề tài “Truyền thống đấu tranh cách mạng của công nhân và Công đoàn kinh tế Xã Trăng (1929-2005)	

chỉnh...nếu có).

### 4. Tổ chức phối hợp thực hiện đề tài.

STT	Tên tổ chức đăng ký theo thuyết minh	Tên tổ chức đã tham gia thực hiện	Nội dung tham gia chủ yếu	Sản phẩm chủ yếu đạt được	Ghi chú
1	LĐLĐ tỉnh	LĐLĐ tỉnh			
2		LĐLĐ các huyện (TP)	Bổ sung và góp ý		
...					

- Lý do thay đổi (nếu có):

### 5. Cá nhân tham gia thực hiện đề tài:

(Người tham gia thực hiện đề tài thuộc tổ chức chủ trì và cơ quan phối hợp, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm)

STT	Tên cá nhân đăng ký theo thuyết minh	Tên cá nhân đã tham gia thực hiện	Nội dung tham gia chính	Sản phẩm chủ yếu đạt được	Ghi chú
1	Nguyễn Minh Châu	Nguyễn Minh Châu			
2	Nguyễn Thanh Hà	Nguyễn Thanh Hà			
3	Nguyễn Hoàng Thao	Nguyễn Hoàng Thao			

4	Nguyễn Ngọc Sương	Nguyễn Ngọc Sương			
5	Trịnh Công Lý	Trịnh Công Lý			
6	Trang Phước	Trang Phước			
7	Lê Thu Lan	Lê Thu Lan			
8	Vương Thị Nguyệt Ánh	Vương Thị Nguyệt Ánh			
9	Nguyễn Việt Hùng	Nguyễn Việt Hùng			
10	Phạm Hoài Nam	Phạm Hoài Nam			
11	Nguyễn An Toại	Nguyễn An Toại			
12	Trần Nguyệt Thu	Trần Nguyệt Thu			
13	Trần Dũng Kiệt	Trần Dũng Kiệt			
14	Huỳnh Thị Thu Thủy	Huỳnh Thị Thu Thủy			

- Lý do thay đổi (nếu có):

**6. Tình hình hợp tác quốc tế: (không)**

**7. Tình hình tổ chức hội thảo, hội nghị:**

STT	Theo kế hoạch (Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm)	Thực tế đạt được (Nội dung, thời gian, kinh phí, địa điểm)	Ghi chú
1	Hội thảo 2 chuyên đề (1,2)	Ngày 02/02/2007	
2	Hội thảo 2 chuyên đề (3,5)	Ngày 14/5/2007	
...	Hội thảo 2 chuyên đề (6,7)	Ngày 29/4/2008	

... Hội thảo chuyên đề hoàn thành thông qua Ban Biên tập và tập thể BCH LĐLĐ tỉnh (nếu có).

Lý do thay đổi (nếu có):

**8. Tóm tắt các nội dung, công việc chủ yếu.**

(Nêu tại mục 15 của thuyết minh, không bao gồm: Hội thảo khoa học, điều tra khảo sát trong và ngoài tỉnh)

STT	Các nội dung, công việc chủ yếu (các mốc đánh giá chủ yếu)	Thời gian (Bắt đầu, kết thúc: tháng...năm.....)	Người, cơ quan thực hiện

		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1				
2				
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

### III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI.

#### 1. Sản phẩm KH&CN đã tạo ra.

##### a) Sản phẩm dạng III:

STT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt		Số lượng, nơi công bố (Tạp chí, nhà xuất bản)
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1	In sách chuyên khảo “Truyền thống đấu tranh cách mạng của công nhân và Công đoàn tỉnh Sóc Trăng 1929-2008			Số lượng: 300 cuốn Nhà xuất bản: Xí nghiệp in Sóc Trăng
...				

- Lý do thay đổi (nếu có):

##### b) Kết quả đào tạo:

STT	Cấp đào tạo, chuyên ngành đào tạo	Số lượng		Ghi chú (thời gian kết thúc)
		Theo kế hoạch	Thực tế đạt được	
1	Thạc sỹ			
2	Tiến sỹ			

- Lý do thay đổi (nếu có):

##### c) Thống kê danh mục sản phẩm KH&CN đã được ứng dụng vào thực tế:

STT	Tên kết quả đã được ứng dụng	Thời gian	Địa điểm (Ghi rõ tên, địa chỉ nơi ứng dụng)	Kết quả sơ bộ
1			Làm tài liệu học tập cho các cấp Công đoàn	
2				

## 2. Đánh giá về hiệu quả do đề tài mang lại:

### a) Hiệu quả về khoa học và công nghệ:

(Nêu rõ danh mục công nghệ và mức độ nắm vững, làm chủ, so sánh với trình độ công nghệ so với trong và ngoài tỉnh...)

### b) Hiệu quả về kinh tế xã hội:

(Nêu rõ hiệu quả làm lợi tính bằng tiền dự kiến do đề tài tạo ra so với các sản phẩm cùng loại trên thị trường...)

## 3. Nội dung, tiến độ của đề tài:

STT	Nội dung	Thời gian kế hoạch thực hiện	Tiến độ thực hiện
1	- Xây dựng thuyết minh đề tài chi tiết và tổng quát. - Tổ chức hội thảo nhân chứng lịch sử thời kỳ chống Pháp-Mỹ. - Tiến hành sưu tầm tài liệu lịch sử, mở rộng mạng lưới cộng tác viên.	7-9/2005	7-9/2005
2	Biên soạn đề cương chi tiết viết công trình “Truyền thống đấu tranh cách mạng của công nhân và Công đoàn tỉnh Sóc Trăng 1929-2008”, thông qua Ban chỉ đạo, hoàn thành đề cương.	9-12/2005	9-12/2005
3	Tiếp tục sưu tầm tư liệu lịch sử, tổ chức hội thảo thẩm định sự kiện lịch sử.	Quý I/2006	Quý I/2006
4	Viết 07 chuyên đề và sưu tầm tư liệu lịch sử bổ sung.	4-9/2006	4-9/2006
5	Viết báo cáo nghiên cứu khoa học “Truyền thống đấu tranh cách mạng của công nhân và Công đoàn tỉnh Sóc Trăng 1929-2008” thông qua Ban Chỉ đạo.	10/2006-3/2007	
6	Hội nghị Ban Chỉ đạo, Ban biên tập đánh giá kết quả thực hiện công trình; Hội thảo thẩm định sự kiện lịch sử. Tiếp tục sưu tầm tư liệu lịch sử bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo tổng hợp thực hiện đề tài.	4-6/2007	02/02/2007-29/4/2008

7	Thông qua hội đồng cơ sở.	7-8/2007	18/6/2009
---	---------------------------	----------	-----------

**4. Tình hình thực hiện chế độ báo cáo, kiểm tra của đề tài:**

STT	Lần báo cáo	Thời gian thực hiện	Ghi chú (Tóm tắt kết quả, kết luận chính, người chủ trì...)
I	Báo cáo định kỳ		
	Lần 1	22/11/2005	Nguyễn Hoàng Thao
	Lần 2	01/6/2006	Nguyễn Hoàng Thao
	Lần 3	30/10/2006	Nguyễn Hoàng Thao
	Lần 4	12/12/2006	Nguyễn Hoàng Thao
	Lần 5	14/5/2007	Nguyễn Hoàng Thao
	Lần 6	14/4/2008	Nguyễn Hoàng Thao
II	Kiểm tra định kỳ		
	Lần 1	16/10/2006	Sở Khoa học và Công nghệ
	...		
III	Nghiệm thu cơ sở	8/6/2009	Nguyễn Hoàng Thao
	...		

Chủ nhiệm đề tài  
(Họ tên, chữ ký)

Thủ trưởng tổ chức chủ trì  
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

# Thư viện Sóc Trăng

PHẦN PHỤ LỤC

**Chuyên đề 1**  
**PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG TRƯỚC KHI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI**

---

**I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH SÓC TRĂNG TỪ ĐẦU THẾ KỶ XX ĐẾN NĂM 1929.**

Tỉnh Sóc Trăng có vị trí ở khoảng 105<sup>0</sup>09' đến 106<sup>0</sup>48' kinh tuyến Đông và 8<sup>0</sup>44' đến 10<sup>0</sup>544' vĩ tuyến Bắc, là vùng đất nằm cặp theo sông Hậu, phía Đông giáp tỉnh Trà Vinh, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang, phía Nam giáp với biển Đông, phía Tây Nam giáp tỉnh Bạc Liêu. Tỉnh có diện tích tự nhiên 331.003ha, dân số 1.350.000 người, trong đó dân tộc Kinh, Khmer, Hoa chiếm tỷ lệ lần lượt là 64,8%; 27,8%; 7,2%, còn dân tộc khác: Nùng, Thái, Chăm. . . chiếm tỷ lệ rất ít.

Địa lý hành chính của tỉnh Sóc Trăng nhiều lần thay đổi theo sự phát triển của lịch sử. Theo một số tài liệu nghiên cứu của các nhà khoa học, vùng đất Nam bộ ngày nay, trong đó có Sóc Trăng được hình thành từ lâu. Cách nay khoảng 2.500 năm, cả vùng đất xưa của Nam bộ đã có cư dân sinh sống rải rác, nhưng chỉ tập trung từng cụm theo đất giồng; chủ yếu cư ngụ ở khu vực phù sa cổ thuộc miền Đông Nam Bộ.

Riêng vùng đất Sóc Trăng, cách nay khoảng 300 năm, phần nhiều còn ngập nước, nhiều rừng rậm, lau sậy và thú dữ. Chỉ có các khu vực đất giồng và một số khu đất tương đối cao mới có người cư trú, nhưng vẫn còn thưa thớt. Mãi đến khi thành lập dinh Long Hồ (1732), sau gọi là trấn Vĩnh Thanh thì việc khai phá vùng đất Sóc Trăng (thuộc Trấn này) mới được tiến hành nhiều hơn. Có người đến vùng đất mới, phần lớn là những di dân từ Gia Định- Mỹ Tho tới khẩn khẩn đất đai phục vụ sản xuất.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ phát súng đầu tiên ở Đà Nẵng, chính thức mở đầu cho cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Do sự nhu nhược của triều đình nhà Nguyễn, đến năm 1867, toàn bộ vùng đất Nam bộ trở thành thuộc địa của Pháp. Sau đó, với hoà ước Patenôt (Pathenotre) được ký kết vào năm 1884, cả nước ta hoàn toàn chịu sự bảo hộ của thực dân Pháp và bị chia làm 3 kỳ với các hình thức cai trị khác nhau: Nam kỳ thuộc địa, Trung kỳ tự trị, Bắc kỳ bảo hộ.

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp bắt đầu củng cố bộ máy cai trị khắp cả 3 miền. Ngày 05/01/1876, Thống đốc Nam kỳ Duperré ra quyết định chia Nam kỳ thành 4 khu vực hành chính lớn (circonscription administration). Mỗi khu vực hành chính lớn lại có nhiều tiểu khu (còn gọi là hạt: arrondissement administratif), đến cuối năm 1895 được gọi tên thống nhất là tỉnh (province). Bộ máy cai trị của thực dân Pháp tại Việt Nam được bố trí chặt chẽ. Riêng ở Nam kỳ, có viên Thống đốc người Pháp lãnh đạo cao nhất; cấp tỉnh có quan chủ tỉnh người Pháp. Hầu hết các cơ quan cấp tỉnh đều do người Pháp trực tiếp nắm quyền như Tòa bố, bưu điện, trường học v.v. . . Dưới cấp tỉnh có cấp quận, tổng và làng.

Sóc Trăng là một trong 20 tỉnh của Nam kỳ thuộc Pháp, đi vào hoạt động chính thức từ ngày 01/01/1900. Đến đầu thế kỷ XX, tỉnh Sóc Trăng có diện tích chung là 2.387km<sup>2</sup>, trong này diện tích trồng lúa chiếm 121.950ha. Dân số tỉnh Sóc Trăng thời điểm này có 105.000 người, trong đó có 62 người Pháp, 10.000 người Hoa, 38.000

---

<sup>1</sup> *Đôi nét về đặc điểm phân bố dân cư và hình thái cư trú của người Khmer ở Sóc Trăng, Hội thảo Khoa học Lịch sử hình thành và phát triển tỉnh Sóc Trăng trước năm 1945, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Sóc Trăng phối hợp Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ tổ chức, năm 2000.*

<sup>2</sup> *Dù tên gọi như thế nào thì cả 3 kỳ cũng là thuộc địa của thực dân Pháp.*



người Khmer, 57.000 người Việt. Về quản lý hành chính, tỉnh Sóc Trăng có 4 quận, 10 tổng (canton) và 93 làng (village).

Đến năm 1955, tỉnh Sóc Trăng có 5 quận với dân số 118.718 người. Từ năm 1955 đến năm 1973, ranh giới tỉnh Sóc Trăng có nhiều lần thay đổi, tách nhập với một số quận và xã thuộc các tỉnh Bạc Liêu, Rạch Giá và Cần Thơ<sup>3</sup>. Cho đến ngày giải phóng 30/4/1975, tỉnh Sóc Trăng có các đơn vị hành chính: thị xã Sóc Trăng và các huyện Châu Thành, Long Phú, Lịch Hội Thượng, Thạnh Trị, Vĩnh Châu, Mỹ Xuyên.

Năm 1976, theo Nghị định số 31/NĐ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, cấp Khu được giải thể, một số tỉnh nhỏ được hợp nhất thành tỉnh lớn. Tỉnh Hậu Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất tỉnh Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ. Năm 1991, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa VIII đã quyết định chia tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Tháng 4 năm 1992 tỉnh Sóc Trăng chính thức đi vào hoạt động với 1 thị xã và các huyện Mỹ Tú, Kế Sách, Mỹ Xuyên, Thạnh Trị, Long Phú, Vĩnh Châu.

Theo Nghị định số 04/2002/NĐ-CP ngày 11/01/2002 của Chính phủ, huyện Cù Lao Dung được thành lập trên cơ sở phân chia lại địa giới của huyện Long Phú. Theo Nghị định số 127/2003/NĐ-CP ngày 31/10/2003 của Chính phủ, trên cơ sở điều chỉnh địa giới huyện Thạnh Trị, huyện Ngã Năm được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2004. Đến ngày 24/9/2009, theo Nghị định 02/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở tách ra từ huyện Mỹ Tú, huyện Châu Thành được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2009. Trước đó, Chính phủ có Nghị định chuyển thị xã Sóc Trăng lên thành phố loại 3. Như vậy, hiện nay tỉnh Sóc Trăng có 1 thành phố<sup>4</sup> và 9 huyện. Nền kinh tế chủ yếu của tỉnh là nông nghiệp và thủy sản. Ngoài ra còn có các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ.

Với đặc thù chung của cả vùng đất Nam Kỳ, từ khi thành lập cho đến năm 1930, Sóc Trăng vẫn là một tỉnh thuần nông. Diện tích nông nghiệp chiếm trên 95% đất sản xuất, trong đó phần lớn là trồng lúa. Tuy nhiên, với sự xuất hiện của thực dân Pháp, quyền sở hữu ruộng đất của nông dân bị tước đoạt.

Cùng với việc khai thác thuộc địa, thực dân Pháp bắt buộc phải quan tâm đến phát triển thương mại, giao thông và một số dịch vụ khác để phục vụ cho chế độ thực dân; nay cũng là nhu cầu thực tế của người dân. Từ đó, các khu vực chợ có chiều hướng mở rộng và phát triển thêm. Từ những năm đầu của thế kỷ XX, việc buôn bán của tỉnh Sóc Trăng đã phát triển. Ngoài một chợ trung tâm tại tỉnh lỵ Sóc Trăng còn có 10 khu vực buôn bán khá quan trọng ở các tổng. Năm 1904, tỉnh Sóc Trăng có 2 chợ được Pháp xếp hạng nhất là chợ Châu Thành (tổng Khánh Hưng) và chợ Bãi Xàu (làng Mỹ Xuyên). Hai chợ này buôn bán một năm kèm theo đội ngũ lao động làm thuê, chớ mướn, khuôn vác khá đông.

Hoạt động tiểu thủ công nghiệp của Sóc Trăng thời kỳ này có bước phát triển, nhưng chỉ tập trung ở địa bàn thị xã; lĩnh vực công nghiệp hầu như chưa có gì. Nhìn

<sup>3</sup> Tên gọi tỉnh Ba Xuyên được hình thành từ sắc lệnh 143-NV ngày 25.10.1957 của Chính phủ Sài Gòn trên cơ sở nhập hai tỉnh Sóc Trăng và Bạc Liêu. Tỉnh Ba Xuyên cuối năm 1957 có 8 quận là Mỹ Xuyên, Long Phú, Kế Sách, Thuận Hòa, Thạnh Trị, Vĩnh Lợi, Giã Rai, Phước Long. Riêng đối với ta, đến năm 1961 mới chính thức thành lập huyện Mỹ Xuyên gồm 7 xã: Hòa Tú, Ngọc Tố, Thạnh Phú, Thạnh Thới An, Tham Đôn, Đại Tâm, Mỹ Xuyên. Sau đó bổ sung thêm 2 xã là Gia Hòa và Thạnh Quới. Năm 1973, Sóc Trăng tách thị xã Bạc Liêu và số huyện tái lập tỉnh Bạc Liêu.

<sup>4</sup> Theo Nghị định số 22/2007/NĐ-CP ngày 08 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thị xã Sóc Trăng chuyển thành thành phố Sóc Trăng loại 3 thuộc tỉnh Sóc Trăng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số và các đơn vị hành chính trực thuộc của thị xã Sóc Trăng cũ.

chung, nền kinh tế chủ yếu của Sóc Trăng vẫn là kinh tế nông nghiệp với phần lớn đất đai trồng trọt nằm trong tay điền chủ người Âu và địa chủ bản xứ.

Đến giữa thế kỷ XX, hoạt động thương mại Sóc Trăng có bước phát triển hơn. Ngoài các trung tâm thương mại có từ trước, nhiều điểm buôn bán và chợ nông thôn mới được hình thành. Giới tiểu thương, tiểu chủ phát triển kèm theo đó là số lao động làm thuê, công nhân khuân vác, người làm công trong các xí nghiệp, xưởng cưa, nhà máy xay xát. . . cũng phát triển theo.

Là những cư dân định cư từ lâu ở vùng đất này, nhân dân lao động Sóc Trăng gồm đồng bào các dân tộc trong tỉnh luôn đoàn kết, chung lưng đấu cật để cải tạo thiên nhiên, giúp nhau trong lao động sản xuất, cùng đấu tranh chống các thế lực phong kiến áp bức bóc lột.

Một số phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân lao động Sóc Trăng chống áp bức bóc lột diễn ra trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta. Nổi bật là cuộc khởi nghĩa của phủ Lím tại Ba Xuyên chống triều đình nhà Nguyễn vào năm 1837 " nổi dậy chống triều đình, tập trung quân tại Bung Trón và đập cầu ngăn sông tại Bó Thảo, nhưng không bao lâu bị giải tán" <sup>5</sup>. . .

Từ năm 1858 khi thực dân Pháp bắt đầu xâm lược nước ta, cho đến khi nhà Nguyễn cam tâm đầu hàng thực dân Pháp, các phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước chống lại thực dân Pháp vẫn nổ ra sôi nổi khắp cả nước do các sĩ phu yêu nước, các thủ lĩnh nông dân và tầng lớp tiểu tư sản lãnh đạo. Tuy nhiên, do các cuộc khởi nghĩa bùng phát theo từng khu vực, thiếu sự liên kết và tương hỗ lãnh đạo đúng đắn nên cuối cùng đều bị thực dân Pháp dập tắt.

## II. CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA CỦA THỰC DÂN PHÁP TẠI SÓC TRĂNG VÀ BƯỚC ĐẦU HÌNH THÀNH TỔ CHỨC TẬP HỢP GIAI CẤP CÔNG NHÂN Ở SÓC TRĂNG:

Để khai thác thuộc địa Đông Dương, từ cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp đã thành lập một số bộ máy chuyên môn giúp việc cho phủ Toàn quyền như thành lập Ban Kinh tế, Ban Chỉ đạo Canh nông- Thương mại toàn Đông Dương, sau đó được tách ra thành lập riêng Sở chuyên môn thuộc Toàn quyền Đông Dương. Riêng tại Nam kỳ, Phòng Canh nông Sài Gòn cho toàn Nam kỳ được Toàn quyền Đông Dương thành lập vào tháng 4/1897 <sup>6</sup>. Cũng trong những năm cuối thế kỷ XIX, Toàn quyền Đông Dương có ra các sắc lệnh thực hiện chính sách thuế thân bắt buộc mọi người lao động tại Đông Dương trong độ tuổi từ 18 đến 60 đều phải đóng thuế; sắc lệnh về đóng thuế đất. . . Tháng 12/1902, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định thiết lập chế độ độc quyền về nấu, cất và bán rượu trên toàn cõi Đông Dương, giao cho Sở Thương chính và Đốc quyền Đông Dương có nhiệm vụ điều hành việc này.

Ở Nam kỳ, tháng 8 năm 1898, Thống đốc Nam kỳ ra Nghị định đặt giải thưởng bằng tiền hàng năm cho các chủ đồn điền nông nghiệp người Pháp ở Nam kỳ sản xuất có hiệu quả, nộp thuế tốt, nhất là các đồn điền trồng cà phê, ca cao, cao su, dứa, bông có sợi dài, hồ tiêu, thuốc lá, chè. . .

Cùng với chính sách cai trị chung, Pháp còn thực hiện âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh", cho nên sau khi xâm lược và đặt bộ máy cai trị nước ta, thực dân

<sup>5</sup> *Tìm hiểu đất Hậu Giang, Sơn Nam, S. Phù Sa 1959*

<sup>6</sup> *Số ủy viên của Phòng ban đầu là 7 người, gồm 6 người Pháp và 1 người Việt, sau tăng lên 10 người Pháp và 1 người Việt.*

Pháp ra nhiều nghị định về quản lý đất đai, bắt buộc các điền chủ có tên trong địa bạ triều Nguyễn phải đăng ký lại hoặc khiếu nại trong vòng 3 tháng để chính quyền thực dân xem xét giải quyết. Quá hạn quy định này coi như đất thuộc Nhà nước quản lý. Chúng còn cho dân đăng ký khai khẩn đất hoang, nộp lệ phí hoặc bán đất giá 10 quan tiền Pháp (đồng franc)/ha cho những người có tiền mua . . . Với các biện pháp như vậy, có không ít điền chủ bị mất đất nhưng cũng xuất hiện nhiều chủ điền mới.

Thực chất của các sắc lệnh, nghị định trên là nhằm đánh vào cuộc sống và mạng sống, bản cùng hóa người dân thuộc địa, khuyến khích các chủ đồn điền tăng cường mọi biện pháp áp bức bóc lột cu li, người làm thuê cho chúng.

Tại Sóc Trăng, đến năm 1910, bộ máy cai trị của thực dân Pháp được tổ chức khá hoàn chỉnh do tên Renant làm Chủ tỉnh, Maynard làm thư ký. Nhân viên bản xứ làm việc trong bộ máy văn phòng Chủ tỉnh có đại diện cả người Kinh, Khmer. Hoa Bộ máy làng được giữ nguyên theo lối cai trị cũ cho đến ngày 21 tháng 10 năm 1927 được tổ chức lại theo thể chế “huong chức hội tề” gọi là Hội đồng hương chức, do Hương cả đứng đầu. Ở những vùng dân tộc Khmer, thực dân Pháp chọn số địa chủ Khmer phong cho chức Ông lớn gọi là “Cha Oai” để quản lý từ 1 đến 2 xã. Đây cũng là âm mưu thâm độc của thực dân Pháp vừa sử dụng lối kẻ người Khmer để cai trị người Khmer, vừa thực hiện ý đồ chia rẽ giữa các dân tộc trong cùng địa phương.

Cùng với các địa chủ người Kinh, Hoa, đã xuất hiện một số địa chủ người Khmer. Mỗi địa chủ chiếm từ vài trăm đến vài ngàn ha đất. Nếu ở tỉnh Bạc Liêu, địa chủ Trần Trinh Bạch sở hữu đến 145.000 ha ruộng lúa và 10.000 ha ruộng muối tại địa phương; thì tại tỉnh Sóc Trăng, chủ đồn điền Pháp và địa chủ chiếm đến 85% ruộng đất. Riêng điền chủ người Âu chỉ có 70 người nhưng chiếm cứ đến 29.052 ha (bằng 15% tổng diện tích ruộng đất); 11.620 điền chủ người bản xứ chiếm 177.000ha (gần bằng 80% diện tích). Điển hình như đồn điền của Gressier (Thanh Trì), đồn điền Labasthe (Kế Sách) . . .<sup>8</sup> Theo mức thuế năm 1898, thuế thân và hai khoản thu khác, mỗi lão tráng hay người dân đinh phải đóng từ 1,4 đồng đến 1,9 đồng; một mẫu ruộng phải đóng 1,84 đồng vừa tiền thuế và 3 khoản thu khác. Ngoài ra, số dân đinh còn bị buộc phải đóng thuế thú, lợi thuế canh phòng 11 ngày mỗi tháng và nhiều thứ thuế khác. . . Cùng với nạn thiếu đất, không có đất canh tác, người nông dân và tầng lớp lao động khác còn phải gánh chịu khoản đóng thuế thân. Theo đó, mỗi năm, một dân đinh phải đóng tương đương từ 5 đến 10 gia lúa, nếu không đóng đủ thì bị bắt phạt với mọi hình thức<sup>9</sup>.

Thực dân Pháp còn thực hiện nhiều chính sách cai trị ngu dân về mặt văn hóa giáo dục như hạn chế mở trường học, nhưng lại cho mở các đại lý bán rượu ở khắp nơi. . . Chúng còn giao nhiệm vụ cho bọn tay sai cai trị trực tiếp tại các tổng, làng có nhiệm vụ vơ vét tài nguyên của cải, sức lực của nhân dân. . . phục vụ cho bộ máy thống trị của chúng.

Với các biện pháp chiếm đoạt trắng trợn, thực dân Pháp và số địa chủ người Việt, hầu hết là tay sai của thực dân, đã chiếm gần hết diện tích lúa ở Nam kỳ. Số nông

<sup>7</sup> Như đại diện các huyện có Trương Vĩnh Thế, Nguyễn Văn Viên, Trần Quang Nha, Nguyễn Văn Bang, Lâm Sâm; thư ký ngoại ngạch có Lâm Em; các ủy viên Hội đồng tỉnh có Nguyễn Tấn Mậu, Thạch Sóc, Thạch Tiên, Ông Hưng Ký, Nguyễn Văn Út, Trần Minh Hậu v.v . .

<sup>8</sup> Thống kê năm 1934, đồn điền Labasthe có tổng diện tích là 3.366,66ha ruộng lúa các loại, số tiền thuế đóng hàng năm lên đến 1.675 đồng 79 .

<sup>9</sup> nếu thiếu lúa ăn, người nông dân phải chịu vay với lãi suất gấp đôi, như vay 20 gia lúa tới mùa trả 40 gia; ruộng mướn phải đóng 5gia 1 công, mướn 1 đôi trâu phải trả 100 gia lúa

dân nghèo khó, không đất phải lần lượt bỏ ra chợ để mưu sinh, một số trở thành lao động làm thuê hoặc buôn gánh bán bưng để sống qua ngày.

Trong các đồn điền của thực dân, các ruộng lúa bạt ngàn của các địa chủ, trong các nhà máy, công ty rượu ngày càng xuất hiện nhiều hơn số công nhân, nông dân và lao động nghèo khó. Trong này, có hơn 90% nông dân không còn đất canh tác, phải thuê mướn đất canh tác, nộp tô thuế hoặc suốt đời phải chịu cảnh làm thuê cho địa chủ. Một số không chịu nổi cảnh sống nông thôn phải bỏ làng, bỏ xứ ra thành thị kiếm sống hoặc vào làm công nhân lao động trong các nhà máy, các xưởng sản xuất và sửa chữa cơ khí.

Vào những thập kỷ đầu của thế kỷ XX, Sóc Trăng có 12 lò gạch, 18 nhà máy xay xát gạo; 10 xưởng cưa xẻ gỗ, 4 xưởng nấu rượu<sup>10</sup>; một nhà máy nhiệt điện tại thị xã, 2 nhà máy sản xuất nước đá, 1 xưởng sửa chữa xe ô tô và 1 gara ô tô, 1 phân xưởng sơn xe ô tô và xưởng đóng xe ngựa . . . tổng số công nhân và lao động làm việc trong các cơ sở này lên đến khoảng 2.000 người. Riêng nhà máy xay xát gạo lớn thứ hai của Gressier ở Thạnh Trị có 11 người Âu quản lý và số công nhân lao động người Kinh, Khmer lên đến 180 người.

Tại trung tâm tỉnh lỵ còn có vài xưởng kim hoàn, cơ sở đóng giày da, thợ làm khóa, thợ cắt kiếng, cưa xẻ gỗ, đóng và sửa chữa tàu thuyền.

Trung tâm thương mại sầm uất nhất của Sóc Trăng lúc bấy giờ là Bãi Xàu, có 6.000 cư dân, lúc nào cũng tấp nập tàu buôn ở các nơi đến, binh quân mỗi tháng có khoảng 250 ghe thuyền chở đến Sóc Trăng những mặt hàng gia dụng; chở đi những sản phẩm lúa, gạo, khô, cá về các tỉnh và Sài Gòn. Các trung tâm chợ khác trong tỉnh cũng phát triển không kém như chợ Đại Ngãi, Bô Thôn, Phú Lộc . . . Tại các trung tâm thương mại này xuất hiện số lao động làm thuê, luân vác hàng hóa.

Nhìn chung, tiểu thủ công nghiệp của Sóc Trăng còn khá mạnh mẽ, lĩnh vực công nghiệp hầu như không có. Số lượng công nhân chỉ mới phát triển vào những thập niên đầu của thế kỷ XX, còn nhỏ lẻ, đa số xuất thân từ nông dân hoặc lao động thất nghiệp từ nông thôn lên thành thị kiếm sống.

Tình trạng những gia đình nông dân, người lao động nghèo khó làm không đủ ăn, không có tiền đóng thuế nên phải chịu cảnh bị tù, hành hạ, tù đầy diễn ra ngày càng nhiều và ở khắp nơi. Chính sách của thực dân Pháp áp bức và vơ vét tận cùng xương tủy người dân tại các thị trấn địa đã ngấm ngấm làm dấy lên thêm sự căm thù của họ đối với thực dân Pháp. Nhiều cuộc nổi dậy chống sưu cao thuế nặng, chống ách thống trị của thực dân Pháp nổ ra khắp nơi. Sôi nổi và có tiếng vang nhất là các phong trào Đông Du, Duy Tân do cụ Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh khởi xướng và đám tang cụ Phan Châu Trinh vào năm 1926.

Ở Nam kỳ nổ ra các cuộc khởi nghĩa khá mạnh vào những năm 1885, 1913, 1916. Đặc biệt nhất là phong trào cách mạng do Nguyễn An Ninh khởi xướng. Ông lập ra hội kín, truyền bá tư tưởng yêu nước tiến bộ, có ảnh hưởng lớn trong nhân dân, nhất là giới trí thức, học sinh sinh viên.

Tại vùng Sóc Trăng- Bạc Liêu, sự kiện nổi bật nhất trong những năm 1920 là cuộc đấu tranh của nông dân Ninh Thạnh Lợi dưới sự lãnh đạo của Chủ Chọt và Châu Nhum<sup>11</sup>. Sự kiện nổi bật khác có ảnh hưởng lớn đến tinh thần đấu tranh của nông dân

<sup>10</sup> 1 xưởng ở Đại Ngãi, 1 ở thị xã và 2 ở Bãi Xàu.

<sup>11</sup> Chủ Chọt là người Khmer bị mất 500 công đất do tên điền chủ thực dân Beuville Aynaud dùng thủ đoạn chiếm đoạt. Chủ Chọt cùng người em vợ là Châu Nhum, một tay anh chị và thầy dạy võ, sử dụng bùa ngãi, tập hợp lực lượng nông dân trong vùng đấu tranh, bảo vệ đất đai của mình. Cuộc đấu tranh diễn ra trong năm 1927 quy tụ

và quần chúng lao động trong vùng là vụ Đồng Nọc Nặng<sup>12</sup> với sự phản kháng quyết liệt và hy sinh của gia đình Mười Chức chống lại thực dân Pháp và tay sai. . .

Năm 1914, chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ và kéo dài đến năm 1918 mới chấm dứt. Lợi dụng tình hình chiến tranh, thực dân Pháp tại Đông Dương càng tăng cường vơ vét, bóc lột, đàn áp nhân dân thuộc địa. Từ đó, càng làm tăng thêm sự căm thù thực dân đế quốc và lòng mong muốn tham gia đấu tranh cách mạng trong giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động tại Đông Dương.

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công, có sức cổ vũ lớn lao đối với phong trào đấu tranh của quần chúng công nông trên toàn thế giới, nhất là ở các nước thuộc địa. Được tác động mạnh mẽ bởi chủ nghĩa Mác-Lênin và sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, thông qua hoạt động của người thanh niên yêu nước Nguyễn Ái Quốc, các tổ chức công hội đầu tiên của Việt Nam được thành lập. Trước hết là tổ chức Công hội đỏ do người công nhân Tôn Đức Thắng thành lập năm 1919 tại trường Ba Sơn, Sài Gòn. Tiếp đến là sự kiện tổ chức Tổng Công hội đỏ Bắc Kỳ được thành lập vào ngày 28/7/1929 với người phụ trách là đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, một trong những thành viên tham gia thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Sau đó, đến tháng 4 năm 1930, tổ chức Công hội Đỏ Nam kỳ được thành lập.

Trong tác phẩm “Đường cách mệnh”, Nguyễn Ái Quốc nêu rõ nhiệm vụ của tổ chức Công hội là : “Tổ chức công hội trước là để cho công nhân ở lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khá hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn quyền lợi cho công nhân; năm là để giúp cho quốc dân, giúp cho thế giới”<sup>13</sup> Các tổ chức Công hội đó ra đời đã kịp thời lãnh đạo phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân trong cả nước với các yêu sách đòi tăng lương, giảm giờ làm, cải thiện điều kiện sinh hoạt. . . Tuy nhiên, ở Sóc Trăng, nhà máy xí nghiệp, xưởng thủ công còn ít và nhỏ bé, số lượng công nhân, thợ thủ công không nhiều nên tổ chức Công hội đỏ chưa chú ý đến nơi này.

Tháng 6 năm 1925, sau 14 năm bôn ba ở hải ngoại tìm đường cứu nước, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến Trung Quốc và thành lập tổ chức Hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí. Mục đích của Hội là tập hợp những thanh niên yêu nước có xu hướng theo chủ nghĩa cộng sản, đào tạo họ thành những cốt cán, hạt nhân của phong trào cách mạng và đưa về nước hoạt động. Nhiều lớp thanh niên yêu nước ở trong nước được bí mật tổ chức qua Trung Quốc theo các khóa đào tạo do Nguyễn Ái Quốc phụ trách cùng một số đồng chí khác. Sau đó, được bí mật đưa trở về nước, xâm nhập vào các thành phố, nông thôn, bí mật xây dựng lực lượng, tổ chức phong trào cách mạng trong công nhân và tầng lớp nhân dân lao động.

Tại làng Mỹ Quới<sup>14</sup>, với nỗ lực hoạt động của Hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (VNCTMTN), đến năm 1928, số thanh niên tích cực nhất được xét kết nạp vào hội và tham gia thành lập chi bộ Hội VNCTMTN.

---

khá nhiều nông dân Sóc Trăng và lân cận tham gia. Tuy nghĩa quân kiên cường chống lại thực dân Pháp và tay sai, nhưng thế cô, sức yếu, cuộc nổi dậy cũng bị chìm trong bể máu. Chủ Chọt, Châu Nhum bị bắt giải về Sài Gòn, ra toà đại hình, bị kêu án tù và đày đi Côn Đảo.

<sup>12</sup> Sự việc diễn ra vào ngày 16/2/1928. Đồng Nọc Nặng thuộc xã Phong Thạnh, Giá Rai, Bạc Liêu. Gia đình Mười Chức đến nơi đây lập nghiệp từ 3 đời, bị tên điền chủ Mã Ngân ( tức Bang Tắc) vào ngang nhiên cướp đoạt ruộng đất của gia đình họ. Anh em Mười Chức đã trích máu ăn thề quyết sống chết với tên Mã Ngân để giữ lấy ruộng đất của mình. Gia đình Mười Chức có 4 người chết. Tên cò Tournier bị giết và một số tên khác bị thương.

<sup>13</sup> Các tổ chức tiền thân của Đảng, Ban NCLSD Trung ương xb, Hà Nội 1977, tr.63.

<sup>14</sup> Lúc này, Mỹ Quới thuộc huyện Phước Long, Tỉnh Rạch Giá; nay thuộc huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng

Ngay sau khi được thành lập, chi bộ Hội VNCOMTN đề ra kế hoạch hoạt động, tiếp tục tuyên truyền giác ngộ trong các tầng lớp nhân dân địa phương, nhất là trong nông dân, chống sưu cao thuế nặng, chống đi lao công làm đường, đào kinh . . . Đặc biệt, Hội VNCOMTN còn tổ chức các lớp đào tạo cán bộ đưa về nước hoạt động đã tạo ảnh hưởng khá lớn đối với các phong trào chống Pháp trong nước. Thực dân Pháp tiến hành hàng loạt biện pháp ngăn chặn ảnh hưởng và hoạt động của tổ chức này như bắt bớ những người cầm đầu, những người tình nghi đang có hoạt động chống đối lại sự cai trị của chúng.

Để tránh sự khủng bố của địch, một số thanh niên yêu nước từ những địa phương khác đến Sóc Trăng ẩn náu, đồng thời tuyên truyền, cổ vũ lòng yêu nước của nhân dân nơi đây, tổ chức họ vào những tổ chức bí mật được gọi là “Hội kín”, chịu ảnh hưởng tư tưởng của cách mạng vô sản. Tiêu biểu có đồng chí Phan Văn Hoàn, người gốc Cao Lãnh đến vùng Kế Sách cư trú, bí mật liên lạc với 2 anh Sở Văn ở nhà in An Hà (Cần Thơ) là cơ sở hoạt động của những nhà yêu nước để hoạt động. Năm 1926, các đồng chí Nguyễn Văn Tây, Sở, Văn đã có mặt ở Sóc Trăng để vận động phong trào ủng hộ tài chính cho hoạt động của các tờ báo tiền bộ. Đồng chí “Phan Văn Hoàn đã tích cực vận động được nhiều người đóng góp, tiêu biểu như các anh Bùi Thanh Sử, Trần Công Nữ, Trần Công Hanh”<sup>15</sup>. Tại tỉnh lỵ Sóc Trăng, một địa điểm liên lạc của thanh niên tiền bộ để trao đổi về thời cuộc và tuyên truyền lòng yêu nước được bí mật lập tại tiệm thợ bạc Ngô Tôn Đường. Ngoài ra, những phong trào phổ biến sách báo tiền bộ, truyền bá thơ văn yêu nước (qua các tác phẩm của Phan Văn Trị, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh . . .) đã góp phần quan trọng khơi dậy tinh thần yêu nước của nhân dân Sóc Trăng.

Các phong trào trên có tác dụng cổ vũ tinh thần đoàn kết đấu tranh của đồng bào các dân tộc trong tỉnh trong cuộc đấu tranh chung chống áp bức, chống thực dân, phong kiến và tay sai. Phong trào ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu khi Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức ra đời ngày 3/2/1930 và giữ quyền lãnh đạo cách mạng Việt Nam./.

#### **Bài học kinh nghiệm**

Quá trình khai phá và mở mang, bảo vệ vùng đất mới cần có sự đoàn kết của cộng đồng các dân tộc ở nơi đây. Khi có ngoại xâm, sự đoàn kết của cộng đồng chưa phải là điều kiện duy nhất để giành thắng lợi trong đấu tranh, mà cần phải có một tổ chức cách mạng lãnh đạo đúng đắn, có lý luận và phương pháp cách mạng phù hợp. Con đường đấu tranh đó cần có một thời gian nhất định mới có thể giành được thắng lợi. Vấn đề cốt lõi là cần phải xây dựng được một mặt trận tập hợp đoàn kết các tầng lớp nhân dân tại địa phương trong cuộc đấu tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng cách mạng mác xít.

<sup>15</sup> Từ hạt giống đỏ, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Sóc Trăng, 1995, trang 37

## Chuyên đề 2

# PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG THỜI KỲ ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (1930-1945)

## I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN, LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG TỪ NĂM 1930 ĐẾN 1936.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nổ ra từ năm 1929, kéo dài đến năm 1933, làm thiệt hại nặng nề nền kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa, kéo mức sản xuất trở về như cuối thế kỷ XIX. Để cứu vãn tình hình, giai cấp tư sản các nước đế quốc tăng cường bóc lột nhân dân lao động trong nước và các thuộc địa, nửa thuộc địa. Nạn bộ giữa các nước tư bản cũng trở nên mâu thuẫn gay gắt.

Tại Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường các chính sách bóc lột nhân dân thuộc địa, tăng thuế khóa, giảm việc làm; các hoạt động sản xuất, buôn bán đều đình trệ. Từ đó, số viên chức bị sa thải, công nhân các nhà máy xí nghiệp thất nghiệp ngày càng nhiều; nông dân bị bần cùng, chịu cảnh đói khát, phải rời bỏ làng quê tha phương cầu thực; thợ thủ công, nhà buôn đều không hoạt động được. Ngay cả các nhà tư sản dân tộc và địa chủ nhỏ cũng bị ảnh hưởng nặng nề, một số cũng đi vào tình cảnh phá sản. Mâu thuẫn giữa nhân dân các nước Đông Dương với thực dân Pháp và tay sai ngày càng sâu sắc.

Trong bối cảnh chung như vậy, Liên Xô, nước ra hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới lại đạt được những thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Từ đó, tạo sự khích lệ, cổ vũ to lớn đối với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa, bị áp bức cũng như phong trào đấu tranh của nhân dân lao động tại chính quốc.

Ở Việt Nam, thời điểm cuối năm 1929 đầu năm 1930 diễn ra nhiều sự kiện quan trọng. Đó là sự ra đời lần lượt của 3 tổ chức Cộng sản là Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, bước đầu đánh dấu sự chuyển hướng đấu tranh của phong trào cách mạng trong nước theo một đường lối mới. Để tránh sự chia rẽ, tranh giành ảnh hưởng, tạo sự thống nhất trong chỉ đạo, vận động, tổ chức tập hợp lực lượng, chúng ta bước vào cuộc đấu tranh chống thực dân, phong kiến và tay sai, theo chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, từ ngày 3/2/1930 đến ngày 7/2/1930, tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng), đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị hợp nhất các Đảng Cộng Sản trong nước, nhất trí thành lập một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam và lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam<sup>16</sup>.

Tại Hội nghị, các đại biểu dự họp nhất trí thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt của Đảng và Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Hội nghị còn thông qua Điều lệ tóm tắt của các tổ chức đoàn thể như Công hội, Nông hội, Hội Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phấn đấu đồng minh (tức Mặt trận Dân tộc Thống nhất chống đế quốc) và Hội Cứu tế.

Cương lĩnh đầu tiên của Đảng xác định mục tiêu của cách mạng là “làm cách mạng tư sản dân quyền<sup>17</sup> và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”, gắn liền mục tiêu chiến đấu giành độc lập dân tộc với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện mục tiêu đề ra, cương lĩnh xác định kẻ thù của cách mạng, đề ra nhiệm vụ

<sup>16</sup> Riêng Đông Dương Cộng sản Liên đoàn đến ngày 24/2/1930 mới chính thức được chấp nhận gia nhập vào Đảng Cộng sản Việt Nam.

<sup>17</sup> tức cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

sử dụng bạo lực để “Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến” để giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc, dựng ra chính phủ công nông binh. Cương lĩnh chủ trương “Thu hết sản nghiệp lớn của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp”, “Thu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công và chia cho dân cày nghèo”, “Bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo”, “Thi hành luật ngày làm 8 giờ”, “Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân” v.v. . .

Về lực lượng cách mạng, Sách lược vẫn tất xác định Đảng Cộng sản nắm vai trò lãnh đạo và cần “phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng”, đồng thời phải thu phục cho được đại đa số dân cày và phải dựa vững vào hạng dân cày nghèo”. Để tăng cường lực lượng và thu hút mọi giai tầng tham gia cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Cương lĩnh chủ trương “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt v.v. . . để kéo họ về phe vô sản giai cấp”. Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản bản xứ chưa rõ mặt phản cách mạng, thì “phải lợi dụng ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập”. Như vậy, Cương lĩnh và Sách lược vẫn tất đầu tiên của Đảng xác định rõ lập trường giai cấp, có sự liên minh rộng rãi với các giai tầng khác trong xã hội nhưng không thỏa hiệp, mà luôn luôn chú trọng và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nông<sup>18</sup>.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cùng với Cương lĩnh đầu tiên của Đảng được công bố là “sự kiện cực kỳ trọng đại, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta”. Sự kiện lịch sử này còn đánh dấu chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối và lãnh đạo của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX. Sự ra đời của Đảng Cộng sản và các mục tiêu nhiệm vụ được đề ra trong Cương lĩnh vẫn tất và Sách lược vẫn tất cũng là tiền đề và điều kiện để cho các cuộc đấu tranh của công nhân lao động và các tầng lớp nhân dân Việt Nam chuyển sang một bước phát triển mới. Phong trào đấu tranh của quần chúng liên tục nổ ra khắp nơi trong cả 3 kỳ.

Trước khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, các phong trào đấu tranh của nhân dân Nam kỳ, nhất là cuộc nổi dậy của chủ Chọt ở Ninh Thạnh Lợi, của gia đình Mười Chức ở Giá Rai có ảnh hưởng khá lớn trong việc thúc đẩy các tầng lớp nhân dân tham gia đấu tranh chống lại áp bức bóc lột của thực dân phong kiến. Để xoa dịu phong trào đấu tranh của nhân dân nơi đây, thực dân Pháp đề ra một số chính sách mị dân để lôi kéo đồng bào các dân tộc theo chúng.

Sau hội nghị hợp nhất, BCH TW Đảng chỉ đạo thành lập các Xứ ủy, các tổ chức chi bộ Đảng của các tổ chức tiền thân của Đảng được xem xét thận trọng về con người và tổ chức trước khi chuyển thành chi bộ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tại Sóc Trăng, nhờ sự tham gia chuẩn bị chu đáo về công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức chỉ đạo hoạt động của đồng chí Quảng Trọng Hoàng, một Đảng viên Cộng sản, lên đến khoảng giữa năm 1930, chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở làng Mỹ Quới được chuyển thành chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1931 đến 1935, thêm 4 chi bộ Đảng lần lượt được ra đời như: Chi bộ Cù Lao Dung, chi bộ Trường Khánh – Châu Khánh (huyện Long Phú), Chi bộ Lạc Hòa (Vĩnh Châu), chi bộ An Lạc Thôn ( Kế Sách).

Sự kiện 5 chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam ở tỉnh Sóc Trăng lần lượt được thành lập trong giai đoạn 1930-1935 khẳng định bước phát triển mới của phong trào cách mạng tại tỉnh Sóc Trăng. Chủ trương, đường lối của Đảng CSVN được quần

<sup>18</sup> Các câu trong dấu ngoặc kép sử dụng cho 2 đoạn này được trích từ trong Văn kiện Đảng toàn tập, tập 2, 1930, NXB CTQG, Hà Nội 1998, trang 2 đến trang 5.



chúng tin tưởng, thu hút và tập hợp ngay được những thanh niên địa phương tiêu biểu giàu lòng yêu nước của cả 3 dân tộc trong tỉnh. Đó là những người lao động làm thuê, cầm thù thực dân phong kiến nhưng chưa có cơ hội để thể hiện bằng hành động cụ thể. Điều này thể hiện sự quan tâm nhiều mặt của những đảng viên gieo mầm cộng sản đầu tiên trong phong trào yêu nước của tỉnh Sóc Trăng. Đó là sự chuẩn bị chu đáo, bảo đảm tính bí mật hoạt động của tổ chức Đảng, nêu cao trách nhiệm của chi bộ Đảng đối với phong trào cách mạng chung tại địa phương, nhất là đối với giai cấp công nhân, nông dân, lao động nghèo, không định kiến phân biệt vùng dân tộc Kinh, Khmer hay Hoa. Đây cũng là cơ sở để phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động Sóc Trăng ngày được phát triển, để chuẩn bị cho những bước tiến mới của phong trào cách mạng tỉnh nhà.

Lúc này, do bị tác động nặng nề của khủng hoảng kinh tế 1929-1933 và do chính sách cai trị thực dân của thực dân Pháp nên đời sống nhân dân Đông Dương, trong đó có Việt Nam, đặc biệt là đời sống của công nhân, nông dân, số lao động nghèo thành thị hết sức khó khăn.

Ở Sóc Trăng, đời sống người dân lao động bị tác động nặng nề nhất là công nhân và nông dân. Lao động của công nhân ở nhà máy, công ty sưa, đồn điền . . . ngày càng bị bóc lột nặng nề, trong khi đồng lương không được tăng mà còn bị cắt giảm. Giá lúa giảm xuống trầm trọng trong khi hàng công nghiệp giảm không đáng kể. Mức thuế do thực dân Pháp đặt ra tăng từ 20% đến 30%. Người nông dân phải bán từ 20-25 giạ lúa mới đóng đủ một giạ thuế thân. Ngoài ra, người dân còn phải đóng góp tiền mua công trái và các khoản đóng góp khác. Trước tình hình này, không những đời sống công nhân hết sức bấp bênh mà số công nhân trong tỉnh cũng bị nghèo đói. Số tầng lớp trung nông, một số phú nông, địa chủ cũng rơi vào cảnh phá sản, ruộng đất lần lượt bị thu tóm về Ngân hàng Đông Dương và các điền chủ lớn, có thể lực.

Tại các chợ thị trấn, thị xã, tầng lớp mua bán, tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp cũng bị đánh thuế nặng nề, thợ thủ công, người lao động làm thuê bị thất nghiệp, công nhân viên chức bị sa thải. Tinh thần chống áp bức, chống chiến tranh, chống thực dân phong kiến lại càng trở dậy mạnh mẽ hơn trong nhân dân.

Ngay sau khi thành lập, các chi bộ Đảng trong tỉnh tiến hành ngay công tác tuyên truyền vận động xây dựng tổ chức Đảng và tổ chức quần chúng. Các đảng viên được tổ chức học tập cấp tốc về tôn chỉ mục đích của Đảng, về chủ nghĩa cộng sản vắn tắt, vấn đề đấu tranh giai cấp, vấn đề chuyên chính vô sản, tình hình thế giới và trong nước, hệ thống tổ chức Đảng, phương pháp và hình thức hoạt động của Đảng, trong đó công tác vận động quần chúng được đặt lên hàng đầu.

Trong bối cảnh chung trong cả nước và tại Nam kỳ, công tác vận động quần chúng của các chi bộ Đảng lại có điều kiện thuận lợi hơn bao giờ hết. Từ chỗ tự phát nổi dậy đấu tranh bắt trâu bò của điền chủ bán chia cho dân nghèo, lấy lúa của địa chủ để cứu đói, chống bọn tề làng và tay sai, quần chúng nông dân đã tập hợp dưới sự lãnh đạo của các chi bộ để đấu tranh.

Tại Trường Khánh, chi bộ đã tổ chức cho quần chúng đấu tranh chống thuế thân, đánh lính mặc thường phục vào xóm ấp với lý do là nhóm người khả nghi vào làng để trộm cắp, quấy rối an ninh trật tự. Ở Khánh Hòa, Lạc Hòa (Vĩnh Châu), Mỹ Quới, Ninh Quới (Phước Long), các chi bộ đã lãnh đạo, tập trung nông dân kéo đến kho lúa của địa chủ để mượn lúa ăn; tập hợp tầng lớp nhân dân lao động đấu tranh đòi giảm giá sinh hoạt, giảm thuế thân cho người nghèo v.v . .

Trong khu vực tỉnh lỵ, được sự tuyên truyền giác ngộ và tổ chức của các đảng viên cộng sản, một số quần chúng lao động tiêu biểu gia nhập vào các tổ chức công khai như các hội ái hữu thợ may, nghiệp đoàn kim hoàn v.v . . .

## II. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN, LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG (1936-1939).

Tháng 5/1935, tại Paris, Mặt trận Nhân dân chống phát xít và chiến tranh được thành lập theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp. Mặt trận đề ra cương lĩnh hoạt động gồm các điểm chính là: đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và tư bản độc quyền, giành những quyền lợi thiết thực về kinh tế và chính trị cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động, củng cố hợp tác quốc tế, cải thiện quan hệ với Liên Xô, tham gia công cuộc xây dựng nền hoà bình thế giới, cải thiện đời sống kinh tế và quyền lợi chính trị cho các dân tộc hải ngoại (tức các thuộc địa của Pháp).

Ngày 25 tháng 7 năm 1935, Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản khai mạc ở Mátxcova và kéo dài trong một tháng. Trước những diễn biến tình hình phức tạp trên thế giới, nhất là âm mưu phát động chiến tranh của chủ nghĩa phát xít, Đại hội xác định kẻ thù trước mắt của nhân dân thế giới không phải chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít. Vì vậy, nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân chưa phải là đấu tranh đánh đổ toàn bộ chủ nghĩa tư bản, mà cần phải tập trung đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, giành dân chủ và hoà bình, bảo vệ Liên Xô. Đại hội yêu cầu các Đảng Cộng sản phải ra sức đoàn kết các lực lượng yêu nước và tiến bộ, cần tổ chức một Mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân và thành lập một Mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, hoà bình và cải thiện đời sống. Sau Đại hội, Quốc tế Cộng sản cử ra Ban Thường trực theo dõi tình hình, tiếp tục chỉ đạo giúp đỡ các Đảng Cộng sản tổ chức triển khai và đẩy mạnh phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân.

Ngay sau Đại hội VII Quốc tế Cộng sản, các Đảng Cộng sản trên thế giới nhanh chóng triển khai kế hoạch chuyển hướng chiến lược đấu tranh cách mạng, xúc tiến công tác vận động thành lập Mặt trận Nhân dân chống phát xít.

Ở Pháp, tháng 1 năm 1936, Chính phủ Lava buộc phải từ chức và Quốc hội Pháp phải phê chuẩn Hiến pháp Pháp-Xô. Cũng trong đầu năm 1936, Mặt trận Nhân dân công bố cương lĩnh tranh cử của mình. Một trong những nội dung quan trọng hàng đầu của cương lĩnh là Đại xá tù chính trị, bao gồm cả tù chính trị ở Đông Dương.

Tháng 5 năm 1936, Mặt trận Nhân dân chống phát xít do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội tại Pháp<sup>19</sup> và giành lấy quyền lực trong thành lập chính phủ phải tả bao gồm những đại biểu thuộc phái Xã hội và Cấp tiến. Chính phủ do Lêông Blum (Léon Blum) là một lãnh tụ của Đảng Xã hội làm Thủ tướng. Trước sức ép của Đảng Cộng sản và hàng triệu nhân dân lao động Pháp, Chính phủ của Lêông Blum buộc phải thực hiện một số nội dung trong cương lĩnh của Mặt trận như việc thả tù chính trị, cử phái đoàn điều tra tình hình thuộc địa, nhất là ở Bắc Phi và Đông Dương, thực hiện một số cải cách xã hội cho giới lao động.

Sự đấu tranh mạnh mẽ của lực lượng quần chúng buộc chính phủ Pháp phải ban hành một số quy định về quyền lợi của công nhân và lao động làm thuê như việc thực hiện lao động 8 giờ mỗi ngày và được nghỉ ngày chủ nhật, hàng năm nghỉ 15 ngày có lương; thi hành lệnh ân xá một phần tù chính trị. Đối với Đông Dương, thực dân Pháp

<sup>19</sup> Trúng cử 378 ghế ở Hạ Viện so với 220 ghế của các phe phái khác

phải ra sắc lệnh giảm giờ làm việc cho công nhân, nghỉ làm việc có lương, nói rộng một số quyền tự do dân chủ, ân xá một số tù chính trị v.v. . . Một Ủy ban Bảo vệ Cách mạng Đông Dương được Quốc tế Cộng sản thành lập thu hút nhiều nhà trí thức Pháp tham gia. Ủy ban này có nhiều hoạt động thiết thực ủng hộ cho phong trào dân sinh dân chủ của nhân dân và ân xá cho tù chính trị ở Đông Dương.

Tiếp nhận chủ trương của Quốc tế Cộng sản, tháng 7 năm 1936, Ban Lãnh đạo của Đảng<sup>20</sup> họp tại Thượng Hải thống nhất chỉ đạo chuyển hướng chiến lược cách mạng, định ra đường lối chính sách và phương pháp tổ chức đấu tranh trong tình hình mới. Hội nghị khẳng định mục tiêu lâu dài vẫn là chống đế quốc và phong kiến, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, đồng thời đặt ra mục tiêu trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình. Hội nghị quyết định vận động thành lập Mặt trận chống nhất nhân dân phản đế bao gồm các đảng phái dân tộc, đoàn thể chính trị và hội các tôn giáo với nòng cốt là giai cấp công nông. Hội nghị đề ra khẩu hiệu “Ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, phối hợp với Đảng Cộng sản và nhân dân Pháp đấu tranh chống phát xít và phản động thuộc địa” và “Ủng hộ Chính phủ Lêôn Blum nhằm thực hiện các yêu cầu dân chủ cho nhân dân Đông Dương”<sup>21</sup>.

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, hội nghị nhất trí chủ trương tổ chức hình thức đấu tranh công khai hợp pháp và nửa hợp pháp thay thế cho hình thức hoạt động bí mật không hợp pháp trước đó. Tuy nhiên, tổ chức Đảng vẫn phải được tiếp tục củng cố và giữ bí mật trong quá trình chỉ đạo hoạt động công khai các phong trào của quần chúng.

Được tin Quốc hội Pháp sẽ cử đoàn đại biểu sang Đông Dương, Đảng chủ trương vận động giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân trong cả nước tham gia vào các Ủy ban hành động, thảo và ký tên vào bản dân nguyện đòi tự do, dân sinh, dân chủ như yêu cầu trả tự do cho tù chính trị, giảm các thứ thuế, thực hiện luật lao động ngày làm 8 giờ, yêu cầu được học tiếng Việt tại các trường, nam nữ bình đẳng v.v. . . đề nghị lên phái đoàn Lãnh đạo nhiều đảng phái, các tổ chức chính trị yêu nước, tầng lớp nhân sĩ trí thức trong cả nước cùng tham gia chuẩn bị cho kế hoạch tiến tới tổ chức Đông Dương Đại hội với nỗ lực tối đa và chủ trương phù hợp với nguyện vọng của nhân dân nên chỉ trong thời gian ngắn, cả 3 kỳ đã tổ chức được trên 600 Ủy ban hành động. Ngay trong tháng 8 năm 1936, Ủy ban trụ bị Đại hội Đông Dương được thành lập. . . Một khí thế cách mạng mới sôi sục trong cả nước, tác động tích cực đến phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước, kể cả số tù chính trị trong các nhà tù của thực dân Pháp tại Đông Dương.

Để hạn chế phong trào đấu tranh đang diễn ra sôi nổi của các tầng lớp nhân dân, thực dân Pháp vừa nhân nhượng trước âm mưu xâm lược của phát xít Nhật ở Đông Dương, vừa lợi dụng nhóm dân biểu ở Bắc kỳ và Trung Kỳ cùng một số người trong Đảng lập hiến đại diện cho số tư sản địa chủ và trí thức thảo ra bản “dân nguyện” có nội dung theo sự chỉ đạo của chúng. Khi thất bại chúng lại chuyển sang biện pháp đàn áp. Tháng 1 năm 1936, thực dân Pháp cho một số tay chân đập phá trụ sở báo La Lut-tô (La Lutte: Tranh đấu), tịch thu các tài liệu của tòa soạn, bắt Nguyễn An Ninh,

<sup>20</sup> Sau Đại hội lần thứ I của Đảng tháng 3.1935, 8 đồng chí UVBCHTW bị địch bắt, Ban Lãnh đạo của Đảng ở hải ngoại phải đảm nhiệm luôn nhiệm vụ của BCHTW để lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước

<sup>21</sup> Giáo trình LS ĐCSVN, HĐTW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, NXB Chính trị quốc gia, 2002, tr 75-76

Nguyễn Văn Tạo và Tạ Thu Thâu<sup>22</sup>. Khi được lệnh của Chính phủ Pháp và Toàn quyền Đông Dương, chúng thẳng tay đàn áp phong trào như ra lệnh giải tán các Ủy ban hành động, cấm các cuộc họp của nhân dân, hà hơi cho số tay sai và nhóm Tờrôtkít (Troskiste) xuyên tạc chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Cùng với việc đàn áp các phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ cơm áo hòa bình của quần chúng, thực dân Pháp tăng cường chính sách áp bức bóc lột về kinh tế, tăng các thứ thuế . . . để đối phó với cuộc khủng hoảng và chuẩn bị cho chiến tranh. Vì vậy, đời sống công nhân và nhân dân lao động, thợ thuyền, cả số tư sản dân tộc và địa chủ vừa và nhỏ ở Đông Dương đều lâm vào tình trạng khủng hoảng. Họ cũng có nguyện vọng được giải quyết việc làm, buôn bán, quyền được sống, quyền tự do dân chủ cơm áo hòa bình.

Nhận được sự chỉ đạo của Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy, Tỉnh ủy Sóc Trăng lập và triển khai ngay kế hoạch cho các chi bộ<sup>23</sup> vận động quần chúng lao động tham gia các hoạt động đoàn kết đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

Nổi bật là trong cao trào đấu tranh dân chủ 1936-1939 thực hiện chủ trương của Đảng về Đại hội Đông Dương, Tỉnh ủy Sóc Trăng chỉ đạo thành lập được khoảng 20 Ủy ban hành động ở tỉnh lỵ và các huyện. Ủy ban hành động đã thu thập ý kiến của các tầng lớp nhân dân lao động gửi cho phái đoàn Quốc hội Pháp. Tuy chỉ tồn tại trong tháng 8, tháng 9 năm 1936 và sau đó bị đàn áp, nhưng phong trào có tác dụng tiếp tục khơi dậy trong các tầng lớp nhân dân lao động Kinh, Khmer, Hoa trong tỉnh về tinh thần đoàn kết đấu tranh chống lại thực dân phong kiến và tay sai. nổi bật là một số phong trào đấu tranh tiêu biểu của các tầng lớp nhân dân lao động trong thời kỳ này nổ ra ở các nơi trong tỉnh như:

Tại Vĩnh Châu, được sự lãnh đạo của chi bộ Lạc Hòa, tổ chức Cộng sản đầu tiên của quận, quần chúng đã tập hợp tham gia nhiều phong trào đấu tranh như biểu tình chống tăng tô thuế, đòi giải quyết việc làm, chống khai thác cát ở cửa sông Mỹ Thanh v.v. . . Đến năm 1938, số lượng đảng viên được phát triển, hình thành chi bộ ghép Lai Hòa- Lạc Hòa do đồng chí Hòa Hận phụ trách. Riêng phong trào ở Khánh Hòa do đồng chí Ba Sơn, một đảng viên của chi bộ phụ trách. Nông dân và lao động làm thuê, tiêu thương nơi đây, đã tham gia các tổ chức do Chi bộ Đảng xây dựng như hội tương tế, hội ái hữu. Hoạt động của hội đã phát triển mạnh trong cao trào 1936-1939, thu hút sự tham gia của đông đảo đồng bào các dân tộc. nổi bật là cuộc đấu tranh với quy mô khá lớn của nông dân và nhân dân lao động diễn ra vào năm 1937-1938 đòi bãi bỏ thuế thân, giải quyết việc làm và cứu đói cho dân.

Ngày 13/7/1938, Chi bộ Lai Hòa - Lạc Hòa huy động hàng trăm nông dân và lao động nghèo với cả trăm ghe xuồng kéo đến làm lúa của Benoite Lê Văn Châu, chủ vợ Đào Đạt tại Cổ Cò yêu cầu được mượn lúa ăn trong lúc giáp hạt. Sau sự kiện này, tên quận trưởng Vĩnh Châu đã cho lệnh bắt kết án tù số cán bộ nòng cốt của phong trào. Ngoài ra, quần chúng lao động ở Lai Hòa còn tham gia phong trào đấu tranh tố cáo bọn tề làng ăn chặn lúa cứu tế, đòi phát đủ lúa gạo cứu tế cho dân nghèo. Dưới sự chỉ đạo của chi bộ, quần chúng đã ký đơn yêu cầu chủ tỉnh Bạc Liêu và Chủ quận

<sup>22</sup> Bị quần chúng tập hợp đấu tranh dữ dội, 10 ngày sau, chúng phải thả những người bị bắt nhưng vẫn sử dụng các thủ đoạn răn đe, cho người theo dõi, dựng các chứng cứ, tìm mọi cơ hội để bắt số nòng cốt lãnh đạo đấu tranh trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

<sup>23</sup> Theo Văn kiện Đảng toàn tập- Tập 6 (1936-1939), NXBCTQG, năm 2000, trang 444, thời gian này Liên tỉnh ủy Cần Thơ có 43 chi bộ, 294 đ/c, 11 phụ nữ, 48 đ/c dự bị, 10.858 tranh đấu, 2.268 quần chúng. Tỉnh Sóc Trăng thuộc Liên Tỉnh ủy Cần Thơ lúc này có: 2 chi bộ, 10 đ/c, 169 quần chúng.

Vĩnh Châu giải quyết bọn tề làng ăn chặn lúa gạo cứu đói cho dân. Tại thị trấn, được sự vận động tổ chức của chi bộ, Nghiệp đoàn xe dò Vĩnh Châu được thành lập gồm 5 người để xây dựng cơ sở và tổ chức hoạt động cách mạng. Nghiệp đoàn do đồng chí Dưỡng, Bí thư chi bộ trực tiếp phụ trách, số hội viên có đồng chí Sáu Hồ, Tám Nhận .

Ở An Lạc Thôn (Kế Sách), số quần chúng lao động làm thuê và nông dân được chi bộ giác ngộ, tập hợp vào chi hội Ái hữu nông dân. Hội có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối chủ trương và tập hợp quần chúng lao động ở nông thôn theo Đảng. Chi bộ cho xây dựng một căn nhà sàn ở sát đầu cầu Cái Trâm làm trạm liên lạc, nguy trang dưới hình thức mua bán và sửa nón nỉ. Chi hội hàng tháng họp một lần với các nội dung họp bàn chung quanh vấn đề giảm thuế thân, sức mạnh của đình công, phân chia công điền . . .

Tại Mỹ Quới (Phước Long), các tầng lớp nhân dân lao động đã tập hợp dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, tích cực tham gia các hoạt động, đấu tranh đòi cải thiện điều kiện lao động, giải quyết công ăn việc làm, tham gia ký đơn thỉnh nguyện Đại hội Đông Dương. Tiêu biểu có các cuộc mít tinh trong năm 1937 và nhất là cuộc đấu tranh ngày 3/9/1938 của hơn 500 nông dân và lao động nghèo thuộc bốn làng: Vĩnh Lợi, Vĩnh Phú, Mỹ Quới, Ninh Quới kéo ra quận Phước Long đưa ra các yêu cầu giải quyết công ăn việc làm, giảm giá sinh hoạt, giảm thuế v.v. . . 4 yêu cầu chính được nông dân và quần chúng lao động nghèo đưa ra là:

- Xin trợ cấp lúa gạo cho họ sống trong mấy tháng không có sở làm.
- Giảm giá sinh hoạt (vì hiện nay gạo tới 1péo cho một thùng 20 lít)<sup>24</sup>.
- Giảm thuế thân cho dân nghèo.
- Cho dân chúng tự do câu cá trong các ao đầm (nếu họ không làm hư lúa).

Cuộc đấu tranh này gây tiếng vang lớn, góp phần thúc đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng trong vùng và các địa phương lân cận.

Tại Hòa Tú, được sự lãnh đạo của chi bộ Đảng Cộng sản, quần chúng lao động đã tham gia đấu tranh đòi giảm tô giảm lãi cho vay. Tiêu biểu nhất có phong trào đấu tranh của 300 tá điền đòi địa chủ Trương Vĩnh Khánh không được tăng tô và tăng lãi vay lúa.

Ở các địa điểm khác trong tỉnh như Đại Ân, Trường Khánh, Châu Khánh (Long Phú), Thới An Hội, Ba Trách (Kế Sách) cũng có nhiều cuộc đấu tranh của nông dân và lao động nghèo, buôn bán nhỏ, kể cả đồng bào dân tộc Khmer, chống lại bọn địa chủ và hương chức土豪.

Đặc biệt, tại tỉnh lỵ Sóc Trăng, từ năm 1937, các Hội Ái hữu thợ bạc, thợ may, thợ dệt lụa, thợ sửa chữa ô tô, thợ mộc . . . được thành lập. Các Hội có nhiều hình thức hoạt động, thu hút khá đông số quần chúng nghèo và lao động làm thuê tham gia, như họp, diễn thuyết, hướng dẫn đọc sách báo, tài liệu tuyên truyền của Đảng. Đồng chí Dưỡng Kỳ Hiệp từ Trường Khánh được phân công ra tỉnh lỵ lập hiệu sách gọi là “Thanh niên thư quán” bán các loại sách, báo, tạp chí tiến bộ, vừa là nơi tuyên truyền hợp pháp, tập hợp số thanh niên yêu nước, vừa là cơ sở liên lạc giữa các đồng chí hoạt động cách mạng với nhau.

Căn cứ vào Nghị định ngày 11/7/1918 của Toàn quyền Đông Dương về việc cho phép thành lập các nghiệp đoàn ở Nam kỳ, vận dụng cụ thể tình hình và phong trào Đông Dương Đại hội, các chi bộ trong tỉnh đẩy mạnh việc vận động thành lập các

<sup>24</sup> 1péo: tức 1 xu

<sup>25</sup> Báo Dân chúng đăng tin ngày 10/8/1938. cuộc đấu tranh này do đ/c Trần Văn Bảy (tức Bảy Xê) lãnh đạo.

nghiệp đoàn. Trong 2 năm 1937-1938, số nghiệp đoàn được thành lập ở tỉnh lỵ Sóc Trăng thu hút được khoảng 300 hội viên, mỗi nghiệp đoàn có phân công Ban Quản trị điều hành hoạt động chung. Tiêu biểu có nghiệp đoàn Kim hoàn quy tụ 85 hội viên do đồng chí Phan Văn Hoàn và Phan Văn Tấn lãnh đạo; Hội Tương tế nhà vàng có 50 hội viên do Tư Của làm Hội trưởng, Hội Ái hữu thợ may do đồng chí Hà Thị Lan lãnh đạo, Hội Ái hữu liên đoàn công chức có 50 hội viên do Trần Văn Sanh làm hội trưởng, Hội Ái hữu liên đoàn giáo chức có 25 hội viên do Dương Tấn làm hội trưởng, Hội Ái hữu liên đoàn phụ nữ có 30 hội viên do Huỳnh Thị Nguyệt làm hội trưởng v.v. . Ngoài ra còn có các nghiệp đoàn khuôn vác, Hội Ái hữu của những người buôn gánh bán bưng, Hội Bảo sanh . . . ở nội ô. Ở ngoại ô và vùng nông thôn sát thị xã thành lập các hội cấy, hội cày, hội Vạn vắn đổi công.

Hoạt động sôi nổi nhất của nghiệp đoàn và hội ái hữu tại tỉnh lỵ là phong trào đấu tranh của công nhân thợ bạc do Nghiệp đoàn Kim hoàn tổ chức vào tháng 2 năm 1938 với yêu sách đòi tăng lương 25% cho công nhân, ngày làm việc 8 giờ, chủ nhật được nghỉ, làm thêm ngoài giờ phải trả lương gấp đôi. Sóc Trăng còn có phong trào quyên góp tiền ủng hộ cho Xứ ủy xuất bản tờ tạp chí Đông Phương (ra số đầu tiên vào tháng 9/1938). Đặc biệt là phong trào đấu tranh hợp pháp của giới tiểu thương, trí thức ký tên vào bản kiến nghị đòi nhà cầm quyền Pháp phải trả tự do cho nhóm Nguyễn Văn Tạo, Dương Bạch Mai, Nguyễn An Ninh, Nguyễn Văn Nguyễn, Tạ Thu Thâu<sup>26</sup>. Các chi bộ còn phát động số hội viên các nghiệp đoàn nội ái hữu tham gia rải truyền đơn vận động quần chúng lao động đấu tranh đòi tự do dân chủ, giảm sưu cao thuế nặng . . . Tháng 4 năm 1939 truyền đơn được rải ra suốt ở tỉnh lỵ từ nhóm ủng hộ báo Dân chúng và phần nhiều ở chợ Cái Côn (Kế Sách). Theo báo cáo của chủ quận Kế Sách, Chủ tỉnh Sóc Trăng là B.Monvoisin đã ra nghị Thống đốc Nam kỳ cho phép bắt những người cầm đầu của tổ chức Ái hữu ở An Lạc Thôn.

Hoạt động của một số nơi trong tỉnh có sự lãnh đạo của chi bộ cộng sản có tác dụng gây tiếng vang, có tác dụng bồi đắp, tập hợp số thanh niên tiến bộ tham gia phong trào. Sang năm 1938, một số chi bộ cộng sản của tỉnh Sóc Trăng lại được thành lập như chi bộ Hòa Tú vào tháng 1/1938, chi bộ đồn điền Labasthe (Kế Sách) vào giữa năm 1938. Được sự chỉ đạo của Liên Tỉnh ủy Cần Thơ, Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng được thành lập vào cuối năm 1938. BCH Tỉnh ủy được chỉ định gồm có 5 đồng chí, do đồng chí Dương Minh Quan làm bí thư.

Từ cuối năm 1938, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến phức tạp, nguy cơ chiến tranh thế giới nổ ra ngày càng đến gần. Phát xít Nhật đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Trung Quốc và không dẫu ý đồ chiếm lấy Đông Dương. Chính phủ tư sản Pháp tại chính quốc và thực dân Pháp tại Đông Dương ngày càng lộ rõ bộ mặt phản động, chống lại phong trào cách mạng của quần chúng lao động tại chính quốc và phong trào cách mạng tại Đông Dương. Chúng ra nhiều văn bản cấm sự hoạt động của Đảng Cộng sản và các hoạt động đòi tự do dân chủ khác của quần chúng lao động.

<sup>26</sup> Những người này đều là lãnh đạo phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ tại Nam kỳ. Trừ Tạ Thu Thâu theo nhóm Trokiste, tức nhóm thiểu số, theo chủ nghĩa xét lại, số còn lại đều là cán bộ lãnh đạo, theo chủ nghĩa cộng sản hoặc có xu hướng cộng sản.

### III. CÔNG NHÂN, LAO ĐỘNG TÌNH SỐC TRẮNG TRONG PHONG TRÀO ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VỚI ĐỈNH CAO LÀ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939-1945).

Ngày 01/09/1939, chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ với sự kiện phát xít Đức tấn công Ba Lan. Tiếp đến, ngày 03/09/1939, chính phủ Anh và chính phủ tư sản Pháp tuyên chiến với phát xít Đức. Lợi dụng tình hình này, chính phủ phản động Pháp thi hành hàng loạt các biện pháp hoàn toàn phát xít nhằm thủ tiêu các phong trào cách mạng dân chủ, yêu nước và tiến bộ ở Pháp cũng như ở các thuộc địa. Ngày 26/9/1939, Tổng thống Pháp Albert Lebrun ký sắc lệnh giải tán Đảng Cộng sản Pháp và ra lệnh đàn áp các tổ chức tiến bộ. Chỉ hai ngày sau, Toàn quyền Đông Dương ký nghị định cấm Đảng Cộng sản Đông Dương và các tổ chức quần chúng do Đảng lãnh đạo hoạt động, kể cả những hình thức tuyên truyền trực tiếp hay gián tiếp. Thống đốc Nam kỳ đã gửi điện văn sao lại sắc lệnh này gửi cho các Chủ tịch Tham biện thuộc quyền. Điều thứ nhất trong Sắc lệnh này nêu rõ: “Cấm ngặt những hành vi, bất luận hình thức nào, hoặc trực tiếp hay gián tiếp, chú ý để tuyên truyền những khẩu hiệu của phái Đệ tam Quốc tế, hay của những cơ quan dưới quyền kiểm soát của phái ấy. Căn cứ vào Sắc lệnh này, các Hội Ái hữu, các tổ chức liên quan đến Đảng Cộng sản hoặc hoạt động theo kiểu Đệ tam Quốc tế, những tài liệu tuyên truyền có liên quan... đều bị cấm. Nghị định của Toàn quyền Đông Dương ngày 28/9/1939 cũng quy định những hình thức xử phạt rất nặng đối với những ai vi phạm. Ngày 5/10/1939, theo lệnh của thực dân Pháp, Bảo Đại cũng ra đạo dụ cấm các cuộc họp các tuyên truyền Cộng sản. Đến ngày 17/11/1939, Toàn quyền Đông Dương lại tiếp tục ra nghị định tịch thu và phát mãi tài sản của Đảng Cộng sản Đông Dương<sup>27</sup>. Ngày 20/01/1940, Tổng thống Pháp lại ban hành sắc lệnh thực hiện trên toàn lãnh thổ Đông Dương cho phép thực hiện các biện pháp đối với những người mà chúng cho là nguy hiểm như phải bị quản thúc, bị rời khỏi nơi cư trú, bị giam giữ trong các trại theo hình thức quân sự đặc biệt... Ngày 22/09/1940, Bộ Tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương ký hiệp ước thỏa thuận cho phát xít Nhật sử dụng lãnh thổ Bắc kỳ vào những mục đích quân sự. Sau đó, Nhật liên tục đưa quân vào Đông Dương gây sức ép với thực dân Pháp cả về quân sự lẫn kinh tế.

Để phục vụ cho chiến tranh, thực dân Pháp đã áp dụng chính sách kinh tế thời chiến, bóc lột hết sức tàn bạo và tăng cường bắt thanh niên các thuộc địa đi lính. Ngày 12/09/1940, 2.000 thanh niên đầu tiên thuộc dân xứ Đông Dương bị ép buộc đi lính cho Pháp và sau đó hàng chục ngàn thanh niên bị bắt lính đưa sang Pháp<sup>28</sup>. Dưới sự lãnh đạo của Đảng một làn sóng đấu tranh của quần chúng lao động chống bắt lính diễn ra trên mọi khắp cả nước, nhất là ở Nam kỳ.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Toàn quyền Đông Dương và Thống đốc Nam kỳ, thực dân Pháp đã đóng cửa hàng loạt các báo, tạp chí tiến bộ, trong đó có các tờ báo do Đảng chỉ đạo như Dân chúng, Lao động, Công luận, Le Peuple v.v... Khắp các tỉnh Nam kỳ, nhiều cán bộ, đảng viên, hội viên các tổ chức quần chúng bị bắt, kết án và đày đi các nhà lao. Chỉ riêng trong tháng 9/1939, Pháp đã bắt khoảng 2.000 cán

<sup>27</sup> Tên Toàn quyền Catroux tuyên bố: “Lần này chúng ta không chờ cho mụn độc phát triển, phải mở nó trước khi nó phát triển. Chúng ta cần đánh toàn diện và mau lẹ vào các tổ chức Cộng sản. Chống Cộng là cuộc đấu tranh hàng ngày. Trong cuộc đấu tranh này, phải tiêu diệt Cộng sản thì xứ Đông Dương mới được yên ổn và mới trung thành với nước Pháp. Chúng ta không có quyền không thắng. Tình thế chiến tranh bắt buộc chúng ta hành động không chút thương tiếc nào”.

<sup>28</sup> Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội đồng TW chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.90.

bộ, đảng viên trong cả nước, riêng ở Nam kỳ là 800 người. Tại Sóc Trăng, thực dân Pháp cũng đưa quân lùng bắt số cán bộ, đảng viên và các cơ sở quần chúng cách mạng.

Ở quận Vĩnh Châu, Pháp đã bắt Sáu Hồ và Tám Nhạn là 2 hội viên trong nghiệp đoàn xe đò và đày đi Côn Đảo. Đ/c Dương, Bí thư chi bộ bị lộ phải chuyển địa bàn. Số còn lại rút vào hoạt động bí mật, tiếp tục bám trụ gây cơ sở, tổ chức lại các tổ, hội quần chúng.

Tại trung tâm tỉnh lỵ Sóc Trăng, hiệu sách Thanh niên thư quán bị đóng cửa, đồng chí Dương Kỳ Hiệp bị địch bắt. Ở An Lạc Thôn (Kế Sách) các đồng chí Nguyễn Trung Tĩnh, Nguyễn Văn Thơ, Hồ Văn Cần (Nhi), lãnh đạo hội Ai hữu Nông dân Ba Trinh và An Lạc Thôn cũng bị bắt từ ngày 15/4/1939 cùng với một số sách, tài liệu cấm tuyên truyền bị tịch thu. Cả 3 người đều bị đưa ra toà kết án mỗi người 1 năm tù.

Được sự chỉ đạo trực tiếp của Liên Tỉnh ủy Cần Thơ, các chi bộ Đảng và một số tổ chức quần chúng ở một số địa bàn khác trong tỉnh đã kịp thời rút vào hoạt động bí mật. Phong trào cách mạng ở Sóc Trăng nói riêng, Nam kỳ và cả nước nói chung đứng trước một thử thách mới và đòi hỏi cần có chủ trương chỉ đạo kịp thời của tổ chức Đảng.

Để kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng, BCH TW Đảng đã tổ chức hội nghị vào tháng 11/1939 (sau này gọi là hội nghị Trung ương lần thứ VI). Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, thay bằng khẩu hiệu “Chống bọn ăn cướp đất, trả lại đất cho dân cày, trả công điền lại cho dân, chia đất hoang và giúp khí cụ tiền bạc cho dân cày cấy, chống địa tô cao . . .”, và một số khẩu hiệu khác như “Chống bắt phu, bắt canh, đi phu phải trả tiền, tiền lương thường; chống thêm thuế mới, tăng thuế cũ, bỏ hẳn thuế cho dân nghèo, chống đế quốc chiến tranh, ủng hộ chiến tranh giải phóng, ủng hộ chính sách hòa bình của Liên Xô v.v . . .”<sup>30</sup>. Hội nghị còn đề ra nhiệm vụ chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước là tập trung đoàn kết các lực lượng yêu nước, cả đồng bào dân tộc ít người, để chống chiến tranh đế quốc, đấu tranh giành độc lập dân tộc và tự do kinh tế. Hội nghị nhất trí thành lập “ Mặt trận thống nhất phản đế Đông Dương”. Hội Công nhân phản đế tức Công hội Việt Nam xác định nhiệm vụ giáo dục cho công nhân nhận thức thân phận đế, chống áp bức dân tộc, lật đổ chính quyền thực dân, tiến tới giải phóng hoàn toàn giai cấp công nhân và toàn dân tộc.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Xứ ủy Nam kỳ chỉ đạo các tổ chức Đảng trong xứ tích cực hoạt động, xây dựng lực lượng chờ thời cơ mới. Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng được tăng cường thêm cán bộ từ các nơi về đã chỉ đạo các chi bộ trong tỉnh củng cố chuẩn bị mọi mặt từ công tác tuyên truyền, huấn luyện đến xây dựng, phát triển đảng viên mới và tổ chức thêm lực lượng quần chúng cách mạng, chọn số nòng cốt để lãnh đạo từng nhóm quần chúng tại địa phương. Nổi bật là công tác chuẩn bị của chi bộ làng Hòa Tú, Lạc Hòa, An Lạc Thôn . . . tạo được khí thế sôi nổi trong quần chúng, như tổ chức diễn thuyết, in ấn, phát hành truyền đơn, tài liệu, luyện tập võ nghệ . . . Các tổ chức Thanh niên phản đế, Phụ nữ phản đế, Tổ Tam tam chế được xây dựng bí mật với hàng trăm lực lượng trong đó có cả số cán bộ cốt cán dân tộc Khmer và Hoa. Một số chi bộ kết nạp thêm đảng viên như ở Hòa Tú, Trường Khánh-Châu Khánh; một số chi bộ Đảng mới được thành lập như ở Phú Hữu (Long

<sup>29</sup> Báo cáo của Chủ tỉnh Sóc Trăng ngày 23/7/1939 gửi Thống đốc Nam kỳ (Association subversive à An Lac Thon (Soc Trang) 7/1939, TTLTQG 2 tại TPHCM, IIA.45/283(6))

<sup>30</sup> Văn kiện Đảng toàn tập, tập 6 (1936-1939), trang 554-555



Phú) và trong tỉnh lỵ. Tháng 3/1940, Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng nhận được đề cương khởi nghĩa của Xứ ủy Nam kỳ. Công tác chuẩn bị càng thêm sôi nổi hơn.

Các chi bộ tiếp tục tuyên truyền, giáo dục, tập hợp quần chúng đấu tranh chống bắt lính, chống tăng thuế, đòi tự do dân chủ, đòi tăng lương cho công nhân, giảm tô, tức cho nông dân v.v. . . Nhiều tổ chức quần chúng như các Hội Ái hữu, các Nghiệp đoàn vẫn duy trì hoạt động theo sự hướng dẫn của Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng.

Phong trào cách mạng được duy trì và phát triển ở các vùng nông thôn và thành thị, nhiều cuộc hội họp tuyên truyền về cách mạng, rèn luyện võ nghệ, kêu gọi quần chúng đánh đổ đế quốc, thực dân và phong kiến tiếp tục được tổ chức ở Mỹ Quới, Hòa Tú, An Lạc Thôn, Tân Thạnh, Châu Khánh, Bang Long- Giếng Nước v.v. . . Từ tháng 5/1940, nhiều truyền đơn xuất hiện trên lộ Long Phú đi về tỉnh lỵ nhân ngày Quốc tế lao động 1.5, kêu gọi nhân dân đứng lên “Đánh đổ phát xít và phản động thuộc địa” “đả đảo chiến tranh đế quốc” . . . Đặc biệt, ngay từ những ngày đầu tháng 7/1940, công tác tuyên truyền vận động được tổ chức rầm rộ các nơi trong tỉnh dưới các hình thức rải, dán truyền đơn, áp phích, treo cờ. Tối ngày 7 rạng sáng ngày 8/7/1940, nhiều truyền đơn viết tay và áp phích được ta rải và dán ở trường học và chợ Châu Khánh. Đêm 9 rạng sáng ngày 10/10/1940, cùng với việc treo cờ nhiều ngôi sao, búa liềm và 2 băng rôn, 1.000 truyền đơn được bí mật rải ở ngoại ô tỉnh lỵ, trên các tuyến đường từ Sóc Trăng đi Cần Thơ, Long Phú, Đại Ngãi, Bãi Xàu. Từ tối ngày 10 đến 15/7, lãnh đạo Tỉnh ủy và các chi bộ Đảng liên tục chỉ đạo tổ chức rải truyền đơn, dán áp phích, treo biểu ngữ ở các nơi như ở Tham Bôn, Gò Hồ, Phú Hữu, chợ Hélène Ville (Mang Cá), Khánh Hưng, nhiều đường phố trung tâm, cạnh văn phòng cơ quan Hydraulique Agricole (Thủy nông) . . . Nơi đây những truyền đơn kêu gọi quần chúng An Nam, Cam Bốt, Trung Quốc, những người thợ, những người lao động, các giới thợ thuyền, phụ nữ, người làm thuê . . . cùng tập hợp lại thành lập nước Cộng hòa Đông Dương và quan hệ với cách mạng Nga, Trung Quốc và cách mạng thế giới để chống lại thực dân Pháp, phát xít Nhật, Đức và Xiêm (Thái Lan).

Tối 10/7/1940, đồng chí Dương Minh Quan, Bí thư Tỉnh ủy lâm thời bị địch bắt tại tỉnh lỵ khi đang rải truyền đơn cùng các đồng chí Trần Sớm, Nguyễn Văn Bạch. Liên tiếp trong các ngày từ 11/7 đến 15/7/1940, nhiều truyền đơn tiếp tục được rải khắp nơi trong tỉnh với lời kêu gọi quần chúng kiến nghị đòi thực dân Pháp trả tự do cho đồng chí Dương Minh Quan. Một số nội dung trong các áp phích nêu rõ “yêu cầu thả tự do ngay cho anh Quan”, “đánh đổ thực dân Pháp và bọn chó săn”, “Hãy tập hợp vào các nhóm để đấu tranh” v.v. . .<sup>31</sup>

Tên chính trị Sóc Trăng tăng cường lực lượng cảnh sát canh phòng nhưng vẫn không phát hiện được những người dán áp phích và cũng không phát hiện được một người khi nghỉ nào. Tuy vậy, với số tay sai ở các nơi, chúng vẫn tiếp tục theo dõi phát hiện tiến hành 3 vụ bắt người, trong đó có đồng chí Dương Minh Quan, bị bắt tại tỉnh lỵ, đồng chí Mai Văn Ty<sup>32</sup> tại làng Ba Trinh (Kế Sách). Có thể nói, dù địch có tăng cường lực lượng tuần tra, canh gác nhưng những tháng giữa năm 1940 cho đến trước khi nổ ra cuộc khởi nghĩa 23/11/1940, trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, phong trào đấu tranh của quần chúng lao động, cả thành thị và nông thôn đều có một bước phát triển mới, sôi nổi hơn. Điều này cho thấy các tổ chức quần chúng cách mạng ở Sóc Trăng vẫn tiếp tục phát triển sau cao trào Dân chủ Đông Dương 1936-1939.

<sup>31</sup> Tài liệu ở TTLTQG II, ký hiệu II.A.45/292(1), II.A.45/326 (2), II.A.45/261(1).

<sup>32</sup> Cả 2 đồng chí đều bị Pháp bắt, xử án, đày đi Côn Đảo và hy sinh tại đây.

Lúc này, trước chuyển biến tình hình trên thế giới và Đông Dương, Xứ ủy Nam kỳ chưa thống nhất cao trong chỉ đạo cuộc khởi nghĩa toàn xứ, nên cử đồng chí Phan Đăng Lưu ra Bắc xin ý kiến các đồng chí Trung ương Đảng quyết định.

Tuy nhiên, trong thời gian chờ tin tức đồng chí Phan Đăng Lưu, do sự biến chuyển phức tạp và thúc đẩy của tình hình thực tế, trên cơ sở nghiên cứu, vận dụng chủ trương của hội nghị lần thứ VI của BCHTW Đảng, Xứ ủy Nam kỳ quyết định ra lệnh khởi nghĩa toàn Xứ vào đêm 23/11/1940.

Nhận được lệnh khởi nghĩa của Xứ ủy, Tỉnh ủy Sóc Trăng nhanh chóng họp bàn kế hoạch chỉ đạo điểm khởi nghĩa chính và các điểm hoạt động hỗ trợ, phân công cán bộ của Tỉnh triển khai ngay cho các chi bộ tập hợp lực lượng, tham gia khởi nghĩa. Công tác chuẩn bị khởi nghĩa được tiến hành ở Lạc Hòa (Vĩnh Châu); An Lạc Thôn, Ba Trinh (Kế Sách); Tân Thạnh, Trường Khánh (Long Phú); Ngã tư Cột lộng đèn (ngoại ô thị xã) và địa điểm chính là Hòa Tú.

Do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân bị lộ kế hoạch khởi nghĩa nên thực dân Pháp đã đề phòng, các điểm hỗ trợ đều không tiến hành được kế hoạch đã đề ra, trừ ở Ba Trinh, lực lượng quần chúng tham gia đốt cầu Cái Trâm chỉ gây thiệt hại nhỏ.

Riêng tại địa điểm chính Hòa Tú, khởi nghĩa nổ ra và giành thắng lợi trọn vẹn. Hàng trăm nông dân và các tầng lớp quần chúng lao động, gồm cả người làm thuê, bầu gánh hát, thầy giáo, tín đồ Hòa Hảo, dân tộc Hoa... đã tập hợp dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, do đồng chí Văn Ngọc Chính, Bí thư chi bộ làm Chỉ huy trưởng đứng lên khởi nghĩa. Đoàn quân cách mạng tiến đánh thành công ở 4 địa điểm là bót Cổ Cò, Nhà hương quản Tệt, nhà địa chủ Nguyễn Trần Lữ và đồn điền Trương Vĩnh Khánh, thu được 7 súng, đạn dược, thiêu hủy nhiều hồ sơ sách của địch.

Do thời cơ khởi nghĩa chưa chín muồi nên cũng như các cuộc khởi nghĩa ở các tỉnh, cuộc khởi nghĩa Hòa Tú bị thực dân Pháp đàn áp khốc liệt. Trong toàn tỉnh Sóc Trăng, chúng bắt một số cán bộ đảng viên và quần chúng cốt cán ở Hòa Tú, An Lạc Thôn, Lạc Hòa, Ba Trinh, Châu Khánh, Trường Khánh và tại Ngã tư Cột lộng đèn (thị xã Sóc Trăng). Tại làng Hòa Tú có hàng trăm ngôi nhà bị đốt cháy, trong đó có cả Thất Cao đài Hòa Tú; một số cán bộ đảng viên, hơn 100 quần chúng bị địch bắt. Toàn tỉnh có 36 cán bộ đảng viên và quần chúng cốt cán của Sóc Trăng bị kết án đày đi Côn Đảo, 16 đồng chí đã anh dũng hy sinh trong nhà tù.

Sau cuộc khởi nghĩa Nam kỳ, thực dân Pháp và tay sai hết sức lo ngại trước sức mạnh của nhân dân Nam kỳ dưới sự lãnh đạo của Xứ ủy. Vì vậy, vừa tiến hành đàn áp, kêu án, đày đọa nhiều nhà tù những người tham gia khởi nghĩa, thực dân Pháp vừa tìm mọi biện pháp ngăn chặn rắn đe, dụ dỗ mua chuộc những đối tượng chúng nghi ngờ, kể cả lực lượng trong quân đội của chúng, nhất là những người có quê quán gốc tại những nơi nổ ra khởi nghĩa.

Vừa phải tăng cường lực lượng để đối phó với phong trào cách mạng tại Đông Dương, thực dân Pháp vừa bị sức ép của Nhật buộc phải ký một số văn bản, đáng chú ý là hiệp ước "Phòng thủ chung ở Đông Dương" ký ngày 29/7/1941. Căn cứ vào hiệp ước này, Nhật tiến hành triển khai quân đội sử dụng những sân bay ở Nha Trang, Đà Nẵng, Biên Hòa, Sài Gòn, Sóc Trăng, Xiêm Riệp, Kông Pông Trạch và các hải cảng Đà Nẵng, Cam Ranh, Sài Gòn. Thực chất là quân Nhật đã chiếm đóng các căn cứ Đông Dương và thực dân Pháp gần như lệ thuộc vào yêu cầu của phát xít Nhật. Tuy nhiên, với bản chất xâm lược và âm mưu chia để trị, thực dân Pháp vẫn tiến hành một số chính sách để lôi kéo một bộ phận quần chúng, nhất là tầng lớp thanh niên, học sinh theo chúng. Tháng 7/1941, Tổng cục Thể dục thể thao Đông Dương được thành lập,

đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của tên đại tá Duy-cu-roi (Ducouroy). Mỗi xứ đều có một trung tâm thể dục thể thao và một Ủy hội Thanh niên có trách nhiệm kiểm soát, tổ chức và giúp đỡ phong trào thể dục thể thao và thanh niên phù hợp với mục đích của chính quyền thực dân. Đến tháng 12/1941, Toàn quyền Đông Dương quyết định thành lập Tổng cục Thể dục thể thao và Thanh niên với nhiệm vụ đẩy mạnh việc thu hút các tầng lớp thanh niên học sinh vào những hoạt động thể dục thể thao, âm mưu tách thế hệ trẻ khỏi sức hút của phong trào cách mạng, đồng thời cũng đối phó với kế hoạch thu hút thanh niên do Nhật chủ xướng.

Thực hiện chủ trương của Toàn quyền Đông Dương, chủ tỉnh Sóc Trăng triển khai kế hoạch và tổ chức bộ máy chỉ đạo phong trào thể dục thể thao, thanh niên. Phong trào hoạt động tương đối rầm rộ ở tại tỉnh lỵ, quận Châu Thành, một phần quận Long Phú tiếp giáp tỉnh lỵ. Chính quyền thực dân khuyến khích nhiều hình thức hoạt động cho “phong trào thanh niên Duy-cu-roi” như tổ chức các hoạt động thể dục thể thao vào các dịp lễ Pâques (lễ Phục sinh) hàng năm từ 13 đến 15.4, cuộc chạy hỏa đài rước đuốc từ Ăngco ra Hà Nội (năm 1941), từ Hà Nội vào Sài Gòn (năm 1943), các cuộc đua xe đạp vòng quanh Đông Dương . . . Thống đốc Nam Kỳ còn ban hành Nghị định ngày 4/3/1942 cho công chức nghỉ các ngày thứ bảy để luyện tập thể dục.

Những hoạt động này đã cuốn hút phần nào số thanh niên học sinh, công chức, nhất là ở đô thị, trung tâm tỉnh lỵ, quận lỵ. Trong khi đó, ở vùng nông thôn, do thất mùa, do chiến tranh và chính sách thuế khóa nặng nề của thực dân Pháp và phát xít Nhật, nên đời sống nông dân nghèo nhất là vùng dân tộc Khmer càng cơ cực, đói kém, phải ăn củ mì, củ năng, bông súng qua ngày trong những lúc giáp hạt. Nhiều nhà không có dầu đốt, phải mặc quần bằng bố tời, áo thì chằm lá dứa như ở Mỹ Thanh, Cỏ Cò v.v . . . Nhà người dân nào thiếu thuế thân thì phải bị cảnh bắt bớ, tù đày. Lợi dụng tình cảnh khó khăn của quần chúng, để chiêu mộ số quân lính đưa đi đánh với quân Xiêm (Thái Lan), thực dân Pháp kêu gọi thanh niên Khmer tình nguyện đi lính cho chúng và được thưởng từ 5 đồng đến 20 đồng<sup>33</sup>. Pháp lợi dụng tín ngưỡng của đồng bào Khmer, sử dụng chiêu bài mị dân cho rằng đi lính cho Pháp để đánh Xiêm, bảo vệ chùa Khmer trên đất Cam Bốt. Do cuộc sống thóc bách, khá đông hộ dân Khmer cho con em đi lính để cứu đói cho gia đình. Thậm chí hơn, thực dân Pháp còn tổ chức lực lượng Khmer phản động ở các xóm ấp có nhiều đồng bào dân tộc như ở Vĩnh Châu, Lạc Hòa (quận Vĩnh Châu), Tân Hưng (quận Long Phú) . . . với ý đồ dùng người Khmer trị người Khmer, đồng thời sử dụng lính Khmer để đàn áp phong trào cách mạng ở những vùng người Kinh, gây sự chia rẽ giữa đồng bào Kinh và Khmer.

Đến dịp thời chỉ đạo tình hình cách mạng trong nước, ngày 8 tháng 2 năm 1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở về nước và chủ trì hội nghị BCHTW Đảng vào tháng 5/1941<sup>34</sup>. Hội nghị xác định “Pháp, Nhật ngày nay không phải chỉ là kẻ thù của công nông mà còn là kẻ thù chung của cả dân tộc Đông Dương” và kịp thời đưa ra đường lối mới cho cách mạng Việt Nam, đặc biệt là nêu bật nhiệm vụ giải phóng dân tộc, vấn đề thành lập chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa . . . Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh thay cho Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, đề ra nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng Lào, Campuchia thành lập Mặt trận của mình. Hội nghị khẳng định: “cuộc cách mạng Đông Dương sẽ kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang” và “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi

<sup>33</sup> giá lúa lúc đó chỉ có 0đ25/1gia.

<sup>34</sup> sau này gọi là hội nghị lần thứ VIII

nghĩa từng phần trong từng địa phương giành thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”. Trên cơ sở hội nghị này, Hội Công nhân phản đế đổi tên thành Hội Công nhân cứu quốc. Điều lệ của Hội rộng rãi hơn trước là bất kỳ ai muốn đánh Pháp, đuổi Nhật giành độc lập đều có thể gia nhập Hội. Hội đề ra nhiệm vụ cụ thể cho các cấp hội tuyên truyền vận động công nhân trong cả nước tập hợp đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, lãn công, đình công để phản đối đánh đập, khủng bố...

Vượt qua những khó khăn từ sau khởi nghĩa 23/11/1940, dưới ánh sáng nghị quyết hội nghị 8 của Trung ương, được sự chỉ đạo của Xứ ủy, phong trào cách mạng trong tỉnh từng bước được khôi phục. Số cán bộ đảng viên của các chi bộ từng bước trở về bám địa bàn, xây dựng lực lượng cốt cán trong quần chúng 3 dân tộc Kinh, Khmer, Hoa ở các địa bàn tỉnh lỵ, Long Phú, Kế Sách, Phú Lộc. Cán bộ Xứ ủy và Liên Tỉnh ủy lần lượt về Sóc Trăng giúp các chi bộ Đảng phát triển thêm đảng viên, khôi phục và xây dựng lại các tổ chức quần chúng. Năm 1944, tài liệu Việt Minh được bí mật đưa về và phổ biến cho các chi bộ trong tỉnh. Các tổ chức Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc được hình thành tại tỉnh lỵ, ở Trường Khánh...

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, trực tiếp nắm quyền thống trị ở Đông Dương. Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở hội nghị từ tối 9/3 đến ngày 12/3/1945 nhất trí nhận định tình hình và ra bản chỉ thị lịch sử “Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Chỉ thị xác định kẻ thù chính, cụ thể trước mắt của cách mạng Việt Nam là phát xít Nhật; đề ra mục tiêu thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân, phát động một cao trào kháng chiến chống Nhật làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa trên cơ sở dựa vào sức mình là chính.

Được sự chỉ đạo của Trung ương và với sự năng động của cán bộ đảng viên các cấp trong toàn xứ Nam kỳ, hệ thống tổ chức Đảng toàn xứ đến các Liên tỉnh ủy, Tỉnh ủy và cơ sở được củng cố và phát triển.

Tháng 3/1945, Liên tỉnh ủy Hậu Giang chỉ đạo thành lập BCH lâm thời tỉnh Sóc Trăng (lần III) gồm 5 đồng chí do đồng chí Dương Kỳ Hiệp làm Bí thư. Đồng chí Phan Văn Hoành, người từng tham gia xây dựng và tổ chức phong trào trong giới công nhân, lao động thuộc ngân sách toàn tỉnh, tham gia làm ủy viên BCH Tỉnh ủy. Phong trào cách mạng của tỉnh lại được củng cố và có sự chỉ đạo thống nhất trực tiếp của Tỉnh ủy.

Ngay trong ngày 9/3/1945, Nhật nổ súng tấn công quân Pháp trên toàn cõi Đông Dương, thế dân Pháp tại Sóc Trăng hết sức hoang mang, lo sợ. Chúng vừa cho chở xăng dầu, muối, gạo, đồ đạc, vừa trưng dụng các phương tiện vận tải, cướp lấy ruộng đường, tập hợp ở các tiệm buôn cùng nhau bỏ trốn. Tên chủ tỉnh Sóc Trăng Bạc-ten (Bartel), trước khi bỏ trốn trong đêm 12/3, còn cho tay sai lấy hết tiền trong Ngân khố tỉnh để một bộ phận nhân viên người bản xứ ở lại.

Tại Sóc Trăng, đến ngày 14/3, quân Nhật mới tiến hành cuộc đảo chính Pháp, chiếm các công sở, bắt giữ những tên Pháp chưa kịp chạy trốn, truy kích những tên chạy trốn xuống Bạc Liêu. Nhật cho giữ nguyên bộ máy cai trị tay sai của Pháp trong tỉnh và các quận để tiếp tục làm công cụ cho chúng. Võ Văn Đảnh, trước đây là Tỉnh trưởng Sóc Trăng làm tay sai cho Pháp nay được giữ nguyên chức và lại làm tay sai cho Nhật.

Trong lúc tình hình rối ren như vậy, các tổ chức thân Pháp, thân Nhật, các tổ chức tôn giáo... lại bung ra hoạt động nhằm lôi kéo quần chúng, gây thêm nhiều phức tạp cho tình hình chính trị tại Sóc Trăng lúc bấy giờ. Trước tình hình này, một số công chức trong bộ máy chính quyền Pháp có ý thức yêu nước đã tập hợp số thanh

niên yêu nước lại hình thành nên tổ chức Đội Thanh niên Bảo an. Nhiệm vụ của Đội là giữ gìn trật tự trị an, đấu tranh chống lại bọn tay sai thân Pháp, kêu gọi đấu tranh cho độc lập của đất nước. Tuy nhiên, Đội Thanh niên Bảo an lại rất mơ hồ về chính trị, tin rằng Nhật sẽ đem lại tự do độc lập thật sự cho Việt Nam theo thuyết Đại Đông Á mà Nhật hô hào.

Trước tình hình tư tưởng trong một số tầng lớp quần chúng, nhất là thanh niên chưa được ổn định, Tỉnh ủy lâm thời Sóc Trăng đã thông qua số cán bộ cốt cán đi sâu giải thích cho số thanh niên trong Đội Thanh niên Bảo an về chính sách lừa bịp, mị dân của Nhật, hướng dẫn họ theo con đường đấu tranh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhờ vậy số thanh niên trong Đội đã tích cực tham gia có hiệu quả các phong trào bắt trộm cướp, bài trừ mê tín dị đoan, vận động xây dựng đời sống mới, tẩy chay rượu chè cờ bạc. Cuộc mít tinh ngày 25/3/1945 hơn 1.000 người gồm Kinh, Khmer, Hoa tham gia với vai trò nòng cốt của Đội Thanh niên Bảo an làm cho bọn Nhật lo sợ, ra lệnh đàn áp và giải tán cuộc biểu tình. Bộ mặt tự do giả hiệu của Nhật bị phơi bày. Tỉnh ủy đã kịp thời cho số thanh niên trong đội lánh mặt tránh sự đàn áp của Nhật.

Tháng 4/1945, Liên Tỉnh ủy (LTU) miền Tây được thành lập và tổ chức hội nghị mở rộng. Sau khi dự hội nghị và được bầu làm ủy viên LTU, ông Dương Kỳ Hiệp trở về tổ chức hội nghị Tỉnh ủy mở rộng báo cáo lại hội đồng chỉ đạo của cấp trên, đề ra kế hoạch xây dựng tổ chức cơ sở đảng và quần chúng, kêu gọi các tầng lớp nhân dân tham gia Mặt trận Việt Minh. Các tổ chức công nhân, các nghiệp đoàn, hội Phụ nữ cứu quốc, hội Nông dân cứu quốc... ở nhiều nơi trong tỉnh được thành lập.

Tháng 5/1945, tổ chức Thanh niên Tiên phong Nam kỳ được thành lập do bác sĩ Phạm Ngọc Thạch làm thủ lĩnh. Đây là tổ chức do Nhật đề xướng nhằm tập hợp số thanh niên Việt Nam theo chúng nhưng Xứ ủy đã khéo léo lợi dụng hình thức tập hợp thanh niên của địch để đưa cán bộ của Đảng và các tổ chức quần chúng vào nắm quyền lãnh đạo, hướng số thanh niên vào các hoạt động yêu nước, chống thực dân, phát xít.

Tại Sóc Trăng, tháng 5/1945, tổ chức Thanh niên Tiên phong tỉnh được thành lập<sup>35</sup>. Nhiều đồng chí cốt cán được phân công nhiệm vụ trưởng các ban của TNTP cấp tỉnh và các vị trí vai trò quan trọng khác trong TNTP ở tỉnh, các quận cho tới các làng. Tổ chức Đoàn Thanh niên Tiên phong được thành lập ở các khu vực tỉnh lỵ thu hút nhiều thanh niên lao động, giáo chức, công chức tham gia. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn chỉ đạo thành lập tổ chức Thanh niên Tiên phong trong giới buôn gánh bán bưng, giới xe lôi, xe đẩy do đồng chí Quế Hương, Giáo Trọng lãnh đạo; tổ chức Thanh niên Tiên phong trong giới thợ bạc, thợ thủ công do đồng chí Châu Ngọc Lân phụ trách v.v. . . . Tại các tổ chức nêu trên, các hội Cứu quốc được hình thành thêm như công nhân Cứu quốc, nhà máy xay lúa, Tiểu thương cứu quốc chợ Khánh Hưng, Giáo chức Cứu quốc ở các trường học v.v. . . .

Từ sau khi Nhật đảo chính Pháp 9/3/1945, cùng với việc đóng cửa các trường Pháp-Khmer trong các chùa Khmer ở Sóc Trăng, các tổ chức Samacum, phân viện Phật học, tổ chức Yuvan Khmer đều ngưng hoạt động, chờ xem thái độ của Nhật cũng như các tổ chức khác của người Kinh. Vì vậy, khi nhận thấy phong trào TNTP được phát động tương đối rầm rộ thì tổ chức Yuvan Khmer cũng bắt đầu hoạt động trở lại ở

<sup>35</sup> TNTP của tỉnh do anh Dương Văn Đen, người của tổ chức Thanh niên Dân chủ Nam kỳ làm thủ lĩnh. Một số ban của TNTP tỉnh đều có người do Tỉnh ủy đưa vào như đồng chí Phan Văn Chiêu ở Ban Thanh tra, đồng chí Trà Văn Tôt trong Ban Tổ chức, đồng chí Nguyễn Thảo Hiền, Lưu Khánh Đức trong đội Thanh niên Bảo an v.v. . . .

một số xã thuộc tỉnh lỵ và quận Châu Thành, sau đó lan ra các xã khác ở Long Phú, Kế Sách . . . Tuy nhiên, mối quan hệ giữa tổ chức Yuvan Khmer với các thủ lĩnh Thanh niên Tiền phong trong tỉnh có hạn chế, vẫn chưa có thống nhất cao về các điều lệnh huấn luyện, phối hợp hành động. Tình trạng này được giải quyết khi Trịnh Thới Cang từ Phước Long trở về, nhanh chóng liên hệ với Diệp Pé, Dương Văn Đen, Tạ Bá Tông, Đốc Nghĩa để nhận sự chỉ đạo. Nhờ vậy, phong trào đã quy tụ khá đông lực lượng nhân sĩ, trí thức, công chức Khmer trước đây còn lưỡng lự trước phong trào do TNTP và Mặt trận Việt Minh phát động.

Ngày 8/8/1945, Hồng quân Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Ngày 14/8/1945, Hội đồng chiến tranh tối cao và nội các Nhật thông qua quyết định đầu hàng không điều kiện. Ngày 15/8, Đài phát thanh Nhật truyền đi Sắc lệnh của Nhật hoàng đầu hàng không điều kiện với quân Đồng minh. Bọn phát xít Nhật tại Việt Nam nghe được tin này không còn tinh thần chiến đấu, rút vào cố thủ trong các doanh trại. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hết sức hoang mang, không còn lực lượng nào từ bên ngoài ủng hộ, số tay sai công chức trong bộ máy thân Nhật cũng bắt đầu tan rã. Lực lượng phản cách mạng đã không còn đủ sức để thống trị như trước. Khi thì cách mạng trong quần chúng dâng cao hơn bao giờ hết. Tình thế cách mạng trực tiếp xuất hiện.

Từ ngày 13/8 đến 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng được tổ chức ở Tân Trào ra Nghị quyết xác định cơ hội cho ta giành quyền độc lập đã tới. Nghị quyết nêu rõ cần tập trung vào những công việc chính, thống nhất mọi phương diện quân sự, chính trị, hành động và chỉ huy; đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng không kể thành phố hay nông thôn, quân sự và chính trị phải phối hợp, phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước mọi danh. Phải chớp lấy những căn cứ chính trước khi quân Đồng minh vào, thành lập ngay Ủy ban Nhân dân ở những nơi giành được chính quyền. Hội nghị còn đề ra chủ trương chính sách đối nội, đối ngoại sau khi ta đã giành được chính quyền về tay nhân dân. Khi nhận được tin Nhật đầu hàng, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh nhanh chóng thành lập Ủy ban khởi nghĩa. Ủy ban khởi nghĩa đã ra quân lệnh số 1 hạ lệnh tổng khởi nghĩa toàn quốc. Ngày 16/8/1945, quốc dân Đại hội khai mạc tại Tân Trào, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, quy định quốc kỳ, quốc ca, cử ra Ủy ban Giải phóng Dân tộc Việt Nam.

Từ ngày 18/8/1945, một số tỉnh lần lượt đứng lên khởi nghĩa giành thắng lợi. Ngày 19/8, khởi nghĩa thắng lợi ở Hà Nội. Ngày 23/8, khởi nghĩa thắng lợi ở Huế. Ngày 25/8, khởi nghĩa thành công ở Sài Gòn.

Tại Sóc Trăng, từ sáng 18/8/1945, công nhân lao động và các tổ chức quần chúng tích cực tham gia rải truyền đơn của Việt Minh khắp các nẻo đường trong tỉnh lỵ kêu gọi nhân dân đoàn kết đứng lên giành lấy chính quyền. Ngày 20/8, BCH Tỉnh ủy họp đề ra kế hoạch chỉ đạo cấp tốc phong trào cách mạng trong tỉnh, yêu cầu các chi bộ, các cán bộ cốt cán phải lập tức vận động đưa đại bộ phận quần chúng công nông, lao động ngành nghề vào các tổ chức cách mạng, tạo ý thức cho công nhân, viên chức chuẩn bị tiếp thu, bảo vệ các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội khi giành chính quyền, vận động gia đình binh sĩ và các binh sĩ trong các trại lính theo cách mạng, tìm cách mua súng đạn của lính Nhật và Pháp để trang bị cho lực lượng cách mạng . . .

Trên tinh thần chỉ đạo này, chỉ trong mấy ngày, lực lượng TNTP , Thanh niên cứu quốc, Yuvan Khmer đã huy động được đông đảo lực lượng thanh niên học sinh tham gia. Đội Bảo an của đồng chí Lưu Khánh Đức và Nguyễn Thảo Hiền bố trí lực lượng bám sát các mục tiêu quan trọng như Trại lính, Tòa bố, Sở Mật thám v.v . . . Để

uy hiệp tinh thần bọn Nhật và Việt gian, ngày 22/8/1945, tổ chức TNTP tiến hành cuộc biểu tình tuần hành biểu dương lực lượng với sự tham gia của hàng ngàn quần chúng và thanh niên khắp nơi trong tỉnh. Từ cuộc họp ở Xứ uỷ về, ngay tối 23/8/1945, đồng chí Dương Kỳ Hiệp triệu tập cuộc họp Tỉnh uỷ mở rộng phổ biến các nội dung cấp bách của Trung ương chỉ đạo, quy định về các nguyên tắc tổ chức chính quyền cách mạng . . . Tỉnh uỷ cũng chỉ đạo cho TNTP, Thanh niên Cứu quốc, Yuvan Khmer cùng các tổ chức quần chúng vận động, tổ chức cho các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tham gia cuộc mítting lớn tại sân vận động tỉnh để lực lượng thanh niên tiên phong tuyên thệ sẵn sàng chiến đấu vì Tổ quốc. Trước khí thế rầm rộ của quần chúng, tên tỉnh trưởng và số tay sai vô cùng lo sợ. Chiều ngày 24/8, Tỉnh uỷ lâm thời tiến hành cuộc họp cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc tỉnh và đề cử Ủy ban hành chính lâm thời tỉnh. Cuộc họp còn thống nhất kế hoạch lãnh đạo khởi nghĩa ở các địa phương trong tỉnh. Riêng tại tỉnh lỵ, Hội nghị nêu bước một là vận động, gây áp lực buộc tỉnh trưởng Võ Văn Đảnh phải giao chính quyền cho cách mạng đồng thời nhân dịp chính quyền địch tổ chức đón khâm sai đại thần Nguyễn Văn Sâm, ta vận động quần chúng nổi dậy giành chính quyền.

Ngay tối 24/8, vừa chỉ đạo in ấn truyền đơn, biểu ngữ chuẩn bị băng cờ khẩu hiệu, Tỉnh uỷ vừa bố trí lực lượng có uy tín đến thuyết phục tỉnh trưởng Võ Văn Đảnh. Trước xu thế phát triển chung của cách mạng, tỉnh trưởng Sóc Trăng phải chấp nhận giao chính quyền cho cách mạng. Các đội tự vệ của TNTP, các đội vũ trang đều bố trí lực lượng canh giữ và áp sát những nơi trọng yếu.

Sáng 25/8/1945, hàng chục ngàn quần chúng Việt Minh, Khmer, Hoa khắp nơi trong tỉnh và các tầng lớp nhân dân tại tỉnh lỵ đã nô nức kéo về dự mítting tại quảng trường của tỉnh. Trước khí thế sôi sục của quần chúng cách mạng, quân Nhật dù trang bị vũ khí đầy đủ cũng nằm im không dám phản kháng. Tỉnh trưởng Võ Văn Đảnh lên khán đài tuyên bố giao chính quyền cho Việt Minh và xin được tha tội. Đồng chí Dương Kỳ Hiệp thay mặt Ủy ban dân tộc giải phóng tỉnh giới thiệu về sự ra đời của Mặt trận Việt Minh và thông báo Tổng Khởi nghĩa đã thành công trên toàn quốc. Đồng chí công bố danh sách Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên Ủy ban hành chính tỉnh do Mặt trận Việt Minh đề cử gồm có 7 người<sup>36</sup>, đại diện cho các dân tộc, tôn giáo và tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945 giành thắng lợi trong cả nước nói chung và tại Sóc Trăng nói riêng, đã quy tụ đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, không phân biệt tôn giáo, dân tộc. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong tỉnh đã đoàn kết dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là Tỉnh uỷ, phát huy sức mạnh giai cấp và dân tộc, góp phần cùng nhân dân cả nước làm nên chiến thắng vĩ đại, bước đầu tiêu diệt chế thống trị của thực dân Pháp, Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Châu Á.

### **Bài học kinh nghiệm:**

Để lãnh đạo thành công cuộc cách mạng, tổ chức Đảng cần phải có lý luận cách mạng soi đường, biết vận dụng vào hoàn cảnh thực tiễn của đất nước, biết tuyên truyền, vận động và tập hợp các tầng lớp nhân dân các giai cấp theo mình làm cách mạng, biết xây dựng lực lượng cách mạng từ không đến có, từ có ít đến có nhiều và

<sup>36</sup> Gồm các Ông: Dương Kỳ Hiệp, Chủ tịch, đại diện Đảng Cộng sản; Ông Tạ Bà Tòng, Phó Chủ tịch, đại diện Đảng Dân chủ; Ông Trần Cẩm Hiệp, ủy viên Nội trị, đại diện giáo chức, học sinh; Ông Vương Kỳ Nam, Ủy viên Quân sự, đại diện tôn giáo; Ông Trần Công, ủy viên thư ký, đại diện dân tộc Khmer; Ông Diệp Văn Giáp, ủy viên Kinh tế Tài chính, đại diện địa chủ yêu nước; Ông Đỗ Hữu Tường, ủy viên Giáo dục-Y tế-Xã hội, đại diện trí thức, tư sản tiến bộ.

đảm bảo lực lượng hơn hẳn kẻ địch. Tiếp đến là vấn đề biết tận dụng và phát huy thời cơ cách mạng là vấn đề có tính chất quyết định cho cuộc cách mạng. Chần chừ, chờ đợi hay làm cách mạng cướp chính quyền trước khi thời cơ xuất hiện hay sau khi thời cơ đã mất thì cũng sẽ không thành công, Kẻ địch có thể đàn áp và sẽ làm tổn thất đến lực lượng cách mạng.; đồng thời vẫn giữ quyền thống trị.

Thư viện Sốc Trắng



**Chuyên đề 3**  
**PHONG TRÀO CÁC MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG SÓC TRĂNG**  
**TRONG 9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946-1954)**

-----

**I. CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG SÓC TRĂNG THAM GIA XÂY DỰNG VÀ CỨNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG ( 9/1945-12/1945).**

Ngay sau khi giành chính quyền trong toàn tỉnh, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Sóc Trăng, hệ thống chính quyền cách mạng được củng cố từ tỉnh đến cơ sở. Trong danh sách Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh công bố cuối tháng 8 năm 1945 gồm có 13 vị. Ủy ban này do đồng chí Phan Văn Chiêu làm Chủ nhiệm là Đảng viên Công sản cùng các vị phó chủ tịch và các uỷ viên thuộc nhiều thành phần tôn giáo dân tộc, các giới và tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Trong đó, có ông Sáu Chô là uỷ viên đại diện cho giai cấp công nhân. Ngay trong ngày 2/9/1945, cơ quan đại diện Tổng Công đoàn tại Sóc Trăng được thành lập, đóng trụ sở tại một khu phố nội ô của tỉnh lỵ, bước đầu quy tụ được hàng trăm đoàn viên.

Cùng với việc chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, Công an như Cộng hòa vệ binh, Quốc gia tự vệ cuộc ( Công an) và cảnh sát để làm nhiệm vụ bảo vệ thành quả cách mạng, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, Tỉnh uỷ còn quan tâm phân công số cán bộ có uy tín phụ trách công tác tôn giáo, công tác vận động đồng bào Khmer, Hoa trong tỉnh. Các đoàn thể cứu quốc như Nông dân cứu quốc, Công nhân Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc . . . được xây dựng và phát triển thêm nhiều đoàn viên, hội viên mới. Theo chỉ đạo chung, các đoàn viên, hội viên của các tổ chức Thanh niên Tiên phong, Phụ nữ Tiên phong . . . đều hợp nhất vào các đoàn thể cứu quốc. Số công nhân, thợ thủ công và lao động làm thuê tại tỉnh lỵ được tuyên truyền vận động vào tổ chức Công đoàn Cứu quốc do đồng chí Trần Văn Thà làm thư ký.

Để tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân theo chính sách Việt Minh, lãnh đạo Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính, Mặt trận Việt Minh tỉnh còn chủ trương lưu dụng một số nhân viên hành chính, gia công, lính gác khám lớn có thiện chí cách mạng, triển khai các biện pháp giữ gìn an ninh chính trị trật tự xã hội, cảm hóa số phần tử bất mãn, bài trừ số việt gian, hội gián. Số anh em trong đội tự vệ của Thanh niên Tiên phong, số thanh niên trước bị địch bắt đi lính, làm cảnh sát cho chúng được giáo dục, một số giác ngộ tốt được gia nhập vào lực lượng vũ trang cách mạng. Hàng trăm cán bộ trong tỉnh được phân công theo học các lớp quân chính, y tá, cứu thương, bồi dưỡng chính trị, kiến thức, kinh nghiệm quản lý chính quyền v.v. . .

ngoài các công tác nêu trên, do hậu quả của chế độ thực dân phong kiến, Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh và Mặt trận Việt minh phải tập trung giải quyết tình trạng thất nghiệp, đói nghèo, bệnh tật, dốt nát. Hàng loạt các vấn đề được thực hiện, nhất là tổ chức phát động phong trào “chống giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm”. Theo đó, các tá điền đang canh tác ruộng được miễn đóng tô; tịch thu toàn bộ tài sản của đồn điền Gressier tại Thạnh Trị gồm nhà máy xay lúa, xưởng sửa chữa, các kho lúa, gạo và nhiều hàng hóa khác để trợ cấp cho dân nghèo vừa cứu đói, vừa cung cấp giống lúa để sản xuất, phân phát lương thực cho các lớp học do Tỉnh và Quân khu tổ chức . . . Số công nhân và lao động có tay nghề được phân công khôi phục, đưa vào hoạt động các

---

<sup>37</sup> hiện nay là nhà số 60 đường Nguyễn Hùng Phước, là trụ sở của Ngân hàng Đầu tư & phát triển tỉnh Sóc Trăng – Phòng giao dịch TPST.

nhà máy rượu ở Bãi Xàu, các nhà máy chà lúa Quách Sên, Nguyễn Văn Kiên, tổ chức sản xuất alcohol ở đồn điền Gressier để phục vụ nhu cầu chung, cung cấp nhiên liệu trong tỉnh và một số nơi khác. Số công nhân có tay nghề đúc, rèn, tiện . . . được Tỉnh ủy và Chính quyền Cách mạng tỉnh huy động phân công làm việc tại các Công binh xưởng nhằm sửa chữa, sản xuất vũ khí, làm lựu đạn, nạp lại thuốc đạn (rò-sạc) Các đồng chí Phan Văn Tấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy cùng đồng chí Tu Đước được phân công phụ trách chính. Các điểm làm Công binh xưởng đầu tiên được tổ chức tại chùa Minh sư, miếu ông Chước, miếu thợ Bạc và ở Châu Khánh ( Long Phú) được khá đông cán bộ, chiến sĩ, lao động có tay nghề tham gia tích cực ngày đêm. Ngoài ra, còn có một số cơ sở sửa chữa vũ khí bên ngành Công an cũng được thành lập từ năm 1946 và ngày càng mở rộng quy mô hơn, quy tụ hàng chục cán bộ, chiến sĩ biết kỹ thuật, có tay nghề rèn, tiện . . . hoặc là những người thợ yêu nước trong tỉnh lỵ theo kháng chiến. Sau này, cán bộ của các Công an xưởng của tỉnh còn được Công an xưởng Nam bộ đào tạo nâng cao tay nghề.

Đặc biệt, đông đảo công nhân và đoàn viên, hội viên các đoàn thể các tầng lớp nhân dân lao động tham gia tích cực “Tuần lễ vàng” được Chính phủ (tên trước và tỉnh triển khai từ ngày 17/9/1945. Chỉ trong 1 tuần, toàn tỉnh thu được 27 tấn vàng. Tính riêng tại tỉnh lỵ, các tầng lớp nhân dân đã đóng góp được 27 lượng 5 chỉ vàng và 30.000đ tiền Đông Dương. Ngoài “Tuần lễ vàng”, công nhân và nhân dân trong tỉnh còn tham gia Tuần lễ “đồng, chì, thau “ quyên góp nguyên liệu cung cấp cho các công binh xưởng sản xuất vũ khí, đạn dược.

Ngoài ra, phong trào bình dân học vụ được tổ chức làm rõ với yêu cầu “ Người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ, người biết nhiều dạy cho người biết ít”. Giáo viên tham gia giảng dạy gồm những người dân, học sinh có trình độ lớp ba, lớp nhì ( lớp 3, lớp 4 hiện nay ). Đặc biệt , phong trào còn quy tụ sự tham gia của các vị linh mục, các vị sư sãi Khơ me trong tỉnh. Học viên tham gia các lớp học gồm đầy đủ các lứa tuổi, từ các cụ phụ lão đến chị em phụ nữ, thanh thiếu niên, các tầng lớp nhân dân lao động.

Từ việc chỉ đạo và tổ chức các phong trào mang lại quyền lợi thiết thực cho các tầng lớp nhân dân, Mặt trận Việt Minh tỉnh ngày càng có uy tín và thu hút sự tham gia của các giai cấp, tầng lớp, kể cả số tư sản dân tộc, các vị chức sắc, tín đồ các tôn giáo.

Lúc 0 giờ ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng gây hấn ở Sài Gòn, bắt đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước Việt Nam lần thứ 2. Ngày 24/9/1945, Tổng Công đoàn Nam bộ ra lời kêu gọi giai cấp công nhân sát cánh cùng toàn dân tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Không thực hiện kế hoạch đón Đoàn tù Chính trị Côn Đảo tại Sài Gòn, Xứ ủy Nam bộ phân công Đảng bộ và nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận nhiệm vụ tổ chức đón tiếp. Ngày 23/9/1945 tại Đại Ngãi, đoàn ghe gồm 23 chiếc và tàu Phú Quốc chở tù chính trị từ nhà tù Côn Đảo lần lượt cập bến Đại Ngãi an toàn và được Đảng bộ, nhân dân tỉnh Sóc Trăng đón tiếp nồng nhiệt và chu đáo. Ngoài ra, còn có chiếc xà lúp 13 người, do Bác Tôn Đức Thắng lái lạc vào sông Mỹ Thanh được chi bộ và nhân dân Lạc Hòa đón tiếp chu đáo. Gần 2.000 tù chính trị Côn Đảo được di chuyển về Sóc Trăng, ở tại trường Taberd<sup>38</sup>. Sau thời gian nghỉ ngơi, được chăm sóc chu đáo, phục hồi sức khỏe, ngoài số đông tù chính trị được chuyển về Cần Thơ, số cán bộ quê gốc ở Sóc Trăng và một số tỉnh khác tình nguyện ở lại được bố trí về công tác ở các ngành

<sup>38</sup> Tổng Công đoàn Nam bộ ra hoạt động công khai từ 24/8/1945.

<sup>39</sup> nay là trường Trung học Phổ thông Lê Lợi, số 3, đường Tôn Đức Thắng. Một bên góc của nhà trường được dành riêng làm khu Lưu niệm, đã được Bộ VHHT công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia.

và các huyện trong tỉnh. Đồng chí Huồng là tù chính trị Côn Đảo trở về được Tỉnh ủy xin ở lại, phân công phụ trách Công binh xưởng của tỉnh. Hai tháng sau, đồng chí Huồng được rút về Khu, đồng chí Đỗ Đình Nhân được điều về làm tiếp liệu cho Công binh xưởng.

Theo chỉ đạo của Xứ ủy, Tỉnh ủy Sóc Trăng chỉ đạo thành lập Chính quyền liên hiệp dân tộc gọi là Ủy ban Nhân dân gồm 7 vị, đại diện cho các đoàn thể quần chúng, do đồng chí Dương Kỳ Hiệp làm Chủ tịch. Hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền từ tỉnh đến các huyện được tiếp tục kiện toàn.

Trong lúc chính quyền cách mạng cả nước còn non trẻ, đang phải làm nhiều nhiệm vụ cùng cố xây dựng chính quyền, chăm lo đời sống nhân dân, lập lại an ninh trật tự xã hội v.v. . . thì các thế lực phản động được sự giúp sức từ bên ngoài ra sức thực hiện âm mưu chống phá và tiêu diệt chính quyền cách mạng.

Ở miền Bắc, từ cuối tháng 8/1945, dưới danh nghĩa quân Đồng Minh, 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch kéo vào chiếm đóng Hà Nội và hầu hết các tỉnh phía Bắc. Núp sau lưng quân Tưởng là bọn phản động tay sai và nhóm Việt Nam Quốc dân Đảng, Việt Nam Cách mạng Đồng Minh hội<sup>40</sup> gây nhiều khó khăn cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tại miền Nam, ngay ngày 2/9/1945, lợi dụng lúc nhân dân tại thành phố Sài Gòn đang tập trung mít-tinh mừng độc lập, thực dân Pháp đã lên rút bắn vào nhân dân ta, làm chết và bị thương 47 người. Tiếp theo, những đơn vị quân đội Anh, Pháp, cùng xe bọc thép, khí tài quân sự đến Sài Gòn, đòi giải giáp lực lượng vũ trang cách mạng. Nghiêm trọng hơn, được hậu thuẫn bởi quân Anh, Pháp, lúc 0 giờ ngày 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng đánh vào Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa, với mưu toan bình định, chiếm lấy toàn miền Nam trong vòng 4 tuần lễ, sau đó tiến chiếm toàn Việt Nam và Đông Dương.

Sáng ngày 23/9/1945, Xứ ủy khẩn trương tổ chức cuộc họp để chỉ đạo đối phó với tình hình mới và điện xin ý kiến của Trung ương. Ngày 24/9/1945 Chính phủ ra huấn lệnh cho quân và dân Nam bộ về đối sách giải quyết chủ động tùy tình hình nhưng với quyết tâm là dân tộc Việt Nam quyết không chịu ách nô lệ một lần nữa. Ngày 26/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào Nam bộ nêu rõ chính phủ và đồng bào cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Nam bộ và khẳng định cuộc kháng chiến "nhất định thắng lợi vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính đáng".

Được sự chỉ đạo của Xứ ủy, Tỉnh ủy Sóc Trăng tăng cường củng cố bộ máy tổ chức từ tỉnh đến cơ sở. Để đảm bảo triển khai thực hiện tốt các mặt công tác tại Sóc Trăng, Tỉnh ủy phân công đồng chí Nguyễn Văn Vực<sup>41</sup> làm Bí thư Tỉnh ủy phụ trách công tác Đảng thay cho đồng chí Dương Kỳ Hiệp. Đồng chí Dương Kỳ Hiệp làm Phó Bí thư phụ trách công tác chính quyền.

Các công tác quân sự, củng cố lực lượng vũ trang được đặt lên hàng đầu. Nhất là sau khi hay tin mặt trận Sài Gòn bị địch đánh phá, lực lượng cách mạng phải rút khỏi thành phố, kế hoạch chống thực dân Pháp tiến đánh Sóc Trăng được nhanh chóng triển khai. Nhiều công sự chiến đấu ở vòng ngoài, vòng trong được thiết lập, kế hoạch chuẩn bị phá cầu ngăn bước tiến của địch được triển khai. Công nhân và các tầng lớp

<sup>40</sup> nhóm Việt Nam Quốc dân Đảng (Việt Quốc) do Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam cầm đầu; Việt Nam Cách mạng Đồng minh hội (Việt Cách) do Nguyễn Hải Thần cầm đầu.

<sup>41</sup> trong đoàn tù chính trị từ Côn Đảo về.

nhân dân lao động các nơi tham gia tích cực phong trào đào hầm, đắp ụ, làm chướng ngại vật trên các tuyến đường bộ, đường sông mà địch có thể tiến quân.

Sau khi dự hội nghị của Xứ ủy tổ chức tại huyện Cái Bè tỉnh Mỹ Tho về, đồng chí Dương Kỳ Hiệp cùng các đồng chí trong BCH Tỉnh ủy họp Tỉnh ủy mở rộng vào tháng 11/1945 để triển khai kế hoạch thực hiện nghị quyết của Xứ ủy. Theo đó, Ủy ban kháng chiến được thành lập từ tỉnh đến quận, làng. Công binh xưởng ở tỉnh lý được chuyển về làng Thiện Hương (Bố Thảo)<sup>42</sup>. Nhiều dụng cụ phục vụ cho hoạt động công binh xưởng như máy tiện, máy phay, máy khoan . . . tịch thu từ các đồn điền của thực dân Pháp và một phần do nhân dân ủng hộ được tận dụng cho việc sản xuất lựu đạn, sửa chữa vũ khí, nhất là súng trường, súng lục. Số công nhân có tay nghề giỏi được tuyển từ các làng, quận về đã làm việc cật lực để cung cấp vũ khí, đạn dược phục vụ cho chiến đấu của các lực lượng vũ trang trong tỉnh.

Tuy vậy, súng phân phối cho lực lượng quân sự không đủ, các chiến sĩ phải tự trang bị thêm gươm, dao găm, mã tấu, lựu đạn v.v. . . Tương tự, lực lượng dân quân ở các làng, khu phố, ấp được thành lập đều khắp cũng chỉ tự trang bị vũ khí thô sơ, giữ nhiệm vụ canh gác, phòng gian, bảo vệ an ninh trật tự địa phương và nhận nhiệm vụ phá hoại giao thông cầu cống khi có lệnh nhằm thực hiện khẩu hiệu “tiêu thổ kháng chiến”.

Ngày 30/10/1945, thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Cần Thơ và chuẩn bị kế hoạch đưa quân đánh chiếm các tỉnh Nam bộ.

Trước tình hình này, đầu tháng 11/1945, tại diễn Ủy ban Kháng chiến tỉnh Sóc Trăng gặp lãnh đạo tỉnh Bạc Liêu bàn kế hoạch trong mặt phối hợp phòng thủ phía Nam tỉnh Sóc Trăng, cửa ngõ vào Bạc Liêu bằng đường thủy và đường bộ. Trong đó, Nhu Gia được bố trí làm trọng điểm phòng thủ trên đường bộ từ Sóc Trăng về Bạc Liêu. Khi cần thiết, kế hoạch đánh sập cầu được giao cho tỉnh Sóc Trăng đảm trách.

Theo chỉ đạo của trên, Sóc Trăng còn chi viện lực lượng cho mặt trận Cái Răng và mặt trận Trà Vinh. Một số nhân viên y tế, cứu thương được tăng cường cho mặt trận Cái Răng, trạm cứu thương ở Phụng Hiệp.

Thực hiện Chỉ thị ngày 29/11/1945 với nội dung “Kháng chiến, kiến quốc” của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến tỉnh tăng cường chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, mở các lớp huấn luyện quân sự cho lực lượng dân quân các làng. Đến cuối tháng 11/1945, toàn tỉnh xây dựng được 6 phân đội Cộng hòa vệ binh và lực lượng vũ trang Quốc vệ đội.

Cuối tháng 12/1945, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy quân sự tỉnh tổ chức hội nghị bàn kế hoạch chống thực dân Pháp đánh chiếm tỉnh Sóc Trăng. Tham dự hội nghị có đồng chí Nguyễn Văn Tây, Thanh tra chính trị miền Tây. Các đại biểu dự họp bàn bạc và thống nhất kế hoạch bố trí lực lượng sẵn sàng chiến đấu chống thực dân Pháp khi chúng tiến chiếm Sóc Trăng. Theo đó, lực lượng quân sự được bố trí đón chặn đánh quân Pháp xuống Sóc Trăng bằng 2 hướng: hướng từ Phụng Hiệp xuống bằng đường bộ và hướng từ Đại Ngãi vào bằng cả đường bộ và đường thủy qua sông Saintard. Kế hoạch tổ chức cho nhân dân tản cư, phá cầu, thiêu hủy các công sở, trường học cũng được hội nghị nhất trí thông qua.

Dù bận rộn với các nhiệm vụ cấp bách, nhưng theo chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh Sóc Trăng khẩn trương triển khai kế hoạch bầu cử Quốc Hội đầu tiên của nước Việt

<sup>42</sup> thuộc địa bàn xã An Ninh (huyện Mỹ Tú) hiện nay.

Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 23/12/1945<sup>43</sup>. Không khí chuẩn bị bầu cử diễn ra sôi nổi trong tỉnh, từ thành thị đến nông thôn. Các đoàn thể và Mặt trận tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân đi bầu. Kết quả, toàn tỉnh có khoảng 90% cử tri đi bầu, có 2/4 đại biểu trúng cử là ông Phan Văn Chiêu và ông Lê Thành Phiên<sup>44</sup>. Theo đề nghị của Tỉnh uỷ, do không có điều kiện bầu cử bổ sung, nên Uỷ ban Kháng chiến, Mặt trận Việt Minh, Trung ương thống nhất chỉ định thêm 1 đại biểu Quốc hội của tỉnh Sóc Trăng là ông Dương Kỳ Hiệp.

## II. CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG SÓC TRĂNG THAM GIA CHIẾN ĐẤU CHỐNG THỰC DÂN PHÁP ĐÁNH CHIẾM TỈNH NHÀ; TỪNG BƯỚC XÂY DỰNG PHONG TRÀO TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN (1946-1950).

Sau khi cuộc bầu cử Quốc hội được tổ chức thành công tại địa phương, Tỉnh uỷ Ủy ban kháng chiến tỉnh khẩn trương triển khai kế hoạch chiến đấu chống thực dân Pháp. Những nơi xung yếu đều có lực lượng vũ trang tỉnh đảm trách, trong nội ô có số cán bộ, chiến sĩ trong Quốc gia tự vệ cuộc, lực lượng tự vệ vừa nam nhiệm vụ chiến đấu và thực hiện công tác “Tiêu thổ kháng chiến”. Các trường học, cơ quan, bệnh viện được lệnh đóng cửa. Các đoàn thể Công hội, Nông hội, Thanh niên, Phụ nữ... tham gia vận động, hướng dẫn nhân dân tại tỉnh lỵ tản cư về nông thôn. Các dụng cụ, máy móc y tế được chuyển về các căn cứ ở nông thôn.

Ngày 02/01/1946, lãnh đạo Công hội tỉnh tập hợp số công nhân trong tỉnh lỵ phổ biến chủ trương “tiêu thổ kháng chiến”, tham gia các đội tuyên truyền phát loa, dán truyền đơn, vận động trong dân bắt họ tác với gặc. Theo chỉ đạo, công nhân và số lao động trong các nhà máy xay xát tỉnh cư trú ẩn chui chèo hết số lúa gạo trong kho về vùng nông thôn, gọi nhân dân cất giữ. Nhân dân trong tỉnh tham gia đốn cây chắn đường lộ, đắp mô đất, phá đường... nhằm ngăn cản bước tiến của Pháp. Số cán bộ chiến sĩ còn chuẩn bị kế hoạch đốt mìn lòng chợ, Nhà việc Khánh Hưng, các cơ quan; động viên các tiệm buôn ngưng hoạt động, cất giấu hàng hóa, tài sản để không bị giặc cướp bóc.

Sáng ngày 04/01/1946, quân Pháp bắt đầu tiến đánh Sóc Trăng theo 2 ngã: từ Phụng Hiệp xuống và từ Đại Ngãi vào. Lực lượng vũ trang của ta có những trận đánh không cân sức diễn ra ở Đại Ngãi, Giang Cơ (Trường Khánh), cầu Saintard ( Tân Thạnh). Cuối cùng, để bảo toàn lực lượng, các đội quân chiến đấu của ta được lệnh rút lui. Đến tối cùng ngày, quân Pháp mới chiếm được tỉnh lỵ Sóc Trăng.

Không để thực dân Pháp tự do chiếm đóng và triển khai các kế hoạch hành quân, các cuộc chiến đấu của lực lượng ta chống lại quân Pháp lần chiếm các vùng nông thôn diễn ra nhiều nơi, làm ngăn cản kế hoạch chiếm đóng của thực dân Pháp. Theo kế hoạch đã triển khai, để bảo toàn lực lượng chiến đấu lâu dài, đến cuối tháng 01/1946, cán bộ lãnh đạo tỉnh, huyện và các làng đều rút vào hoạt động bí mật, một số ít cán bộ được phân công ở lại bí mật bám địa bàn, còn đa số phải rút về vùng nông thôn sâu để củng cố lực lượng, triển khai kế hoạch chiến đấu lâu dài.

Các cuộc chiến đấu của quân dân Nam bộ chống lại sự xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp diễn ra khắp nơi, gây thiệt hại không ít cho kẻ thù. Để biểu dương tinh

<sup>43</sup> có lệnh dời ngày tổ chức bầu cử vào ngày 6/1/1946, nhưng lệnh hoãn của Trung ương không truyền kịp đến một số địa phương, nhất là các tỉnh phía Nam.

<sup>44</sup> sau một thời gian hoạt động, do có sai sót nên Quốc hội đã truất quyền đại biểu của ông Lê Thành Phiên

thần chiến đấu quả cảm của quân dân Nam bộ, tháng 2/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh, thay mặt Chính phủ và nhân dân cả nước tặng quân và dân Nam bộ, trong đó có Đảng bộ, quân, dân Sóc Trăng, danh hiệu vẻ vang “Thành đồng Tổ Quốc”.

Chiếm đóng được tỉnh lỵ và các quận lỵ, thực dân Pháp tiếp tục đưa quân càn quét vùng nông thôn, lập đồn bót và thành lập bộ máy cai trị ở các làng, dùng bọn ác ôn, chỉ đêm ngày đêm lùng sục, bắt, giết cán bộ quần chúng cách mạng của ta. Dã man hơn, chúng cho chặt đầu và bêu đầu cán bộ ta ở các nơi đông người qua lại. Thâm độc hơn nữa, thực dân Pháp dùng nhiều thủ đoạn khác nhằm chia rẽ giữa người Việt với người Khmer.

Theo chỉ đạo của Tỉnh uỷ, các cán bộ của ta trước đây hoạt động công khai, đã bị lộ, nay tạm lánh vào bí mật hoặc chuyển vùng ẩn náu chờ thời cơ hoạt động. Bộ máy bộ có điều kiện được bố trí vào làm trong các bộ máy tề làng, tề ấp để nắm tình hình địch, bảo vệ cán bộ và nhân dân.

Trong khi tình hình hết sức khó khăn, để cứu vãn tình thế và kéo dài thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến, ngày 6/3/1946, Chính phủ (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đồng ý ký kết với Chính phủ Pháp hiệp định sơ bộ. Trong đó có điều khoản quan trọng là hai bên đồng ý ngừng chiến sự để mở cuộc đàm phán chính thức và tổ chức trung cầu ý dân về vấn đề thống nhất 3 miền.

Tuy nhiên, ở Nam bộ, thực dân Pháp không nghiêm chỉnh thực hiện nội dung hiệp định mà còn đẩy mạnh các cuộc hành quân lấn chiếm, lập ra Chính phủ bù nhìn, gọi là Nam kỳ tự trị, do Nguyễn Văn Thịnh làm Thủ tướng.

Ngày 02/02/1946, Xứ uỷ Nam bộ tổ chức cuộc họp tại làng Thới Bình (thuộc quận Cà Mau, tỉnh Bạc Liêu) bàn chủ trương đối phó với thực dân Pháp. Theo đó, cuộc họp thống nhất cho phép Tỉnh uỷ từng tỉnh nắm tình hình mà cần có chủ trương thích hợp “xuyên Đông” hay là trở về bám trụ. Lãnh đạo tỉnh Sóc Trăng chọn phương án trở về bám trụ trong dân để gây dựng lại cơ sở cách mạng.

Theo chỉ đạo của đồng chí Dương Kỳ Hiệp<sup>45</sup> tại cuộc họp cán bộ tỉnh ngày 12/3/1946 ở đình Ngan Dừa (Phước Long), đoàn cán bộ đầu tiên của tỉnh do đồng chí Dương Kỳ Hiệp lãnh đạo đã lên đường vào ngày 13/3/1946 và đến địa bàn xã Mỹ Tú vào ngày 15/3/1946. Tại nơi này đồng chí Dương Kỳ Hiệp phân công cán bộ bí mật về móc nối lại các cơ sở cách mạng trong quần chúng trước đây, nắm chặt tình hình và vận động nhân dân che giấu lại số lúa mà chính quyền đã gởi trước đây trong dân. Kết quả, các đội đi vận động đã thu được 17 tấn lúa và một số tiền do nhân dân ủng hộ. Cùng với đoàn cán bộ Dân chính Đảng, lực lượng vũ trang của ta do đồng chí Nguyễn Hùng Phước chỉ huy cũng trở về địa phương hoạt động, tổ chức nhiều trận đánh ở khu vực Long Mỹ, Châu Thành, tiêu hao lực lượng địch, thu được một số vũ khí, quân dụng. Đoàn vị vũ trang còn giúp một số địa phương tiêu diệt một số tên tề làng ác ôn, Việt gian tay sai, mở rộng vùng căn cứ, tạo điều kiện khôi phục phong trào cách mạng.

Từ tháng 3 đến tháng 4 năm 1946, đoàn cán bộ các huyện và tỉnh lỵ lần lượt trở về bám địa bàn, xây dựng lại cơ sở quần chúng. Tỉnh uỷ tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh và từng huyện, liên tục tiến công quân địch trên nhiều địa bàn, kết hợp với tuyên truyền vũ trang, có ảnh hưởng tốt trong quần chúng, làm quân địch hoang mang lo sợ. Cán bộ các đoàn thể cũng liên lạc lại với số hội viên, đoàn viên cũ để gây dựng lại phong trào. Tại tỉnh lỵ, cán bộ các đoàn thể được phân công trở về như Phạm Thị Nhung, Nguyễn Thị Kim Anh, Huỳnh Thị Nguyệt, Cao Sol, Lâm Văn Khai,

<sup>45</sup> làm Bí thư Tỉnh uỷ thay cho đồng chí Nguyễn Văn Vực được rút về Khu.

Quách Bạc Sên, Bành Chí Cường v.v. . . nhanh chóng bắt liên lạc với số quần chúng tốt, xây dựng lại các đoàn thể Công nhân, Phụ nữ, Thanh niên Cứu quốc. Số cán bộ hoạt động hợp pháp trong đội ngũ công chức, giáo chức trước kia được bí mật phân công xây dựng cơ sở trong bộ máy chính quyền địch, trong đồng bào dân tộc, tôn giáo. Trong này có đồng chí Trịnh Thới Cang hoạt động trong Hội Phục hưng Đức-Trí-Thể-Dục Cao Miên Nam kỳ ( tổ chức Sa-ma-cum). Số cán bộ trong mạng lưới của đồng chí Trịnh Thới Cang tổ chức nắm tình hình địch cung cấp cho lãnh đạo Tỉnh ủy, mua thuốc, vật dụng gởi về chiến khu, may cờ, rải truyền đơn, tuyên truyền vận động học sinh, đồng bào Khmer quyên góp ủng hộ kháng chiến. Số cán bộ này còn làm nòng cốt trong phong trào đấu tranh, bắt buộc bọn cầm quyền Pháp đồng ý xây dựng trường Cao đẳng Pali để đồng bào và sư sãi có nơi học tập.

Các hoạt động tuyên truyền vũ trang, phân phát truyền đơn, báo “ Kèn gọi lính” của khu 9 tại tỉnh lỵ cùng với tổ chức quân báo nội thành tiêu diệt tay sai ác ôn của địch làm tăng thêm thanh thế của Việt Minh, củng cố lòng tin của nhân dân vào cuộc kháng chiến.

Lợi dụng Bac-ten ( Bartel), chủ tỉnh Sóc Trăng ra bỏ có kêu gọi các công chức trước đây làm việc cho Pháp nay bỏ ngũ hàng ngũ Việt Minh trở lại làm việc cho Pháp sẽ được trọng dụng, Tỉnh ủy phân công số công chức, giáo chức là nòng cốt của ta trở về làm việc công khai cho địch để hoạt động bí mật cho cách mạng, như ông Đốc Truyện, đốc Cự, thầy giáo Khoẻ, cô giáo Giới, ông Đoàn Thông v.v. . . Nhờ vậy, Tỉnh ủy có nhiều thông tin quan trọng, chỉ đạo phối hợp bộ phận quần báo và cơ sở nội ô để thực hiện nhiệm vụ diệt ác, trừ gian.

Tháng 5/1946, theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Liên Việt được thành lập, nhằm tập hợp các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến. Sau đó, các tỉnh thành trong cả nước đều có Mặt trận Liên Việt. Tại Sóc Trăng, Mặt trận Liên Việt do đồng chí Huỳnh Văn Dương làm Hội trưởng.

Tháng 9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Chính phủ Pháp Tạm ước 14/9/1946 để tìm một giải pháp tạm thời cho vấn đề Việt Nam, nhất là tranh thủ thời gian để xây dựng lực lượng, chuẩn bị điều kiện kháng chiến lâu dài. Điều ước có quy định từ ngày 30/9/1946, hai bên phải ngừng bắn, thực hiện một số điều khoản tạm thời về kinh tế, văn hóa . . .

Một cuộc tuyên truyền rộng rãi trong các ngành, các giới, các tầng lớp nhân dân lao động về Tạm ước được Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ. Lãnh đạo các đoàn thể huy động hàng ngàn quần chúng lao động tại tỉnh lỵ và các huyện lỵ tham gia mít tinh, biểu tình với băng cờ, biểu ngữ “ Hoan hô Tạm ước”, “Hoan hô lệnh ngừng bắn”, Việt Nam độc lập hòa bình muôn năm”...Trong lúc khí thế cách mạng của quần chúng dâng cao thì ngược lại bọn địch ngày càng hoang mang, lo sợ. Cơ sở cách mạng, tổ chức các đoàn thể ngày càng phát triển rộng rãi trong vùng địch tạm chiếm, vùng đồng bào dân tộc Khmer. Ta tiếp tục đưa người cài vào một số cơ quan chính quyền, quân sự, tình báo của địch.

Sau hội nghị Tỉnh ủy tháng 9/1946, đến cuối năm 1946, hệ thống lãnh đạo và bộ máy tổ chức cách mạng như Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng các huyện, Ủy ban kháng chiến, các đơn vị vũ trang . . . được củng cố và kiện toàn từ tỉnh đến cơ sở. Riêng tổ



chức Công đoàn và Công nhân Cứu quốc của tỉnh được đổi tên thành Liên hiệp Nghiệp đoàn Sóc Trăng <sup>46</sup>.

Vượt qua thời kỳ đầu đầy thử thách, khó khăn, phong trào cách mạng của tỉnh dần dần được phục hồi, tổ chức đoàn thể ngày càng mở rộng.

Tuy nhiên, đến giữa tháng 12/1946, thực dân Pháp trắng trợn tiến hành hàng loạt cuộc khiêu khích, xung đột, tấn công chiếm đóng Hà Nội và nhiều tỉnh, thành phố khác ở phía Bắc. Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh phát lời kêu gọi “Toàn quốc Kháng chiến”, “thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả nước dấy lên một phong trào đấu tranh chống Pháp với nhiều hình thức và phương pháp khác nhau.

Tại Sóc Trăng, các tổ chức Mặt trận Việt Minh, Mặt trận Liên Việt, các đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn quần chúng lao động ở tỉnh lỵ và các quận lỵ tham gia đấu tranh chống địch đôn quân, bắt lính, chống âm mưu chia rẽ tôn giáo dân tộc của thực dân Pháp. Để tăng cường cán bộ chỉ đạo phong trào cách mạng tại tỉnh lỵ, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban Cán sự Đảng tỉnh lỵ gồm 8 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Khuynh làm Bí thư. Đồng chí Huỳnh Văn Còn là uỷ viên Ban Cán sự phụ trách tổ chức Công đoàn. Thực hiện Chỉ thị 404/TV ngày 21/6/1947 của Ủy ban Kháng chiến Nam bộ, Tỉnh ủy Sóc Trăng và Ban Cán sự Đảng tỉnh lỵ phát động phong trào bắt hợp tác với địch, vận động được khoảng 100 giáo chức, công chức không làm việc cho địch, ra bụng binh tham gia kháng chiến. Trong này có nhiều vị là đốc học, giáo viên, bác sĩ, nhân sĩ trí thức . . .

Năm 1947, cùng với thắng lợi của các trận tiến công của lực lượng công an, quân sự của ta nhiều nơi trong tỉnh, các tu tiên Việt bọn tay sai ác ôn, phong trào quần chúng phát triển thêm một bước mới. Được sự chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, các cơ sở quần chúng nòng cốt được xây dựng trong số bà con buôn gánh, bán bưng, lớp nghèo thành thị và dần dần phát triển qua các tầng lớp khác. Từ đó, đưa quần chúng vào các tổ chức đoàn thể như Công nhân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc... Trong các đợt vận động tăng lớp nhận lao động từ thành thị đến nông thôn, kể cả các thương gia người Hoa ủng hộ kháng chiến, bà con đã ủng hộ 1.553.359đ73, đóng góp nhiều vải, hàng hóa, thuốc trị bệnh, dụng cụ văn phòng . . . phục vụ cho kháng chiến <sup>47</sup>.

Tháng 7/1947, Ty Thông tin Tuyên truyền được thành lập và bộ phận in trực thuộc Ty với trên 10 người, cũng ra đời ngay sau đó. Cán bộ, công nhân bộ phận in thuộc Ty cùng với trên 10 cán bộ, công nhân bộ phận nhà in Nhứt Trí bên Ban Tuyên huấn Tỉnh ủy cùng thực hiện nhiệm vụ in ấn tài liệu phục vụ cho việc tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của cách mạng <sup>48</sup>. Phương tiện, máy móc ban đầu của 2 bộ phận in của tỉnh còn thô sơ, thiếu thốn. Mỗi bộ phận chỉ có vài máy quay, vài bảng kẽm, còn lại phải kéo tài liệu bằng bàn kéo quay gốc hay bằng bẹ

<sup>46</sup> Ngày 20/6/1946, Hội nghị Công nhân Cứu quốc họp và quyết định đổi tên Hội thành Công đoàn và thành lập Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Sau đổi thành Tổng Công đoàn Việt Nam; còn Tổng Công đoàn Nam bộ đổi tên thành Liên hiệp Nghiệp đoàn Nam bộ (từ ngày 7/11/1946). Các tỉnh có Liên hiệp nghiệp đoàn từng tỉnh.

<sup>47</sup> Năm 1948, ta có chủ trương bao vây kinh tế địch, vùng nông thôn thừa ế lúa gạo, heo gà, trong khi thành thị lại thiếu thốn. Vì vậy, từ năm 1948-1950, khá nhiều nơi trong tỉnh, nông dân và cả cán bộ thiếu vải mặc, phải mặc quần bố, áo bố. Nông dân phải lên nhầy ra thành để đổi heo, gạo lấy dầu lửa, vải mặc, mùng ngủ, thuốc men . . .

<sup>48</sup> bộ phận in bên Ty Thông tin Tuyên truyền có 3 người trong Ban Quản đốc, do đồng chí Lưu Tấn Thành làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Thành Long làm phó ban; bên nhà in Nhứt Trí lãnh đạo trực tiếp có 2 người, do đồng chí Huỳnh An Ninh làm Trưởng ban, đồng chí Huỳnh Minh Chánh làm phó ban.



chuối. Các loại giấy sáp viết tay, giấy stancil không đủ cung ứng cho nhu cầu. Có lúc, 2 bộ phận in phải in tài liệu bằng phương pháp in trên bột, in trên xu xoa . . . Đến năm 1948, các đồng chí lãnh đạo 2 bộ phận in được tập huấn nghiệp vụ trên nhà in “Tiếng súng kháng địch” trở về thì tỉnh mới áp dụng kỹ thuật in chữ chì, nâng cao chất lượng ngành in tỉnh nhà, kịp thời phục vụ cho nhu cầu mới của kháng chiến.

Lúc này, về phía địch, từ đầu năm 1948, chúng tiếp tục triển khai kế hoạch đóng đồn, khủng bố, bắt lính, tung gián điệp và thực hiện chính sách “ Tầm ăn dâu” vùng nông thôn.

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, BCH các đoàn thể tập hợp tuyên truyền đoàn viên, hội viên, quần chúng giữ vững ý chí, vừa tiếp tục đấu tranh chống địch, vừa đẩy mạnh sản xuất, tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, vệ sinh phòng bệnh. Đẩy mạnh phong trào xây dựng Đời sống mới ở nông thôn, bãi trừ tệ nạn xã hội và các tập tục lạc hậu được đông đảo hội viên, đoàn viên và quần chúng lao động hưởng ứng tích cực. Các tờ báo “Tiếng súng kháng địch” của Quân khu 9, báo “Lửa Hồng” của Tỉnh ủy được phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức góp phần khích lệ động viên tinh thần cách mạng của quần chúng, tham gia các phong trào phòng gian bảo mật, di dân công, đắp cản ngăn sông, đi ủy lạo bộ đội; nhất là thực hiện ba kháng: <sup>49</sup> Vùng giải phóng ngày càng mở rộng, nông dân được cấp đất, giao đất <sup>50</sup>. Từ khi thực hiện chủ trương giao đất, cấp đất cho nông dân, sản xuất phát triển, đời sống người dân vùng giải phóng từng bước được cải thiện, phong trào đóng góp mua gạo nuôi quân ngày càng phát triển tốt. Mặt khác, nó còn tác động đến vùng tạm chiếm, trong gia đình binh lính địch. Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh chủ trương mở rộng hoạt động thương nghiệp, khôi phục các chợ cũ, thành lập thêm chợ mới, tổ chức các cửa khẩu xuất nhập thị, thu thuế vùng giáp ranh giữa ta và địch, tổ chức thu mua các mặt hàng nông sản của nông dân, chủ yếu là lúa để phục vụ kháng chiến. Thông qua các cơ sở cách mạng tại tỉnh lỵ, ta móc nối số tư thương người Hoa có cảm tình với cách mạng mua lại số lúa này và nhờ cơ sở mua lại các mặt hàng thiết yếu phục vụ trong vùng tự do như nhu yếu phẩm, thuốc men, dụng cụ y tế, văn phòng; nhất là mua máy móc, hóa chất cho các cơ quan và công binh xưởng <sup>51</sup>.

Cùng với sự phát triển nhanh mẽ của các phong trào, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính<sup>52</sup>, trong năm 1948, các đoàn thể tăng cường công tác tuyên truyền phát triển hội viên, đoàn viên. Nhờ vậy, đến cuối năm 1948, tỉnh có trên 50.000 đoàn viên, hội viên của các tổ chức Nông, Thanh, Phụ, Công đoàn. Riêng Liên hiệp Công nhân tỉnh có 2.994 đoàn viên. Đó là chưa kể các Hội đoàn khác của thiếu nhi, Phụ lão và các tôn giáo như Cao Đài Cứu quốc, Công giáo Cứu quốc, tổ chức Hoa Kiềm, Liên hiệp Hội v.v...

Sang năm 1949, địch tăng cường các hoạt động quân sự, lấn chiếm, đóng thêm đồn bốt, trang bị vũ khí cho 76/242 sóc Khmer trong tỉnh, dùng thủ đoạn bắt buộc, lôi kéo đóng bào Khmer theo chúng chống lại cách mạng. Địch còn tăng cường các biện

<sup>49</sup> tức là không biết, không nghe, không thấy.

<sup>50</sup> Đất ruộng cấp hay giao cho nông dân có từ các nguồn: tịch thu của địa chủ ác ôn theo Pháp, vận động địa chủ yêu nước hiến đất, đất bỏ hoang hóa do chiến tranh không người sản xuất.

<sup>51</sup> từ cuối năm 1948, ta có sai lầm trong thực hiện chính sách bao vây kinh tế địch gây khó khăn cho ta, làm tổn thương mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Đến năm 1952 mới phục hồi quan hệ kinh tế vùng tự do và vùng bị địch kiểm soát.

<sup>52</sup> Từ tháng 10/1947, thực hiện sắc lệnh số 91/SL ngày 01/10/1947 của Chính phủ, tỉnh Sóc Trăng cùng các tỉnh, thành trong cả nước sát nhập Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban Hành chính thành Ủy ban Kháng chiến Hành chính có nhiệm vụ điều hành thống nhất cuộc kháng chiến trong tỉnh.

pháp phong tỏa, cấm chuyên chở hàng hóa thiết yếu vào vùng tự do và lại khuyến khích thương buôn đem những mặt hàng mà có lệnh cấm của ta vào vùng tự do bán.

Thực hiện nghị quyết của Xứ ủy, cuối tháng 7/1949, Tỉnh ủy họp mở rộng tại Ba Rẹt ( xã Mỹ Tú, huyện Châu Thành) chủ trương phải ra sức bảo vệ vùng tự do, đồng thời phải tăng cường vận động, giành dân với địch ở vùng tạm chiếm, nhất là những vùng có đông đồng bào Khmer, đồng bào các tôn giáo, vùng ven chung quanh tỉnh lỵ. Hội nghị quan tâm chỉ ra nhiệm vụ cấp bách trong công tác củng cố tổ chức xây dựng Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, đẩy mạnh các hoạt động của đoàn thể, tạo mối quan hệ gắn bó chặt chẽ trong công tác giữa các tổ chức với nhau. Sau hội nghị, công tác phát triển Đảng được đẩy mạnh trong các bộ máy đoàn thể, lực lượng vũ trang, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo. Công tác đào tạo cán bộ đoàn thể, ban ngành các cấp được tổ chức thường xuyên liên tục, cán bộ được cử đi học các lớp ở khu, Xứ ủy hoặc do Ủy ban Kháng chiến Hành chính mở.

Cuối năm 1949, Cách mạng Trung quốc giành thắng lợi. Lực lượng cách mạng của ta trong cả nước ngày càng phát triển, thực dân Pháp dần dần mất quyền chủ động, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định đẩy mạnh mọi hoạt động, chuẩn bị chuyển sang tổng phản công.

Tại Sóc Trăng, lực lượng vũ trang và bán vũ trang phát triển đều khắp. Mỗi huyện có một trung đội du kích, mỗi xã có 1 tiểu đội. Các cán bộ BCH các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ có năng lực được đưa sang làm phó Ban chỉ huy các cấp đội dân quân. Công tác huấn luyện quân sự, phát triển dân quân ngày càng đông về số, mạnh về chất.

Để phục vụ cho các trận đánh, các cán bộ công nhân Công binh xưởng của tỉnh tăng cường hoạt động, sửa chữa vũ khí và nhả sản xuất lựu đạn, đạn lôi. Cán bộ, nhân viên các Tổ Rờ-sạt (Recharge) của các huyện sửa chữa, nạp lại các loại đạn cung cấp cho dân quân du kích.

Cùng với tình hình chung phát triển có lợi cho phong trào cách mạng, theo chỉ đạo của Trung ương, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I ( tháng 2/1.950) được tổ chức tại kinh Xáng Cút ( xã Mỹ Phước, huyện Châu Thành, nay thuộc huyện Mỹ Tú). Đại hội thông qua báo cáo chính trị, đề ra phương hướng nhiệm vụ mới, triển khai nghị quyết cấp trên về "Nách cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công". Đại hội bầu 16 đồng chí vào BCH Tỉnh ủy, đồng chí Huỳnh Văn Dương được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Nội dung nghị quyết đại hội được triển khai rộng rãi đến từng cấp, từng ngành, tạo sự chuyển biến mới cho phong trào. Tỉnh ủy đặc biệt quan tâm chỉ đạo xây dựng lực lượng quân sự, công an và kinh tế nhằm chuẩn bị cho kế hoạch tổng phản công.

Sóc Trăng được quân khu 9 chọn là điểm chỉ đạo của chiến dịch TOFACO (tổng phản công). Các đơn vị vũ trang chủ lực của Nam bộ, của khu, của tỉnh và huyện, lực lượng dân quân từng xã cùng tập trung phục vụ các mũi tấn công quân sự kết hợp với tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc Khmer.

Hàng ngàn đoàn viên, hội viên các đoàn thể và quần chúng lao động hăng hái tham gia đi dân công tiếp tế, tải thương, vận tải phục vụ chiến đấu. Cán bộ, công nhân các công binh xưởng tăng cường nhiệm vụ sửa chữa vũ khí, sản xuất các loại đạn, pháo . . . phục vụ chiến dịch.

Cán bộ công nhân 2 bộ phận in của tỉnh vừa hoàn thành nhiệm vụ tập trung in tài liệu phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất; lại bắt ngay vào đợt in hàng chục loại tài liệu, truyền đơn, áp phích phục vụ chiến dịch với quy mô lớn, số lượng mỗi

đơn vị tài liệu lên đến cả chục ngàn tờ. Anh em nhà in phải chia nhau khăn trương vừa in, vừa có nhiệm vụ phân phối, phát hành đến huyện, xã, vừa cung cấp cho lực lượng vũ trang, để khi cán bộ, chiến sĩ đánh đến đâu thì phát tán tài liệu đến đó.

Chiến dịch Sóc Trăng I nổ ra vào đêm 5/4/1950 và kéo dài đến ngày 28/4/1950. Kết thúc chiến dịch, ta giành được nhiều thắng lợi quan trọng cả về quân sự và chính trị. Chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Mặt trận được đồng bào dân tộc Khmer hiểu rõ hơn, âm mưu của thực dân Pháp chia rẽ đồng bào Khmer với đồng bào Kinh bị vạch trần, nhiều sóc Khmer được Pháp vũ trang bị giải tán, mối quan hệ giữa người Kinh và người Khmer ngày càng được khôi phục và tin cậy hơn.

Sau chiến dịch, phong trào cách mạng của tỉnh có bước phát triển mới. Các hoạt động diệt ác, trừ gian của lực lượng Công an xung phong ngay trong nội thị phối hợp với phong trào đấu tranh của quần chúng lao động trong thị xã, thị tứ, vùng tạm chiếm, làm cho bọn địch hoang mang, không dám tỏ thái độ hung hăng như trước.

Tiêu biểu nhất là đợt “Thi đua yêu nước” được tổ chức trong đầu tháng 8/1950, lập thành tích chào mừng 5 năm Cách mạng tháng Tám thành công, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban Cán sự Đảng, từ ngày 20/8 đến 2/9/1950, các tổ chức đoàn thể trong tỉnh vận động quần chúng tham gia rải truyền đơn, kẻ khẩu hiệu, treo cờ Mặt trận ở chợ Khánh Hưng; vận động quần chúng lao động bãi thị 1 tuần lễ, biểu dương khí thế của quần chúng, làm cho địch phải kiêng dè.

Tuy nhiên, trong lúc này, địch tăng cường các biện pháp phong tỏa kinh tế giữa vùng tự do với vùng do địch kiểm soát nên lúa gạo vùng giải phóng ứ đọng nhiều trong khi các mặt hàng nhu yếu phẩm cần thiết khác lại thiếu thốn như thiếu vải, thuốc trị bệnh, dầu lửa... Tỉnh ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính triển khai nhanh các chủ trương của Trung ương nhằm giải quyết khó khăn về nhiều mặt ở vùng tự do, vừa tạo điều kiện cho kinh tế vùng tự do phát triển, vừa đánh phá vào nền kinh tế của địch. Các phong trào văn hóa, giáo dục, y tế... vùng tự do tiếp tục được đẩy mạnh. Đoàn viên, hội viên các đoàn thể, đội ngũ giáo viên hăng hái tham gia các chiến dịch thi đua xóa đói, vệ sinh phòng bệnh, thực hiện nếp sống mới, hoạt động thể dục thể thao.

Vượt qua những thử thách khó khăn ban đầu, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và tay sai trên địa bàn tỉnh từng bước giành được thắng lợi. Các công tác xây dựng Đảng, chính quyền và hoạt động của các đoàn thể có bước phát triển mới. Phong trào thi đua của cán bộ, công nhân, lao động trong các công binh xưởng, công an xưởng, tổ rà-sát ở huyện, ở nhà in phối hợp với phong trào đấu tranh trong nội thị của công nhân, người làm công, lớp nghèo thành thị và quần chúng lao động ngày càng có hiệu quả, tạo đà phát triển mới cho phong trào cách mạng quần chúng tỉnh nhà.

### **III. CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG SÓC TRĂNG ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG VÙNG KHÁNG CHIẾN VÀ VÙNG TẠM CHIẾM, TÍCH CỰC THAM GIA PHỤC VỤ CÁC CHIẾN DỊCH CỦA TỈNH (1951-1953).**

Cuối năm 1950, công cuộc kháng chiến trong cả nước có những bước phát triển mới, nhất là ta giành được thắng lợi lớn trong chiến dịch Biên giới, tiêu diệt hai binh đoàn cơ động của Pháp, giải phóng 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, tạo ra vùng giải phóng rộng lớn của căn cứ địa Việt Bắc, nối liền với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Lâm vào thế bị động và không còn khả năng chi cho cuộc chiến tranh quá tốn kém, thực dân Pháp buộc phải nhờ vào sự chi viện của Mỹ. Ngày 24/12/1950, đại diện Chính phủ Pháp ký với đại sứ Mỹ ở Đông Dương bản Hiệp ước quân sự quyết định

các điều khoản Mỹ viện trợ cho các quốc gia liên kết, cung cấp tối đa vũ khí cho quân đội nguy quyền Việt Nam. Chính phủ Pháp còn ký Hiệp định công nhận nền “độc lập” của Việt Nam, cho phép Chính phủ Bảo Đại có quân đội và ngoại giao riêng. Đại tướng De Lattre de Tassigny (Đơ La-trơ đơ Tach-si-nhi) được cử sang làm Tổng chỉ huy quân sự viễn chinh kiêm Cao ủy Pháp ở Đông Dương từ 6/12/1950, vạch ra kế hoạch quân sự mới, tập trung xây dựng lực lượng cơ động mạnh, tiến hành “chiến tranh tổng lực” bình định vùng bị chiếm và vùng du kích, phá hoại vùng căn cứ hậu phương và chuẩn bị tiến công ra vùng tự do.

Thực hiện kế hoạch trên, ở Nam bộ, địch mở rộng các cuộc hành quân lấn chiếm vào vùng tự do nhằm giành nguồn nhân lực, vật lực phục vụ cho chiến tranh. Tại Sóc Trăng, địch tăng cường bắt lính, đôn quân, bổ sung lực lượng cho các sắc lính, đẩy mạnh các cuộc hành quân bình định lấn chiếm, xây dựng thêm đồn bót, ngăn cản liên lạc giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm.

Để kịp thời chỉ đạo cuộc kháng chiến trong tình hình mới, tháng 2/1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II được tiến hành với tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”. Đại hội quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Đông Dương thành Đảng Lao động Việt Nam. Tháng 3/1951, theo chỉ đạo của BCH Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam hợp nhất thành một Mặt trận chung gọi là Mặt trận Liên Việt Quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Mặt trận Liên Việt, có nhiệm vụ tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ và tham gia kháng chiến.

Tháng 4/1951, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, do đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư, thay cho Xứ ủy Nam bộ, trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Nam bộ.

Tại Sóc Trăng, Mặt trận Liên Việt ra đời và kịp thời tuyên truyền vận động, tập hợp khối đại đoàn kết Kinh-Khmer-Hoa, đồng bào các giới ủng hộ kháng chiến. Tổ chức Mặt trận và các đoàn thể cứu quốc ngày càng phát triển. Trong năm 1951, Chủ tịch Sơn Ngọc Minh, lãnh tụ phong trào cách mạng Campuchia, đến thăm tỉnh Sóc Trăng. Thị xã uỷ tổ chức cho 12 vị sư sãi, 42 quần chúng cốt cán Khmer trong thị xã ra vùng căn cứ cùng với đại diện các huyện đón tiếp trọng thể. Sự việc này diễn ra giúp cho sự hiểu biết của đồng bào Khmer của Sóc Trăng đối với nhân dân và Chính phủ Campuchia được tăng cường hơn, có tác động tích cực đến sự đoàn kết gắn bó giữa đồng bào Kinh-Khmer trong tỉnh ngày càng tốt hơn, cơ sở cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc Khmer, Mặt ủng hộ I-xa-rắc của tỉnh ngày càng củng cố và phát triển.

Mùa hè năm 1951, Bộ Tư lệnh quân khu 9 quyết định mở chiến dịch Sóc Trăng II nhằm mục đích giành dân, giải phóng đồng bào Khmer đang bị địch kềm kẹp, tổ chức tuyên truyền chủ trương chính sách đoàn kết các dân tộc và các chủ trương khác của cách mạng, mở rộng vùng tự do, phát triển cơ sở của ta trong vùng địch kiểm soát, tiêu diệt bọn phản động, tiêu hao sinh lực địch . . . Chiến dịch được triển khai trên địa bàn 3 tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, lấy Sóc Trăng làm điểm chính. Các huyện Thạnh Trị, Châu Thành, Long Phú được coi là trọng điểm của chiến dịch. Lực lượng chính của chiến dịch gồm có Trung đoàn Tây Đô của quân khu 9, địa phương quân tỉnh, huyện và du kích xã

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, quân, dân, các tổ chức đoàn thể trong tỉnh đều huy động tối đa lực lượng để phục vụ cho chiến dịch. Công tác hậu cần, cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men, đạn dược đều được chuẩn bị chu đáo.

Các công binh xưởng của tỉnh và huyện đều tăng cường công tác chế tạo bom đạn, sửa chữa vũ khí. Trong gần nửa tháng trời trước khi nổ ra chiến dịch, cán bộ,

công nhân 2 nhà in làm việc ngày đêm, nỗ lực in ấn tài liệu phục vụ tuyên truyền cho chiến dịch với số lượng gần gấp đôi so với chiến dịch Sóc Trăng I. Trong đó, truyền đơn, khẩu hiệu phải in bằng hai thứ chữ Việt và Khmer nhằm tuyên truyền chính sách đại đoàn kết dân tộc và một số chủ trương, chính sách khác của Việt Minh. Đặc biệt, trong và sau chiến dịch, cán bộ, công nhân nhà in còn in báo số đặc biệt của Tỉnh bộ Việt Minh với hình thức tăng trang, in màu để cổ động tuyên truyền thắng lợi của chiến dịch. Một số đồng chí trong nhà in còn tham gia phát loa tuyên truyền buổi tối ở sát vùng kèm về những chiến thắng của chiến dịch.

Chiến dịch Sóc Trăng II mở màn ngày 13/5/1951 và kết thúc thắng lợi vào ngày 25/6/1951. Nhiều hệ thống đồn bót địch bị phá vỡ, sinh lực địch bị tiêu hao khá lớn, vùng giải phóng được mở rộng, phong trào cách mạng phát triển, nhất là ở vùng ven, vùng đồng bào tôn giáo, dân tộc trên các trục giao thông chiến lược, chiến tranh du kích của tỉnh tiến lên một bước mới.

Tuy nhiên, đến cuối năm 1951, do sơ hở về công tác tổ chức địch cái người vào cơ quan liên lạc thị ủy, nắm được một số cơ sở của ta, nên làm cho khoảng 30 cán bộ ưu tú và quân chúng cốt cán, cán bộ lãnh đạo các đoàn thể bị bắt, hầu hết các cơ quan và ban ngành của thị xã ủy hoạt động trong nội ô phải rút ra ngoài căn cứ. Phong trào cách mạng trong tỉnh lỵ tạm lắng xuống.

Tháng 11/1951, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II được tổ chức tại huyện Châu Thành. Đại hội đề ra nhiệm vụ tăng cường mở rộng Mặt trận đoàn kết dân tộc; xây dựng lực lượng quân sự, công an vững mạnh, đẩy mạnh tấn công địch, giữ vững an ninh chính trị vùng tự do, diệt ác trừ gian, xây dựng cơ sở mật trong lòng địch; phân đấu hoàn thành việc tạm cấp, tạm giao ruộng đất cho nông dân vào cuối năm 1952; đẩy mạnh phong trào chống giặc đốt, xây dựng đời sống mới, thực hành tiết kiệm để nuôi quân, đánh giặc, tiếp tế cho đồng bào miền Đông.

Thực hiện nghị quyết Đại hội, công tác tổ chức Đảng, Mặt trận, lực lượng vũ trang được kiện toàn, hệ thống chính quyền được củng cố từ tỉnh đến cơ sở. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vùng tự do được cải thiện cùng với các phong trào hoạt động mạnh mẽ của các đoàn thể tác động tốt đến dư luận vùng tạm chiếm. Một số cơ sở quần chúng, hội viên, đoàn viên các đoàn thể tại tỉnh lỵ được củng cố bước đầu. BCH các đoàn thể và Mặt trận vận động đồng bào các giới vùng tạm chiếm, nhất là tại tỉnh lỵ, thị trấn thị tứ, tham gia các đợt đấu tranh phản đối chính quyền nguy như vạch trần chính sách dân chủ giả hiệu, tẩy chay các cuộc bầu cử do địch tổ chức....

Đầu năm 1952, địch tổ chức nhiều trận càn, kết hợp máy bay dội bom vùng căn cứ của ta ở các xã thuộc huyện Châu Thành, âm mưu lấn chiếm vùng giải phóng, giành dân giành dân. Căng thẳng nhất là trận càn ngày 12/01/1952, địch đưa hàng ngàn quân đánh vào vùng căn cứ, cơ quan lãnh đạo của Tỉnh ủy. Biết trước ý đồ của địch, Tỉnh ủy chỉ đạo lực lượng vũ trang, dân quân du kích tổ chức chống cự có hiệu quả, gây cho địch nhiều thiệt hại, khiến chúng phải sớm bỏ dỡ kế hoạch đã định.

Tháng 5/1952, ta lại bề gãy cuộc càn của địch, giành thắng lợi lớn ở trận Chác Túc-Bàu Cồn.

Tháng 6/1952, Tỉnh ủy chỉ đạo tiếp tục thực hiện chính sách tạm giao tạm cấp trên 16.474 ha ruộng đất cho 2.522 nhân khẩu; thực hiện việc giảm tô, giảm tức, thành lập hợp tác xã cho nông dân vay lúa hoặc tiền để sản xuất. Lúc này, các hoạt động tiểu thủ công nghiệp vùng giải phóng phát triển hơn trước. Nhiều nhà máy xay lúa, lò rèn, lò nấu xà bông, dệt chiếu, dệt vải, tiêm may, trại cưa, trại đóng xuồng . . . được mở ra phục vụ nhu cầu của nhân dân và kháng chiến. Số công nhân, lao động trong các cơ sở

này ngày càng đông hơn. Các hoạt động văn hóa văn nghệ, giáo dục y tế... , nhất là phong trào xóa nạn mù chữ, học bổ túc văn hóa được nhân dân tham gia tích cực. Giáo viên trong các trường Bổ túc công nông tỉnh (trường Văn Chính), trường tiểu học tích cực khắc phục khó khăn, xuống các điểm xóa dốt, điểm học bổ túc làm nòng cốt tham gia giảng dạy đi đôi với trau dồi nghiệp vụ chuyên môn, thực hiện tốt chức trách của đội ngũ giáo viên cách mạng. Cán bộ nhân viên của Ty Thông tin tuyên truyền tích cực công tác, biên tập, xuất bản báo “Lửa Hồng”, mỗi tuần 2 số, cùng các bản tin, thông báo tin tức trong và ngoài tỉnh cho cán bộ chiến sĩ và nhân dân.

Đoàn viên, hội viên các đoàn thể còn tích cực tham gia các phong trào yêu nước như “Bụi chuối cứu quốc”, “Con gà cứu quốc”, “Hũ gạo kháng chiến”, cùng với phong trào tình nguyện : “Tòng quân giết giặc” . . . tạo được khí thế thi đua trong nhân dân .

#### **IV. CÔNG NHÂN, LAO ĐỘNG SÓC TRĂNG THAM GIA PHỤC VỤ CHIẾN CUỘC ĐÔNG-XUÂN 1953-1954, ĐẤU TRANH CHỐNG DỊCH TẠI VÙNG TẠM CHIẾM, TIẾN TỚI GIÀNH THẮNG LỢI SAU 9 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP.**

Tháng 11/1953, BCH Tỉnh ủy họp ra nhiều nghị quyết quan trọng, trong này có bàn kế hoạch thực hiện phối hợp với chiến dịch Thu-Đông năm 1952-1953 trong cả nước, tiếp tục xây dựng lực lượng quân sự, đẩy mạnh hoạt động vùng địch hậu, phát triển các tổ chức quần chúng, đưa công tác dân vận lên một bước mới. Tỉnh ủy còn quan tâm củng cố bộ máy lãnh đạo của thị xã ủy để kịp thời củng cố từng bước, lãnh đạo có hiệu quả phong trào đấu tranh của công nhân và tầng lớp nhân dân lao động trong nội ô.

Sang năm 1953, diễn biến tình hình quân sự ngày càng có lợi cho ta. Thực dân Pháp ngày càng lâm vào thế bị động. Mỹ ngày càng sâu vào chiến trường Đông Dương.

Tháng 5/1953, Tướng Navare ( Nava ) được Chính phủ Pháp cử làm Tổng Chỉ huy quân đội Pháp tại Đông Dương. Navare đưa ra kế hoạch bình định miền Nam, giành quyền chủ động chiến trường trong vòng 18 tháng, gây sức ép buộc ta phải đàm phán theo kiểu của chúng.

Tại Sóc Trăng, địch tiếp tục bắt lính đôn quân, xây dựng các sắc lính người Khmer, người theo đạo Công giáo, xây dựng thêm các đơn vị cơ động, tăng cường hành quân lấn chiếm.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh phân liên khu miền Tây về nhiệm vụ quân sự năm 1953-1954, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tỉnh đội Sóc Trăng mở hội nghị quân sự toàn tỉnh, triển khai quán triệt nhiệm vụ xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang từ tỉnh đến huyện, xã, luồn sâu vùng địch hậu, gây dựng cơ sở phá thế kềm kẹp của địch, phối hợp kịp thời với chiến trường chung của cả nước, đánh bại kế hoạch bình định của địch, giữ thế cài răng lược giữa ta và địch, đồng thời đẩy mạnh công tác vận động quần chúng và công tác nguy địch vận.

Nhờ vậy, ta vừa đánh bại nhiều cuộc càn của địch vừa chủ động tấn công các đồn bót của địch, khiến chúng phải co vòi không dám bung ra hoạt động.

Tại vùng tạm chiếm, công tác nguy địch vận được tiến hành đồng thời. Các đoàn thể kết hợp nhà in tăng cường in ấn tài liệu, rải truyền đơn kêu gọi chống bắt lính, đôn quân. Hội ủng hộ I-xa-rắc có những hoạt động tuyên truyền, tạo hiệu quả tốt trong đồng bào dân tộc Khmer. Các hoạt động này được sự hưởng ứng của gia đình

binh sĩ, tác động trực tiếp nên binh sĩ nguy hoang mang, bỏ ngũ khá nhiều. Các cơ sở cách mạng vùng tự do và vùng tạm chiếm ngày càng phát triển.

Tháng 9/1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp bàn về nhiệm vụ quân sự Đông Xuân 1953-1954, quyết định mở 3 hướng tấn công lớn vào 3 hướng yếu nhất của địch ở Lai Châu (Tây Bắc), Trung và Hạ Lào cùng vùng Đông Bắc Campuchia. Thực dân Pháp phát hiện quân chủ lực của ta di chuyển ở phía Tây Bắc nên tập trung binh lực, hỏa lực, xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương

Tại Sóc Trăng, tháng 11/1953, Đại hội đại biểu Tỉnh Đảng bộ lần thứ III khai mạc tại xã Hương Quới thuộc huyện Châu Thành, (nay là xã Vĩnh Quới, huyện Thạnh Trị). Đại hội đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ qua và bàn phương hướng nhiệm vụ mới. Đại hội đi sâu bàn về việc phát huy sức mạnh tổng hợp để giành thắng lợi tốt nhất trong chiến dịch Đông Xuân; đặc biệt là đẩy mạnh công tác trong vùng tạm chiếm và vùng du kích, đẩy mạnh phong trào cách mạng và góp cơ sở mặt vùng nội ô thị xã, thị trấn.

Xác định trọng điểm của chiến dịch là huyện Châu Thành và Thạnh Trị, Tỉnh ủy và Ban chỉ huy chiến dịch tăng cường cán bộ cho 2 nơi này, xúc tiến công tác chuẩn bị về hậu cần, quân y, tổ chức nắm tình hình địch, lên phương án tác chiến, tổ chức các đội vũ trang tuyên truyền, in ấn các loại truyền đơn khẩu hiệu.

Phát hiện sự chuẩn bị của ta, địch tăng cường quân đóng các đồn bót, lập các tuyến phòng thủ, chướng ngại vật, đưa quân cản phá vùng căn cứ của ta. Tuy nhiên, do có sự chuẩn bị, ta chủ động phá các cuộc cản phá của địch đi đôi với tổ chức các phong trào cách mạng của quần chúng lao động trong nội ô. Nhiều bà con lao động, làm thuê ở các xóm Lò Heo, Đầu Voi, Chung Đôn, An Trạch hưởng ứng, phối hợp với công an xung phong vào nội ô diệt tề, phá thế kềm kẹp của địch.

Giữa tháng 11/1953 chiến dịch Đông Xuân của tỉnh bắt đầu, tập trung ở 2 huyện trọng điểm. Trong mấy tháng liền, lực lượng của ta liên tục tiến công quân địch, giành thắng lợi lớn, tiêu diệt nhiều quân địch, phá tan nhiều đồn bót, mở ra nhiều vùng giải phóng mới ở vùng kềm, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo.

Tại các huyện khác lực lượng vũ trang của ta phối hợp dân quân du kích liên tục tiến công, bắt rút nhiều đồn bót, tiêu hao nhiều sinh lực địch.

Thừa thắng ta có nhiều hoạt động phô trương khí thế. Đặc biệt, tháng 3/1954, khi nhận được tin ta chiến thắng tại cứ điểm Him Lam đồi Độc Lập tại mặt trận Điện Biên Phủ, Tỉnh ủy tổ chức mít tinh mừng chiến thắng ngay căn cứ thuộc huyện Châu Thành, chỉ cách trung tâm tỉnh lỵ 5km đường chim bay. Đồng bào các giới trong tỉnh về dự rất đông, băng cờ khẩu hiệu, trống chào mừng vang lên ngay cả ban ngày, nhưng bọn địch cũng không dám có động tĩnh gì.

Ngày 7/5/1954, quân ta giành thắng lợi hoàn toàn ở Mặt trận Điện Biên Phủ. Quân địch ở Sóc Trăng hoang mang, co cụm trong đồn bót, lại không dám bung ra hoạt động. Nhân cơ hội này, Tỉnh ủy chỉ đạo huy động toàn bộ lực lượng vũ trang, dân quân du kích mở các cuộc tấn công vào quân địch, kết hợp tuyên truyền vũ trang, đánh tan rã nhiều đồn bót địch ở các huyện trong tỉnh, giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Cán bộ, hội viên, đoàn thể và quần chúng cách mạng tích cực tham gia đóng góp sức người sức của phục vụ cho chiến cuộc Đông Xuân giành thắng lợi.

Hoạt động của nhà in tỉnh từ giữa tháng 3/1954 bắt đầu nhộn nhịp hẳn lên từ khi nhận được tin chiến thắng bước đầu ở Điện Biên Phủ. Các báo của Tỉnh Đảng bộ và Mặt trận Liên Việt, tin tức hàng tuần, áp phích, tài liệu học tập trong nội bộ được tăng cường in ấn để phục vụ kịp thời cho công tác tuyên truyền. Nhờ vậy, diễn biến của chiến dịch Điện Biên Phủ kịp thời được truyền đi khắp nơi trong tỉnh, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển sôi nổi hơn.

Cùng với khí thế mới của phong trào cách mạng cả nước, từ tháng 5/1954, khi công tác tổ chức cán bộ lãnh đạo Thị ủy được tăng cường và kiện toàn, hoạt động công tác thành trong tỉnh lý mới thật sự phát triển. Các cơ sở cách mạng cũ trong quần chúng được khôi phục và phát triển thêm một số cơ sở mới trong giới lao động, xó lòi, buôn gánh bán bưng . . . Quần chúng lao động nội ô công khai bàn tán thời sự ngay trên hè phố, ở các quán ăn, uống. Truyền đơn nguy địch vận được chuyển vào nội ô tác động khá lớn đến tinh thần bọn địch, một số đơn vị địch chống lệnh hành quân của cấp trên, một số binh sĩ được tuyên truyền giác ngộ bỏ hàng ngũ địch quay về với cách mạng. Hoạt động của Công an xung phong, ngành quân báo tỉnh góp phần tạo điều kiện cho phong trào quần chúng nội ô, với ngành Thông tin tuyên truyền thị xã tăng cường hoạt động áp đảo tinh thần bọn địch như dán lá rơi hiệu, treo cờ Mặt trận, rải truyền đơn ở những nơi công cộng . . . Khá đông công chức thay bỏ nhiệm sở, số còn lại thì hoang mang, lo sợ.

Đầu tháng 7/1954, theo sự chỉ đạo của Trung ương Cục, Tỉnh ủy Sóc Trăng chủ trương mở cuộc tiến công mới từ ngày 10/7. Nhờ sự can thiệp của địch tiếp tục bị san bằng; giải tán nhiều tề làng, lực lượng “Bảo an toàn” và các sóc có vũ trang. Lực lượng địch ở một số đồn bót và đại đội đang chiến phải xin trung lập, không cần quét vào vùng giải phóng, cướp phá tài sản nhân dân.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Genève (Giơ-neo-vơ) được ký kết. Nội dung chủ yếu của Hiệp định ghi rõ: “Các nước phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia; ngừng bắn đồng thời ở Việt Nam và trên toàn Đông Dương; Pháp phải rút quân, vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời chia cắt Việt Nam làm 2 miền, tiến tới tổng tuyển cử tự do trong cả nước sau hai năm để thống nhất nước nhà.”

Theo chỉ đạo của Trung ương Cục, Tỉnh ủy Sóc Trăng khẩn trương tổ chức học tập nội dung ý nghĩa của Hiệp định, đề ra nhiệm vụ mới, phân công tổ chức, thực hiện kế hoạch chuyển quân tập kết. Công tác tạm cấp đất đai và phát giấy công nhận quyền sử dụng đất được lên hành khẩn trương<sup>53</sup>. Các công tác chuẩn bị chuyển quân tập kết, bố trí an ninh được tiến hành chặt chẽ và bí mật. Các đoàn thể đều giải thể, chỉ để lại một số cán bộ cốt cán và giao nhiệm vụ riêng. Đoàn Thanh niên đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của chi bộ bí mật. Cán bộ quân sự được bí mật phân công ở lại, vũ khí, dụng cụ của các Công binh xưởng được cất giấu, đề phòng tình huống địch gây chiến tranh trở lại sẽ sử dụng.

Vượt qua những khó khăn thử thách ban đầu, lực lượng cách mạng ngày càng phát triển và lớn mạnh. Công tác công đoàn và phong trào công nhân, nhân dân lao động ngày càng gắn bó, phục vụ tốt hơn cho cuộc kháng chiến chống Pháp. Tuy một số nơi chưa hình thành tổ chức công đoàn như trong các công binh xưởng, công an xưởng, nhà in, đội ngũ giáo viên . . . nhưng hoạt động của cán bộ, chiến sĩ, công nhân

<sup>53</sup> Trong 9 năm kháng chiến, ta tạm cấp, tạm giao cho nông dân 117.000 ha đất sản xuất (Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, tập 1, 1930-1954, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ST, tr. 191)



lao động, giáo viên đều thể hiện tốt tinh thần giai cấp công nhân, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công, trong bất cứ tình huống nào.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp giành thắng lợi, trong đó có phần đóng góp của quân dân Sóc Trăng nói chung, của công nhân công binh xưởng, nhà in, đội ngũ giáo viên và đông đảo công nhân, thợ thủ công, các tầng lớp nhân dân lao động vùng tạm chiếm nói riêng. Thắng lợi này tạo tiền đề cho những thắng lợi tiếp theo của phong trào cách mạng tinh nhà trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước./.

### **Bài học kinh nghiệm:**

Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc là hết sức khó khăn, nhưng giữ vững ngọn đuốc độc lập tự do còn khó khăn gấp nhiều lần.. Sự kiên trì chủ nghĩa Mác-Lê nin, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là điều kiện tiên quyết để cách mạng đi đến thắng lợi. Vấn đề là phải kiên trì xây dựng lực lượng cách mạng với nòng cốt là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, để đảm bảo đủ thế và lực tranh thủ sự ủng hộ của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa và bạn bè tiến bộ trên toàn thế giới. Phải giải quyết cuộc cách mạng bằng một cuộc chiến tranh cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản mới đi đến kết quả thành công, lật đổ ách thống trị của đế quốc và tay sai

Thư Viện Sóc Trăng

**Chuyên đề 4**  
**PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG TRONG 21 NĂM KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954-1975)**

-----

**I. CHỐNG LẠI ÂM MƯU CỦA MỸ VÀ TAY SAI, TÍCH CỰC ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH GENÈVE (7/1954-1956).**

Theo hiệp định Genève được ký kết, cả nước tạm chia 2 miền, lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới, đến ngày 20/7/1956 sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Lực lượng cả hai bên đều tập trung để chuyển quân tập kết. Thời gian tập kết của lực lượng cách mạng miền Nam ra miền Bắc là 300 ngày, tại Cà Mau là 200 ngày. Miền Bắc Sóc Trăng trong vòng 15 ngày phải đưa quân đến điểm tập kết ở Chắc Bàng, Cà Mau.

Thực dân Pháp thất bại ở Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ đã thừa cơ lôi nhử vào Đông Dương, thay chân Pháp đảm nhận nhiệm vụ tiêu diệt Công sản ở Đông Dương. Vì vậy, cùng với bọn tay sai, đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác không chịu thi hành hiệp định Genève. Chúng ra sức biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, làm bàn đạp tiến công miền Bắc, xóa bỏ nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên ở Đông Dương.

Để kịp thời lãnh đạo cách mạng miền Nam, chống lại âm mưu của bọn đế quốc và tay sai, Bộ Chính trị ra nghị quyết ngày 5/9/1954 nêu rõ “Cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị” Từ đó giao nhiệm vụ cho Đảng bộ ở miền Nam là phải bố trí công tác tổ chức cán bộ bí mật, gọn nhẹ, phù hợp với tình hình mới, tập trung lãnh đạo lực lượng đoàn kết nhân dân đấu tranh đòi thi hành hiệp định, củng cố hòa bình, thực hiện tự do dân chủ, dân sinh, thống nhất đất nước.

Tỉnh ủy Sóc Trăng khẩn trương triển khai các nội dung theo chỉ đạo của Trung ương Cục, bố trí lực lượng sẽ chuyển quân tập kết và lực lượng ở lại; ổn định công tác tư tưởng, chuẩn bị cho cuộc chuyển đổi mới.

Các lớp học tập về chiến lược hoạt động, về tình hình nhiệm vụ mới được tổ chức cho từng hệ thống lãnh đạo tỉnh, huyện, cán bộ đoàn thể, dân quân chính và đoàn viên, hội viên đến tận quần chúng nhân dân. Thông qua đó, giúp mọi người thấy rõ ý nghĩa thắng lợi của chiến thắng Điện Biên Phủ, hiểu rõ âm mưu thâm độc của kẻ thù, tận dụng những nội dung đã ghi trong hiệp định để đấu tranh đòi bọn địch phải thi hành trong đó có điều 14C ghi rõ: “Không được trả thù hay phân biệt đối xử đối với cán bộ, tổ chức hoạt động trong thời kỳ kháng chiến”.

Tỉnh ủy bố trí các lớp học riêng cho đảng viên, lớp công tác Thanh vận cho số cán bộ trẻ, trung kiên, bố trí các cơ sở mật, chôn giấu vũ khí phục vụ cho yêu cầu sau này. Ngoài ra, các công tác khác cũng được lãnh đạo tỉnh, huyện triển khai như chăm lo đời sống nhân dân, tạm cấp hết số ruộng đất cho nông dân, tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, chăm lo sức khỏe nhân dân.

Tháng 10/1954, Tỉnh ủy bí mật được thành lập gồm 9 đồng chí, do đồng chí Lâm Hón Thanh làm Bí thư, đồng chí Phan Văn Hoàn làm phó Bí thư. Tỉnh ủy chỉ định các Huyện ủy, Thị ủy bí mật. Tổ chức cơ sở Đảng và mạng lưới đảng viên được sắp xếp, phân loại chất lượng để giao công tác phù hợp<sup>54</sup>.

<sup>54</sup> Lúc này toàn tỉnh có 4.200 đảng viên. Mỗi xã đều có chi bộ. Xã nhiều nhất có trên 300 đảng viên (Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (1954-1975), BTG.TU, 1999, tr.15).

Theo chỉ đạo chung, bộ máy tổ chức của ta được tinh giản, gọn nhẹ, không có các ban ngành. Tổ chức đoàn thể cũng không còn, mà chỉ xây dựng hệ thống cán bộ cốt cán. Số công nhân lao động ở thị xã, thị tứ đều do từng cấp ủy địa phương phụ trách. Số đảng viên, cán bộ cốt cán các đoàn thể cũng nhận nhiệm vụ nắm lực lượng công nhân, lao động để tuyên truyền tổ chức đấu tranh. Nhìn chung, các tổ chức đoàn thể đều phải biến tướng để hoạt động. Ở tỉnh lỵ và một số thị trấn, thị tứ, xã hoạt động của tổ chức công đoàn được biến tướng bằng các hình thức nghiệp đoàn ngành nghề như: Nghiệp đoàn Thợ bạc do đồng chí Vương Minh Cảnh phụ trách, Nghiệp đoàn Công nhân khuôn vác do đồng chí Quách Kim Lái phụ trách. Ngoài ra còn có các nghiệp đoàn Công nhân nhà máy xay xát, nghiệp đoàn nông gia . . .

Các đồng chí phụ trách nghiệp đoàn tại thị xã, nhất là nghiệp đoàn Thợ bạc đi sâu tuyên truyền trong giới công nhân hiểu rõ về sự cấu kết giữa bọn chủ và chính quyền Mỹ-Diệm nhằm bóp chết quyền lợi dân sinh dân chủ của anh em công nhân, hướng dẫn anh em tham gia đấu tranh, làm đơn, kiến nghị gửi bọn chủ và chính quyền đòi tăng lương, giảm giờ làm. Tinh thể giăng co, nhưng trước sức mạnh quyết tâm của anh em công nhân làm thuê, bọn chủ buộc phải nhượng bộ, trả thêm tiền công cho công nhân.

Tại khu vực chợ Mỹ Xuyên, có các nghiệp đoàn Công nhân khuôn vác, Công nhân xe lôi, xe kéo do các đồng chí Nguyễn Văn Lý và Lê Thị Lăng phụ trách. Ở nông thôn, quần chúng lao động và nông dân được tập hợp vào các hội mang tính chất xã hội như Hội chùa, Hội banh, Hội từ thiện, hay hội của nông dân như Vạn vắn đôi công, Tổ bình dân học vụ v.v. . .

Công tác binh vận, công tác Khmer vắn, Hoa vắn đều được Tỉnh uỷ quan tâm củng cố, phân công cán bộ có năng lực phụ trách. Nhất là đối với số cán bộ Hoa vắn được bố trí hoạt động ở thị xã, thị trấn, thường tham nhập vào các ngành nghề công thương nghiệp, trường học để hoạt động.

Để thực hiện ý đồ thay chất Pháo nắm giữ toàn quyền ở Đông Dương, đế quốc Mỹ lập chính phủ bù nhìn thân Mỹ do Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng, đưa ra kế hoạch 6 điểm để giúp Diệm xây dựng chính quyền và quân đội. Có hậu thuẫn của Mỹ, chính quyền Diệm ra sức củng cố địa vị, thay toàn bộ lực lượng thân Pháp trong nội các, đánh dẹp các giáo phái công giáo, ra sức tiến hành kế hoạch “diệt Cộng”. Chúng còn bày ra trò hề bầu cử độc diễn để truất phế Bảo Đại, đưa Diệm lên làm Tổng Thống. Tháng 10/1956, Diệm ban hành hiến pháp của nền Cộng hòa miền Nam Việt Nam, khẳng định việc phân chia đất nước thành hai miền lâu dài. Với học thuyết Nhân vị duy linh, Diệm lập ra Đảng Cần lao nhân vị, quy tụ số tư sản mại bản, địa chủ phong kiến, tay sai, để củng cố quyền hành của mình. Mỹ-Diệm còn đưa ra chính sách “cải cách điền địa” nhằm tước đoạt những thành quả ruộng đất do cách mạng đã cấp cho nông dân, phục hồi địa vị của tầng lớp địa chủ phong kiến nông thôn.

Tại tỉnh Sóc Trăng, từ cuối năm 1954, địch tiến hành xây dựng bộ máy hành chính từ tỉnh đến quận, xã, áp với thành phần là bọn địa chủ, tay sai phản động, cùng một số tên đội lốt tôn giáo. Hệ thống đồn bót được xây dựng cùng với lực lượng quân đội, cảnh sát, tình báo, dân vệ có nhiệm vụ bảo vệ chính quyền tay sai và khủng bố những cán bộ và gia đình cán bộ kháng chiến cũ. Nhiều đồng chí lãnh đạo Tỉnh uỷ, Huyện uỷ, cán bộ đảng viên bị chúng bắt và giết một cách man rợ. Các cơ sở của ta trong trường học, cả trường học người Hoa cũng bị chúng phát hiện và bắt đày đi các nhà tù. Địch còn thành lập Ty Miền vụ, o ép thành lập vùng đồng bào công giáo di cư dọc theo quốc lộ, khu tập trung quan trọng để làm vành đai bảo vệ chính quyền tay sai.

Chúng còn phân chia lại địa giới thành lập tỉnh Ba Xuyên theo sắc lệnh ngày 25/10/1956 của Ngô Đình Diệm<sup>55</sup>.

Đề đối phó với những âm mưu thủ đoạn mới của kẻ thù, thực hiện các nghị quyết của trên, Tỉnh ủy Sóc Trăng chỉ đạo cán bộ đảng viên bám sát quần chúng để động viên củng cố tinh thần quần chúng, hướng dẫn quần chúng đấu tranh chống lại địch<sup>56</sup>.

Thông qua cán bộ nòng cốt, số anh em trong các nghiệp đoàn nhà máy xay xát, nghiệp đoàn thợ bạc, nghiệp đoàn khâu vá v.v. . . được giải thích hiểu rõ sự cấu kết giữa chính quyền ngụy với bọn chủ bóc lột quyền dân sinh, dân chủ, bóc lột sức lao động của người làm công. Nhờ vậy, công nhân các cơ sở, cả các tiệm cà phê, tạp hóa cùng kiên quyết đấu tranh đòi quyền lợi như yêu cầu giới chủ tăng lương, giảm giờ làm, giờ làm việc tăng thêm phải hưởng lương nhiều hơn, chống sa thải công nhân. Tại thị trấn Mỹ Xuyên, các cuộc đấu tranh đòi tăng lương, giải quyết thêm quyền lợi cho công nhân lao động của anh em trong nghiệp đoàn công nhân khâu vá, xe lôi xe kéo cũng giành được thắng lợi.

Đặc biệt, nhân ngày Quốc tế lao động 1/5/1955, đông đảo anh em trong các nghiệp đoàn tại tỉnh lỵ đã bãi công, tham gia cùng với hàng ngàn quần chúng lao động từ các huyện trong tỉnh kéo về tỉnh lỵ mít tinh đưa yêu sách, đòi Chính phủ Ngô Đình Diệm phải thực hiện các quyền dân sinh, dân chủ, thực hiện hiệp thương thống nhất đất nước.

Tháng 7/1955, quần chúng lao động còn tham gia những cuộc đấu tranh chống địch giải tỏa xóm đầu voi Vọng Thoàn, khu cầu Bông, xóm Vườn Xoài, đòi phải được bồi thường thiệt hại. Số chị em buôn bán cũng tích cực đấu tranh chống lệnh đuổi chỗ gây khó khăn trong buôn bán.

Sự kiện nổi bật tạo tiếng vang lớn mà địch không dám tỏ thái độ đàn áp. Đó là cuộc mít tinh vào cuối năm 1955 tại rạp hát Nguyễn Văn Kiển do Nghiệp đoàn Giáo chức tổ chức vận động truyền bá chữ quốc ngữ với trên 1.000 người tham dự. Lòng ghép trong nội dung diễn thuyết, lãnh đạo Nghiệp đoàn đã đưa yêu cầu đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Chấm dứt buổi mít tinh là cuộc tuần hành biểu dương lực lượng đòi quyền lợi tại Sóc Trăng hoảng sợ phải đưa cảnh sát can thiệp, hứa sẽ đưa yêu sách lên cấp trên xem xét giải quyết.

Ngoài ra, còn phải kể đến các phong trào đấu tranh của giáo viên Khmer biểu tình phản đối chính phủ Diệm không cho dạy và học chữ Khmer; phong trào đấu tranh của nông dân trong tỉnh chống lại đạo dụ số 2, chỉ dụ số 7 và đạo dụ số 57 về “cải cách điền địa” của Ngô Đình Diệm.

Ngày 20/7/1955, chính quyền Ngụy tổ chức biểu tình, phá hoại hiệp định Genève mà không tổ chức hội nghị hiệp thương để tiến tới tổng tuyển cử trong cả nước. Tỉnh ủy kịp thời tập hợp quần chúng, biến thành cuộc biểu tình công khai trước dinh Tỉnh trưởng với hàng chục ngàn đồng bào Kinh, Khmer, Hoa trong tỉnh tham gia, yêu cầu chúng phải thực hiện hiệp định, tiến tới tổng tuyển cử.

<sup>55</sup> trên cơ sở sát nhập thêm vào tỉnh Sóc Trăng cũ các huyện Phước Long, Giá Rai,, Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu và thị xã Bạc Liêu.

<sup>56</sup> Năm 1955, đ/c Song Mỹ là Bí thư thị xã ủy. Đến đầu năm 1956, Tỉnh ủy phân công đ/c Phan Thị Tốt (Ba Tốt) Tỉnh ủy viên, về làm Bí thư thị xã Sóc Trăng thay cho đ/c Song Mỹ và nhận bàn giao nhiều cơ sở quần chúng cách mạng trong nội ô và vùng ven thị xã. Trong này có gia đình ông Vương Minh Quang, chủ rạp hát Dân ta (rạp Hai Bà Trưng sau này), nhà bà giáo Lùn (cô giáo Lê Thị Ngà), nhà ông Tư xe Trầu, gia đình ông Lâm Thành Hưng (Hòa Bình Từ), gia đình ông giáo Trần Xưng Thầu v.v. .

Ngày 23/10/1955, công nhân lao động và đông đảo nhân dân trong tỉnh tấy chạy trốn hệ của Ngô Đình Diệm khi tổ chức cái gọi là trưng cầu dân ý “trượt phé Bảo Đại” bằng nhiều hình thức như không đi bỏ phiếu, đập phá thùng phiếu...

Ngày 4/3/1956, công nhân lao động và nhân dân trong tỉnh còn tham gia đấu tranh bằng nhiều hình thức phản đối cuộc bầu cử Quốc hội do Ngô Đình Diệm tổ chức.

Ngày 20/7/1956, là ngày phải tiến hành tổng tuyển cử trong cả nước theo đúng tinh thần hiệp định Genève, nhưng Chính phủ Ngô Đình Diệm không thực hiện. Hưởng ứng sự kêu gọi của Tỉnh ủy, hàng ngàn quần chúng lao động ở thị xã và các huyện kéo đến dinh Tỉnh trưởng đấu tranh yêu cầu thực hiện Tổng tuyển cử, đòi dân sinh, dân chủ, chống bắt bớ, giam cầm. Địch nổ súng thị uy, đàn áp đoàn biểu tình và bắt đi 2 đồng chí<sup>57</sup>. Liên tục trong nhiều tháng liền, phong trào đấu tranh đòi thực hiện hiệp định, đòi Tổng tuyển cử diễn ra từ thành thị đến nông thôn với nhiều tầng lớp nhân dân lao động tham gia. Quần chúng còn tổ chức lấy chữ ký, cử đại diện lên tận Sài Gòn gặp Ủy hội Quốc tế đòi thực hiện hiệp định. Ngoài ra, các nghiệp đoàn công nhân, nhân dân lao động tham gia đấu tranh với địch, đòi mở lớp học chữ Quốc ngữ, vận động trên 400 quần chúng lao động theo học với 12 lớp đầu tiên do trường Trần Văn.

Tuy nhiên, đến cuối năm 1956, bộ máy cai trị của địch đã được hoàn chỉnh từ trung ương đến xã, áp, thế lực ngày càng lớn mạnh, nên chúng không còn nhân nhượng như trước nữa mà bắt đầu khủng bố phong trào, trắng trợn phá hoại hiệp định, cho lùng bắt số cán bộ cách mạng và quần chúng cốt cán của ta. Chúng còn chuẩn bị kế hoạch tiêu diệt lực lượng cách mạng, chiếm lấy hoàn toàn miền Nam.

## II. VƯỢT QUA KHÓ KHĂN THỰC CHẤT, CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG CÙNG NHÂN DÂN TỈNH NHÀ TÙNG ĐƯỢC CHUẨN BỊ LỰC LƯỢNG, TIẾN TỚI THAM GIA ĐỒNG KHỞI 1960 (1957-1960).

Đầu năm 1957, địch tăng cường các hoạt động quân sự, đánh phá phong trào cách mạng, đưa ra các chiến dịch “bố cộng”, “diệt cộng” và nhiều thủ đoạn khác để gây chia rẽ, nghi kỵ trong nhân dân, trong gia đình với nhau. Ngô Đình Diệm còn tuyên bố kéo dài biên giới Hoa Kỳ lên vĩ tuyến 17, ban hành luật phát xít 10/59, xây dựng và phát triển mạng lưới tay sai, điệp nhằm lùng bắt, bắn giết cán bộ và quần chúng cách mạng. Tổ chức Đảng từ tỉnh đến xã, các cơ sở cách mạng bị tổn thất nặng nề. Tại tỉnh lỵ, riêng năm 1958, có đến 73 cán bộ bị địch bắt, trong này có một số cán bộ được ta cài vào các cơ quan của địch, trong các trường học. Ở các huyện, có xã có đến vài chục cán bộ đảng viên và quần chúng cách mạng bị bắt, bị giết dã man. Đến cuối năm 1959, toàn tỉnh chỉ còn có 280 đảng viên, nhiều xã không còn chỉ có Đảng.

Tình hình này ảnh hưởng rất lớn đến phong trào quần chúng, phong trào công nhân và nhân dân lao động tại tỉnh lỵ và các thị trấn.

Dù có dự đoán trước những âm mưu của kẻ thù, nhưng ta không lường hết những thủ đoạn tàn ác dã man của chúng, Trong gần 2 năm đầu ta tổ chức quần chúng đấu tranh đòi thi hành hiệp định Genève, địch vẫn ngoan cố lật lọng dùng mọi cách phá hoại không thi hành hiệp định. Để kịp thời chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam, Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng đã có nghị quyết vào tháng 6/1956. Đồng chí Lê Duẩn, Bí thư Xứ ủy Nam bộ thảo bản Đề cương “Đường lối cách mạng miền

<sup>57</sup> Là đồng chí Lý Niên và Lý Cường. Đồng chí Lý Niên bị địch tra tấn và đâm chết thả xuống sông Đại Ngãi. *Ta tổ chức cho gia đình đồng chí Lý Niên và bà con tại ngã ba An Trạch, (An Hiệp, Mỹ Tú) đưa đơn thưa lên Ủy hội Quốc tế giám sát đình chiến, yêu cầu bồi thường nhân mạng, chấm dứt đàn áp, trả thù.*

Nam” từ tháng 8/1956. Xứ ủy Nam bộ có Nghị quyết vào ngày 01/12/1956. Các nội dung văn bản trên đều xác định cách mạng miền Nam phải kiên quyết đấu tranh với kẻ thù, kết hợp đấu tranh chính trị có vũ trang tự vệ. Tỉnh ủy Sóc Trăng tổ chức họp quán triệt các nội dung trên vào đầu năm 1957, nêu lên phương hướng lãnh đạo của Đảng bộ trong điều kiện mới, tiến hành củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng ngầm, tuyển chọn cán bộ trẻ xây dựng lực lượng vũ trang, chế tạo vũ khí hoặc lấy súng địch để trang bị cho các đội vũ trang, thực hiện diệt ác, phá kềm; đẩy mạnh công tác binh vận, xây dựng các tổ chức quần chúng. Cán bộ, công nhân ngành Thông tin Văn hóa nỗ lực hoạt động tuyên truyền thông qua việc ghi chép tin từ Đài Phát thanh Hà Nội, biên tập, phát hành các tờ “Tin tức”, báo “Hòa bình thống nhất”, tạp chí “ Văn nghệ Sóc Trăng”. Để phát triển ngành in của tỉnh, phục vụ cho công tác tuyên truyền, khoảng tháng 2 năm 1958 Tổ ấn loát<sup>58</sup> thuộc Ban Tuyên huấn được thành lập. Tuy lúc này chưa có tổ chức công đoàn, nhưng sự hình thành Tổ ấn loát với 4 cán bộ công nhân ban đầu đã góp phần cho sự phát triển ngành in của tỉnh sau này, phục vụ kịp thời công tác tuyên truyền trong kháng chiến.

Từ giữa năm 1957 đến 1959, một số cuộc đấu tranh của công bào diễn ra nhiều nơi trong tỉnh kết hợp với hoạt động quân sự, tiêu diệt một số tên ác ôn, có nợ máu với nhân dân. Đặc biệt, nhân sự kiện Mỹ-Diệm tổ chức đả độn thâm sát tù chính trị ở nhà tù Phú Lợi, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, nhân dân lao động, chị em phụ nữ trong tỉnh tham gia đấu tranh bằng nhiều hình thức như: dự lễ cầu siêu, đấu tranh đòi thả hoặc được đi thăm chồng con đang bị địch giam cầm, bị đầu độc ở nhà tù Phú Lợi v.v. . . Nhân dân trong tỉnh còn tham gia đấu tranh chống lại âm mưu lập các khu trù mật của địch. Dù bị địch hăm dọa, đàn áp, số gia đình quần chúng cốt cán vẫn kiên gan bền chí trong các hoạt động, bí mật nuôi giấu cán bộ cách mạng, giữ vững khí tiết khi bị địch bắt, tra tấn.

Trước diễn biến tình hình phức tạp, theo sự mong muốn của cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Nam, BCH Trung ương Đảng ra nghị quyết 15 vào tháng 01/1959. Nghị quyết khẳng định con đường cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Tháng 1/1959, Xứ ủy Nam bộ tổ chức hội nghị quán triệt nghị quyết 15 và đề ra nhiệm vụ cụ thể của Xứ ủy trong chỉ đạo phong trào cách mạng Nam bộ. Cuối tháng 01, đầu tháng 02/1960, Tỉnh ủy Sóc Trăng họp quán triệt các nội dung trên và đề ra nhiệm vụ cụ thể của Đảng bộ tỉnh là “Dùng bạo lực chính trị của quần chúng kết hợp với vũ trang nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt. Phát huy công tác binh vận, sử dụng cơ sở trong lòng địch kết hợp lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang để tiến công địch. Tập trung đánh vào bộ máy kềm kẹp của địch ở nông thôn để giành quyền làm chủ”.

Đến cuối tháng 2/1960, nội dung Nghị quyết được tổ chức học tập đến huyện và xã, cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình hưởng ứng tích cực. Suốt cả năm 1960, nhất là từ ngày 14/9, phong trào đấu tranh chuyển sang bước mới. Mọi người đều đồng lòng đứng lên tự vũ trang, cùng với lực lượng vũ trang đứng lên đánh địch, lấy vũ khí của địch trang bị cho mình, cùng diệt ác, phá kềm, phá nhiều đồn bót địch. Các mũi đấu tranh vũ trang, binh vận kết hợp với đấu tranh chính trị với sự tham gia của hàng chục ngàn quần chúng lao động, chị em phụ nữ trong toàn tỉnh tạo nên khí thế áp đảo nguy quân, nguy quyền, nhiều binh sĩ địch hoang mang dao động, bỏ súng đầu hàng.

<sup>58</sup> Tổ có 4 người gồm đ/c Tư Ruồi (sau này gọi là Tư Thép), tổ trưởng, Bí thư chi bộ, đ/c Tuấn, đồng chí Chín Công đều là đảng viên và đồng chí Lưu Trọng Hòa là đoàn viên. Tháng 10 năm 1958, đồng chí Chín Công và đồng chí Hòa bị địch bắt đày đi Côn Đảo.

Kết quả của Đồng khởi trong tỉnh, trên ½ dân số và 16 xã được giải phóng hoàn toàn, nhiều xã được giải phóng cơ bản.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi tạo thế và lực mới, đưa phong trào cách mạng của quần chúng phát triển không những ở nông thôn mà cả ở trong vùng tạm chiếm, tại tỉnh lỵ, thị trấn, thị tứ phong trào đấu tranh của công nhân, quần chúng lao động có chuyển biến tích cực.

Cùng với thắng lợi chung của phong trào Đồng khởi toàn miền Nam, ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời tập hợp đoàn kết các tầng lớp nhân dân và các tổ chức yêu nước miền Nam cùng đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Phong trào đấu tranh của công nhân và quần chúng lao động lại có một tổ chức rộng rãi để cùng tập hợp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

### III. PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG, GÓP PHẦN ĐÁNH ĐẬP CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1961- 1965).

Sau Đồng khởi của cả miền Nam, đế quốc Mỹ buộc phải tính toán lại kế hoạch cứu nguy cho chính quyền nguy. Từ đó, Mỹ đề ra chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, vừa tăng cường viện trợ, xây dựng quân đội nguy; vừa kết hợp với các hoạt động chính trị, tình báo, chiến tranh tâm lý, phong tỏa nguồn chi viện từ Bắc vào Nam..., với âm mưu tiêu diệt cách mạng miền Nam. Lực lượng của địch trong tỉnh được tăng cường với nhiều đơn vị bảo an, dân vệ, xây dựng thêm nhiều đồn bót, tăng cường hành quân, càn quét vùng nông thôn giải phóng.

Theo chỉ đạo của Trung ương và Trung ương Cục, Tỉnh ủy Sóc Trăng khẩn trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, thành lập lại Trường Đảng tỉnh; phát triển tổ chức Đảng, củng cố cơ sở cách mạng từ nông thôn đến thị xã, thị trấn, thị tứ; phát triển lực lượng vũ trang cùng với đẩy mạnh chiến tranh du kích, giữ vững vùng nông thôn giải phóng.

Số cán bộ, công nhân thuộc bộ phận tuyên truyền, in ấn thường xuyên in truyền đơn, tranh cổ động, áp phích như là tờ báo “Chiến đấu” là cơ quan ngôn luận của Tỉnh ủy, kịp thời phổ biến đường lối chủ trương, chính sách của Đảng đến cán bộ và nhân dân trong tỉnh.

Đầu năm 1961, huyện Mỹ Xuyên được thành lập<sup>59</sup>. Các huyện được tăng cường cán bộ, đảng viên, đoàn viên như huyện Vĩnh Châu-Vĩnh Lợi, Mỹ Xuyên, Long Phú. Tháng 2/1961, Tỉnh ủy chỉ định BCH Thị xã ủy Sóc Trăng do đồng chí Hà Thái Bình ( Tư Hiền ) làm Bí thư. Ngoài ra, Tỉnh ủy còn phân công đồng chí Lê Thành Nội ( Tư Đĩnh ) làm ủy viên phụ trách chỉ đạo thị xã Bạc Liêu<sup>60</sup>.

Tháng 5/1961, BCH Tỉnh ủy họp ở vùng cù lao huyện Long Phú quyết định chuyển hướng chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh trong giai đoạn mới. Tỉnh ủy phân chia địa bàn tỉnh thành 3 vùng để chỉ đạo. Theo đó, vùng tranh chấp và vùng giải phóng chỉ đạo đấu tranh chính trị song song với quân sự. Vùng kèm<sup>61</sup> lấy đấu tranh chính trị làm chủ yếu với tư thế hợp pháp hoặc từng lúc sử dụng cả đấu tranh bán hợp pháp. Hội nghị cũng quyết định nhiều vấn đề quan trọng, trong đó có nhiệm vụ phát triển các lực lượng đấu tranh của quần chúng, thành lập một số Ban Đảng, đoàn thể, quân sự, an ninh . . . Sau hội nghị, khoảng giữa năm 1961, Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh được thành lập, tập hợp các nhân sĩ, trí thức, giai cấp, tôn giáo dân tộc và đoàn thể trong

<sup>59</sup> trên cơ sở tách một số xã thuộc 2 huyện Thạnh Trị và Châu Thành

<sup>60</sup> lúc này còn thuộc tỉnh Sóc Trăng, do đồng chí Bùi Minh Hòa ( Minh Trung ) làm bí thư

<sup>61</sup> vùng địch kiểm soát, ở tỉnh lỵ, thị trấn, thị tứ.

tinh. Tiếp theo, lần lượt Mặt trận các huyện và xã đều được thành lập. Trong năm 1961, cùng với các hoạt động quân sự, công tác binh vận, chính trị được đẩy mạnh. Nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng nổ ra ở các xã thuộc huyện Châu Thành. Nổi bật là cuộc đấu tranh trong tháng 9/1961 của hàng ngàn chị em phụ nữ kết hợp với quần chúng lao động tại thị xã Bạc Liêu chống bắt lính, chống càn quét khủng bố; cuộc đấu tranh của hàng ngàn chị em phụ nữ cùng giới lao động tại thị xã Sóc Trăng vào tháng 12/1961 chống địch càn quét, chống bắt lính, bắt xâu . . .

Đầu năm 1962, đế quốc Mỹ triển khai các nội dung của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, trong đó có “quốc sách áp chiến lược” nhằm bình định toàn miền Nam. Mỹ Ngụy mở nhiều cuộc hành quân càn quét vào vùng giải phóng nông thôn, gom dân, lập ấp chiến lược theo các trục lộ giao thông chiến lược hoặc theo từng họ đạo của các nhà thờ. Các phương tiện chiến tranh, cổ vấn Mỹ cũng được tăng cường đến tỉnh Sóc Trăng. Địch còn đưa không đoàn 42 đến đóng tại sân bay Sóc Trăng làm nhiệm vụ không vận, vận chuyển binh lính địch đi hành quân càn quét, gây ra nhiều vụ thảm sát ở các huyện .

Đề chủ động đối phó với các âm mưu của địch, tháng 5/1962, Tỉnh ủy Sóc Trăng tổ chức cuộc họp bàn và quyết định nhiều nội dung quan trọng như tăng cường công tác củng cố tổ chức, xây dựng Đảng, đoàn thể, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang, binh vận; trọng tâm là đẩy mạnh chỉ đạo chống phá kế hoạch thành lập ấp chiến lược của địch, phân chia địa bàn 2 huyện Vĩnh Lợi và Vĩnh Châu, thành lập các thị trấn. Trong năm 1962, ta giành nhiều thắng lợi lớn về quân sự như ở các trận đánh Tam Hòa, Cây Vông-Cựa Gà . . . Đặc biệt, lần đầu tiên của tỉnh và cả miền Tây Nam bộ, ta tiến công và tiêu diệt gọn một chi khu của địch là chi khu Ngã Năm; du kích xã Lạc Hòa ( Vĩnh Châu) bắn rơi máy bay trực của địch tại cửa sông Mỹ Thanh. Được lực lượng binh vận, vũ trang hỗ trợ, các đoàn thể còn vận động đồng bào Kinh, Khmer, Hoa vùng lên phá các ấp chiến lược của địch dọc theo các trục lộ giao thông huyết mạch, hoặc vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo. Lực lượng an ninh cùng các cơ sở mật trong thị xã, thị trấn tổ chức các đợt vũ trang tuyên truyền, diệt ác phá kềm, hỗ trợ cho hoạt động phá ấp chiến lược, gây cho địch nhiều hoang mang.

Nổi bật là phong trào đấu tranh chính trị trong vùng tạm chiếm nổ ra liên tục và sôi nổi như đấu tranh của hàng ngàn đồng bào và sư sãi Khmer chống địch đuổi nhà dân, mở rộng sân bay Sóc Trăng; đấu tranh của hàng chục ngàn lượt đồng bào và quần chúng lao động các huyện chống bắt lính, chống càn quét, chống dồn dân vào ấp chiến lược.

Sang năm 1963, dù địch có tăng cường nhiều lực lượng, thiết bị quân sự cho tỉnh Sóc Trăng, nhưng phong trào đấu tranh chính trị của ta vẫn phát triển đi đôi với các hoạt động tấn công tiêu diệt địch của các đội biệt động, lực lượng vũ trang làm tiêu hao nhiều lực lượng, khí tài, quân sự, phá tan nhiều ấp chiến lược của địch.

Ngày 1/11/1963, với sự hậu thuẫn của đế quốc Mỹ, nội bộ ngụy quyền làm đảo chánh, lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Nền chính trị của chế độ Ngụy Sài Gòn khủng hoảng liên tục. Đế quốc Mỹ buộc phải thực hiện kế hoạch Mắc Namara, tăng cường chỉ huy quân sự Mỹ; phương tiện chiến tranh, vũ khí cho quân Ngụy, ra sức triển khai lập ấp chiến lược, đưa không quân đánh phá miền Bắc.

Tại Sóc Trăng, địch tăng cường thêm cổ vấn Mỹ, lực lượng quân sự, khí tài, phương tiện chiến tranh, tổ chức các hoạt động tình báo gián điệp, thành lập lại tỉnh Bạc Liêu<sup>62</sup> phục vụ cho ý đồ quân sự của chúng.

<sup>62</sup> gồm các huyện Vĩnh Lợi, Vĩnh Châu, Giá Rai và thị xã Bạc Liêu



Được chỉ đạo của Tỉnh ủy, các phong trào đấu tranh chính trị, hoạt động binh vận, tổ chức đoàn thể quần chúng vẫn tiếp tục phát triển về số lượng đi đôi với đảm bảo chất lượng. Trong 2 năm 1964-1965, cùng với các chiến thắng về quân sự, phong trào đấu tranh của quần chúng diễn ra với mức độ và quy mô lớn hơn. Tiêu biểu có các cuộc đấu tranh của 3.000 người tại thị xã Sóc Trăng (có gần 2.000 học sinh) vào ngày 12/10/1964 đòi Mỹ rút khỏi miền Nam, đòi chấm dứt chiến tranh, thả đảo Nguyễn Khánh v.v...; cuộc đấu tranh ngày 14/10/1964 của hàng trăm sư sãi và đồng bào ở chùa Tắc Gòong, xã Tham Đôn ( Mỹ Xuyên) tố cáo địch bắn phá chùa, bắt lính trong chùa ; cuộc đấu tranh ngày 28/01/1965 của 5.000 đồng bào và quần chúng lao động từ các huyện kéo vào thị xã Sóc Trăng tố cáo tội ác của Mỹ-Khánh bắn phá bừa bãi vào xóm làng, chùa chiền, gây thiệt hại mạng sống của dân; cuộc đấu tranh của 6.000 quần chúng lao động ở thị xã Bạc Liêu vào ngày 26/5/1965 và 02/6/1965; cuộc đấu tranh ngày 5/6/1965 ở thị trấn Ngã Năm của gần 1.000 chị em phụ nữ và quần chúng lao động chống bắt lính, đôn quân, chống càn quét, bắn phá, bãi bỏ áp chiến lược, trả đủ lương cho binh sĩ; cuộc đấu tranh ngày 6/6/1965 của giáo viên, học sinh các trường trung học và tư thục tại thị xã đòi cải tiến nền giáo dục, chống đàn áp học sinh để bắt đi lính, đòi mở thêm trường học, Mỹ phải rút về nước . . .

Các phong trào đấu tranh chính trị cùng với những thắng lợi về quân sự của ta, làm cho quân địch lâm vào thế bị động, một số binh sĩ ngụy tan rã, nhiều đồn bót và nhiều áp chiến lược bị phá tan, nhiều xã được giải phóng hoàn toàn hoặc 1/2. . . Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ bị phá sản trong toàn miền Nam nói chung và tại Sóc Trăng nói riêng.

#### **IV. ĐẨY MẠNH THẾ TIẾN CÔNG, CUNG CẤP NƯỚC ĐÁNH BẠI CHIẾN LƯỢC “ CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965-1968).**

Thất bại trong chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, đế quốc Mỹ chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, đưa quân Mỹ trực tiếp vào miền Nam chiến đấu, nhằm mục đích tiếp sức cho quân ngụy đã bị tiêu hao về số lượng, giảm sút về mặt tinh thần. Chúng ra sức thực hiện bình định nông thôn, tăng cường ném bom bắn phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Tại Sóc Trăng, địch tiếp tục bổ sung quân số bằng biện pháp đôn quân, bắt lính, phát triển thêm các áp chiến lược, lực lượng dân vệ, thanh niên chiến đấu . . . đi đôi với trang bị thêm các phương tiện, khí tài quân sự. Chúng còn mở rộng sân bay tại thị xã, lập các bãi đáp trực thăng ở một số huyện; tăng cường đóng đồn bót chung quanh sân bay, vùng ven thị xã, thị trấn, thị tứ, các trục giao thông chiến lược, vùng đồng bào dân tộc Khmer, vùng tôn giáo; mở nhiều trận càn vào vùng căn cứ, vùng nông thôn của ta, gây ra nhiều vụ thảm sát tàn ác, dã man<sup>63</sup>. Lực lượng của ta có lúc phải rời địa bàn bám trụ vùng lân cận để xây dựng, chỉ đạo phong trào.

Được sự lãnh đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy Sóc Trăng tổ chức đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong nội bộ đến tận quần chúng, hưởng ứng tích cực Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh<sup>64</sup>, quyết đánh thắng giặc Mỹ; xây dựng tốt các lực lượng, tăng cường cán bộ cho vùng kềm, vùng tranh chấp và bên trong tỉnh lỵ, thị trấn, thị tứ. Theo đó, các đoàn thể đều được tăng cường thêm cán bộ lãnh đạo, chú ý bồi dưỡng, phát

<sup>63</sup> điển hình nhất là ngày 08/01/1966, địch dùng máy bay và pháo bắn chết hơn 300 người dân thuộc xã An Lạc Thôn, huyện Kế Sách

<sup>64</sup> ngày 20/7/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân quyết tâm đoàn kết một lòng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược

triển thêm đoàn viên, hội viên<sup>65</sup>, hướng dẫn tham gia các phong trào đấu tranh chống địch. Nhờ vậy, cùng với các hoạt động quân sự, tiêu diệt nhiều đồn bót và lực lượng của địch trong 2 năm 1965-1966, phong trào đấu tranh chính trị, binh vận được đẩy mạnh ở thị xã, thị trấn. Nổi bật là các cuộc đấu tranh giành thắng lợi của quần chúng lao động tại thị xã Sóc Trăng, Bạc Liêu, ở các huyện chống địch càn quét, bỏ bom bừa bãi giết hại dân thường, chống đuổi nhà, gom dân, không được rải chất độc hóa học làm ảnh hưởng đến cuộc sống và sản xuất của người dân . . . Quần chúng lao động còn tích cực tham gia các phong trào đấu tranh chống, phá áp Tân sinh, làm tan rã và giải phóng nhiều ấp, phá vỡ một số bộ máy tổ chức của địch.

Sang năm 1967, ngoài đưa lực lượng quân sự tăng cường hành quân bắn phá, địch còn dùng nhiều thủ đoạn khác như chiến tranh tâm lý, sử dụng bọn cảnh sát, tình báo để theo dõi, phát hiện, đánh phá các cơ sở của ta. Ngược lại, theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang, chính trị, binh vận của ta vẫn quyết tâm vượt khó khăn, liên tục tiến công địch trên các mặt trận. Các chiến thắng về quân sự của ta trong năm 1967 làm cho quân địch thiệt hại khá nặng, vùng giải phóng của từng huyện được mở rộng hơn.

Tháng 4/1967, Khu ủy ra Nghị quyết về công tác thị xã, thị trấn năm 1967. Trong đó, nhấn mạnh nhiệm vụ “phát động cao trào chính trị, tiến công địch, lấy phong trào công nhân, lao động làm cơ bản, ra sức tập hợp mặt trận đấu tranh cho các khẩu hiệu dân sinh, dân chủ và dân tộc, có kết hợp vũ trang, phá kềm kẹp, giành quyền làm chủ cho nhân dân” và ra sức xây dựng tốt công tác tổ chức và các lực lượng, chuẩn bị cho phương hướng tổng công kích, tổng khởi nghĩa.

Thực hiện nghị quyết của Khu ủy, theo phân công của Tỉnh ủy, cán bộ các ngành, các cấp được tăng cường. Đặc biệt là tăng cường cán bộ, phương tiện cho 2 thị xã, đẩy mạnh công tác vận động cách mạng, xây dựng cơ sở trong công nhân lao động, tầng lớp tiểu thương, mua gánh bán bưng, trong giới trí thức, học sinh, đồng bào các dân tộc Khmer, Hoa. Mạng lưới của ta trong nội ô 2 thị xã được phát triển tốt. Trên 20 cơ sở cách mạng được xây dựng ngay trong các đơn vị binh lính của địch.

Cuối tháng 11/1967, theo chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các hoạt động binh vận, chính trị được tập trung nhiều hơn cho thị xã, thị trấn trong tỉnh, phối hợp nhịp nhàng với các cuộc tiến công vũ trang của ta vào các đơn vị quân sự của địch trong toàn tỉnh. Nổi bật là cuộc đấu tranh của gần 20.000 quần chúng, lao động của 2 thị xã Sóc Trăng và Bạc Liêu và các huyện lân cận vào ngày 25/12/1967 giương cao băng, khẩu hiệu đòi Mỹ rút về nước, đòi chấm dứt chiến tranh, chống bắt lính đôn quân . . . Dù bị địch đàn áp mức độ, nhưng cuộc đấu tranh đã tạo ảnh hưởng tốt trong nhân dân và binh sĩ địch. Phong trào đấu tranh chính trị tại vùng tạm chiếm được nâng lên một bước mới.

Tháng 12/1967, Bộ Chính trị BCH Trung ương Đảng ra nghị quyết về Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa. Hội nghị lần thứ 14 của BCH TW thống nhất cao với nghị quyết của Bộ Chính trị và quyết định nhiều vấn đề quan trọng cho vấn đề này.

Theo chỉ đạo của Trung ương Cục và Khu ủy, tháng 01/1968, Tỉnh ủy Sóc Trăng tiến hành họp đánh giá tình hình năm 1967, đề ra nhiệm vụ năm 1968, tiếp nhận chủ trương Tổng công kích, Tổng khởi nghĩa của Trung ương Đảng và triển khai kế hoạch cụ thể của tỉnh. Theo đó, cán bộ được tăng cường cho 2 thị xã Bạc Liêu và Sóc Trăng<sup>66</sup>. Ban Chỉ huy Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa được thành lập gồm 8 đồng

<sup>65</sup> theo báo cáo năm 1965, tỉnh có hơn 31.000 hội viên, đoàn viên các đoàn thể

<sup>66</sup> Lúc này, đồng chí Phạm Văn On (Phạm Lưu Thức, Năm Thức) Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy được phân công giữ nhiệm vụ Bí thư Thị xã ủy Sóc Trăng

chí, do đồng chí Nguyễn Văn Hớn ( Hai Tân) làm Trưởng ban. Sau đó, Ban Chỉ huy Tổng công kích – Tổng khởi nghĩa của 2 thị xã Sóc Trăng và Bạc Liêu đều được thành lập.

Ngoài việc điều động, tăng cường các đơn vị vũ trang của tỉnh, thị xã, huyện phục vụ cho 2 địa bàn trọng điểm, cũng như hoạt động của các Ban chuyên môn như Ban Đánh phá giao thông, Ban An ninh. . . , Tỉnh uỷ còn giao nhiệm vụ cho các ban ngành đoàn thể phân công cán bộ tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ các mũi tiến công cũng như huy động đoàn viên hội viên và quần chúng đóng góp nhân tài, vật lực phục vụ cho Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa của tỉnh và các huyện. Máy chục cán bộ, công nhân nhà in Sóc Trăng tăng cường hoạt động phục vụ cho Mặt trận. Trong mấy ngày Tết âm lịch, cán bộ công nhân nhà in gấp rút biên soạn, in ấn, phát hành báo “ Chiến đấu”, tập san “Bông lúa”; hàng trăm ngàn truyền đơn được in ấn phục vụ cho công tác tuyên truyền trong lực lượng vũ trang, ban ngành đoàn thể và nhân dân; trong này có số lượng lớn truyền đơn kêu gọi binh lính địch hướng súng, rời bỏ hàng ngũ địch, quay về với cách mạng.

Đúng 2 giờ sáng ngày 30/01/1968 ( nhằm đêm 30 tháng chạp mừng 1 Tết), cùng với việc nổ súng vào sân bay và tiểu khu Ba Xuyên, địch Tỉnh trưởng, các mũi tiến công của ta đồng loạt đánh vào sân bay, vào hậu cứ trung đoàn 33, tiểu khu Ba Xuyên, kho Dầu, nhà việc Khánh Hưng, trại Bạch Đằng, trại Lý Thường Kiệt ( kho chứa vũ khí đạn dược của địch) v.v. . tiêu diệt nhiều lực lượng địch, làm chủ một số khu vực trong nội ô.

Tại thị xã Bạc Liêu, 3 mũi tiến công được phá vỡ nhiệm vụ và vào địa điểm tập kết đúng quy định, đánh chiếm được một số vị trí trọng yếu của địch.

Tận dụng thời gian, các cánh quân của 2 thị xã tổ chức tuyên truyền trong quần chúng nội thị, treo cờ Mặt trận giải phóng phối hợp cơ sở nội ô phá vỡ một số bộ máy kèm kẹp và một số nhóm thanh niên chiến đấu của địch.

Ở các huyện, các mũi tấn công quân sự, chính trị, binh vận đồng loạt tiến đánh vào một số chi khu, các thị trấn, thị tứ, các cơ quan đầu não của địch, phá ấp Tân sinh, bao vây đồn bót, diệt ác phá tề. . .

Do nhiều nguyên nhân, trong đó có tương quan lực lượng hai bên khá chênh lệch, địch còn lực lượng quân sự hùng hậu, nhiều phương tiện chiến tranh, máy bay, bom đạn . . . nên sau thời gian bị bất ngờ, hốt hoảng ban đầu, địch đã huy động lực lượng, vũ khí, xe thiết giáp, máy bay chiến đấu, tàu hải quân ra sức tấn công vào các đơn vị của ta, chiếm lại các vị trí đã mất trước đó.

Trên cơ sở mọi dung chỉ đạo của Tỉnh uỷ, ngày 4/2/1968, Ban Chỉ huy hai trọng điểm tổ chức họp rút kinh nghiệm. Nội bộ Đảng, lực lượng vũ trang, ban ngành đoàn thể các cấp được quán triệt tinh thần là cần phải nỗ lực hơn nữa vượt qua khó khăn, kiên trì chiến đấu, mới có thể giành thắng lợi. Phải tập trung tiến công tiêu hao sinh lực địch nhiều hơn, khẩn trương xây dựng lực lượng trong nội ô 2 thị xã kết hợp lực lượng bên ngoài, phát động quần chúng nổi dậy, kết hợp với tổng công kích. Các đơn vị vũ trang của ta được bổ sung lực lượng, thành lập thêm một số đơn vị mới như tiểu đoàn Bạc Liêu, tiểu đoàn Phú Lợi II. Ban Binh vận đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền vận động làm tan rã hàng ngũ địch, tổ chức cơ sở là binh sĩ ngay trong lực lượng bảo an, chủ lực của địch làm binh biến phản chiến.

Sau thời gian chuẩn bị, triển khai kế hoạch, trung tuần tháng 2/1968, các lực lượng của ta bắt đầu mở cao điểm 2 của đợt 1, tiến công vào các mục tiêu quân sự, hành chính trọng yếu của địch tại tỉnh lỵ và các chi khu ở các huyện, cùng một số đồn bót, gây cho địch nhiều thiệt hại.

Tháng 4/1968, BCH Tỉnh uỷ họp rút kinh nghiệm của đợt 1 và bàn kế hoạch tiến công đợt II. Trên cơ sở tiếp thu tinh thần chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy, hội nghị quyết định cần phải làm quán triệt hơn nữa trong nội bộ và nhân dân về thắng lợi to lớn của ta trong Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa, tình hình thay đổi lớn có những thuận lợi cho ta, đồng thời phải ra sức khắc phục khó khăn tồn tại. Hội nghị quyết định khẩn trương bổ sung quân số cho các lực lượng vũ trang, xây dựng 3 thứ quân đủ mạnh để đáp ứng yêu cầu mới là phải tấn công địch liên tục, giải phóng vùng ven và vùng nông thôn, mở rộng vùng giải phóng.

Đêm 4 rạng sáng ngày 5/5/1968, cùng với toàn miền Nam, các mũi quân của ta tiến đánh vào các vị trí trọng yếu của địch ở thị xã Sóc Trăng như dinh Tỉnh trưởng, tiểu khu Ba Xuyên, sân bay, hậu cứ tiểu đoàn 3 (trung đoàn 33, sư đoàn 21)... Cùng lúc đó, lực lượng ta ở một số huyện cũng đồng loạt nổ súng, bao vây một số chi khu, đồn bót, phá ấp Tân sinh của địch. Ở Vĩnh Châu, công binh xưởng của huyện còn chế tạo ra mìn điện để đánh phá cầu, cống, cắt đứt đường giao thông của địch. Sự sức tấn công của ta không còn bất ngờ như đợt I, lực lượng chính trị, binh vận không đủ mạnh, nhưng ta cũng đã tiêu hao sinh lực địch, bức rút, bức hàng nhiều đồn bót, phá huỷ nhiều phương tiện chiến tranh của địch.

Qua Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa đợt I và II của cả toàn miền Nam nói chung và của Sóc Trăng nói riêng, ta giành được thắng lợi quan trọng, cuộc đấu tranh của nhân dân ta được dư luận thế giới ủng hộ, địch buộc phải ngồi vào bàn hiệp định Paris bàn về giải pháp chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Trung tuần tháng 3/1968, Tỉnh uỷ tổ chức học tập nghị quyết Trung ương Cục và Khu ủy, triển khai kế hoạch tấn công đợt III và đợt thi đua mới trong toàn tỉnh từ ngày 14/7/1968, tiếp tục tấn công địch, xây dựng Đảng, các ban ngành, đoàn thể vững mạnh.

Đêm 17/8/1968, cùng với lực lượng vũ trang nổ súng tấn công địch tại tỉnh lỵ, thị trấn, thị tứ và nhiều đồn bót của địch, lực lượng chính trị của quần chúng đã có nhiều hoạt động sôi nổi đấu tranh với địch. Tại thị xã Sóc Trăng, hơn 5.000 quần chúng lao động tham gia đấu tranh giương cao các khẩu hiệu chống bắt lính, chống bỏ bom, bắn phá xóm ấp, bồi thường thiệt hại tính mạng và tài sản của nhân dân. Tại Bạc Liêu, hơn 1.500 quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ. Hoạt động binh vận được đẩy mạnh thu nhiều kết quả tích cực.

Trong tháng 11 và 12/1968, cùng với tiến công địch về quân sự, ta còn tổ chức hàng ngàn quần chúng tham gia phong trào đấu tranh 2 thị xã, gây sức ép, địch phải xoa dịu, không dám đối đầu, đàn áp phong trào quần chúng.

#### **V. Từng bước khôi phục phong trào cách mạng, tiến tới đánh bại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ (01/01/1969- 27/01/1973).**

Sau Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa của ta, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” bị phá sản. Mỹ triển khai ngay chiến lược mới: “Việt Nam hóa chiến tranh”, nhằm tiếp tục đẩy mạnh cuộc chiến tranh ở Việt Nam, rút quân Mỹ, tăng cường xây dựng quân Ngụy, dùng người Việt đánh người Việt.. Chúng thực hiện kế hoạch này qua 3 giai đoạn, sử dụng 3 loại chiến tranh<sup>67</sup> cùng một lúc để đạt mục tiêu bình định toàn miền Nam, làm cho lực lượng ta suy yếu, tiến tới chấm dứt chiến tranh. Địch tăng cường đồn quân, bắt lính, bổ sung lực lượng cho các sắc lính, phát triển lực lượng cảnh sát dã chiến, bảo an, dân vệ, phòng vệ. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu chỉ huy trực tiếp Hội đồng Bình định Trung ương. Các đoàn bình định từng tỉnh được thành lập cùng với

<sup>67</sup> gồm chiến tranh giành dân, chiến tranh hủy diệt, chiến tranh bóp nghẹt.

lực lượng bảo an xâm nhập vùng nông thôn để bình định, giành lại các vùng ven bị ta giải phóng từ năm 1968 về trước.

Tại tỉnh Sóc Trăng, địch được tăng cường về quân số và vũ khí cho các lực lượng chủ lực, bảo an, dân vệ, cảnh sát dã chiến kết hợp với tổ chức Phụng Hoàng đẩy mạnh các hoạt động tìm diệt, kêu gọi hồi chánh, bôi đen gia đình cán bộ cách mạng ở vùng tạm chiếm, vô hiệu hóa các cơ sở cách mạng của ta v.v. . .

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, lực lượng vũ trang mở một số đợt tấn công tiêu diệt đồn bót địch, tập kích sân bay Bạc Liêu tạo được tiếng vang. Tháng 6/1969, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập, đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng miền Nam. Sau đó, lần lượt các tỉnh, huyện đều thành lập và ra mắt chính quyền cách mạng.

Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời<sup>68</sup>. Cùng với cả nước Tỉnh ủy Sóc Trăng phát động phong trào “Biển đầu thường thành hành động cách mạng” tiếp tục tiến công quân địch, bảo vệ vùng giải phóng. Tháng 10/1969, thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, toàn tỉnh mở đợt học tập chính trị quan trọng “Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, xây dựng quyết tâm “đánh cho Mỹ rút, đánh cho Ngụy nhào”, tiến tới giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Các phong trào đấu tranh chính trị được duy trì. Trong năm 1969, toàn tỉnh có 670 cuộc đấu tranh với hơn 27.000 lượt quần chúng lao động tham gia với khẩu hiệu chung là chống bắt lính, chống vào phòng vệ dân sự, chống giết người, cướp của, đòi Mỹ rút hết quân về nước. Trong ba năm, từ 1969 đến 1971, địch tăng cường các cuộc hành quân lấn chiếm, rải chất độc, tổ chức tình báo gián điệp, mở các đợt tấn công thất thiệt, vận động chiêu hồi, lập ra nhiều tổ chức chính trị phản động, trong đó có tổ chức “Mặt trận Liên hiệp Công đoàn đoàn kết công giáo”. Chúng còn dùng tiền bạc, chức vụ để mua chuộc, lôi kéo, gây mâu thuẫn, hận thù giữa các dân tộc trong tỉnh.

Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo phát triển tổ chức Đảng, đoàn thể, bám trụ các địa bàn, đẩy mạnh tiến công công quân địch bằng 3 mũi giáp công, tiêu hao sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, đánh bại một bước kế hoạch bình định nông thôn của địch. Tại thị xã Sóc Trăng, đồng chí Nguyễn Công Danh, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, được phân công làm Bí thư thị xã ủy, thay đồng chí Huỳnh Văn Út (Tám Thu) nhận nhiệm vụ mới. Một số đồng chí được bổ sung vào Tỉnh ủy, các huyện cũng được sắp xếp lại bộ máy tổ chức, cán bộ.

Các phong trào đấu tranh chính trị trong tỉnh được duy trì. Nhiều cuộc đấu tranh của sư sãi, đồng bào dân tộc Khmer ở một số chùa nổ ra và giành thắng lợi<sup>69</sup>, Ngoài ra còn có phong trào đấu tranh của giáo chức, học sinh chống quân sự hóa học đường, chống khung bố học sinh.

Tháng 2/1971, hội nghị BCH Tỉnh ủy Sóc Trăng được tổ chức, tập trung học tập chỉ thị 01-CT/71 của Trung ương Cục đánh giá lại tình hình chung giữa ta và địch từ sau Tết Mậu Thân 1968 đến đầu năm 1971 và sự lãnh đạo của Tỉnh ủy trong thời gian này, nhất là việc thực hiện nghị quyết 9 của Trung ương Cục. Qua đó, Tỉnh ủy nghiên cứu, xây dựng nghị quyết mới nhằm kịp thời chuyển hướng chỉ đạo tình hình cách mạng trong tỉnh, chống phá kế hoạch bình định của kẻ thù.

Theo tinh thần hội nghị Tỉnh ủy, các chủ trương bám đất, bám dân, xây dựng thể trận mới được triển khai, công tác dân vận được quan tâm chỉ đạo tốt hơn cùng với việc chỉ đạo, phát huy phương thức đánh địch bằng 3 mũi giáp công, diệt ác phá kềm.

<sup>68</sup> thời điểm này, Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố Bác mất ngày 3.9.1969

<sup>69</sup> như ở chùa Cỏ Thum vào tháng 7.1970

Đặc biệt, ở thị xã, thị trấn, chỉ đạo tốt hơn phong trào đấu tranh chính trị, đòi dân sinh dân chủ, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi lật đổ chính phủ nguy quyền hiện hành . . . Từ đó, Tỉnh ủy phân công gần 300 cán bộ cấp tỉnh, kể cả các cán bộ quân sự, đoàn thể tăng cường cho cơ sở, nhất là các địa bàn trọng điểm như ở huyện Mỹ Xuyên và thị xã.

Tháng 6/1971, trong đợt sinh hoạt học tập chỉ thị 06 của Thường vụ Tỉnh ủy về việc chống cuộc bầu cử Hạ nghị viện của nguy vào ngày 19.8 và bầu cử Tổng thống Nguy vào ngày 03/10/1971, Tỉnh ủy chỉ đạo phát động mạnh mẽ hơn các cuộc đấu tranh chính trị ở thị xã, thị trấn và nông thôn đòi dân sinh, dân chủ, chống gom dân, bắt lính, đôn quân, chống thuế khóa, yêu cầu được tự do ngôn luận, hội họp, chống đàn áp quần chúng, đòi thực hiện hòa bình, trung lập, dân chủ, cải thiện dân sinh. . . . Nhất là sau khi có kế hoạch của Khu ủy tại cuộc họp tháng 7/1971, công tác chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với phong trào đấu tranh chính trị ở thị xã, thị trấn được tăng cường hơn. Cán bộ có năng lực được bố trí công tác hợp pháp ở thị xã, thị trấn, phát triển đoàn viên, hội viên các đoàn thể. Lãnh đạo quần chúng tham gia đấu tranh chống lại các chủ trương, chính sách của địch.

Trong 6 tháng cuối năm 1971, nhiều cuộc đấu tranh nổ ra sôi nổi ở thị xã và các huyện với sự tham gia của hàng chục ngàn lượt quần chúng lao động, học sinh, giáo viên, các tín đồ tôn giáo, đồng bào dân tộc Khmer, có một số cuộc đấu tranh lôi kéo cả thương phế binh của Nguy tham gia. Một số nơi trong tỉnh còn nổ ra phong trào phá thùng phiếu, tẩy chay bầu cử của địch. Cơ sở Đảng, cơ sở các mạng được xây dựng và phát triển thêm trong lòng địch, phong trào đấu tranh của quần chúng, nhất là trong nội thị được nâng lên một bước, gắn bó chặt chẽ hơn với phong trào chung của tỉnh.

Sang năm 1972, thế và lực của ta càng phát triển mạnh hơn, phong trào đấu tranh chính trị ở vùng tạm chiếm được đẩy mạnh hơn, góp phần tác động chung với mặt trận quân sự và binh vận, tạo bước chuyển biến mới trên chiến trường toàn tỉnh. Đặc biệt, chiến dịch quân sự năm 1972 của tỉnh đã góp phần vào thắng lợi chung của cả miền Nam. Một bộ phận cán bộ, công nhân nhà in còn được đồng chí Tư Thép phân công in ấn tài liệu tuyên đơn phục vụ trực tiếp ở chiến trường thuộc trung đoàn II, sư đoàn 4.

Sau thắng lợi của chiến dịch quân sự năm 1972, lực lượng quân sự của ta phát triển, thành lập lại tiểu đoàn Phú Lợi II, chuẩn bị nhân lực thành lập tiểu đoàn Phú Lợi III. Ta đẩy lùi nhiều cuộc hành quân, càn quét của quân chủ lực và các đơn vị bảo an phòng vệ của Nguy. Nhiều đồn bót của địch bị bức rút, san bằng. Phong trào quần chúng phát triển mạnh mẽ. Số lượng hội viên, đoàn viên 3 đoàn thể Nông dân, Thanh niên, Phụ nữ tăng lên hơn 17.600 người. Riêng số công nhân lao động trong các nghiệp đoàn cũng được phát triển nhiều hơn trước.

#### **VII. Phối hợp các lực lượng, mở rộng phong trào, tiến tới Tổng tấn công mùa Xuân 1975, giải phóng tỉnh nhà (01/1973 – 4/1975).**

Trước sự tấn công của ta trên khắp mặt trận, lại bị dư luận thế giới lên án, sau thời gian lật lọng, tấn công bỏ bom miền Bắc từ ngày 18/12 đến 29/12/1972 không đạt kết quả, đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai buộc phải ký Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam vào ngày 27/01/1973. Theo hiệp định, đế quốc Mỹ và chư hầu còn phải tôn trọng độc lập chủ quyền, thống nhất lãnh thổ của nhân dân Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, chấm dứt mọi dính líu quân sự và không can thiệp vào nội bộ của nhân dân miền Nam Việt Nam; thừa nhận miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát và 3 lực lượng chính trị .

Tuy hiệp định Paris được ký kết, nhưng với bản chất ngoan cố, Mỹ và tay sai vẫn dùng mọi thủ đoạn chống phá, không nghiêm chỉnh thi hành hiệp định. Mỹ vẫn tăng cường viện trợ về quân sự, kinh tế cho chính phủ Nguyễn Văn Thiệu để xây dựng bộ máy tay sai, đàn áp phong trào cách mạng. Lực lượng quân sự của địch vẫn tăng cường thực hiện kế hoạch bình định, đánh phá vào các vùng căn cứ của ta ở các huyện làm nhiều người chết và bị thương.

Theo chỉ đạo của tỉnh, quân dân ta chủ động tấn công bao vây đồn bót địch, ngăn cản các cuộc hành quân lấn chiếm của chúng. Lực lượng ban ngành, đoàn thể tăng cường các hoạt động tuyên truyền. Cán bộ, công nhân các nhà in làm việc ngày đêm để in khẩu hiệu, làm biểu ngữ, in bản tin, và 40.000 truyền đơn, 1.000 lá cờ Mặt trận để treo ở các trục lộ giao thông quan trọng, ở sát các đồn bót của địch; vừa giới thiệu nội dung hiệp định Paris, buộc địch phải chấp hành, vừa tuyên truyền vận động quần chúng tham gia đấu tranh chống địch vi phạm hiệp định. Tại thị xã và trung tâm các huyện, quần chúng lao động, hội viên các đoàn thể được tổ chức tham gia các cuộc biểu tình, đòi chấm dứt chiến tranh, đón mừng hòa bình, tổ chức đoàn đi thăm tù nhân bị địch giam giữ . . . Công tác binh vận cũng phát triển mạnh, vận động được khá nhiều gia đình binh lính, nhiều sĩ quan, binh lính địch, làm cho chúng không đi hành quân được tan rã tại chỗ.

Tuy nhiên, trong cuối năm 1973 và cả năm 1974, địch vẫn tổ chức nhiều cuộc hành quân chiếm đất, giành dân, bình định, phong tỏa kinh tế của ta . . .

Trên cơ sở nhận định đúng bản chất ngoan cố của địch, được sự chỉ đạo của Khu ủy, Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng ban hành chỉ thị 03/CT tiếp tục khẳng định nhiệm vụ tiến công địch bằng 3 mũi giáp công, đưa ra nhiệm vụ của công tác chính trị, binh vận làm tan rã nguy quân, nguy quyền, làm sụp đổ chế độ tay sai. Lực lượng vũ trang của tỉnh không ngừng lớn mạnh, không những bẻ gãy các cuộc hành quân của địch mà còn tấn công, gây thiệt hại nhiều đồn bót, phân chi khu của địch. Phong trào đấu tranh của quần chúng lao động vùng tạm chiếm liên tục phát triển và nổ ra nhiều nơi trong tỉnh, quy tụ nhiều tầng lớp đồng bào các tôn giáo, dân tộc tham gia. Đặc biệt, nhân kỷ niệm ngày Quốc tế lao động 1/5/1973, công nhân các xí nghiệp, học sinh, giáo viên các trường ở thị xã Bạc Liêu đã đình công, bãi khóa, xuống đường đưa yêu sách chống bắt lính, chống tham sát . . .

Trước sức thúc ép của phong trào quần chúng, Mỹ Ngụy buộc phải ký cam kết thi hành hiệp định Paris vào ngày 13/6/1973 và công bố thông báo chung vào sáng 14/6/1973. Tuy nhiên, chúng vẫn bố trí lực lượng tiến chiếm các vùng đất do ta làm chủ. Trong 6 tháng cuối năm 1973, lực lượng vũ trang của ta vừa giữ vững địa bàn vừa hoạt động hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị và công tác binh vận, phân hóa lực lượng địch, chủ động đánh phá kế hoạch quân sự mùa khô 1973-1974 của địch.

Suối năm 1973, tỉnh Bạc Liêu được tái lập theo quyết định của Trung ương Cục và Khu ủy<sup>70</sup>. Một số cán bộ của tỉnh Sóc Trăng được điều động tăng cường cho tỉnh mới.

Thực hiện kế hoạch của chiến dịch Đông-Xuân 1973-1974, từ đêm 11.12.1973, quân dân ta đồng loạt tiến công quân địch, tiêu diệt nhiều đại đội địch, phá tan nhiều đồn bót, giải phóng hoàn toàn 2 xã Mỹ Phước (huyện Châu Thành) và Vĩnh Lợi (huyện Thạnh Trị), giải phóng cơ bản hai xã Hòa Tú (huyện Mỹ Xuyên) và An Thạnh Nhì (huyện Long Phú).

<sup>70</sup> Sóc Trăng giao về tỉnh Bạc Liêu hai huyện Hồng Dân và Vĩnh Lợi, thị xã Bạc Liêu

Sang năm 1974, phong trào cách mạng tiếp tục phát triển. Ở vùng tạm chiếm, phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng lao động nổ ra rầm rộ hơn với khẩu hiệu chống bắt lính, đôn quân, chống càn quét, cướp phá. Đến giữa năm 1974, thêm xã Gia Hòa ( Mỹ Xuyên) được giải phóng cơ bản, 9 xã được giải phóng phân nửa, 94 ấp được giải phóng hoàn toàn. Từ tháng 8.1974, các đơn vị vũ trang của ta mở đợt tấn công mới vào quân địch, bức rút nhiều đồn bót, uy hiếp các chi khu Mỹ Tú, Ngã Năm, tạo thế và lực mới cho chiến dịch Đông Xuân 1974-1975 giành thắng lợi.

Trước diễn biến thuận lợi của tình hình cách mạng miền Nam, ngày 30/9/1974, Bộ Chính trị Trung ương Đảng họp bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Hội nghị quyết định động viên quân dân cả nước mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, tiêu diệt làm tan rã quân đội ngụy, đánh chiếm Sài Gòn, đánh đổ ngụy quyền, giành chính quyền về tay nhân dân.

Cuối tháng 9/1974, BCH Tỉnh ủy họp kiểm điểm đánh giá tình hình qua, đề ra nhiệm vụ mới, kiên quyết đánh bại mọi âm mưu lấn chiếm của địch trong năm 1975, mở rộng vùng giải phóng, đưa phong trào đấu tranh ở thị xã, thị trấn, từ từ lên một bước mới, sẵn sàng đánh thắng địch trong mọi tình huống. Trên cơ sở nghị quyết này, ta liên tục tiến công địch bằng 3 mũi giáp công. Phong trào đấu tranh chống bắt lính, chống vơ vét, cướp lúa của dân nổ ra nhiều nơi với sự tham gia của nhiều tầng lớp quần chúng lao động, đồng bào và các vị sư sãi Khmer. Một số nơi, quần chúng còn dùng hung khí tấn công quân địch. Nổi bật, từ ngày 4 đến ngày 7/10/1974, hơn 550 lượt chị em buôn bán ở chợ Khánh Hưng, được sự hỗ trợ của anh em trong nghiệp đoàn xe lôi, xe kéo, tập hợp đến tề xã và dinh Tỉnh trưởng đấu tranh chống lại lệnh của địch đuổi chỗ buôn bán của chị em. Tên tỉnh trưởng được phải hứa giải quyết theo yêu cầu của đoàn đấu tranh.

Từ cuối năm 1974 đến đầu năm 1975, các lực lượng vũ trang của ta liên tục tiến công quân địch, làm thiệt hại nặng phần chi khu Chợ Kinh, vây phân chi khu Cà Lâm, bức rút thêm một số đồn bót, vùng giải phóng được mở rộng.

Ngày 06/01/1975, ta giải phóng thị xã Phước Long, khí thế cách mạng sục sôi khắp miền Nam. Cùng toàn miền, quân dân Sóc Trăng liên tục tấn công quân địch trên các mặt trận, thọc sâu vào vùng kềm của địch diệt ác, tổ chức tuyên truyền quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ ở thị xã, thị trấn, quần chúng lao động, tiểu thương, buôn gánh bán bưng . . . tham gia sôi nổi các phong trào đấu tranh chính trị, đòi các quyền lợi bức xúc hàng ngày của người dân lao động.

Ngày 11/3/1975, ta giành toàn thắng tại Buôn Mê Thuột, mở màn cho cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 của miền Nam. Kế tiếp là chiến thắng của chiến dịch Tây Nguyên và chiến dịch Thừa Thiên-Huế, giải phóng các tỉnh duyên hải miền Trung.

Trước diễn biến tình hình nhanh chóng của toàn miền, Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Trung ương Cục miền Nam liên tục tổ chức các cuộc họp để kịp thời đưa ra hướng chỉ đạo cho toàn miền Nam. Tháng 3/1975, Trung ương Cục miền Nam tổ chức hội nghị đề ra nhiệm vụ trực tiếp khẩn trương của cách mạng miền Nam là phải phát huy sức mạnh của tổng lực 3 mũi giáp công tiến tới Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa giành lấy chính quyền về tay nhân dân, với tinh thần từng địa phương tự đứng lên giải phóng, góp phần giải phóng toàn miền Nam.

Tại Sóc Trăng, sau chiến dịch đợt I, ngày 23/3/1975 Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp rút kinh nghiệm, uốn nắn những sai sót, chỉ đạo kế hoạch tấn công đợt II.



Ngày 06/4/1975, các đại biểu dự hội nghị BCH Tỉnh ủy mở rộng được triển khai nghị quyết 15 của Trung ương Cục và bàn luận nghị quyết của Tỉnh ủy. Hội nghị quyết định nhiều vấn đề quan trọng, trong đó có chủ trương chuẩn bị mọi điều kiện để toàn tỉnh đồng loạt mở đợt tiến công mới vào quân địch trong toàn tỉnh, nhất là ở các trọng điểm thị xã Sóc Trăng, các chi khu, phân chi khu quân sự của địch. Khi có đủ điều kiện và thời cơ, tiến lên giải phóng hoàn toàn tỉnh nhà. Tỉnh sẽ tập trung lực lượng Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa để có thể giải phóng hoàn toàn thị xã trong vòng từ 3 đến 5 ngày.

Ban chỉ huy trọng điểm của tỉnh được thành lập ngay tại hội nghị do đồng chí Hồ Trung Hiền ( Tư Hiền, Hồ Nam), Thường trực Tỉnh ủy, Chỉ huy trưởng, phụ trách chung. Cán bộ chủ chốt ở thị xã, các huyện và xã nhanh chóng được triển khai học tập nội dung nghị quyết 15 của Trung ương Cục và nghị quyết của Tỉnh ủy, thành lập ngay Ban Chỉ huy chiến dịch của từng cấp.

Theo chỉ đạo chung, Ban Chỉ huy chiến dịch của thị xã nhất trí chia thị xã thành 2 khu vực để chỉ đạo Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa. Khu vực 1 là khu vực quân sự, khu vực 2 là khu vực dân sự nhưng có một số mục tiêu là quân sự của địch<sup>71</sup>. Khu vực 2 được chia thành 2 bộ phận là bộ phận chỉ huy lực lượng vũ trang, binh vận thị xã và lực lượng bên ngoài vào<sup>72</sup> và Ban Chỉ huy khởi nghĩa nội ô<sup>73</sup>. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy khởi nghĩa nội ô là tuyên truyền vận động tổ chức quần chúng nổi dậy diệt ác phá tan bộ máy kèm kẹp của địch, giải phóng từng khu phố, chiếm lấy trường học, công sở. . . Cán bộ cách mạng trong nội ô còn có nhiệm vụ hướng dẫn quần chúng lao động đem bàn ghế, đồ đạc ra làm vật cản đường phố, ngăn cản không cho bọn địch di chuyển dễ dàng.

Với sự chỉ đạo khẩn trương, chỉ trong vài ngày, lực lượng vũ trang được tăng cường bổ sung theo hướng từ cơ sở lên để xây dựng lực lượng vũ trang cấp tỉnh, huyện đủ mạnh phục vụ cho chiến dịch chung toàn tỉnh. Đặc biệt, công tác vận động tổ chức quần chúng vào các hội đoàn thể cách mạng được chỉ đạo chặt chẽ và khẩn trương hơn để phát huy quần chúng vào việc xây dựng đường bao vây, uy hiếp quân thù. Đối với thị xã, công tác tổ chức quần chúng được tăng cường từ cơ sở ở vùng ven đến khu phố trong nội ô. Cán bộ nghiệp đoàn cùng các đoàn thể tăng cường tiếp cận, giáo dục các gia đình có người thân tham gia trong lực lượng nguy quân, nguy quyền tranh thủ người thân của mình bỏ nhiệm sở, bỏ ngũ, quay về với nhân dân. . .

Cùng với khí thế chung của toàn miền và sự nỗ lực của từng địa phương, đến giữa tháng 4/1975 thị xã Song Phụng ( huyện Long Phú) được giải phóng cơ bản; cùng với một số ấp thuộc các huyện Long Phú, Mỹ Xuyên, vùng ven thị xã Sóc Trăng. Ta còn đánh thiệt hại nặng chi khu Mỹ Tú và tiêu diệt phân chi khu Vũng Thơm.

Ngày 26/4/1975, Thường trực Tỉnh ủy<sup>74</sup> nhận được điện của Khu ủy quy định về nội dung ngày giờ nổ ra chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh. Công tác chuẩn bị cho Tổng công kích – Tổng khởi nghĩa được tiếp tục, được các cấp ủy và Ban Chỉ huy chiến dịch từng cấp chuẩn bị khẩn trương hơn. Với sự phân tích tình hình chung và tương

<sup>71</sup> Khu vực 1 do đồng chí Trần Bá Liêng ( Tám Đương) Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chính trị viên Tỉnh đội, Thường trực Ban chỉ huy Tỉnh đội, phụ trách chung. Khu vực 2 do đồng chí Nguyễn Bá Tuội ( Bảy Danh), Tỉnh ủy viên, Bí thư thị xã ủy, Phó Ban Chỉ đạo trọng điểm, phụ trách chung

<sup>72</sup> Lực lượng này do đồng chí Nguyễn Ngọc Trương ( Hai Quang) Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Binh vận tỉnh, ủy viên Ban chỉ huy trọng điểm, phụ trách

<sup>73</sup> do đồng chí Trần Thị Hương ( Bảy Tiến), Tỉnh ủy viên, ủy viên Ban Chỉ đạo trọng điểm, chỉ đạo; đồng chí Đinh Thị Cẩm, trực tiếp phụ trách các lực lượng nổi dậy ở nội ô.

<sup>74</sup> Lực này do đồng chí Nguyễn Tấn Thành ( Sáu Kẹo) Bí thư Tỉnh ủy phụ trách. Đồng chí đi học ở Trung ương Cục về nhận nhiệm vụ từ 17/4/1975

quan giữa ta và địch tại tỉnh, Ban Chỉ huy chiến dịch của tỉnh quyết định giữ vững và thực hiện phương án tổ chức Tổng công kích-Tổng khởi nghĩa.

Lực lượng cán bộ trong nội ô được phân công gấp rút vận động cơ sở quần chúng trong thị xã lo hậu cần, chỗ ăn ở cho các tổ du kích tự vệ<sup>75</sup>, cán bộ từ ngoài vào nội ô, phân công các nhóm, tổ vận chuyển truyền đơn, gấp rút may cờ Mặt trận giải phóng. Tối 28/4/1975, các tổ du kích tự vệ, số quần chúng cốt cán được lệnh đồng loạt rải truyền đơn kêu gọi binh lính địch buông súng đầu hàng, quay về với cách mạng. Chiều tối ngày 29/4, số cán bộ nội ô và các tổ du kích tự vệ, quần chúng lao động cơ sở chính thức nhận được lệnh Tổng khởi nghĩa và triển khai kế hoạch theo sự phân công của lãnh đạo Tỉnh ủy và Thị ủy.

3 giờ sáng ngày 30/4/1975, các mũi tiến công đồng loạt nổ súng vào các mục tiêu của địch ở Sóc Trăng. Một số mục tiêu do lực lượng an ninh vũ trang thị xã chịu trách nhiệm cùng các đội tuyên truyền xung phong của ban Tuyên huấn và liên đoàn cán bộ quần chúng cơ sở trực vũ khí của bọn phòng vệ dân sự, quần chúng lao động cùng đứng lên giành quyền làm chủ khu phố và từng khu vực trong nội ô. Đến sáng ngày 30/4/1975, tuy các mục tiêu then chốt của địch ta chưa chiếm được, nhưng hầu hết bộ máy của địch đều hoang mang và dần dần tan rã. Lúc 9 giờ 30, khi Đài phát thanh Sài Gòn phát đi lời Tuyên bố của Ngụy quyền về việc kêu gọi binh lính của chúng ngừng bắn và bàn giao chính quyền cho cách mạng thì tinh thần của ngụy quân, ngụy quyền tại Sóc Trăng hoàn toàn sụp đổ. Ban Chỉ đạo của tỉnh chớp lấy cơ hội chỉ thị cho các cánh quân liên tục tiến công quân địch. Đến trưa 30/4/1975, bọn ngụy quyền tỉnh Sóc Trăng cử đại diện gặp Bộ chỉ huy quân giải phóng xin đầu hàng<sup>76</sup>. Ta chớp thời cơ, đồng loạt tiến công các cứ điểm, cơ quan của địch, lần lượt chỉ huy các lực lượng binh chủng của địch tại Sóc Trăng bỏ buông súng đầu hàng. Đến 14 giờ cùng ngày, thị xã Sóc Trăng hoàn toàn giải phóng. Khoảng 15 giờ ngày 30/4/1975, đội quân chiến thắng, dẫn đầu là Ban Chỉ đạo, Ban chỉ huy khởi nghĩa, các cánh quân, đồng loạt tiến vào trung tâm tỉnh lỵ trong tiếng hoan hô chào đón của các tầng lớp quần chúng, nhân dân trong tỉnh.

Cuộc chiến đấu giải phóng tại các huyện trong tỉnh cũng diễn ra vô cùng sôi nổi và lần lượt giành thắng lợi trọn vẹn vào chiều tối 30/4 và sáng 1/5/1975.

Tuy chưa hình thành mạng lưới tổ chức công đoàn rộng khắp trong tỉnh, nhưng với đội ngũ công nhân trong các đơn vị công binh xưởng, công an xưởng, nhà in, trong đội ngũ cán bộ, giáo viên kết hợp với đội ngũ công nhân lao động làm thuê trong trung tâm tỉnh lỵ, thị trấn, các chợ đã hình thành nên lực lượng chiến đấu đa dạng, nhiều hình thức dưới sự lãnh đạo của Đảng. Vì vậy, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tỉnh có sự đóng góp tích cực của tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn và công nhân, lao động trong tỉnh./.

### **Bài học kinh nghiệm:**

Kinh nghiệm trong giai đoạn này cho thấy, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong tỉnh giành thắng lợi là kết quả của sự lãnh đạo của Đảng và tập hợp rộng rãi mặt trận đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, trong đó có sự đóng góp tích cực của tổ chức công đoàn, phong trào nghiệp đoàn và công nhân, lao động trong tỉnh.

Sự tập hợp quần chúng, công nhân lao động, làm thuê phải hết sức đa dạng về hình thức và đảm bảo bí mật, rèn luyện cho quần chúng tinh thần yêu nước và quyết tâm chiến đấu hy sinh vì sự nghiệp cách mạng. Phải luôn luôn nêu cao tinh thần tiên

<sup>75</sup> Đa số là học sinh, thanh niên trốn lính vào phòng vệ, được giác ngộ cách mạng.

<sup>76</sup> Xem Lịch sử Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng tập 2 (1954-1975), trang 356.

phong của cán bộ đảng viên và giai cấp công nhân tinh nhuệ trong kháng chiến; từng bước xây dựng lực lượng cách mạng lớn mạnh. Nhất là biết coi trọng và xây dựng lực lượng công nhân, lao động, quần chúng cách mạng trong nội thành để kết hợp với sức mạnh từ bên ngoài tấn công kẻ thù. Biết chủ động từng bước tấn công kẻ thù, chớp lấy thời cơ tiến lên giành chính quyền giải phóng tỉnh nhà.

**Thư viện Sốc Trắng**

**Chuyên đề 5**  
**PHONG TRÀO CÁCH MẠNG CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG TRONG 10 NĂM ĐẦU THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (5/1975- 1985)**

---

**I. Tổ chức Liên hiệp Công đoàn tỉnh Sóc Trăng ra đời, tập hợp và tổ chức công nhân viên chức lao động tham gia các phong trào khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất và làm công tác xã hội.**

Cuộc Tổng tấn công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, kết thúc bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đất nước hoàn toàn hoà bình, độc lập tự do, thống nhất.

Cùng với nhân dân miền Nam anh hùng, đội ngũ công nhân và lao động tỉnh Sóc Trăng sát cánh cùng với lực lượng vũ trang và nhân dân tỉnh nhà, đứng lên lật đổ ách thống trị, bộ máy kềm kẹp của Mỹ ngụy từ thành thị đến nông thôn; cùng chiếm lĩnh các trường, cơ quan, xí nghiệp, kho tàng... quan trọng của địch.

Theo chỉ đạo của cấp ủy Đảng và Ủy ban Quân quản từ tỉnh đến huyện, xã, các cơ quan chuyên môn từng cấp được thành lập và đi vào hoạt động. Đặc biệt, Tỉnh ủy và Ủy ban quân quản tỉnh kịp thời phân công cán bộ tiếp quản Nhà máy điện, nhà máy nước tại thị xã và một số huyện, tuyên truyền, giáo dục, vận động số công nhân lao động của các nhà máy này trở lại làm việc. Nhờ vậy, ở thị xã và các huyện, nhân dân vẫn có điện, nước phục vụ sinh hoạt, đời sống hàng ngày. Bộ phận công nhân lao động phụ trách các khu vực quét dọn đường phố, công nhân vệ sinh ở thị xã, thị trấn trở lại làm việc bình thường. Các chủ xe, tàu khách từ thị xã đi một số huyện và tỉnh bạn vẫn đưa phương tiện ra hoạt động, phục vụ cho nhu cầu vận chuyển, đi lại của nhân dân trong khu vực. Hệ thống Bru điện được khôi phục hoàn toàn. Ngoài số cán bộ cách mạng trong hệ thống giao liên được phân công quản lý bộ máy Bru điện, một bộ phận công nhân lao động của chế độ cũ cũng được lưu dụng trở lại làm việc.

Cùng với không khí vui tươi, phấn khởi chung của cả nước nói chung, nhân dân và cán bộ công nhân viên chức lao động trong tỉnh ra sức khắc phục những hậu quả do chiến tranh để lại, lập lại trật tự an toàn xã hội, tham gia lao động sản xuất và công tác. Chính quyền cách mạng cùng đội ngũ công nhân viên chức lao động tại thị xã Sóc Trăng cũng như các huyện trong tỉnh phải đối phó với những khó khăn thử thách trên các lĩnh vực an ninh chính trị, kinh tế, xã hội...; nhất là giải quyết việc làm và các tệ nạn xã hội tại thị xã và các trung tâm thị trấn lớn trong tỉnh. Đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức còn hết sức mới lạ với công tác quản lý xã hội, thiếu kinh nghiệm và chuyên môn nghiệp vụ nên còn lúng túng trong công việc hàng ngày.

Ngay sau ngày giải phóng, việc thành lập, củng cố các tổ chức đoàn thể hết sức cần thiết. Các ban chấp hành vận động đoàn viên, hội viên tham gia cùng chính quyền tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và chính quyền cách mạng cho quần chúng, nhất là tại vùng mới giải phóng.

Tháng 7 năm 1975, Thường vụ Công đoàn giải phóng khu Tây Nam bộ triệu tập các Ban Đô thị (Ban Công vận) các tỉnh về họp và phổ biến quyết định thành lập tổ chức công đoàn các tỉnh, huyện.

Tháng 9 năm 1975, Ban chấp hành Công đoàn giải phóng thị xã Sóc Trăng được thành lập, gồm có 05 đồng chí, do đồng chí Khấu Thị Thanh (Ba Thanh)<sup>77</sup> làm Thư ký Liên hiệp Công đoàn giải phóng; đồng chí Nguyễn An Ninh làm phó Thư ký và 3 ủy viên là các đồng chí Năm Có, Sáu Hùng, Chí Cường. BCH Công đoàn

---

<sup>77</sup> Khi đồng chí Ba Thanh chuyển về Cần Thơ, đồng chí Sáu Thường được cử giữ chức Thư ký Công đoàn thị xã.

giải phóng thị xã tiến hành tập hợp lực lượng công nhân lao động các ngành nghề để thực hiện kế hoạch thành lập các công đoàn cơ sở trong khối giao thông vận tải, điện lực, cấp nước . . .

Trong điều kiện tình nhà mới giải phóng, hoạt động tuyên truyền vận động của các đoàn thể, trong đó có tổ chức công đoàn, giúp cho công nhân, viên chức, lao động và nhân dân hiểu rõ thêm về chủ trương chính sách của chánh quyền cách mạng, chống lại sự lôi kéo xuyên tạc của nhóm nguy quân nguy quyền trốn tránh không ra trình diện với chánh quyền cách mạng. Dần dần, số quần chúng và hội viên, đoàn viên ngày càng tham gia tích cực trong các phong trào lao động sản xuất, tiết kiệm, đảm bảo trật tự trị an, các hoạt động văn hóa văn nghệ...

Tổ chức công đoàn còn tham gia vận động cán bộ công nhân viên chức làm một công tác tiếp quản ở các vùng mới giải phóng, vận động số công chức, binh lính cũ ra trình diện, để được hưởng chế độ khoan hồng của cách mạng. Đối với hoạt động của các bến xe, tàu nội tỉnh và liên tỉnh tổ chức công đoàn tham gia sắp xếp bến bãi, vận động giới xe lôi, công nhân khuân vác đoàn kết tương trợ trong lao động, xây dựng cuộc sống mới. Tuy có khó khăn trong công tác quản lý và nhưng trên tất cả chuyển, công đoàn cố gắng tham gia quản lý, giám sát việc bán vé, hạn chế việc bán vé chợ đen, bảo đảm cho cán bộ, nhân viên đi công tác và đi lại của nhân dân.

Theo nội dung nghị định số 03/NĐ.75 ngày 02/6/1975 của Hội đồng Chính phủ Cách mạng lâm thời về việc làm tốt công tác quản lý kinh tế, điều hành sản xuất và phân phối lưu thông, tổ chức công đoàn thị xã Sóc Trăng và các huyện cùng với chính quyền cách mạng giải quyết nhanh, tốt việc phân loại xét lưu dụng công nhân viên chức của chế độ cũ. Sau khi được dự các lớp học tập chủ trương, chính sách của chánh quyền cách mạng số công nhân viên chức này được trở lại công sở làm việc và được tạm cấp một số tiền hàng tháng giúp họ ổn định cuộc sống.

Thực hiện chỉ thị 07/CT-UBK.75 của Ủy ban nhân dân Cách mạng khu Tây Nam bộ, tổ chức công đoàn trong tỉnh còn tham gia cùng chính quyền địa phương vận động và tiếp nhận đồng bào di cư về nông thôn xây dựng vùng kinh tế mới. Các huyện Lịch Hội Thượng, Mỹ Xuyên, Mỹ Tú . . . tiếp nhận hàng trăm hộ từ các nơi về, cấp đất nông nghiệp, giúp đỡ ổn định và hướng dẫn họ lao động sản xuất.

Tuy nhiên, dù có nhiều cố gắng trong hoạt động, nhưng nội dung hoạt động của các công đoàn còn đơn giản, nhận thức của cán bộ, đoàn viên về giai cấp, về công đoàn còn rất hạn chế, chưa xác định rõ trách nhiệm, quyền lợi của mình trong chế độ mới. Mặt khác, số cán bộ công đoàn thị xã còn ít và yếu về kinh nghiệm hoạt động trong môi trường mới.

**II. Phong trào công nhân lao động và tổ chức công đoàn khu vực Sóc Trăng trong quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh (Hậu Giang) lần thứ I.**

**1. Tỉnh Hậu Giang được thành lập và tổ chức Liên hiệp Công đoàn tỉnh Hậu Giang ra đời năm 1976.**

Sau khi vui cái Tết đầu tiên của đất nước hoàn toàn giải phóng, độc lập tự do và thống nhất, Đảng bộ, chánh quyền, đội ngũ công nhân viên chức và nhân dân trong tỉnh Sóc Trăng đón nhận nghị định số 03-NĐ, ngày 24/3/1976 của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam về việc sát nhập địa giới hành chính. Theo đó, tỉnh Hậu Giang được thành lập trên cơ sở hợp nhất các đơn vị thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và huyện Côn Đảo. Hậu Giang là tỉnh có diện tích rộng, đông dân nhất ở miền Nam ( chỉ sau TP.Hồ Chí Minh). Số công nhân lao động đa số tập trung ở thành phố Cần Thơ và thị xã Sóc Trăng. Số dân thị xã Sóc Trăng tuy

ít hơn các huyện nhưng là nơi trung tâm thương mại khá sầm uất, sau TP Cần Thơ. Tại nơi đây, đầu năm 1976 có khoảng 800 hộ thương nhân có đăng ký hành nghề và trên 1.200 hộ tiểu thương cùng hàng ngàn người buôn gánh bán hàng rong. Ngoài ra, còn có một số lao động trong các nhà máy, lò rèn, cơ khí, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp khác.

Tháng 3/1976, Tỉnh ủy Hậu Giang ra nghị quyết thành lập Liên hiệp Công đoàn tỉnh. BCH lâm thời có 9 đồng chí, do đồng chí Hà Thái Bình ( Tư Hiền) làm thư ký, Các đồng chí trong Ban Thường vụ có Quách Xuân Hòa, Thường trực BCH; Nguyễn Văn Dữ ( Ba Dữ) phụ trách Tổ chức- Kiểm tra; Lê Quang Đáng ( Hai Minh) Trưởng ban Bảo hiểm xã hội; Võ Thị Phi ( Sáu Bi), thư ký Công đoàn TP. Cần Thơ; Khấu Thị Thanh, Thư ký Công đoàn thị xã Sóc Trăng; Phạm Thanh Tùng, thư ký công đoàn thị xã Vị Thanh; và các ủy viên BCH như đồng chí Nguyễn Hữu Trí ( Ba An), Trưởng Ban Tài chính; Lê Văn Ân ( Lê Lương), Chánh văn phòng<sup>78</sup>. Lúc này, về tổng số chức dưới Liên hiệp Công đoàn tỉnh có công đoàn TP Cần Thơ, công đoàn thị xã Vị Thanh, công đoàn thị xã Sóc Trăng, 5 công đoàn ngành, trên 50 công đoàn cơ sở trực thuộc. Tiếp theo việc hoàn chỉnh bộ máy cấp tỉnh, bộ máy công đoàn các huyện trong tỉnh đều được thành lập, đa số đều do đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy hay Phó Bí thư Huyện ủy làm Thư ký công đoàn. Đội ngũ công nhân viên chức tiêu biểu trong các cơ quan tỉnh, huyện tiếp tục được xét kết nạp vào tổ chức công đoàn. Đến giữa năm 1976, có trên 10.000 công nhân viên chức với gần 3.000 đoàn viên công đoàn<sup>79</sup> thuộc thị xã Sóc Trăng và các huyện thuộc tỉnh Sóc Trăng hiện nay.

Tháng 6/1976, tại TP. Hồ Chí Minh, hội nghị thống nhất tổ chức Công đoàn toàn quốc được tiến hành trọng thể tại Dinh Thống Nhất. Hội nghị đánh giá cao vai trò của tổ chức công đoàn trong cách mạng (lần đầu tiên chủ nhân dân; trong đó có vai trò của Liên hiệp công đoàn tỉnh trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam. Hội nghị đề ra nhiệm vụ chung của tổ chức công đoàn thống nhất trong cả nước là “ Phát động phong trào cách mạng sôi nổi của công nhân viên chức, nêu cao ý thức làm chủ tập thể, đi đầu trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa”. Hội nghị thống nhất ra nghị quyết về việc lấy tên gọi của tổ chức công đoàn trong cả nước là Tổng Công đoàn Việt Nam. Tại hội nghị này, đồng chí Hà Thái Bình được bầu vào Ban Thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam.

Ngay sau hội nghị, cùng với cả nước và trong tỉnh Hậu Giang ( cũ), tại thị xã Sóc Trăng và ở các huyện, khu vực tỉnh Sóc Trăng ngày nay đều đẩy lên các phong trào thi đua sôi nổi của cán bộ, công nhân viên chức và lao động trên các lĩnh vực. Ở khu vực sản xuất có phong trào “3 điểm cao”<sup>80</sup>, ở khu vực hành chính sự nghiệp có phong trào 3 điểm tiến<sup>81</sup>. Trong phong trào thi đua xuất hiện một số điển hình tiên tiến.

Năm 1976, trên cơ sở xác định sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ trung tâm hàng đầu, Tỉnh ủy Hậu Giang chỉ đạo các ngành, các cấp trong tỉnh tập trung thực hiện các biện pháp cho việc đẩy mạnh sản xuất, tăng sản lượng lương thực. Tổ chức công đoàn các cấp vận động, đưa hàng ngàn lượt cán bộ, đoàn viên, công nhân viên chức lao động tại các công trình thủy lợi, đóng góp hơn 3 triệu ngày công, đắp gần 9 triệu m<sup>3</sup> đất, nạo vét 1.800km kinh mương cũ, đào mới 700km bờ vùng, bờ thửa, đắp 1.500

<sup>78</sup> Đến tháng 5/1976, Tỉnh ủy điều động đồng chí Lê Hồng Bông ( Ba Tình) là Bí thư thị xã ủy Vị Thanh về giữ nhiệm vụ phó Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh.

<sup>79</sup> Theo thống kê, đến tháng 3/1976, toàn tỉnh Hậu Giang có trên 29.000 công nhân, trong này có 7.000 đoàn viên công đoàn.

<sup>80</sup> Đó là năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều.

<sup>81</sup> Là cải tiến lề lối làm việc, cải tiến tổ chức và cải tiến nghiệp vụ công tác.

đập ngăn mặn để cải tạo đồng ruộng<sup>82</sup>. Các công trường thủy lợi thu hút hàng ngàn cán bộ công nhân viên chức lao động tham gia như các huyện Mỹ Xuyên, Mỹ Tú, Thạnh Trị, Long Phú . . . huy động từ 3.000 đến 5.000 lao động tập trung trên công trường. Cán bộ công nhân viên chức các ngành nông nghiệp, vật tư, thương nghiệp, tài chính . . . đều nỗ lực hoạt động phục vụ cho sản xuất nông nghiệp theo từng vị trí công tác và nghiệp vụ của đơn vị mình. Nhờ vậy, đã góp phần làm cho sản xuất nông nghiệp từng bước được phát triển, không những giải quyết được nạn thiếu đói lúc giáp hạt mà còn huy động về trung ương được 221.000 tấn lúa.

Ngày 15/7/1976, Bộ Chính trị ra nghị quyết số 254-NQ/TW về những công tác trước mắt ở miền Nam. Thực hiện nghị quyết này, ngày 15/10/1976, Tổng Công đoàn Việt Nam ra chỉ thị số 05/CT-TCĐ về nhiệm vụ của tổ chức công đoàn trong cuộc đấu tranh xóa bỏ giai cấp tư sản mại bản và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam. Ban Cải tạo Công thương nghiệp tư bản tư doanh của Tổng Công đoàn được thành lập, chỉ đạo cho Liên hiệp Công đoàn các tỉnh lập Ban Cải tạo của cấp mình nhằm giúp cho Liên hiệp Công đoàn triển khai nhiệm vụ cải tạo. Ban đã tham gia tuyên truyền vận động giúp cho cán bộ công nhân viên chức và người lao động hiểu rõ bản chất bóc lột của giai cấp tư sản, về vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về cuộc đấu tranh ai thắng ai giữa 2 con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa; nhất là quán triệt chính sách của Đảng và Nhà nước đối với nhiệm vụ xóa bỏ tư sản mại bản và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Trong các đợt cao điểm, lực lượng cán bộ của các Ban được điều động tham gia phục vụ cho nhiệm vụ chung.

Cuối năm 1976, có 2.792 cán bộ công nhân viên chức được cử đi dự các lớp tập huấn về cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh<sup>83</sup>. Sau đó, có 269 cán bộ được cử xuống các thị xã, thị trấn trong tỉnh; số còn lại tập trung tại TP Cần Thơ để tham gia công tác cải tạo. Số cán bộ này đã tham gia tốt chiến dịch X2<sup>84</sup> như cấp phát tờ khai cho 2.000 hộ thương gia, thu hồi xét duyệt, cấp giấy chứng nhận cho các hộ trước thời gian Trung ương quy định.

Ngoài việc cử cán bộ công nhân viên chức tham gia chiến dịch X2, tổ chức công đoàn còn tham gia xây dựng các chính sách về cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, về kế hoạch xây dựng và phát triển kinh tế quốc doanh. . .; nhất là tuyên truyền trong công nhân viên chức, đoàn viên công đoàn về Điều lệ và Luật Công đoàn, về vị trí chức năng của tổ chức công đoàn. Từ đó, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đoàn viên công nhân viên chức trong xây dựng chính quyền, tham gia bầu cử HĐND, phát hiện báo với các cơ quan chức năng nguy quân, nguy quyền còn lại trên. Hàng trăm công nhân viên chức chế độ cũ được lưu dụng ở tại thị xã Sóc Trăng và các huyện có ý thức phấn đấu tốt trong công việc để vào biên chế nhà nước.

Tháng 4/1976, Hội nghị BCH Tổng công đoàn được tiến hành đi sâu bàn về thực hiện nhiệm vụ công đoàn các cấp trong chăm lo, bảo đảm đời sống và quyền lợi chính đáng của người lao động, tham gia cùng Nhà nước cấp đủ các mặt hàng thiết yếu, làm tốt công tác bảo hiểm xã hội, tăng thêm quỹ phúc lợi cho công nhân viên chức, nhất là tham gia giải quyết việc làm cho hàng chục ngàn lao động tại miền Nam. Liên hiệp Công đoàn tỉnh triển khai tốt các nội dung trên, vận động công nhân viên

<sup>82</sup> Đây là số liệu chung của toàn tỉnh Hậu Giang. Riêng huyện Long Phú đóng góp 565.000 ngày công, đào đắp 1.819.000 m<sup>3</sup> đất.

<sup>83</sup> trong này, có trên 1.000 cán bộ CNVC của thị xã Sóc Trăng và các huyện.

<sup>84</sup> tên gọi của chiến dịch đánh tư sản.

chức đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, tham gia phát triển kinh tế phụ gia đình, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực; tham gia thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động. Nhất là trong năm 1976, tổ chức công đoàn trong tỉnh đã tham gia giải quyết việc làm cho trên 3.000 người; giảm dân, đưa trên 4.000 nhân khẩu về nông thôn sản xuất; tham gia vận động, cứu đói cho hàng ngàn gia đình như công đoàn thị xã Sóc Trăng tham gia vận động cứu đói cho 741 gia đình. Tổ chức công đoàn còn phát động phong trào “nuông cơm xẻ áo”, “Lá lành đùm lá rách”, vận động đóng góp hàng ngàn đồng và hàng trăm ngày công lao động giúp sửa chữa nhà cửa cho những lao động nghèo tại địa phương. Công đoàn thị xã Sóc Trăng còn tham gia bảo vệ quyền lợi của công nhân, can thiệp với các chủ xí nghiệp thanh toán cho công nhân đủ số tiền lao động khi hợp đồng và nghỉ việc với số tiền 4.004,14 đồng. Công đoàn còn hướng dẫn công nhân đấu tranh, buộc chủ tư nhân phải trả tiền thâm niên cho thợ khi nghỉ việc, không được cho thợ nghỉ việc khi không có lý do chính đáng. Nhìn chung, đời sống công nhân, viên chức, lao động những năm đầu sau giải phóng còn nhiều khó khăn, tiền lương không đủ sống, phải làm thêm như sản xuất kinh tế phụ gia đình, chăn nuôi, làm nghề gia công, chạy xe đạp ôm, dạy học thêm để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Tuy có khó khăn như vậy, nhưng đa số công nhân viên chức lao động đều ra sức khắc phục, bám cơ quan xí nghiệp để công tác và sản xuất.

Theo quy định của pháp luật và Điều lệ công đoàn, tổ chức Công đoàn lúc này chỉ thực hiện được một phần chức năng vai trò của mình trong tham gia giải quyết quyền lợi bảo hiểm xã hội, chế độ nghỉ đau ốm, thai sản. Tập trung nhất là sau khi có chỉ đạo của Tổng Công đoàn, công tác bảo hiểm xã hội được Liên hiệp Công đoàn tỉnh quan tâm tổ chức thực hiện khá tốt. Năm 1976, Ban Bảo hiểm xã hội của Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã chi bồi dưỡng tại chỗ cho 7.666 cán bộ, đoàn viên với số tiền là 64.022,60 đồng. Ngoài ra còn từng bước thực hiện chế độ chi cho ốm đau, thai sản, tai nạn lao động v.v. . . Hệ thống bảo hiểm xã hội của công đoàn được từng bước thành lập. Đến năm 1977, có 44/70 cơ sở trong tỉnh thành lập Ban Bảo hiểm xã hội. Các huyện, thị xã thuộc khu vực Sóc Trăng và một số Công đoàn cơ sở mạnh đều có Ban Bảo hiểm xã hội.

Về công tác nữ công, với sự cán bộ công nhân viên chức nữ chiếm 1/3, Ban Nữ công của Liên hiệp Công đoàn tổ chức khá tốt công tác tuyên truyền giáo dục cho nữ công nhân viên chức về đặc điểm của người phụ nữ mới trong chế độ xã hội chủ nghĩa; tuyên truyền giáo dục thực hiện nhiệm vụ “Giỏi việc nước, đảm việc nhà, phấn đấu thực hiện nam nữ bình đẳng”. Ban còn phối hợp với các cấp chính quyền tổ chức các lớp bồi dưỡng văn hóa, nghiệp vụ chuyên môn, tổ chức khám phụ khoa, xây dựng nhà trẻ, mẫu giáo. . . Từ đó, góp phần tạo điều kiện cho chị em an tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, nuôi dạy con ngoan, xây dựng gia đình hạnh phúc.

## **2. Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Hậu Giang lần thứ I (27/9/1977-01/10/1977) và kết quả phong trào thi đua của CNVC, lao động thực hiện những chỉ tiêu của nghị quyết đại hội.**

Sau thời gian hoạt động và xây dựng phát triển tổ chức, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Tổng Công đoàn Việt Nam, Đại hội đại biểu Liên hiệp Công đoàn tỉnh chính thức khai mạc vào ngày 27/9/1977 tại Cung Thiếu nhi tỉnh<sup>85</sup>. Tham dự Đại hội có 228 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 7.000 đoàn viên công đoàn và 22.000 công nhân viên chức, lao động trong toàn tỉnh. Đồng chí Đặng Mai ( Hai Mai), ủy viên

<sup>85</sup> Nay là trụ sở của UBND thành phố Cần Thơ



Ban thư ký Tổng công đoàn Việt Nam và đồng chí Vũ Đình Liệu ( Tư Bình), Bí thư Tỉnh ủy về dự và chỉ đạo đại hội.

Thay mặt cho BCH Liên hiệp Công đoàn tỉnh, đồng chí Hà Thái Bình đọc báo cáo tổng kết hoạt động của phong trào công nhân lao động và tổ chức công đoàn sau hơn hai năm giải phóng; trình bày phương hướng nhiệm vụ chung của công tác Công đoàn nhiệm kỳ mới.

Đại hội thảo luận và nhất trí cao với báo cáo, đồng thời thông qua phương hướng nhiệm vụ chung của nhiệm kỳ 1977-1980, trong đó nhấn mạnh đến nhiệm vụ “ Tăng cường giáo dục, nâng cao giác ngộ giai cấp, giác ngộ chủ nghĩa xã hội, phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong công nhân viên chức, đi đầu trong phong trào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội thật sôi nổi, liên tục đi khắp, nhằm thực hiện vượt mức kế hoạch của tỉnh, góp phần tích cực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa. Tích cực xây dựng và củng cố tổ chức công đoàn vững mạnh về chính trị, tư tưởng và văn hóa, nhằm phát huy vai trò, chức năng của tổ chức công đoàn trong việc tham gia quản lý xí nghiệp, cơ quan, là chỗ dựa vững chắc của Đảng và Nhà nước trong công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời chăm lo cải thiện đời sống trong công nhân viên chức”. Đại hội thảo luận và nhất trí với chủ trương thành lập công đoàn các huyện. Do cả nước chưa có mô hình công đoàn cấp huyện, nên được sự nhất trí của đồng chí Đặng Mai và đồng chí Vũ Đình Liệu, Đại hội đồng ý để Liên hiệp Công đoàn tỉnh chọn 1 huyện thành lập công đoàn, làm mô hình chỉ đạo rút kinh nghiệm.

BCH đầu tiên của Liên hiệp Công đoàn tỉnh được Đại hội bầu ra gồm có 29 đồng chí, Ban Thường vụ có 7 đồng chí. Đồng chí Hà Thái Bình được BCH tin nhiệm bầu giữ chức vụ Thư ký (tức Chủ tịch).

Đại hội lần đầu tiên của Liên hiệp Công đoàn tỉnh đánh dấu bước trưởng thành mới về công tác tổ chức, là đợt sinh hoạt chính trị lớn của cán bộ công nhân viên chức, lao động và tổ chức Công đoàn trong toàn tỉnh, tạo sự phấn khởi và là tiền đề cho việc đẩy mạnh phong trào đoàn kết thi đua trên các mặt trận và các hoạt động của tổ chức công đoàn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV và nghị quyết hội nghị BCH Tổng Công đoàn Việt Nam lần thứ VI, ngày 20/12/1977, Tổng công đoàn Việt Nam ra chỉ thị số 09/CT-TCD về việc đẩy mạnh phong trào thi đua phát huy sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Ban Thư ký Công đoàn chủ trương tiến hành một đợt vận động tập trung cho phong trào này từ Trung ương đến tận cơ sở để mọi người hiểu và phát huy tốt sáng kiến, tiết kiệm ngay từ ở cơ sở trong 2 năm 1977-1978. Liên hiệp Công đoàn tỉnh tổ chức hội nghị triển khai quán triệt sự chỉ đạo của Tổng Công đoàn, Kết quả toàn tỉnh Hậu Giang có 28 cơ sở đề xuất được 1.020 sáng kiến, cải tiến hợp lý hóa sản xuất, tiết kiệm, thu lợi trên 4.790.000 đồng. Trong này có sáng kiến của tập thể Đội cơ khí thị xã Sóc Trăng sáng chế ra một cần trục nổi, ráp, đặt lên xe GMC trọng tải 5 tấn phục vụ cho 2 công trình đông lạnh và lắp đặt các công trình đông lạnh trước thời gian 2 tháng. Công nhân viên chức trong ngành nông nghiệp của tỉnh có 7 sáng kiến thu lợi cho Nhà nước trên 4.480.500 đồng. . . Với kết quả của phong trào, nhiều tập thể và cá nhân được UBND tỉnh, Liên hiệp công đoàn tỉnh trao cờ thi đua, bằng khen, giấy khen. Đặc biệt, trong tỉnh Hậu Giang được Nhà nước khen thưởng 9 Huân chương lao động hạng III, 13 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 17 cờ và bằng khen của Bộ.

Phát huy thành tích thi đua phát huy sáng kiến trong 2 năm 1977-1978, trong 2 năm tiếp theo cán bộ công nhân toàn tỉnh có 1.116 sáng kiến, làm lợi cho Nhà nước và tiết kiệm được trên 1, 6 triệu đồng.

Theo chỉ đạo của Đảng và Thủ tướng Chính phủ, ngày 19/5/1977, Tổng Công đoàn ra quyết định số 374/QĐ-TCĐ ban hành Điều lệ về nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chấp hành Công đoàn xí nghiệp quốc doanh” quy định mối quan hệ giữa Ban chấp hành Công đoàn với Giám đốc xí nghiệp trên các mặt công tác.

Thực hiện quyết định trên và kế hoạch của Liên hiệp Công đoàn tỉnh, trong năm 1977, có 12 công đoàn cơ sở tổ chức hội nghị công nhân viên chức. Đến năm 1980 có 33 cơ sở mở hội nghị CNVC, trong này có 12 đơn vị tổ chức ký kết hợp đồng tập thể và bầu Ban Thường trực Công nhân. Tại các hội nghị, có hàng trăm ý kiến của công nhân lao động đóng góp chung quanh kế hoạch sản xuất, quản lý vật tư kỹ thuật và công tác chăm lo đời sống.

Liên hiệp Công đoàn tỉnh còn tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ công đoàn cơ sở nội dung đăng ký phần đấu thi đua. Kết quả trong năm 1979, có 65 tổ đăng ký và 5 tổ được công nhận. Các ngành Giáo dục, Giao thông vận tải, Y tế, Thủy lợi . . . đều có những nội dung phát động phù hợp với điều kiện chuyên môn của mỗi đơn vị. Như ngành Thương nghiệp có mục tiêu “Vì nhân dân mà phục vụ” nên có nhiều cố gắng trong tổ chức thu mua các nguồn hàng, cải tiến lề lối, phương thức kinh doanh; ngành Giao thông có phong trào thi đua “lái xe an toàn”, giảm 60% tai nạn giao thông, vận chuyển hành khách và hàng hóa đạt 104% kế hoạch của năm 1980; ngành Giáo dục có phong trào thi đua hai tốt, nhất là từ khi có nghị quyết 14 của Trung ương về cải cách giáo dục, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, có 35 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh và 3 học sinh được đi thi học sinh giỏi toàn quốc.

Trong thời gian này, Liên hiệp Công đoàn tỉnh còn quan tâm các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tổ chức các cuộc hội thi, hội diễn nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, nhất là ngày kỷ niệm thành lập Đảng 3/2, ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5, ngày thành lập Công đoàn Việt Nam 28/7 v.v. . . Liên hiệp Công đoàn tỉnh còn tổ chức triển khai tới các Nghị quyết II,III,IV, V của Tổng công đoàn Việt Nam, học tập 6 bài chính trị cơ bản của công đoàn; phối hợp với chánh quyền tổ chức học tập các Nghị định 187/CP, 217/CP của Hội đồng Chính phủ. Đặc biệt là trong đợt học tập đóng góp cho bản thảo Hiến pháp mới, có 70 cơ quan tổ chức cho 35.516 lượt cán bộ, công nhân viên tham dự, đóng góp 35.970 ý kiến vào bản dự thảo.

Tháng 2/1979, hội nghị BCH Tổng công đoàn Việt Nam ra nghị quyết về nhiệm vụ của giai cấp công nhân và công đoàn đối với việc hoàn thành cải tạo nông nghiệp và phát triển nông nghiệp. Trong đó có đoạn nêu rõ: “Từng bước cơ giới hóa nông nghiệp bao gồm cơ giới và cơ khí phục vụ nông nghiệp mà máy kéo là mũi nhọn, tạo ra giống tốt về cây và con, tưới tiêu nước, phân bón, thuốc trừ sâu và khoa học kỹ thuật tăng trọt chăn nuôi. Cùng giai cấp nông dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế nông - công nghiệp. Công đoàn phải giáo dục, động viên công nhân viên chức phục vụ nông nghiệp”.

Cũng trong năm 1979, BCH Đảng bộ tỉnh cũng có nghị quyết về công tác cải tạo nông nghiệp, trong đó nhấn mạnh “toàn tỉnh phải ra sức củng cố, nâng cao chất lượng các tập đoàn sản xuất đã có, vận động chuyển cho được đại bộ phận các tổ đoàn kết sản xuất, vận vùn đổi công lên thành tập đoàn sản xuất cả cũ và mới với quy mô từ 40 ha đến 50 ha và trên dưới 60 lao động, đạt từ 60 đến 70% diện tích đất đai trong toàn tỉnh”.

Trên cơ sở Nghị quyết hội nghị lần thứ III ( khóa IV) của BCH Tổng Công đoàn và nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, Liên hiệp Công đoàn tỉnh ra nghị quyết VII để phát động phong trào thi đua phục vụ sản xuất nông nghiệp trong cán bộ, công nhân viên chức và đề ra nhiệm vụ để các cấp công đoàn triển khai thực hiện.

Qua 1 năm thực hiện nghị quyết VII, xuất hiện nhiều điển hình trong phong trào thi đua. Nổi bật là công đoàn ngành Cơ khí tỉnh thực hiện được 830.000/800.000 sản phẩm được giao như sản xuất bánh lồng, thuyền bơm, sửa chữa máy các loại... Đội máy cày huyện Mỹ Xuyên có phong trào “ ra quân cày ải phục vụ sản xuất nông nghiệp” đảm bảo cho tiến độ cày ải phục vụ tốt thời vụ gieo trồng của nông dân theo kế hoạch. Công nhân ngành điện sửa chữa máy các trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó có trạm bơm huyện Mỹ Tú, công suất 560 kw. Công đoàn ngành Nông nghiệp có phong trào “làm nông nghiệp giỏi”, “bám sản xuất”, huy động kiến thức khoa học kỹ thuật về nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Là một trong 3 huyện được Liên hiệp Công đoàn tỉnh chỉ đạo thực hiện Nghị quyết hội nghị III của Tổng Liên đoàn, Công đoàn huyện Mỹ Xuyên phát động tốt phong trào thi đua trong công nhân máy kéo. Kết quả chỉ trong vòng 3 ngày, công nhân đội máy kéo đã cày xới được 400 ha đất.

Cán bộ đoàn viên công đoàn còn đi đầu trong công tác vận động gia đình tham gia vào các tổ chức hợp tác sản xuất nông nghiệp ở nông thôn. Nhờ vậy, đến năm 1980, toàn tỉnh có 2.641 tập đoàn sản xuất, 2 hợp tác xã nông nghiệp, 52 tập đoàn máy kéo.

Qua các phong trào, dần dần tổ chức công đoàn các huyện, thị trong tỉnh đều được thành lập và kiện toàn, nổi bật là công đoàn huyện Mỹ Xuyên, thị xã Sóc Trăng.

Trong công tác cải tạo công thương nghiệp, Liên hiệp Công đoàn tỉnh tổ chức cho cán bộ công đoàn các cấp học tập tốt chỉ thị 115/TTg năm 1978 và các chủ trương, kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, của Tổng Công đoàn, Tỉnh ủy và UBND tỉnh về cải tạo, xóa bỏ công thương nghiệp tư bản tư doanh, xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, chuyển ngành người kinh doanh thương nghiệp sang sản xuất. Cùng với thành phố Cần Thơ, thị xã Sóc Trăng được chọn là điểm chỉ đạo trọng điểm của Chiến dịch cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh. Hai đồng chí ủy viên Thường vụ của Liên hiệp Công đoàn tỉnh được phân công cùng tham gia chỉ đạo 2 trọng điểm này. Ngoài ra còn có trên 10 cán bộ công đoàn cơ sở được triển khai học tập tham gia chiến dịch.

Thành phố Cần Thơ và thị xã Sóc Trăng còn được Liên hiệp Công đoàn tỉnh chọn làm thí điểm tập hợp lực lượng lao động tự do vào làm ăn tập thể theo “ Điều lệ tạm thời tổ chức Hội Lao động Hợp tác”<sup>86</sup>. Kết quả tại 2 điểm chỉ đạo thành lập được 10 BCH Hội Lao động hợp tác, 29 chi hội, 200 tổ với 7.029 hội viên và trên 19.400 lao động các ngành nghề. Đặc biệt, từ khi có Chỉ thị 01-CT-TU ngày 8/2/1979 của Tỉnh ủy về việc “ Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và đẩy mạnh công tác dân vận”; trong đó, giao nhiệm vụ cho tổ chức công đoàn phải tập hợp hết số công nhân viên chức vào tổ chức công đoàn và người lao động tự do vào Hội Lao động hợp tác thì tổ chức công đoàn và hội lao động hợp tác ngày càng phát triển.

Trong 2 năm 1978-1979, chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc lần lượt nổ ra, thực hiện Chỉ thị 05/TCD và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Liên hiệp Công đoàn tỉnh phát động phong trào “ Toàn dân Hậu Giang tham gia xây dựng lực lượng vũ trang”, đề ra khẩu hiệu “ mỗi xí nghiệp cơ quan, công nông, lâm trường là một đơn vị chiến đấu”, “

<sup>86</sup> Điều lệ này được Tổng Công đoàn soạn thảo và Bộ Chính trị Trung ương Đảng thông qua.

mỗi công nhân, viên chức là một chiến sĩ kiên cường”. Trên cơ sở này, công đoàn các cấp trong tỉnh phối hợp với tổ chức Đoàn Thanh niên xây dựng các trung đội, đại đội tự vệ trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện<sup>87</sup>.

Thực hiện Chỉ thị 01/CT-TU ngày 8/2/1979 của Tỉnh ủy, dù bị chi phối nhiều mặt, nhưng Liên hiệp Công đoàn vẫn quan tâm đến củng cố xây dựng tổ chức, phát triển hệ thống công đoàn các cấp và đoàn viên công đoàn. Nhờ vậy, đến năm 1980, ngoài 7 ban chuyên trách và các phòng chuyên môn của Liên hiệp Công đoàn tỉnh<sup>88</sup>, toàn tỉnh có 13 công đoàn cấp huyện, thành phố, thị xã, 8 công đoàn ngành, 1.000 công đoàn cơ sở ( một số CĐCS trực thuộc Liên hiệp Công đoàn tỉnh và một số thuộc Công đoàn huyện, thành phố, thị xã, và ngành), 1.310 tổ công đoàn với 29.727 đoàn viên ( có 11.639 là nữ, chiếm tỷ lệ 64%).

Trường Công đoàn tỉnh<sup>89</sup> mở nhiều lớp tập huấn bồi dưỡng, đào tạo ngắn hạn, dài hạn cán bộ công đoàn, trong này có 16 lớp tập trung với 583 cán bộ công đoàn cơ sở và trên 1.000 tổ trưởng, tổ phó công đoàn theo học. Ngoài ra, còn có 89 cán bộ công đoàn được học các lớp bồi dưỡng chuyên đề. Liên hiệp công đoàn tỉnh còn đưa hàng trăm lượt cán bộ công đoàn trong tỉnh được cử dự các khóa bồi dưỡng đào tạo do Tổng Công đoàn tổ chức.

Tháng 1 năm 1980, đồng chí Hà Thái Bình, Thư ký Liên hiệp công đoàn tỉnh được Tỉnh ủy điều động về làm Giám đốc Sở Xây dựng, đồng chí Lê Hồng Bông (Ba Tình), phó thư ký được phân công quyền Thư ký.

Nhìn chung, qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I của Công đoàn tỉnh, tổ chức công đoàn trong tỉnh từng bước được hình thành và phát triển, thực hiện một bước chức năng trong công tác tuyên truyền giáo dục, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao tinh thần làm chủ tập thể, giác ngộ cách mạng và con người mới xã hội chủ nghĩa trong cán bộ đoàn viên, công nhân, viên chức, lao động, phát động khá tốt các phong trào thi đua và tham gia thực hiện tốt theo yêu cầu chỉ đạo của Tổng Công đoàn và Tỉnh ủy, xứng đáng là chỗ dựa vững chắc của chính quyền cách mạng.

Tuy nhiên, hoạt động của công đoàn vẫn còn những hạn chế như: vấn đề giáo dục nhận thức về giai cấp, về vị trí vai trò của giai cấp công nhân trong tình hình mới, về các mục tiêu cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện v.v. . . Tình trạng vi phạm kỷ luật lao động, tham ô, móc ngoặc, hối lộ, ức hiếp quần chúng từng nơi, từng nơi còn diễn ra làm ảnh hưởng đến phong trào, đến lao động sản xuất và lòng tin của quần chúng.

Ngoài ra, hoạt động của công đoàn chưa đi sâu vào lĩnh vực kinh tế, khoa học kỹ thuật nên phong trào thi đua thiếu chiều sâu, chưa xây dựng nên những nhân tố điển hình của phong trào. Chất lượng tổ chức ở một số cấp công đoàn chưa cao, nhất là công đoàn cấp huyện, ngành còn lúng túng trong hoạt động và quản lý tài chính, trong phục vụ các yêu cầu bức thiết của đời sống công nhân viên chức, lao động ở địa phương, đơn vị.

### **III. Công nhân lao động và tổ chức công đoàn tỉnh tiên quân vào mặt trận sản xuất, phát triển kinh tế tỉnh nhà, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện thắng**

<sup>87</sup> Công đoàn ngành Thương nghiệp có 7 đại đội tự vệ với 532 cán bộ, công nhân; công đoàn các huyện đều xây dựng từ 2 đến 4 đại đội tự vệ. Các đại đội đều được luyện tập quân sự, góp phần giữ gìn an ninh trật tự khu vực và cơ quan xí nghiệp.

<sup>88</sup> thành lập từ năm 1977 gồm các ban: Tuyên truyền - Giáo dục, Tổ chức-Kiểm tra, Thi đua-Bảo hiểm xã hội, Đời sống-Lao động tiền lương, Nữ công, Bảo hiểm xã hội, Tài chính, Văn phòng, Hành chính-Quản trị.

<sup>89</sup> thành lập từ năm 1978, trụ sở tại số 20 đường Hai Bà Trưng, phường Tân An, TP Cần Thơ ( nay là cơ quan Cty Du lịch, thuộc phường Tân An, quận Ninh Kiều).

**lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh (Hậu Giang) lần thứ I và Nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh (Hậu Giang) lần thứ II (3/1981) . 1. Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh (Hậu Giang) lần thứ II (3/1981- 1983)– Kết quả các phong trào thi đua của công nhân viên chức lao động thực hiện nghị quyết .**

Năm 1981 khởi đầu với sự kiện Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh khai mạc vào ngày 24/3/1981 tại Hội trường Cửu Long<sup>90</sup>. Tham dự Đại hội có 264 đại biểu đại diện cho gần 50.000 cán bộ, công nhân viên chức trong tỉnh<sup>91</sup>. Đại hội vinh dự đón tiếp các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy và Tổng Công đoàn về dự, chỉ đạo: đồng chí Vũ Đình Liệu (Nguyễn Thanh Bình), Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang; đồng chí Nguyễn Hộ, Phó Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam; đồng chí Đỗ Trọng Giang, Ủy viên Ban Thư ký Tổng công đoàn Việt Nam.

Trong thời gian 4 ngày làm việc, Đại hội đã thông qua các báo cáo tổng kết đánh giá các mặt công tác những thành tựu đạt được cũng như những hạn chế tồn tại của hoạt động nhiệm kỳ I Công đoàn tỉnh ( 1977-1980); nhất trí thông qua nghị quyết về phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ 2 của Công đoàn tỉnh (1981-1985).

Để thực hiện tốt nội dung trọng tâm chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ II Đảng bộ Tỉnh là tập trung cho “ Đẩy mạnh sản xuất, làm tốt công tác phân phối lưu thông, cải tiến quản lý kinh tế, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”, Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh nhất trí với phương hướng nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới là “Ra sức giáo dục giác ngộ xã hội chủ nghĩa, nâng cao tinh thần làm chủ tập thể của cán bộ, công nhân viên chức; đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất phục vụ nông nghiệp và các ngành kinh tế khác chung phát triển toàn diện theo hướng tập trung; đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu, hàng xuất khẩu. Trên cơ sở đó đẩy mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vì công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội; phát huy phong trào sáng kiến tiết kiệm, đấu tranh chống tiêu cực, tham gia thực hiện chế độ, chính sách ổn định đời sống cán bộ, công nhân viên chức và xây dựng củng cố tổ chức công đoàn vững mạnh, thành tổ chức quần chúng rộng rãi của giai cấp công nhân, là trường học công sản chủ nghĩa về quản lý kinh tế, quản lý xã hội, làm chỗ dựa vững chắc của chính quyền”<sup>92</sup>.

Đại hội nhất trí đề ra một số biện pháp cơ bản để thực hiện tốt phương hướng nhiệm vụ nêu trên.

Một là phải nắm chắc chủ trương, chính sách cấp trên hướng dẫn mà vận dụng biến sáng tạo phù hợp tình hình thực tế của đơn vị, địa phương để tổ chức học tập cho quần chúng. Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ công nhân có nội dung cụ thể; bằng nhiều cách vận dụng vào hoàn cảnh địa phương để có Câu lạc bộ ở xí nghiệp ( 70%), cơ quan hành chính sự nghiệp ( 50%). Đến năm 1982, tỉnh phải có Câu lạc bộ công nhân viên chức và giao cho Công đoàn thành phố Cần Thơ quản lý. Tổ chức phong trào văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở. Thông qua đó, chọn một đội bóng đá, một đội bóng chuyền của Liên hiệp Công đoàn tỉnh. Nêu gương người tốt việc tốt, bằng nhiều hình thức tuyên truyền phát huy tác dụng các điển hình một cách rộng rãi.

<sup>90</sup> Nay là hội trường Thành ủy thành phố Cần Thơ (số 1A đường Quang Trung, quận Ninh Kiều TP.Cần Thơ)

<sup>91</sup> trong này có trên 30.000 đoàn viên Công đoàn.

<sup>92</sup> Nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Hậu Giang lần thứ II (từ ngày 24/3 đến 27/3/1981, trang 2)

Hai là, tổ chức hội nghị công nhân viên chức để vận động quần chúng tham gia xây dựng kế hoạch (chia ra làm ba bộ phận trong kế hoạch Nhà nước), ngoài kế hoạch và sản xuất sản phẩm phụ. Ở các xí nghiệp phần đầu có 80% cơ sở và ở cơ quan hành chính sự nghiệp có 60% cơ sở mở hội nghị công nhân viên chức.

Tổ chức đăng ký thi đua trên cơ sở phối hợp giữa chính quyền và công đoàn, phát động công nhân viên chức đăng ký các danh hiệu thi đua cá nhân và tập thể. Phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm để tổ chức phong trào thi đua, thường xuyên tổ chức thi đua ngắn ngày, có sơ tổng kết khen thưởng kịp thời. Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, mỗi công nhân có từ 1 đến 2 sáng kiến hoặc áp dụng sáng kiến tiết kiệm trong sản xuất. Ở khu vực hành chính sự nghiệp có từ 1 đến 2 cải tiến; cán bộ khoa học kỹ thuật có từ 1 đến 2 đề tài nghiên cứu.

Ba là, phải tuyên truyền giáo dục làm cho đoàn viên, công nhân viên chức hiểu được vai trò, chức năng và vị trí của tổ chức công đoàn; tuyên truyền 5 nhiệm vụ và 5 quyền hạn của đoàn viên để phát triển, thu hút kết nạp vào công đoàn. Phải đơn sức chỉ đạo công đoàn cơ sở, giúp cho cơ sở mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, biết cách hoạt động công đoàn . . . , phân loại được công đoàn cơ sở theo Thông tư hướng dẫn của Tổng Công đoàn để dần dần đưa Công đoàn vào hoạt động đúng chức năng và đạt mức công đoàn cơ sở khá, trung bình, không còn cơ sở yếu kém.

Về công tác tổ chức, tại Đại hội, BCH Liên hiệp Công đoàn tỉnh nhiệm kỳ II được các đại biểu bầu ra gồm có 37 đồng chí. BCH đã nhất trí bầu ra Ban Thường vụ gồm có 9 đồng chí. Đồng chí Lê Hồng Bông ( Ban Tỉnh ) được tín nhiệm cử giữ chức vụ Thư ký, đồng chí Trần Văn Dữ giữ chức vụ Phó Thư ký phụ trách Tổ chức và Kiểm tra.

Sau khi đại hội kết thúc, công tác triển khai nghị quyết Đại hội được đẩy mạnh. Một phong trào thi đua sôi nổi của các bộ, đoàn viên, công nhân viên chức, lao động diễn ra trên khắp các lĩnh vực.

Quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội Công đoàn tỉnh nhiệm kỳ II, BCH Tổng công đoàn có nghị quyết 07/NQ-TCĐ về “ KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN ĐI SẪU SẢN XUẤT, ĐI SÁT CÔNG NHÂN, TÁC ĐỘNG THIẾT THỰC VÀO VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU KINH TẾ - KỸ THUẬT, XÂY DỰNG NGƯỜI CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA”. Nghị quyết nhấn mạnh đến yêu cầu cải tiến cơ cấu đội ngũ cán bộ, chú ý đến các bộ xuất thân từ công nhân, trực tiếp sản xuất, cán bộ có chuyên môn về quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, cán bộ trẻ, nữ, người dân tộc; phát triển đội ngũ cán bộ không chuyên trách các cấp, nhất là ở cơ sở, giảm biên chế cán bộ chuyên trách.

Ngoài ra, Hội đồng Bộ trưởng còn có Nghị quyết số 03 /HĐBT về chống tiêu cực, chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, tích cực đấu tranh chống tiêu cực, củng cố niềm tin, tăng cường sự đoàn kết nhất trí với đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các cấp công đoàn trong tỉnh đã kết hợp tuyên truyền, học tập tốt các nghị quyết nêu trên đồng thời tổ chức tốt việc học tập 4 bài chính trị cơ bản<sup>93</sup> nhằm nâng cao nhận thức về vai trò vị trí và tính giai cấp công nhân cho cán bộ, công nhân viên chức, lao động.

<sup>93</sup> 4 bài chính trị cơ bản do Tổng Công đoàn biên soạn là: Tình hình nhiệm vụ mới- Vai trò giai cấp công nhân- Điều lệ công đoàn- Thái độ lao động mới.

Phong trào học tập nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, đoàn viên công nhân, viên chức, người lao động được các cấp công đoàn chú ý phát động và tổ chức thực hiện khá tốt. Chỉ riêng trong năm 1981, có 3.866 người theo học các lớp bổ túc văn hóa tại chức và 3.555 người theo học các lớp tập trung. Phong trào văn hóa văn nghệ có nhiều chuyển biến mới. Đến năm 1982, ở nhiều địa phương, số công đoàn cơ sở đều thành lập được các đội bóng chuyền và đội văn nghệ<sup>94</sup> phục vụ tốt cho việc rèn luyện thể lực, sinh hoạt văn hóa tinh thần ở cơ sở.

Đặc biệt, phong trào thi đua trong sản xuất được các cấp công đoàn tập trung chỉ đạo, gồm 3 phong trào chính : phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật- hợp lý hóa sản xuất; phong trào phục vụ nông nghiệp; phong trào thi đua với các điển hình tiên tiến. Trong các phong trào thi đua này đều lấy nhiệm vụ “phục vụ nông nghiệp” làm trung tâm; lấy sáng kiến “cải tiến kỹ thuật” làm mũi nhọn; lấy tiết kiệm làm “quốc sách”.

Năm 1981, Liên hiệp Công đoàn tỉnh còn chủ động phối hợp với UBND tỉnh tổ chức hội nghị Sáng kiến lần thứ 2<sup>95</sup> và cử đoàn đại biểu đại diện cho tập thể và cá nhân cấp tỉnh đi dự Đại hội toàn quốc.

Kết quả, trong 2 năm 1981-1982, cán bộ đoàn viên công nhân, công nhân viên chức trong tỉnh đề xuất hơn 1.000 sáng kiến, cải tiến, tiết kiệm và làm lợi cho Nhà nước hơn 44 triệu đồng. Cán bộ công nhân ngành lương thực cải tiến công tác tổ chức, quản lý, vận chuyển, giảm khâu trung gian, bớt hư hao, tiết kiệm cho Nhà nước trên 3 triệu đồng. Cán bộ công nhân Xi nghiệp gạch ngói 30/4 Mỹ Xuyên cải tiến khâu đốt lò, nung gạch, nghiên cứu thành công nung gạch chịu lửa bằng đất sét tại địa phương, tiết kiệm 732 ngàn đồng. Công nhân các ngành Nông nghiệp, Cty Xây lắp thuộc Sở Xây dựng, Liên hiệp công ty xuất nhập khẩu, ngành Y tế, Giao thông vận tải . . . đều có những cải tiến trong hoạt động quản lý và sản xuất, phát huy hàng trăm sáng kiến làm lợi cho Nhà nước hàng chục triệu đồng.

Đặc biệt, trong lĩnh vực nông nghiệp, thực hiện nghị quyết III của BCH Tổng công đoàn Việt Nam và Nghị quyết Liên tịch số 264 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam về “Tổ chức phong trào công nhân viên chức phục vụ nông nghiệp vùng Đồng bằng sông Cửu Long”, 2 ngành Nông nghiệp và Công đoàn của tỉnh ký kết văn bản Liên tịch số 65 ngày 11/6/1982 thực hiện nhiệm vụ cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp trong tỉnh. Nhiều sáng kiến cải tiến các khâu sản xuất công cụ, máy xới . . . phục vụ sản xuất nông nghiệp được áp dụng, các công trình thủy lợi được triển khai, trong đó có kênh 30/4 tại Sóc Trăng. . . góp phần tăng năng suất lúa hàng năm. Như năm lương thực 1981- 1982, tổng sản lượng lúa đạt cao nhất so với những năm trước với 1.224.000 tấn, huy động được 250.073 tấn vượt chỉ tiêu trên giao 13 tấn. Riêng đầu năm lương thực 1982-1983 huy động được trên 270.000 tấn lúa.

Tại Đại hội toàn quốc tổng kết công tác thi đua 5 năm (1981-1985), Liên hiệp Công đoàn tỉnh được tặng cờ thi đua luân lưu và bằng khen; nhiều Công đoàn huyện, Công đoàn ngành . . . được tặng bằng khen.

Cùng với việc phát động phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa, công đoàn các cấp trong tỉnh còn quan tâm đến việc chăm lo, bảo vệ quyền lợi và tham gia thực hiện các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công nhân viên chức, nhất là

<sup>94</sup> Tổng cộng có 25 đội bóng chuyền, 18 đội văn nghệ ở cơ sở.

<sup>95</sup> Đây là đại hội 5 năm tổ chức tổng kết một lần nhằm phát huy và nhân rộng các điển hình của phong trào.

đối với số công nhân phải ngừng sản xuất vì thiếu nguyên liệu phải hưởng 70% lương hoặc chuyển sang sản xuất phụ; tham gia hội đồng xét duyệt nâng lương cho công nhân viên chức, thực hiện chế độ bồi dưỡng ca ba, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng phẫu thuật, trợ cấp khó khăn v.v. .<sup>96</sup>.

Đặc biệt, việc thực hiện trả lương khoán theo nội dung Quyết định số 146/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng kết hợp đúng đắn ba lợi ích, khuyến khích sản xuất, tăng năng suất lao động, vừa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch nhà nước, vừa tăng thu nhập chính đáng cho cán bộ công nhân viên chức, tạo động lực mới trong sản xuất. Tính đến năm 1983, có 70 đơn vị thực hiện lương theo khoán sản phẩm, nâng lương bình quân của công nhân từ 400đ lên 600đ/tháng. Một số đơn vị có lao động kỹ thuật nặng nhọc, mức lương lên đến từ 700đ đến 900đ/tháng. Nhờ vậy, tỷ lệ công nhân bỏ việc giảm dần<sup>97</sup>.

Đối với chính sách bảo hiểm xã hội, Công đoàn các cấp cố gắng triển khai thực hiện ngày càng tốt hơn. Đến năm 1983, toàn tỉnh có 181 cơ sở đăng ký thực hiện Quỹ Bảo hiểm xã hội và từng bước chi đúng nguyên tắc. Trong ba năm từ 1981 đến 1983 có 826 cán bộ công nhân viên chức được hưởng chế độ nghỉ dưỡng sức tại nhà nghỉ Tổng công đoàn và các tỉnh bạn. Công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động từng bước được tăng cường theo tinh thần Thông tư Liên bộ 08/LB góp phần bảo vệ sức khỏe và phòng, chống bệnh nghề nghiệp cho công nhân viên chức lao động, có 20.174 lượt người được cấp trang bị bảo hộ lao động từ năm 1981 đến 1983.

Công tác thanh tra, kiểm tra trong hệ thống công đoàn được đẩy mạnh. Toàn tỉnh có 148 Ban Thanh tra công nhân trưởng nhiệm kỳ 1981-1983, đã tham gia giải quyết 243 đơn từ khiếu tố, góp phần đẩy lùi khiếu kiện tại một số đơn vị.

Cùng với việc chỉ đạo tốt các hoạt động phong trào, BCH Liên hiệp Công đoàn tỉnh tăng cường chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ, hoàn chỉnh bộ máy hệ thống công đoàn trong tỉnh. Đến cuối năm 1983, toàn tỉnh có 21 công đoàn cấp huyện, thị, thành phố, công đoàn ngành và 82 (81) cơ sở trực thuộc Liên hiệp Công đoàn tỉnh, 860 cơ sở trực thuộc công đoàn ngành, huyện, thành phố, thị xã. Số tổ công đoàn từ 2.985 tổ (năm 1981) tăng lên 3.608 tổ (năm 1983). Số đoàn viên công đoàn từ 31.657 (năm 1981) tăng lên 35.590 (5/1983), trong này có 15.971 nữ. Số đoàn viên công đoàn đạt tỷ lệ 70% trong tổng số công nhân viên chức trong tỉnh. Công tác phát triển đoàn viên được nhiều đơn vị thực hiện tốt. Riêng khu vực Sóc Trăng có công đoàn huyện Mỹ Xuyên, đạt tỷ lệ đạt 80% trong tổng số công nhân viên chức của huyện.

Đặc biệt, phong trào trong nữ công nhân viên chức diễn ra sôi nổi ở nhiều đơn vị nhất là các phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, phong trào “Xây dựng gia đình văn hóa mới”, phong trào “xây dựng khu tập thể văn minh” v.v. . . Trong nhiệm kỳ, có 9.000 chị em đạt danh hiệu “Người phụ nữ mới”, 1.500 chị đạt tiêu chuẩn “Bà mẹ nuôi con giỏi”, 35 chị được tặng huy chương “ Vì sự nghiệp giải phóng phụ nữ”, 250 chị được tặng huy hiệu “Người phụ nữ mới” của Trung ương Hội LHPN Việt Nam. Ngoài ra, chị em còn tích cực tham gia các phong trào phát huy

<sup>96</sup> Năm 1981 nâng lương cho 1.185 cán bộ viên chức; năm 1982 nâng lương cho 6.600 cán bộ, công nhân viên chức; bồi dưỡng ca ba cho 16.507 lượt cán bộ CNVC với số tiền 217.763 đồng, bồi dưỡng độc hại cho 30.926 lượt cán bộ công nhân viên chức với số tiền 769.829 đồng . . . .

<sup>97</sup> Năm 1981 có 227 trường hợp nghỉ việc, năm 1982 có 130 trường hợp, 4 tháng đầu năm 1983 có 20 trường hợp.



sáng kiến, cải tiến, tiết kiệm; phong trào sinh đẻ có kế hoạch, phấn đấu nữ công nhân viên chức không sinh con thứ 3.

Công đoàn các cấp cơ sở tích cực tham gia cùng chính quyền thực hiện tốt các chính sách chế độ cho nữ công nhân viên chức, tạo điều kiện cho chị em phấn đấu vươn lên trong công tác, nâng cao năng suất lao động.

Có thể khẳng định rằng, trong nhiệm kỳ 1981-1983, tổ chức và hoạt động công đoàn ngày càng thực hiện tốt hơn chức năng nhiệm vụ, phục vụ đúng đối tượng và góp phần giáo dục, nâng cao giác ngộ, nhận thức tư tưởng và trình độ mọi mặt cho cán bộ, công nhân viên chức.

Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận đoàn viên công đoàn và người lao động ý thức chưa cao, thái độ lao động chưa nghiêm túc, còn nặng lợi ích cá nhân, lãng phí ngày giờ công. Một bộ phận tinh kỷ luật chưa cao hoặc bị quan dao động trước khó khăn, thoái hóa biến chất, ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra, trình độ năng lực của cán bộ công đoàn vẫn chưa đáp ứng tốt yêu cầu mới của tình hình, chưa có quy chế hoạt động của các cấp công đoàn, đôi lúc chưa thực hiện tốt công tác phối hợp với các đoàn thể và các ngành liên quan, nhất là trong công tác phối hợp với Đoàn Thanh niên trong giới thiệu người vào Đảng xuất thân từ giai cấp công nhân. Mặt khác, công đoàn cấp huyện, thị và công đoàn ngành chưa được nâng lên đúng vị trí vai trò trong tổ chức chỉ đạo các công đoàn cơ sở. Từ đó, các công đoàn cơ sở chưa phát huy tốt tính tự chủ, năng động trong hoạt động.

## **2. Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh (Hậu Giang) lần thứ III (8/1983) - Các phong trào thi đua của công nhân viên chức lao động thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ III (1983-1988).**

Tuy còn nhiều khó khăn chung về kinh tế xã hội của đất nước, nhất là tình trạng khủng hoảng kinh tế từ đầu những năm 1980, nhưng với sự lãnh đạo của Đảng, nhất là quán triệt nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ III, công tác công đoàn và phong trào công nhân viên chức của tỉnh vẫn tiếp tục giữ vững và từng bước phát triển.

Thực hiện Chỉ thị số 20/TCĐ ngày 25/01/1983 của Tổng Công đoàn, về việc mở Đại hội Công đoàn cơ sở, tiến tới Đại hội lần thứ V Công đoàn Việt Nam, BCH Liên hiệp Công đoàn tỉnh tập trung chỉ đạo đại hội công đoàn các cấp và tích cực chuẩn bị cho đại hội cấp tỉnh.

Trong 2 ngày 12 và 13/8/1983, tại Hội trường Cửu Long, Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh lần thứ III được tổ chức trọng thể với sự tham dự của 319 đại biểu đại diện cho 35.592 đoàn viên Công đoàn/ 54.798 cán bộ công nhân viên chức trong tỉnh. Đại hội vinh dự đón tiếp các đồng chí lãnh đạo về dự và chỉ đạo như đồng chí Đỗ Trọng Giang, Ủy viên Ban Thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam; đồng chí Lê Phước Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Hà Phan, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh; đồng chí Nguyễn Kim Hạnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy. Đại hội còn đón tiếp đại biểu lãnh đạo 57 sở, ban, ngành trong tỉnh và lãnh đạo Liên hiệp Công đoàn các tỉnh Kiên Giang, Minh Hải, Cửu Long.

Đại biểu dự đại hội đã dân chủ thảo luận, đóng góp và nhất trí thông qua dự thảo báo cáo đánh giá tình hình hoạt động công đoàn và phong trào công nhân viên chức của tỉnh trong nhiệm kỳ II; đồng thời thông qua phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ III (1983-1988). Đại hội bầu BCH nhiệm kỳ mới gồm có 39 ủy viên. Đồng chí Lê

Hồng Bông tái đắc cử và được tin nhiệm cử giữ chức vụ Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh<sup>98</sup>.

Với tinh thần trách nhiệm cao, đại hội thảo luận và nhất trí với phương hướng nhiệm vụ chung của phong trào công nhân viên chức, lao động trong nhiệm kỳ III là : “Tăng cường giáo dục nâng cao ý thức giai cấp, vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam, phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân viên chức; đẩy mạnh các phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, phong trào lao động sản xuất với hiệu quả kinh tế cao, lợi ích thiết thực, phấn đấu hoàn thành vượt mức, toàn diện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước; tích cực tham gia giám sát chặt chẽ công việc của chính quyền, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực, nhất là về mặt quản lý kinh tế, chăm lo đời sống, góp phần thực hiện tốt các chính sách đối với công nhân viên chức. Qua đó, củng cố và hoàn thiện toàn hệ thống bộ máy Công đoàn các cấp, nhất là công đoàn ngành và công đoàn cơ sở, đưa từ 80%-90% công nhân viên chức vào tổ chức công đoàn, nâng cao chất lượng đoàn viên và chất lượng hoạt động của tổ chức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.”<sup>99</sup>

Đại hội nhất trí đề ra 3 yêu cầu cần tập trung thực hiện để hoàn thành tốt nội dung phương hướng nhiệm vụ chung nêu trên.

Một là, ra sức xây dựng người công nhân mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng đội ngũ công nhân viên chức vững mạnh về mọi mặt. Tăng cường giáo dục xã hội chủ nghĩa, giáo dục giai cấp, giáo dục về ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, về ba cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt, giáo dục về cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để từ đó củng cố quan điểm lập trường cách mạng của giai cấp công nhân cho 100% công nhân viên chức, lao động, trên cơ sở thông suốt các chủ trương chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước. Cùng với chính quyền Nhà nước, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ động viên, tổ chức thu hút đông đảo công nhân viên chức, nhất là công nhân trẻ hăng hái tham gia học tập văn hóa, khoa học kỹ thuật, kinh tế, phát huy hơn nữa phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong công nhân viên chức, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới.

Hai là, hướng mọi hoạt động vào việc phát động cho được phong trào cách mạng của công nhân viên chức trên các mặt thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện các mục tiêu kinh tế kỹ thuật; lấy phong trào thi đua phục vụ nhiệm vụ cải tạo và phát triển sản xuất nông nghiệp làm trung tâm, coi phong trào sáng kiến- cải tiến- hợp lý hóa sản xuất làm mũi nhọn; lấy phong trào thi đua vượt mức kế hoạch Nhà nước hàng năm làm mục tiêu hàng đầu. Tích cực đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong nội bộ công nhân viên chức, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh, góp phần quản lý thị trường, kiên quyết đấu tranh góp phần làm thất bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ địch, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ xí nghiệp, nhà máy, cơ quan, đơn vị v. v. . .

Ba là, nâng cao hơn nữa trách nhiệm của công đoàn, làm tốt công tác chăm lo bồi dưỡng sức lao động, ổn định và từng bước cải thiện đời sống công nhân viên chức. Trước mắt, các Công đoàn phải tích cực tham gia với các cấp chính quyền sơ kết tình hình thực hiện Quyết định 25-26/CP của Chính phủ và Quyết định 146/HĐBT của Hội

<sup>98</sup> Hai phó Thư ký là đồng chí Nguyễn Tấn Quyền và Trần Văn Dữ. Các đồng chí ủy viên Thường vụ gồm có : Khẩu Thị Thanh, Đoàn Thanh Hoàng, Phạm Thị Kim Hoa, Nguyễn Hải Thọ, Lê Công Đoàn, Ngô Chí Lăng, Nguyễn Thanh Hiền.

<sup>99</sup> Báo cáo về tình hình nhiệm vụ nhiệm kỳ III của BCH LHCD tại đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Hậu Giang lần thứ III, trang 14.

đồng Bộ trưởng, đẩy mạnh việc trả lương theo sản phẩm, lương khoán trên cơ sở xác định đúng đơn giá lương, định mức lao động, tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm; phấn đấu đảm bảo cung cấp 9 mặt hàng thiết yếu cho công nhân viên chức bằng hiện vật; quan tâm giải quyết tốt chính sách về bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội.

Sau khi Đại hội kết thúc, trên cơ sở bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, Công đoàn các cấp trong tỉnh kịp thời triển khai cho cán bộ công nhân viên chức, lao động các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là nghị quyết Đại hội III của Công đoàn tỉnh.

Tuy nhiên, trong khoảng thời gian thực hiện nghị quyết, tình hình kinh tế xã hội của cả nước có nhiều biến động. Nhất là sau khi có nghị quyết Giương tiền của Trung ương, giá cả ngày càng tăng, sản xuất chậm phát triển, đời sống nhân dân ngày càng khó khăn hơn. Trước tình hình trên, đại bộ phận công nhân viên chức vẫn phát huy bản chất tốt đẹp của giai cấp công nhân, kiên trì chịu đựng khó khăn, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, các cấp công đoàn đẩy mạnh công tác tuyên truyền học tập nghị quyết của Đảng, tạo được sự nhất trí trong cán bộ công nhân viên chức đối với quan điểm đổi mới của Đảng; tổ chức học tập 6 bài chính trị do Tổng Công đoàn biên soạn gắn với nhiệm vụ chuyên môn từng ngành. Từ đó, giúp cho công nhân viên chức tăng cường nhận thức củng cố niềm tin, phấn đấu khắc phục khó khăn, tham gia tổ chức phong trào thi đua do Công đoàn phát động<sup>100</sup>, giữ vững địa bàn hoạt động, thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Trong đợt hưởng ứng “Những việc cần làm ngay”, công nhân viên chức nhiều đơn vị nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát hiện và đấu tranh nói thật các vụ việc tiêu cực của mình hoặc mới phát sinh.

Từ việc phát động tốt công tác thi đua, phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật được công nhân viên chức hưởng ứng tích cực, góp phần giải quyết khó khăn về nguyên liệu, phụ tùng trong sản xuất, cải tiến quản lý, cải tiến lề lối làm việc. Trong 5 năm từ 1981 đến 1985, có trên 1.850 sáng kiến của công nhân viên chức lao động, làm lợi cho Nhà nước trên 200 triệu đồng. Riêng năm 1985, có trên 500 sáng kiến, làm lợi cho Nhà nước trên 10 triệu đồng, tiết kiệm vật tư trị giá trên 600.000 đồng. Nhiều sáng kiến có hiệu quả của kinh tế cao được nhận bằng khen, huy hiệu Lao động sáng tạo và được trình khen thưởng<sup>101</sup>.

Phong trào đăng ký tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, chiến sĩ thi đua đã đạt được nhiều kết quả thiết thực. Nếu nhiệm kỳ II (1981-1983) có 118 tổ được công nhận trên tổng số 382 tổ đăng ký, thì sang nhiệm kỳ III (1983-1988) số lượng đăng ký tăng gấp gần 2 lần và có 564 tổ được công nhận tổ lao động xã hội chủ nghĩa, 485 chiến sĩ thi đua. Đặc biệt, trong năm 1984, Liên hiệp Công đoàn tỉnh vinh dự được Hội đồng Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng III về thành tích của phong trào công nhân viên chức và hoạt động Công đoàn Hậu Giang trước giải phóng 30/4/1975.

Trong nhiệm kỳ, các cấp Công đoàn còn quan tâm đến công tác chăm lo đời sống, bảo vệ lợi ích công nhân viên chức, lao động. Là thành viên của các Tiểu ban quản lý thị trường, giá cả và Tiểu ban Cải tạo Công thương nghiệp, nên trong thời điểm thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 ( khóa V), Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã chỉ đạo công đoàn các cấp trong tỉnh tham gia tích cực với các ngành như Lương thực, Ngân hàng, Tài

<sup>100</sup> Phong trào thi đua được phát động theo tinh thần nghị quyết III của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

<sup>101</sup> Như đề tài Lai tạo giống lúa mới của giáo sư Võ Tô ng Xuân, trường Đại học Cần Thơ; đề tài “Xây dựng giao thông nông thôn” do đồng chí Lê Ngọc Thạch, Tổng Giám đốc Liên hiệp Xi nghiệp Giao thông khu vực 7 đảm nhiệm v. v. .

chính... kịp thời giải quyết hàng hóa nhu yếu phẩm, lương thực, thực phẩm bán cho công nhân viên chức. Trước tình hình vật giá ngày càng tăng, công đoàn các cấp cố gắng khắc phục bằng cách tăng thêm tiền ăn và chất đốt cho công nhân viên chức, với mức khối hành chính sự nghiệp là 500 đồng/tháng, các đơn vị kinh doanh 1.500đ/tháng. Nhờ vậy, các bếp ăn tập thể vẫn duy trì hoạt động, bảo đảm sức khỏe cho công nhân viên chức.

Về trả lương cho công nhân viên chức, Liên hiệp Công đoàn tỉnh còn chỉ đạo cho các cấp công đoàn có ý kiến với lãnh đạo cơ quan, đơn vị mở rộng hình thức trả lương khoán, chi tiền thưởng, sử dụng phúc lợi, nhằm tăng thêm thu nhập cho công nhân viên chức, lao động. Ngoài ra, công đoàn còn thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, tổ chức cho 6.442 lượt người đi nghỉ dưỡng sức, nghỉ hè, chi trên 25 triệu đồng cho công nhân viên chức khi ốm đau, thai sản, tai nạn lao động.

Đến khi có nghị quyết 5/NQ-TCĐ của Tổng Công đoàn về xác định nhiệm vụ của Công đoàn và vai trò của công nhân viên chức trong tham gia phục vụ sản xuất phát triển nông nghiệp, Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã ký nghị quyết liên tịch với Sở Nông nghiệp và ký giao ước thi đua với 13 ngành chức năng cấp tỉnh để chỉ đạo phong trào liên kết, kết nghĩa và đầu tư giữa các đơn vị công nghiệp với hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Nhiều ngành và địa phương tham gia tốt phong trào, nổi bật như trường Đại học Cần Thơ nghiên cứu đề tài “ Con tôm ôm cây lúa, bóng dừa” thực hiện cho vùng Long Phú ngành lương thực đầu tư cho các hợp tác xã trong tỉnh, trong đó có hợp tác xã 19/5 của huyện Kế Sách... Các hoạt động liên kết đã tạo điều kiện thúc đẩy thâm canh tăng vụ tăng năng suất và sản lượng hàng năm; đồng thời củng cố mối quan hệ liên minh công nông gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

Theo nội dung nghị quyết liên tịch 07/LN-TCĐ-BNV giữa Bộ Nội vụ và Tổng Công đoàn về bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, Liên hiệp Công đoàn tỉnh đã ký giao ước thi đua với Sở Công an. Các cấp Công đoàn trong tỉnh cũng thực hiện tốt sự liên tịch với cơ quan Công an cùng cấp. Ngày 14/5/1986, hai ngành tiến hành hợp sơ kết 1 năm thực hiện nghị quyết 07-LN-TCĐ-BNV, có 80% công nhân viên chức và 98% cán bộ, chiến sĩ Công an được học tập nghị quyết. Từ đó, quyền làm chủ tập thể của cán bộ công nhân viên chức được phát huy. Các phong trào đấu tranh chống tiêu cực, bảo vệ sản xuất, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an toàn xí nghiệp được hưởng ứng và tổ chức thành phong trào ở nhiều đơn vị, xây dựng được nhiều điển hình tiêu biểu. Đặc biệt nhiều nơi tích cực củng cố lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách như thanh tra nhân dân, tổ an ninh nhân dân, công nhân bảo vệ cơ quan, xí nghiệp. Trong năm 1986, phát triển được 60 tổ an ninh công nhân với 1.332 lực lượng. Toàn tỉnh có 1.331 lực lượng bảo vệ cơ quan, xí nghiệp; 25 đội, 2.156 người phòng cháy chữa cháy. Nhờ vậy, việc đấu tranh phòng chống ngăn ngừa tội phạm có hiệu quả khá tốt.

Về công tác tổ chức, trong nhiệm kỳ, Liên hiệp Công đoàn tỉnh tập trung củng cố xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh. Đến năm 1984, toàn tỉnh có 14 công đoàn huyện, thị, thành phố và 92 công đoàn cơ sở trực thuộc Liên hiệp Công đoàn tỉnh. Tổng số Ban chấp hành công đoàn các cấp có 3.110 người, trong này BCH cấp trên cơ sở là 930 người. Số cán bộ công đoàn được đào tạo bồi dưỡng hàng năm đều tăng. Bình quân có từ 1.000 đến gần 2.000 lượt cán bộ công đoàn các cấp được đào tạo, tập huấn hàng năm. Riêng trong năm 1986, đã đưa 12 cán bộ đi tập huấn nước ngoài. Số Tổ công đoàn và các ban quản chúng đều tăng so với đầu nhiệm kỳ. Đặc biệt, trong năm 1985, công đoàn cơ sở trực thuộc công đoàn cấp huyện, thị, công đoàn ngành đã tổ chức tốt đại hội cấp mình và cử đại biểu dự đại hội cấp trên. Sau đại hội, hoạt động của BCH công đoàn các cấp

có phát triển hơn so với trước. Năm 1986, Liên hiệp Công đoàn tỉnh tổ chức tổng kết 2 năm xây dựng công đoàn các cấp vững mạnh, rút ra nhiều kinh nghiệm cho công tác xây dựng công đoàn cơ sở trong thời gian tới.

Hoạt động của Ban Thanh tra và đội Kiểm tra công nhân cá cấp thu được nhiều kết quả tốt trong nhiệm kỳ III. Từ năm 1983 đến 1987, tỉnh thành lập 94 đội với 511 đội viên, tiến hành kiểm tra 191 vụ, giải quyết nhiều đơn khiếu tố, khiếu nại của công nhân viên chức, thu về cho Nhà nước 6.206.971 đồng. Trong năm 1984, chỉ tính riêng đội Kiểm tra Công nhân của thị xã Sóc Trăng kiểm tra 14 vụ ở các hợp tác xã nông nghiệp, tín dụng, trạm thú ý, trạm bơm điện . . . , thu hồi cho Nhà nước 332.000 đồng và 1.300 lít dầu.

Công tác nữ công được BCH Liên hiệp Công đoàn tỉnh và Ban Nữ công của công đoàn các cấp quan tâm chỉ đạo, tổ chức phát động nhiều phong trào trong công nhân viên chức, lao động. Tháng 6 năm 1984, Liên hiệp công đoàn tỉnh tổ chức tổng kết 4 năm thực hiện cuộc vận động “ Sinh đẻ có kế hoạch” (1980-1984), đánh giá những kết quả đạt được đã góp phần tích cực trong bảo vệ sức khỏe cho nữ công nhân viên chức, tạo điều kiện cho họ học tập, công tác, nâng cao trình độ, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ. Có khá nhiều đơn vị thực hiện tốt phong trào này, trong đó Công đoàn thị xã Sóc Trăng và nhiều đơn vị khác.

Liên hiệp Công đoàn tỉnh còn chỉ đạo đẩy mạnh phong trào: “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, tổ chức cho chị em tham gia học tập các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, các văn bản luật có liên quan đến quyền lợi của nữ công nhân viên chức. Chị em còn tham gia ký tên vào văn bản chống chiến tranh hạt nhân trong tổng số 45.200 chữ ký. Riêng 50 đơn vị tổ chức mítting để sau hơn 20.000 nữ công nhân viên chức tham gia. Chị em còn tham gia tốt các phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành các thí nghiệm khoa học tại viện nghiên cứu, thực hành tiết kiệm trong sản xuất. . . Kết quả, có nhiều chị em được bình bầu đạt danh hiệu “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Riêng năm 1986 có 10.000 nữ công nhân viên chức trong tỉnh đạt danh hiệu này.

Nữ công nhân viên chức còn tích cực tham gia phong trào xây dựng Gia đình văn hóa mới. Trong hai năm 1985-1986 có 7.500 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa mới. Chị em còn tham gia thực hiện chính sách hậu phương quân đội như viếng thăm gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình bộ đội trong những ngày lễ, Tết; chăm sóc, sửa sang nghĩa trang liệt sĩ. Riêng năm 1986, chị em gửi 74 chiếc áo trị giá 37.705 đồng cho bộ đội; có 45 đơn vị nhận đỡ đầu 45 con liệt sĩ v.v...

Nhìn chung, được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Tổng Công đoàn Việt Nam, trong 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ III, có sự đóng góp tích cực và hiệu quả của đội ngũ cán bộ công nhân viên chức, lao động tỉnh nhà. Bộ máy công đoàn các cấp được củng cố, xây dựng ngày càng vững mạnh hơn, lãnh đạo cán bộ, toàn viên, công nhân viên chức, lao động vượt qua khó khăn về đời sống, điều kiện công tác, lao động để giữ vững vị trí công tác của mình, góp phần đưa năng suất nông nghiệp, tổng sản lượng công nghiệp trong tỉnh ngày càng tăng...

Tuy còn một số hạn chế nhất định, nhất là về vấn đề đoàn kết trong nội bộ BCH Liên hiệp Công đoàn tỉnh, chất lượng hoạt động của từng Ban chuyên môn, chỉ tiêu thành lập Hội Lao động hợp tác, vấn đề đào tạo bồi dưỡng cán bộ công đoàn, nhưng thành tích trong nhiệm kỳ III là đáng trân trọng, nhất là trong giai đoạn đất nước đang từng bước vượt qua thử thách, chỉ mới bắt đầu hành trình đổi mới đầy gay go, phức tạp./.

#### **Bài học kinh nghiệm:**

Phải xây dựng bộ máy công đoàn các cấp ngày càng vững mạnh hơn, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức công đoàn, tạo điều kiện cho công tác

hoạt động và phát huy tốt vai trò vị trí của mình., có mô hình đa dạng tập hợp cán bộ công chức, viên chức và người lao động, phát động tốt phong trào thi đua tăng năng suất, sản lượng và hiệu quả sản xuất.

Tăng cường đoàn kết trong nội bộ, nâng cao chất lượng hoạt động của từng Ban chuyên môn là yêu cầu cần thiết trong quá trình hoạt động của tổ chức công đoàn.

**Thư viện Sốc Trắng**

**Chuyên đề 6**  
**PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN KHU**  
**VỰC SÓC TRĂNG TỪ NĂM ĐẦU CỦA THỜI KỲ ĐỔI MỚI**  
**ĐẾN KHI TÁI LẬP TỈNH (1986-1992)**

-----

**I. Đại hội Công đoàn tỉnh Hậu Giang lần thứ IV (1988-1992).**

Trong các năm 1986-1997, phong trào công đoàn và hoạt động của công nhân viên chức được giữ vững và từng bước phát triển..

Cuối năm 1987, được sự chỉ đạo của Tổng Công đoàn Việt Nam về việc tổ chức Đại hội công nhân viên chức và tổ chức hoạt động của Hội đồng xí nghiệp trong các cơ sở kinh tế quốc doanh cũng như để triển khai thực hiện Quyết định 217/HĐBT và Nghị định số 50-HĐBT<sup>102</sup>, Ban Thường vụ Công đoàn tỉnh tập trung chỉ đạo các xí nghiệp quốc doanh mở Đại hội Công nhân viên chức và bầu Hội đồng Xí nghiệp; đồng thời tăng cường chỉ đạo Đại hội công đoàn các cấp trong tỉnh theo phương châm công khai dân chủ trong quá trình chuẩn bị nhân sự cũng như soạn thảo văn kiện đại hội.

Từ cuối năm 1987 đến giữa năm 1988, toàn tỉnh phát động phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Công đoàn tỉnh Hậu Giang lần thứ IV. Các công đoàn cơ sở, công đoàn huyện, thị và tương đương tích cực chuẩn bị, tiến hành tổ chức tốt đại hội cấp mình và cử đoàn đại biểu dự đại hội cấp trên.

Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ IV chính thức khai mạc vào ngày 29/9/1988 tại Hội trường Cửu Long, có 326 đại biểu chính thức, đại diện cho trên 65.000 công nhân viên chức, lao động trong tỉnh. Đại hội vinh dự đón tiếp các đồng chí lãnh đạo về dự và chỉ đạo: đồng chí Đào Thị Biểu, ủy viên Ban Thư ký Tổng Công đoàn Việt Nam; đồng chí Phạm Trọng Yên, Q. Bí thư Tỉnh ủy; đồng chí Trần Nam Phú, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh và các đồng chí trong BTV, BCH Tỉnh ủy, UBND tỉnh, lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh.

Trên cơ sở tổng kết, rút ra những kinh nghiệm trong quá trình chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ III, Đại hội nhất trí thông qua nhiệm vụ cần tập trung của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn nhiệm kỳ IV (1988-1992) là: “Giáo dục nâng cao ý thức giai cấp, đồng viên giai cấp công nhân và lực lượng lao động phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao ý chí làm chủ tập thể, đi đầu trong công cuộc đổi mới, nhất là đổi mới trong hoạt động kinh tế để thực hiện thắng lợi 5 chương trình mục tiêu của tỉnh nhà, nhằm ổn định tình hình kinh tế-xã hội, chăm lo đời sống, bảo vệ lợi ích chính đáng của công nhân viên chức, lao động, góp phần thực hiện thắng lợi cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, nâng cao hiệu lực bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh về tư tưởng, giỏi về nghiệp vụ, tay nghề. Xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, có đủ năng lực tập hợp quần chúng, tham gia quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, mở rộng và nâng chất hoạt động Hội và Công đoàn các đơn vị ngoài quốc doanh nhằm phục vụ cho yêu cầu phát triển sản xuất và các dịch vụ tinh nhà. Đồng thời nâng cao cảnh giác cách mạng, chống mọi âm mưu phá hoại của kẻ địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, xây dựng cơ quan, xí nghiệp an toàn<sup>103</sup>.”

<sup>102</sup> Chỉ đạo của Tổng Công đoàn theo Thông tri số 37/TT-TCD và số 38/TT-TCD ngày 10/12/1987; Quyết định 217/HĐBT ngày 14/11/1987 về các chính sách đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với các xí nghiệp quốc doanh; Nghị định số 50-HĐBT ngày 22/3/1988 ban hành Điều lệ Xí nghiệp quốc doanh thay Điều lệ cũ (theo nghị định 93/CP ngày 9/4/1977 của Hội đồng Chính phủ).

<sup>103</sup> Văn kiện Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Hậu Giang lần thứ IV, trang 13.

Đại hội bầu Ban chấp hành nhiệm kỳ IV gồm có 41 đồng chí. BCH tín nhiệm bầu đồng chí Lê Công Đoàn giữ chức danh Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Hữu Lợi giữ chức danh phó Chủ tịch và 7 đồng chí ủy viên Thường vụ phụ trách các Ban chuyên môn của Công đoàn tỉnh<sup>104</sup>.

## **II. Tiếp tục phát triển tổ chức công đoàn và đẩy mạnh phong trào thi đua trong đội ngũ cán bộ, đoàn viên, CNVC lao động trong tỉnh, thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ IV.**

Một trong những yếu tố để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh Hậu Giang nhiệm kỳ IV là công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho công nhân viên chức, lao động. Ban chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh<sup>105</sup> có nhiều cố gắng đổi mới công tác giáo dục, thông qua các hình thức như triển khai văn bản, tọa đàm, báo cáo thời sự, thi tìm hiểu lịch sử Đảng, lịch sử Công đoàn, tổ chức tham quan di tích lịch sử, sinh hoạt câu lạc bộ, v.v... Công đoàn còn dành thêm kinh phí để đưa báo Đảng, báo Lao động đến cơ sở.

Ngoài ra, Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp với Đài phát thanh, Báo Hậu Giang mở chuyên mục thường xuyên thông tin về phong trào công nhân, hoạt động Công đoàn và các chế độ, chính sách liên quan đến người lao động. Bên lĩnh vực văn hóa, thể thao, nhân các ngày lễ lớn, nhiều nơi đã kết hợp với ngành Văn hóa Thông tin - Thể dục Thể thao tổ chức hội diễn văn nghệ, thi đấu giao hữu, hội thao ngành nghề, v.v... thu hút ngày càng đông đảo công nhân viên chức tham gia.

Đặc biệt, trong năm 1990 “Năm văn hóa - xã hội” của tỉnh và kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Công đoàn tỉnh tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ - thể dục, thể thao rầm rộ trong công nhân viên chức, lao động. Công đoàn các cấp đều làm tốt phong trào này, tiêu biểu ở khu vực Sóc Trăng có thị xã Sóc Trăng cùng Công đoàn các đơn vị như Sở Tài Chính, Nông nghiệp, Xây dựng v.v... Ngoài ra, Liên đoàn Lao động tỉnh còn tổ chức Tuần lễ văn hóa với chủ đề “Đi theo con đường Bác Hồ đã chọn” bằng các hình thức phong phú như: triển lãm ảnh nghệ thuật, tổ chức câu lạc bộ điện ảnh, câu lạc bộ văn hóa... thu hút trên 500 lượt người tham dự. Bên cạnh đó, Công đoàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, báo cáo thời sự về “Bác Hồ vị lãnh tụ vĩ đại, người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn”, “Thế giới với Bác Hồ” cho 120 báo cáo viên các cấp Công đoàn. Sau đó, Công đoàn thị xã Sóc Trăng, huyện Mỹ Xuyên cùng với các Công đoàn khu vực Cần Thơ và các ngành Thủy sản, Nông nghiệp, Y tế, Xây dựng... đã tổ chức tuyên truyền cho trên 10.000 lượt công nhân viên chức, lao động. Riêng ngành Giáo dục và Sở Tài chính đã tổ chức hội thảo trong đội ngũ giáo viên, đoàn viên Công đoàn và đoàn viên thanh niên. Song song đó, Công đoàn tỉnh tổ chức cuộc thi Tìm hiểu về Bác Hồ để tuyển chọn bài tham dự cuộc thi toàn quốc. Hầu hết các đơn vị, các ngành đều tổ chức sinh hoạt và vận động công nhân viên chức tham gia cuộc thi “Tìm hiểu về Bác Hồ”. Cũng trong đợt sinh hoạt chính trị này, Công đoàn tỉnh đã phát hành hai quyển sách “Chúng ta có Bác Hồ” và “Bác Hồ

<sup>104</sup> Gồm các đồng chí Nguyễn Thị Phú (Năm Phú), Trưởng ban Tổ chức; đồng chí Nguyễn Thị Đức (Ba Đức), Trưởng ban Kiểm tra; đồng chí Nguyễn Hải Thọ, Trưởng ban Bảo hiểm xã hội; đồng chí Trần Việt Hùng, Trưởng ban Tuyên giáo; đồng chí Trần Hồng Việt, Trưởng ban Thi đua, đồng chí Nguyễn Thị Hoa, Chủ tịch LBLĐ TP. Cần Thơ; đồng chí Nguyễn Thượng Chí, Chủ tịch Công đoàn ngành Nông nghiệp.

<sup>105</sup> Đại hội lần thứ VI CĐVN họp từ ngày 17-20/10/1988 đã quyết định đổi tên Công đoàn Việt Nam thành Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Công đoàn tỉnh, huyện đổi thành Liên đoàn lao động. Các chức danh thư ký Công đoàn gọi là Chủ tịch Công đoàn.



với giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn”; hai bộ ảnh “Bác Hồ với giai cấp công nhân”; 22 bộ tranh cổ động, 20 cuộn băng ghi âm về “Bác Hồ với giai cấp công nhân và công đoàn”.

Tính chung, trong năm 1990, Công đoàn các cấp tổ chức được 50 cuộc tuyên truyền về Bác Hồ vị lãnh tụ vĩ đại, người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn, có trên 20.000 lượt người dự.

Cũng trong năm 1990, Liên đoàn Lao động tỉnh cơ bản triển khai trong hệ thống Công đoàn quán triệt Nghị quyết 8a và Nghị quyết 8b của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI và Chương trình hành động của Tỉnh ủy Hậu Giang. Với các hình thức phong phú như: Liên đoàn Lao động huyện tổ chức triển khai tập trung; Công đoàn cơ sở trực thuộc ngành triển khai theo ngành; Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh tự lực triển khai<sup>106</sup>. Qua học tập, quán triệt Nghị quyết 8a, đã khẳng định vai trò lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, ổn định tình hình chính trị, không đa nguyên, đa đảng. Nghị quyết 8b giúp cho công nhân viên chức, lao động thấy được tầm quan trọng của công tác dân vận trong tình hình hiện nay, tạo niềm tin về sự gắn bó giữa Đảng và nhân dân. Đội ngũ cán bộ Công đoàn xác định được vị trí và trách nhiệm của mình đối với phong trào công nhân viên chức, lao động, giảm bớt khó khăn lo lắng trước tình hình biến động của phe xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Sau khi triển khai Nghị quyết 8a và Nghị quyết 8b, các cấp Công đoàn và đoàn viên, công nhân viên chức đồng tình hưởng ứng và tham gia kế hoạch phòng thủ cơ bản của tỉnh. Nhiều đơn vị, cơ quan, xí nghiệp phối hợp với chính quyền củng cố, xây dựng các đội tự vệ cơ quan, thực hiện canh gác, trực cơ quan nhằm bảo vệ an toàn cơ quan, xí nghiệp, xây dựng bổ sung nội quy và xây dựng phương án phòng thủ cơ quan.

Hưởng ứng “Năm văn hóa – xã hội” và “Năm cần kiệm xây dựng quê hương - tập trung cho cơ sở” của tỉnh, Công đoàn các cấp tích cực tuyên truyền phát động phong trào công nhân viên chức, lao động đóng góp số vàng, quỹ phúc lợi xây nhà tình nghĩa, trạm xá, lớp học, cầu đường... Trong năm 1990, có 43 đơn vị đóng góp 754.330.400 đồng, xây 141 nhà tình nghĩa. Ngoài ra, có một số đơn vị đóng góp tự xây dựng nhà tình nghĩa là Công ty sản xuất ngành Xây dựng, ngành Giao thông Vận tải, Xí nghiệp Liên hiệp Dược, ngành Thương nghiệp, Nông nghiệp, Liên đoàn Lao động một số huyện, thành phố. Một số đơn vị còn nhận đỡ đầu nuôi dưỡng cha mẹ, con em liệt sĩ, thương binh có hoàn cảnh khó khăn.

Thông qua công tác giáo dục và hoạt động văn hóa thể thao, Công đoàn đã góp phần nâng cao giác ngộ cách mạng, nhận thức chính trị cho công nhân viên chức, lao động. Trong nhiệm kỳ 1988 – 1992, công nhân viên chức, lao động được quán triệt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Đặc biệt, trong năm 1990, Công đoàn đã phát hành 1.700 quyển Luật Công đoàn, 200 đề cương hướng dẫn và tổ chức họp báo giới thiệu Luật Công đoàn với các cơ quan chức năng: phát thanh, báo chí, pháp luật để phối hợp tuyên truyền triển khai Luật Công đoàn rộng rãi trong công nhân viên chức, lao động. Ngoài ra, các chế độ, chính sách liên quan đến nghĩa vụ, quyền lợi của người lao động đều được triển khai đến công nhân viên chức, lao động để nắm được tình hình, nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị, ra sức thi đua lao động sản xuất, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

<sup>106</sup> Cơ sở nào có đông đoàn viên công đoàn, Liên đoàn Lao động tỉnh hỗ trợ triển khai.

Song song với công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền vận động công nhân viên chức thực hiện đường lối, chính sách đổi mới kinh tế của Đảng, Nhà nước, đầu mỗi năm, Công đoàn các cấp vận động công nhân viên chức cùng với cơ quan, đơn vị, tổ chức Đại hội công nhân viên chức bàn nội dung, biện pháp thi đua, giải quyết việc làm, tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, nâng cao đời sống cho công nhân viên chức. Hàng năm, có trên 60% đơn vị sản xuất kinh doanh và 40% đơn vị hành chính sự nghiệp mở Đại hội hoặc Hội nghị công nhân viên chức. Trong các cuộc Đại hội hoặc Hội nghị, công nhân viên chức ở các cơ quan, xí nghiệp tiến hành bầu Hội đồng xí nghiệp, hướng dẫn thảo luận phương án sản xuất, tháo gỡ những khó khăn về tiền vốn, về phương thức sản xuất kinh doanh, liên doanh, bảo đảm đúng hướng, tham gia định ra các chính sách xã hội, lao động tiền lương, điều chỉnh kịp thời trong các điều kiện kinh tế còn khó khăn, chưa ổn định. Đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp, BCH công đoàn phối hợp với lãnh đạo cơ quan tổ chức Hội nghị công nhân viên chức kiểm điểm việc thực hiện hợp đồng liên tịch 6 tháng đầu năm và bổ sung những vấn đề cần thiết cho 6 tháng cuối năm.

Một trong những nội dung chính của việc tổ chức Đại hội hoặc Hội nghị Công nhân viên chức là phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn, tu ý theo ngành nghề của từng cơ quan đơn vị. như phong trào “Thi đua sản xuất kinh doanh giỏi” trong các doanh nghiệp, công ty; phong trào “Thi đua Hai tô t” trong ngành Giáo dục”; phong trào “Thi đua nâng cao chất lượng công trình” trong ngành Xây dựng v.v. . Đặc biệt là các cuộc thi “ Lao động sáng tạo”, “Luyện tay nghề”, “Thi thợ giỏi”, phong trào “phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật” đều được Công đoàn các đơn vị tổ chức động viên công nhân viên chức tham gia sôi nổi.

Năm 1990, Công đoàn tỉnh kết hợp với Ban Khoa học kỹ thuật tuyên truyền, vận động trong công nhân viên chức hưởng ứng hội thi : Sáng tạo kỹ thuật” theo 2 đề tài tiết kiệm năng lượng và lương thực do Trung ương tổ chức.

Từ các phong trào này, nhiều đơn vị phát động thi đua mang lại hiệu quả tích cực. Ngay trong năm 1990, ngành Y tế tổng kết phong trào thi đua phát huy sáng kiến 5 năm. Dẫn đầu phong trào thi đua là Công đoàn Xí nghiệp Liên hiệp Dược có 10 sáng kiến có giá trị về quy trình bảo hộ lao động. .

Phong trào giúp nông dân làm nông nghiệp bắt đầu được khơi dậy từ năm 1991 ở nhiều đơn vị như các cơ sở khoa học kỹ thuật, các tổ chức tín dụng, các nông trường . . . giúp nông dân về kế hoạch làm thủy lợi, về vốn sản xuất, trao đổi giống, bao tiêu sản phẩm năm rơm, đóng cây nước, xây dựng trường học, trạm xá vùng nông thôn sâu, vùng đồng bào dân tộc Khmer.

Kết quả của phong trào thi đua giúp cho sản xuất kinh doanh không ngừng phát triển, năng suất chất lượng, hiệu quả của công việc được nâng lên, khơi dậy ý thức lao động sáng tạo, có trách nhiệm trong đời sống công nhân viên chức, lao động. Nhiều sản phẩm làm ra có giá trị, phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Tại Hội chợ Triển lãm toàn quốc, một số sản phẩm dự thi của tỉnh được tặng huy chương như nấm rơm đóng hộp, giống cây trồng v.v. . .

Trong năm 1991, có 5 đơn vị tập thể, 11 tập thể và cá nhân nộp hồ sơ xin được cấp bằng Lao động sáng tạo; có 10 sáng kiến được công nhận làm lợi cho Nhà nước trên 50 triệu đồng.

Thống kê hàng năm bình quân có trên 800 công nhân viên chức đạt danh hiệu lao động giỏi. Tổng kết trong nhiệm kỳ IV, toàn tỉnh có 461 tổ Lao động tiên tiến và Lao động xã hội chủ nghĩa, 367 chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. Các cấp công đoàn trong

tỉnh, nhiều tập thể và cá nhân còn vinh dự nhận 38 Huân chương Lao động hạng III, 12 Huân chương Lao động hạng II, 4 Huân chương Lao động hạng I; nhiều bằng khen, cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và LĐLĐ tỉnh.

Ngoài việc chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu nghị quyết Đại hội lần thứ IV, Công đoàn các cấp trong tỉnh còn thực hiện nhiệm vụ tinh giản biên chế, sắp xếp lại lao động theo tinh thần Quyết định số 176-QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Trong quá trình sắp xếp này, có hơn 10.000 công nhân viên chức, lao động phải nghỉ việc, phần nhiều là những người chưa có việc làm ổn định. Với trách nhiệm của mình, BCH Công đoàn các cấp tham gia xét duyệt và kiểm tra việc chi trả trợ cấp theo quy định đối với số lao động trong diện tinh giản. BCH một số công đoàn còn đề nghị với chính quyền, lãnh đạo đơn vị, trích quỹ phúc lợi trợ cấp thêm cho số phải thực hiện chính sách, tham gia tìm việc làm mới cho anh chị em ở các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác hay nhận công việc lao động sản xuất phụ. Nhờ vậy, số lao động ở các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh không ngừng tăng lên. Từ 34.054 lao động trong năm 1990 tăng lên 42.000 người trong năm 1991, đóng góp khá tốt cho giá trị sản xuất trong một số lĩnh vực; riêng về tổng giá trị sản lượng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 70 % tổng giá trị sản lượng của tỉnh. Sau khi triển khai Luật Đầu tư và Nghị quyết 16-NQ/BCT ngày 15/7/1988, về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, nhiều thành phần kinh tế trong tỉnh tham gia sản xuất kinh doanh, mở rộng và mở mới nhiều ngành nghề, thúc đẩy nền kinh tế địa phương phát triển. Từ đó, BCH CĐ ở các khu vực sản xuất kinh doanh tham gia quá trình sắp xếp lại lao động, sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ chế quản lý mới trong nền kinh tế thị trường; nhất là đề nghị với chủ doanh nghiệp tạo cơ hội cho công nhân lao động tiếp xúc với máy móc thiết bị mới, tiếp nhận công nghệ mới, nghiên cứu sản xuất nhiều sản phẩm mới có mẫu mã mới và chất lượng tốt như bao bì nhựa, tấm lợp, gạch bông, nước giải khát, quần áo may sẵn, nấm rơm v.v...

Năm 1991, chào mừng Đại hội Đảng bộ (vòng 1) của tỉnh, nhiều đơn vị đăng ký các công trình sản xuất lao động như Xí nghiệp Chế biến lương thực thực phẩm, Cty Dịch vụ Thương nghiệp v.v... Tổng cộng có 15 công trình lớn, nhỏ, trị giá trên 50 triệu đồng. Nhà máy Bao bì lợp đặt máy mới, đưa vào sản xuất vượt thời gian 20 ngày; xí nghiệp Chế biến gỗ hoàn thành kế hoạch sản xuất 6 tháng đầu năm chỉ trong vòng 4 tháng.

Trong quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội công đoàn tỉnh, giá cả biến động tăng cao ở các mặt hàng thiết yếu như lương thực, thực phẩm làm cho đời sống của công nhân lao động gặp nhiều khó khăn, không đảm bảo được cuộc sống gia đình. Vì vậy, với chức năng của mình, các cấp công đoàn cùng chính quyền có giải pháp tăng thêm thu nhập cho anh chị em như lập quỹ công đoàn, quỹ tương trợ xã hội, quỹ trợ vốn gia đình quyết ăn trưa, thưởng thi đua hạng A, B, C, trợ cấp đột xuất, gây quỹ sản xuất; nhất là đề xuất việc trợ cấp thêm cho công nhân viên chức lao động từ 10.000 đến 20.000 đồng/người/tháng. Một số đơn vị, tiêu biểu thực hiện tốt chế độ trợ cấp như Bệnh viện Đa khoa trợ cấp bằng 30% lương, Hộ LHPN tỉnh trợ cấp 20.000đ/tháng; các xí nghiệp Giao thông Vận tải, Thủy Lợi, Xăng dầu, Xây lắp điện trợ cấp 80.000 đồng/tháng v.v. . . .

Công đoàn các cấp còn chú trọng thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, thực hiện trợ cấp ốm đau, thai sản. Nhiều đơn vị có cách quản lý tốt, có điều kiện tổ chức cho công nhân viên chức tham quan du lịch, nghỉ mát như thị xã Sóc Trăng, huyện Mỹ Xuyên, huyện Long Phú, công đoàn ngành Giáo dục, Công đoàn Xí nghiệp Liên hiệp Dược v.v. . . .

Công nhân viên chức còn thể hiện tinh thần tương ái, tham gia tốt các cuộc vận động cứu trợ bão lụt giúp nhân dân trong và ngoài tỉnh bị thiên tai. Năm 1990, Công đoàn tỉnh vận động công nhân viên chức đóng góp ủng hộ tỉnh Lai Châu được 12 triệu đồng. Công đoàn huyện Thanh Trì vận động cứu đói cho 5 xã được 980.000 đồng, Công đoàn thị xã Sóc Trăng vận động cứu trợ cho 998 hộ được 3.200.000 đồng, 14 tấn gạo và 100 gói mì.

Để tăng cường an toàn cho công nhân trong quá trình lao động, công đoàn các cấp tích cực chủ động phối hợp với các ngành triển khai Pháp lệnh Bảo hộ Lao động, phát động phong trào bảo đảm an toàn và vệ sinh lao động, tổ chức nhiều đợt tuyên truyền với nhiều hình thức khác nhau. Kết quả có 155/159 đơn vị sản xuất kinh doanh lập hồ sơ và kiểm tra vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Nhiều xí nghiệp quốc doanh thực hiện tốt việc trang bị kỹ thuật, cấp phát bảo hộ lao động cho công nhân. Ban Chỉ đạo TT 08/LB của tỉnh mở lớp tập huấn công tác bảo hộ lao động cho 60 học viên cán bộ chủ chốt các đơn vị trực thuộc, về triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ này. Kết quả kiểm tra của Ban chỉ đạo có 35/45 đơn vị thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động. Trong năm có 18 đơn vị thực hiện cấp phát 2.131 bộ đồ bảo hộ lao động, cấp phát bộ dụng cụ độc hại 14.258.110 đồng. Nhờ phối hợp đồng bộ giữa công đoàn và chính quyền làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức công nhân trong lao động nên tai nạn lao động, cháy nổ được hạn chế trong điều kiện sản xuất kinh doanh còn nhiều khó khăn.

Ngày 14/3/1989, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ra chỉ thị số 17/CT-TLĐ về xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh với 5 nội dung<sup>107</sup> nhằm đổi mới tổ chức cán bộ, đổi mới phương thức hoạt động của công đoàn, tham gia tháo gỡ khó khăn trong sản xuất, kinh doanh. Thực hiện chỉ thị này, tạo được sự tự chủ của các công đoàn cơ sở trong hoạt động, nhất là thực hiện tốt chức năng, vị trí vai trò của mình trong cơ chế quản lý mới và nền kinh tế thị trường.

Theo tinh thần chỉ thị 17/CT-TLĐ và công văn số 455/CV-TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh, hàng năm, BCH Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức các cuộc hội nghị, tọa đàm để trao đổi, đúc kết kinh nghiệm chỉ đạo, đề ra kế hoạch, trọng điểm thi đua phù hợp với từng loại hình đơn vị. Cuối năm, tỉnh lập các đoàn kiểm tra hoặc tổ chức đoàn kiểm tra chéo, hoặc để công đoàn cơ sở tự đánh giá xếp loại, gửi lên công đoàn cấp trên xem xét, xếp loại thi đua.

Trên cơ sở xác định tầm quan trọng của việc đổi mới nội dung và phương thức tổ chức hoạt động công đoàn và của Hội Lao động, từ đầu năm 1991, công đoàn tỉnh chỉ đạo các công đoàn huyện, thị, thành phố củng cố xây dựng hội Lao động và công đoàn theo quan điểm mới, mở lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức về vấn đề này cho cán bộ công đoàn. Kết quả, đến cuối năm 1991, toàn tỉnh xây dựng được 5 BCH Công đoàn cơ sở trong các xí nghiệp liên doanh; củng cố và xây dựng 6 Ban Cán sự cấp huyện, thị trấn và hợp tác xã, 176 phân hội, 214 tổ hội; phát triển hội viên mới nâng tổng số hội viên lên 7.685 người.

Việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng công đoàn vững mạnh thu được kết quả khả quan. Có 4/6 công đoàn ngành, 37/86 công đoàn cơ sở trực thuộc tỉnh đạt chuẩn vững mạnh và khá. Khu vực Sóc Trăng có 4/7 công đoàn huyện, thị được công nhận vững mạnh.

<sup>107</sup> 5 nội dung xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh là : Tập hợp và vận động công nhân, lao động tham gia các phong trào nhằm tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh; cùng với các cơ quan quản lý giải quyết công ăn việc làm, phát triển kinh tế gia đình, tổ chức dịch vụ tăng thu nhập, cải thiện đời sống người lao động; đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, bảo vệ lợi ích người lao động; xây dựng quy chế phối hợp với chính quyền thực hiện dân chủ công khai, xây dựng quy chế hoạt động của Ban chấp hành, của Tổ công đoàn; thu chi tài chính và quản lý quỹ bảo hiểm xã hội đúng chế độ.

Về công tác tổ chức, đến năm 1991, sau khi chuyển đổi cơ chế cấp huyện và thực hiện Quyết định 176-QĐ-HĐBT, Công đoàn tỉnh quản lý công đoàn TP Cần Thơ, thị xã Sóc Trăng và 12 huyện, 7 công đoàn ngành, 4 Công đoàn cơ sở 4 cấp và 82 công đoàn cơ sở trực thuộc tỉnh<sup>108</sup>. Số đoàn viên công đoàn có 40.937 trên tổng số 49.931 công nhân viên chức.

Thực hiện chủ trương của Tổng Liên đoàn về đa dạng hóa các loại hình nhằm tập hợp đông đảo công nhân lao động trong các loại hình sản xuất, các thành phần kinh tế vào tổ chức công đoàn, trong nhiệm kỳ IV, Công đoàn tỉnh chỉ đạo xây dựng thêm được 7 công đoàn cơ sở ngoài quốc doanh, 1 nghiệp đoàn, 27 hội Lao động ở phường và thị trấn với 53 chi hội. Hoạt động công đoàn khu vực này giúp cho việc tuyên truyền, giáo dục đưa đường lối chính sách pháp luật đến công nhân lao động được thuận lợi hơn, góp phần tạo thêm sự đoàn kết gắn bó, ý thức trong lao động, góp phần trong cuộc sống.

Về công tác Nữ công, với số lao động nữ khá đông (có 25.338/59.720 công nhân viên chức lao động toàn tỉnh và 21.406 đoàn viên nữ/47.620 công đoàn viên Công đoàn trong tỉnh), BCH Công đoàn tỉnh và huyện luôn quan tâm chỉ đạo công tác này. Ban Nữ công tỉnh và các cấp huyện, ngành, và cơ sở vận động chị em tham gia tốt phong trào: “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”<sup>109</sup>, phong trào “Dân số kế hoạch hóa gia đình” v.v . . . Nhiệm vụ công đoàn cơ sở có mô hình hoạt động thiết thực, hiệu quả, thu hút nhiều chị em tham gia. Trong tập tổng kết 5 năm (1985-1989) phong trào nữ công nhân, viên chức thực hiện tình nguyện có kế hoạch, đã khen thưởng 8 tập thể đạt 3 dút điểm, 544 cá nhân thực hiện tốt phong trào kế hoạch hóa gia đình, 7 cán bộ vận động tốt phong trào. Năm 1989, Ban Nữ công phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ tổng kết 10 năm thực hiện phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, khen thưởng 1.569 cá nhân đạt danh hiệu cấp tỉnh, 1.799 cá nhân đạt cấp cơ sở, đề nghị về trên khen 2 tập thể và 39 cá nhân. Tại hội nghị này, Tổng LĐLĐ Việt Nam phát động phong trào thi đua mới trong nữ CNVĐ với tên gọi “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”. Đến cuối năm 1990, Ban Nữ công tổ chức hội nghị tổng kết 2 năm (1989-1990) thực hiện phong trào này. Kết quả có 2 tập thể và 5 cá nhân nhận bằng khen của Tổng Liên đoàn, 730 tập thể và cá nhân nhận bằng khen của Liên đoàn Lao động tỉnh. Riêng phong trào nữ công nhân của tỉnh được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Hội LHPN Trung ương tặng bằng khen.

Các phong trào được phát động trong nữ công nhân viên chức giúp chị em khẳng định hơn vai trò của mình trong các lĩnh vực hoạt động, vươn lên khắc phục khó khăn, sẵn sàng xây dựng gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn. Cuối năm 1991, Ban Nữ công Liên đoàn Lao động tỉnh tiếp tục phát động rộng rãi trong chị em 2 cuộc vận động “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình” và “Hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học”. Từ đó, giúp cho chị em công nhân viên chức càng có điều kiện công tác và xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc.

Đặc biệt, trong quá trình triển khai, vận dụng thực hiện Quyết định số 612-QĐ/TLĐ của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc giải thể công đoàn cấp huyện, được sự thống nhất của Tỉnh ủy, Ban chấp hành LĐLĐ tỉnh mạnh dạn đề nghị Trung ương duy trì hệ thống công đoàn huyện, thị, thành bằng cách giảm biên chế còn từ 3 đến 5 cán bộ cho mỗi đơn vị mà vẫn đảm bảo kinh phí hoạt động. Nhờ sự kiên quyết này mà bộ máy tổ chức công đoàn huyện thị trong tỉnh vẫn được duy trì và hoạt

<sup>108</sup> Cấp huyện, thị thành có 67 cán bộ chuyên trách, 718 công đoàn cơ sở trực thuộc ngành (trong đó ngành Giáo dục là 640 CĐCS), 356 công đoàn cơ sở thuộc công đoàn huyện, thị, thành.

<sup>109</sup> Sau này đổi tên là phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

động hiệu quả, đại diện cho quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ công nhân viên chức, lao động trong tỉnh <sup>110</sup>.

Cùng với sự đổi mới của đất nước trên các lĩnh vực kinh tế – xã hội, hoạt động Công đoàn nhiệm kỳ IV (1988-1992) từng bước đổi mới về công tác tổ chức và phương thức hoạt động, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ công nhân viên chức, lao động, chăm lo thiết thực đời sống của đoàn viên, hội viên, kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ chính sách kịp thời, đúng đối tượng, nhất là đối với đối tượng công nhân viên chức trong diện tinh giản biên chế. Ngoài ra, hàng năm các cấp công đoàn trong tỉnh còn tổ chức cho công nhân viên chức, lao động đi tham quan, nghỉ mát ở các nhà nghỉ công đoàn tỉnh bạn như Nha Trang, Đà Lạt, Vũng Tàu v.v. . .

Điểm mới trong nhiệm kỳ chính là việc tổ chức và hướng dẫn các công đoàn cơ sở ngoài quốc doanh hoạt động theo đúng luật pháp, kịp thời tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công nhân lao động.

Vượt qua những khó khăn thử thách của những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn ngày càng phát huy hiệu quả hoạt động và tham gia lao động sản xuất, nghiên cứu khoa học phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế tỉnh nhà. Năm 1992, tổng sản phẩm xã hội trong tỉnh tăng 10,3 %, thu nhập quốc dân tăng 10,9%, giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp tăng 5% so với năm 1991. Điều phân khởi là đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân ngày càng được cải thiện, diện nghèo khó được thu hẹp, an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Các phong trào thi đua được tổ chức hàng năm có hiệu quả, đem lại hiệu quả tốt. Trên 50.000 công nhân lao động trong tỉnh dần dần thích nghi với hoạt động, lao động sản xuất trong nền kinh tế thị trường, góp phần to lớn trong việc tạo ra các sản phẩm xã hội. Từ đó, ngày càng khẳng định vị trí vững chắc của công đoàn trong công nhân viên chức, lao động.

Cùng với những thành tích đạt được nêu trên, quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Công đoàn tỉnh còn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Trước hết, đó là công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa thật sự đổi mới, còn nặng về tuyên truyền chủ trương nghị quyết, chưa đi sâu giáo dục giác ngộ lý tưởng cách mạng cho giai cấp công nhân, chưa kịp thời tập hợp phản ánh tâm tư nguyện vọng của công nhân viên chức, lao động để có nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp.

Các hoạt động văn hóa - thể thao chưa được tổ chức thường xuyên, cơ sở vật chất còn thiếu thốn. Nhà Văn hóa lao động thiếu kinh phí sửa chữa hạn chế kinh phí hoạt động. Công tác thi đua có đổi mới nhưng chưa theo kịp tình hình, nhất là phong trào thi đua trong sản xuất nông nghiệp. Công tác bảo hộ lao động còn hạn chế, tập trung ở khu vực ngoài quốc doanh. Điều kiện, môi trường làm việc, chế độ chính sách chưa được thực hiện đầy đủ, vẫn còn tình trạng làm thêm giờ, làm ca đêm quá quy định. Đáng lưu ý là tình trạng ô nhiễm môi trường, công nhân ngộ độc, tai nạn lao động, tình trạng cháy nổ vẫn còn xảy ra. Do ảnh hưởng chung, đời sống của công nhân viên chức, lao động vẫn còn khó khăn. Công đoàn chưa kịp thời đề xuất những giải pháp với Đảng, chính quyền để có biện pháp hỗ trợ kịp thời cho công nhân viên chức, nhất là đối với số phải tinh giản biên chế.

Nội dung phương thức hoạt động của công đoàn đổi mới chưa theo kịp tình hình. Tỷ lệ xây dựng công đoàn ngoài quốc doanh chưa đạt chỉ tiêu nghị quyết Đại hội

<sup>110</sup> Sau này, khi Tổng LĐLĐ cho phép các tỉnh, thành trong cả nước thành lập lại Công đoàn các huyện, thị, thành thị tỉnh Hậu Giang vẫn đảm bảo được phong trào phát triển mạnh và liên tục, không bị xáo trộn về tổ chức.

đề ra ( chỉ đạt 10,02% so với chỉ tiêu 40%). Công tác quy hoạch đào tạo cán bộ, chế độ đãi ngộ và điều kiện hoạt động còn nhiều hạn chế. Từ đó đưa đến tình trạng nhiều cán bộ không muốn làm công đoàn chuyên trách. Hoạt động công đoàn một số huyện bị giảm sút do thiếu cán bộ chuyên trách.

Về mặt tư tưởng, do tác động mặt trái của cơ chế thị trường, nên có một số cán bộ công nhân viên chức có suy nghĩ lệch lạc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân ích kỷ, chạy theo đồng tiền bất chấp. Tình trạng thiếu vốn, kỹ thuật, công nghệ và thị trường tiêu thụ xảy ra ở các doanh nghiệp quốc doanh ở lĩnh vực sản xuất chế biến và dịch vụ. Các doanh nghiệp sản xuất chân chính bị tình trạng hàng giả, buôn lậu đe dọa đến hoạt động của đơn vị.

Có thể khẳng định rằng, trong quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Công đoàn tỉnh Hậu Giang, cán bộ công nhân viên chức lao động khu vực Sóc Trăng đã cùng với công nhân viên chức lao động trong tỉnh nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách, thi đua lao động trên các lĩnh vực, lập được những thành tích nhất định, tạo niềm tin và động lực để tiến quân vào thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh nhà trong thời gian tiếp theo. Đặc biệt, sau khi chia tách tỉnh, với địa bàn được thu hẹp, công tác chỉ đạo từ tỉnh xuống huyện và cơ sở ngày càng sâu sát hơn, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức công đoàn có nhiều hoạt động phong phú, đáp ứng ngày càng tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân viên chức, lao động./.

#### **Bài học kinh nghiệm:**

Quá trình thực hiện nghị quyết các Đại hội của Công đoàn tỉnh Hậu Giang, có thể rút ra một bài học kinh nghiệm như sau:

- Làm tốt công tác tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên chức lao động khu vực Sóc Trăng đã cùng với công nhân viên chức lao động trong tỉnh nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách, thi đua lao động trên các lĩnh vực, tạo niềm tin và động lực để cán bộ, công nhân viên chức và người lao động thực hiện thắng lợi những mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

- Sau khi chia tách tỉnh, địa bàn được thu hẹp, từ đó đã tạo thuận lợi cho công tác chỉ đạo từ tỉnh xuống huyện và cơ sở ngày càng sâu sát hơn. Tổ chức công đoàn có nhiều hoạt động phong phú, đi vào chiều sâu, đáp ứng ngày càng tốt hơn quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân viên chức, lao động.

**Chuyên đề 7**  
**PHONG TRÀO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN**  
**SÓC TRĂNG TỪ KHI TÁI LẬP TỈNH ĐẾN NĂM 2008 (1992- 2008)**

---

**I. Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ VIII (1992-1996) và nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ V (1993-1998), tổ chức Công đoàn và công nhân lao động tỉnh Sóc Trăng tiến quân vào mặt trận sản xuất và khoa học kỹ thuật, góp phần phát triển công nông nghiệp tỉnh nhà.**

**1. Thành lập và hoạt động của BCH lâm thời Công đoàn tỉnh Sóc Trăng**

Trong quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ IV của công đoàn tỉnh, BCH Liên đoàn Lao động tỉnh phải chuẩn bị nhân sự để chia tách tỉnh theo Quyết định của Quốc hội khóa VIII tại kỳ họp thứ 10 ngày 26/12/1991 và Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/1/1992 của Tỉnh ủy Hậu Giang về việc chuẩn bị và tiến hành thực hiện việc chia tách tỉnh Hậu Giang thành 2 tỉnh Cần Thơ và Sóc Trăng. Hai tỉnh chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/4/1992.

Sau khi chia tách, tỉnh Sóc Trăng có thị xã Sóc Trăng và các huyện: Mỹ Tú, Kế Sách, Long Phú, Mỹ Xuyên, Vĩnh Châu, Thạnh Trị. Từ năm 2002 đến đầu năm 2009, tỉnh có thêm các huyện Cù Lao Dung, Ngã Năm và Châu Thành<sup>111</sup>.

BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Cần Thơ đã tích cực hỗ trợ công tác chuẩn bị nhân sự, văn kiện tiến tới thành lập BCH Lâm thời của Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng. Số cán bộ công đoàn chuyên trách từ tỉnh Hậu Giang được phân công về Sóc Trăng gồm có 43 người. Theo đề nghị của Tỉnh ủy Sóc Trăng và BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Hậu Giang ( cũ), BCH lâm thời LĐLĐ tỉnh Sóc Trăng được công nhận theo quyết định số 361/QĐ-TLĐ ngày 28/4/1992 và quyết định số 473/QĐ-TLĐ ngày 29/6/1992 của Ban Thư ký Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận BCH và các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, UV Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Sóc Trăng. Theo đó, BCH lâm thời LĐLĐ tỉnh Sóc Trăng gồm có 16 đồng chí, trong này có 5 đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ. Đồng chí Phạm Văn Hồ được chỉ định giữ nhiệm vụ Chủ tịch, đồng chí Trần Việt Hùng và đồng chí Nguyễn Thành Văn làm phó chủ tịch<sup>112</sup>. Từ tháng 5/1992 đến tháng 5/1993, BCH lâm thời LĐLĐ tỉnh tiến hành củng cố, kiện toàn ổn định bộ máy tổ chức công đoàn, khẩn trương chuẩn bị nhân sự, văn kiện để tiến hành tổ chức Đại hội Công đoàn các cấp, tiến tới Đại hội Công đoàn tỉnh Sóc Trăng lần thứ V và Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ VII.

Trong quá trình chỉ đạo Đại hội Công đoàn cấp huyện và cơ sở, chuẩn bị Đại hội công đoàn cấp tỉnh, BCH lâm thời LĐLĐ tỉnh tiếp tục cải tiến lề lối, phương pháp làm việc, nắm chặt tình hình tổ chức bộ máy, đề nghị cấp ủy Đảng tăng cường bổ sung cán bộ, chỉ đạo triển khai các phong trào hành động cách mạng trong cán bộ, công nhân viên chức, lao động theo chỉ đạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Tỉnh ủy Sóc Trăng.

**2. Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh lần thứ V (1993-1998) và kết quả phong trào thi đua thực hiện nghị quyết Đại hội.**

---

<sup>111</sup> Xem phụ lục 4, trang 4.

<sup>112</sup> Còn 2 ủy viên Thường vụ là đồng chí Phạm Thị Hồng Nga và Nguyễn Hồng Lạc ; Ủy ban kiểm tra có 1 đ/c, do đồng chí Lê Thu Lan phụ trách.



Thực hiện sự chỉ đạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và kế hoạch số 415/KH.TLĐ ngày 15/01/1992 của Ban Thư ký Tổng Liên đoàn về việc Hướng dẫn Đại hội công đoàn các cấp, tiến tới Đại hội VII Công đoàn Việt Nam, BCH Lâm thời Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng có văn bản chỉ đạo các cấp công đoàn trong tỉnh tổ chức Đại hội Công đoàn cơ sở và cấp huyện, thị, công đoàn ngành, tiến tới Đại hội V Công đoàn tỉnh.

Sau khi cấp cơ sở và công đoàn cấp huyện, ngành hoàn thành tổ chức đại hội, được sự chấp thuận của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Tỉnh ủy Sóc Trăng, Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Sóc Trăng lần thứ V chính thức khai mạc vào ngày 20 tháng 5 năm 1993. Tham dự Đại hội có 217 đại biểu đại diện cho 26.000 cán bộ công nhân viên chức trong tỉnh ( trong này có hơn 9.000 đoàn viên công đoàn). Đại hội tỉnh dự đón tiếp các đồng chí lãnh đạo về dự và chỉ đạo: đồng chí Đào Thị Biểu, đại diện Ban Thư ký Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đồng chí Tạ Quang Châu, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Lê Thanh Bình, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh. Về dự Đại hội còn có các đồng chí đại biểu lãnh đạo các sở, ban, ngành đoàn thể, lãnh đạo các huyện, thị trong tỉnh và đại biểu Liên đoàn Lao động các tỉnh bạn.

Sau 3 ngày làm việc, Đại hội nhất trí thông qua báo cáo kiến nghị, điểm đánh giá kết quả hoạt động công đoàn tỉnh Hậu Giang ( cũ) trong 5 năm 1988-1992 và hoạt động của BCH lâm thời Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng; thông nhất cao với phương hướng nhiệm vụ hoạt động nhiệm kỳ V (1993-1998) trên cơ sở phân tích thực trạng phong trào công nhân viên chức lao động và hoạt động của công đoàn trong tỉnh, căn cứ vào đặc điểm tình hình và nhiệm vụ phát triển giai cấp công nhân, phong trào công đoàn của tỉnh trong giai đoạn mới, Đại hội nhất trí với mục tiêu nhiệm vụ hoạt động của Công đoàn tỉnh trong 5 năm (1993-1998) là “Ổn định việc làm và đời sống CNLĐ; khắc phục khó khăn góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương; đổi mới hoạt động, xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh”.

Đại hội bầu ra BCH nhiệm kỳ V gồm có 27 đồng chí và bầu đoàn đại biểu dự Đại hội VII Công đoàn Việt Nam gồm có 4 đồng chí. Ban chấp hành họp phiên đầu tiên nhất trí bầu ra Ban Thường vụ gồm có 7 đồng chí. Đồng chí Phạm Văn Hồ được tín nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch, các đồng chí Nguyễn Thành Văn và Phạm Thị Hồng Nga giữ chức vụ Phó chủ tịch<sup>113</sup>.

Sau khi Đại hội kết thúc, BCH nhiệm kỳ mới khẩn trương triển khai, cụ thể hóa Nghị quyết bằng các kế hoạch năm và tăng cường cán bộ chỉ đạo cơ sở, xây dựng các mô hình cho từng phong trào.

Quá trình chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ V, những thành tựu đã được trên các mặt trong phạm vi cả nước nói chung, của Sóc Trăng nói riêng có tác động tích cực đến phong trào công nhân viên chức lao động và hoạt động công đoàn. Điều đó, thể hiện sự đúng đắn của đường lối đổi mới do Đảng đề ra. Các NQ của Đảng, đặc biệt NQ Hội nghị lần thứ VII – BCHTW khóa 7 về công nghiệp hóa - hiện đại hóa và xây dựng giai cấp công nhân được Đảng bộ tỉnh cụ thể hoá có tác động sâu sắc đến nội dung hoạt động Công đoàn. Ngoài ra, hệ thống luật pháp và chính sách chế độ, nhất là Bộ luật Lao động có hiệu lực từ ngày 01/01/1995 đã

<sup>113</sup> Theo quyết định số 845/QĐ-TLĐ ngày 15/6/1993 của Ban Thư ký TLĐLĐ VN ( đến tháng 11/1993 đổi tên gọi là Đoàn Chủ tịch TLĐLĐ VN) công nhận BCH LĐLĐ tỉnh ST khóa V gồm có 27 đồng chí và UBKT có 5 đồng chí. Ngoài đồng chí CT và 2 đ/c Phó CT, 4 Ủy viên Thường vụ còn lại là các đồng chí Trần Việt Hùng, Nguyễn Hồng Lạc, Lê Thu Lan, Nguyễn Ngọc Sương. Đến tháng 4/1995, đồng chí Trần Việt Hùng thôi tham gia BCH; đến tháng 01/1996, đồng chí Nguyễn Hồng Lạc thôi tham gia giữ chức danh UV BTV. Sau đó, Ban TV được bổ sung thêm 3 đồng chí Nguyễn Việt Hùng, Nguyễn Thanh Bạch, Vương Thị Nguyệt Ánh. Ủy ban Kiểm tra có 5 đồng chí, do đồng chí Lê Thu Lan làm Chủ nhiệm.

làm rõ quyền và nghĩa vụ của CNLĐ, tạo điều kiện cho phong trào CNLĐ và hoạt động Công đoàn đi vào những nội dung cụ thể, thiết thực.

Vượt qua khó khăn của những năm đầu đổi mới, tốc độ tăng trưởng kinh tế và sản xuất công nghiệp của tỉnh từng bước phát triển, tạo được cơ sở vật chất cần thiết cho nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

Tuy nhiên, do điểm xuất phát thấp, cơ sở vật chất chưa đảm bảo cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, nên nhiều cơ sở công nghiệp quốc doanh, đang trong quá trình vừa phá vỡ xây dựng phát triển, vừa sắp xếp lại mô hình tổ chức và quản lý mới; các cơ sở kinh tế khu vực ngoài quốc doanh phát triển nhanh chóng, rất phong phú và đa dạng về loại hình thu hút lực lượng lao động ngày càng lớn, Trong khi đó thì nhiệm vụ xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội trong khu vực này chưa được tiến hành đồng bộ, đòi hỏi Công đoàn phải có những hình thức tổ chức và quản lý phù hợp.

Từ tình hình trên, đưa đến thực trạng là CNVC-LĐ trong các doanh nghiệp nhà nước phát triển chậm, cơ cấu thành phần CNLĐ ngày càng đa dạng, phân bố phức tạp và phân bố không đồng đều. Trình độ văn hóa, tay nghề của CNLĐ còn thấp so với yêu cầu, số CNLĐ không có chuyên môn nghiệp vụ còn chiếm tỷ lệ cao, số người trong độ tuổi lao động chưa có việc làm hoặc việc làm không ổn định ngày càng tăng. Cơ cấu đông CNLĐ đang làm việc trong điều kiện và môi trường không được đảm bảo, nhất là số CNLĐ làm việc trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh có quy mô vừa và nhỏ; Việc giáo dục chính trị, tư tưởng, truyền thông chưa được chú trọng đúng mức ở một bộ phận CNVC-LĐ.

Nhìn chung, đại đa số CNVC-LĐ đều ủng hộ và tin tưởng vào đường lối đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo, mong muốn xã hội ổn định, kinh tế phát triển, luôn kiên định vững vàng trước những khó khăn thử thách; khẳng định được vị trí là lực lượng nòng cốt trong liên minh công - nông - trí thức, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hoá. Mỗi quan tâm lo lắng nhất của CNVC-LĐ là làm sao việc làm được ổn định, đời sống được bảo đảm, có nhà ở, con cái được học hành và không bị các tệ nạn xã hội lôi kéo.

Trong 5 năm, từ 1993 đến 1998, trước những yêu cầu mới về thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh, chương trình hành động của Đại hội VII Công đoàn Việt Nam, yêu cầu của sự phát triển CNLĐ ở các thành phần kinh tế, tổ chức Công đoàn tỉnh Sóc Trăng có nhiều cố gắng đổi mới về hình thức và nội dung hoạt động, ra sức tập hợp, vận động, giáo dục và chăm lo đời sống cho CNLĐ; lãnh đạo công nhân viên chức, lao động trong tỉnh nỗ lực thi đua đạt được những thành tích phấn khởi trong thực hiện các mục tiêu mà nghị quyết Đại hội V Công đoàn tỉnh đã đề ra.

**+ Công đoàn tham gia xây dựng và giám sát thực hiện luật pháp, chính sách, tăng cường các hoạt động xã hội, giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và chăm lo đời sống CNLĐ:**

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường, bảo vệ quyền có việc làm cho CNVC-LĐ là cấp thiết, nhưng bảo vệ sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế của địa phương, đất nước còn cấp thiết và quan trọng hơn. Nên một mặt, công đoàn ở các cấp vừa tăng cường nhiệm vụ tuyên truyền giáo dục, động viên CNVC-LĐ ủng hộ đường lối đổi mới của Đảng, chấp nhận khó khăn trước mắt của từng đơn vị, địa phương; một mặt, công đoàn tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, chế độ cho CNVC-LĐ cũng như đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực, tạo động lực để vận động, tổ chức phong trào hành động cách mạng trong CNVC-LĐ.

Phong trào “thi đua lao động giỏi” với mục tiêu: năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều, nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế và hiệu suất công tác, quan tâm đến việc làm, thu nhập và các vấn đề xã hội của người lao động được công đoàn các cấp triển khai đã thu hút đông đảo CNVC-LĐ tham gia. Hàng năm có từ 80 – 90 % CNVC-LĐ đạt danh hiệu “lao động giỏi”.

Đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới, trong nhiệm kỳ, phong trào thi đua “lao động giỏi” được vận dụng, triển khai kết hợp với nhiều nội dung phong phú, hình thức đa dạng sinh động phù hợp với đặc điểm từng ngành nghề hơn như phong trào : “lao động sáng tạo”, “xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”, phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp; thi đua “nâng cao chất lượng điều trị, giảm phiền hà cho người bệnh”; “dạy tốt, học tốt”, “phong trào kỷ cương, tình thương trách nhiệm”, “phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, “phong trào nước sạch vệ sinh môi trường”, “phong trào xây dựng nông thôn mới” v.v.. một số ngành đã tổ chức các hình thức thi đua “giáo viên dạy giỏi”, “y tá, điều dưỡng viên giỏi”, “kiểm ngân giỏi”, “chủ tịch công đoàn giỏi”, “cán bộ nữ công giỏi”, “an toàn vệ sinh viên giỏi”.

Từ phong trào thi đua “lao động giỏi” do công đoàn phát động, trong nhiệm kỳ, có hơn 300 công trình, sản phẩm mới được hoàn thành trong các đợt thi đua “Chào mừng Đại hội VII CSVN”; “Chào mừng 20 năm giải phóng Miền Nam”; “Chào mừng 65 năm ngày thành lập CSVN”, “Chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội VIII của Đảng”, qua các phong trào đã có 120 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm và làm lợi cho nhà nước gần 1 tỷ đồng.

Với thành tích đạt được, trong nhiệm kỳ, số người CNVC-LĐ đạt danh hiệu lao động giỏi từ 60% năm 1993 đã tăng lên 90% năm 1997. Trong 5 năm, các cấp công đoàn và cán bộ, đoàn viên trong tỉnh được Đảng, Chủ tịch Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng 05 cờ thi đua và 122 bằng khen, 01 huy hiệu Lao động sáng tạo cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào. Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh, huyện, thị, ngành, công đoàn cơ sở cũng đã tặng 28.620 bằng khen, giấy khen cho các tập thể và cá nhân tiêu biểu trong phong trào.

Thực hiện chức năng đại diện, bảo vệ quyền lợi của người lao động, hàng năm công đoàn các cấp đã chủ động phối hợp cùng chính quyền, người sử dụng lao động tổ chức Đại hội, hội nghị CNVC xây dựng và ký kết thỏa ước lao động tập thể. Thông qua đó phát huy được quyền làm chủ về trí tuệ tập thể nhằm đóng góp, bàn bạc xây dựng kế hoạch SXKD, biện pháp giải quyết việc làm, chăm lo đời sống, cải thiện điều kiện làm việc cho CNVC-LĐ, hiểu rõ hơn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với doanh nghiệp, đối với đơn vị. LĐLĐ tỉnh phối hợp với Sở LĐ-TBXH chỉ đạo thành lập được 15 hội đồng hòa giải cơ sở, củng cố và hướng dẫn các Ban thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả. Hàng năm có 80% đơn vị thuộc khu vực hành chính sự nghiệp tổ chức Đại hội (hoặc hội nghị) CNVC và 85% doanh nghiệp ký thỏa ước lao động tập thể.

Công đoàn các cấp còn tích cực tham gia ý kiến xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật; nhất là những chính sách, pháp luật có liên quan trực tiếp đến CNVC và người lao động, đồng thời phát huy vai trò của công đoàn trong các hội đồng : Hội đồng giám định y khoa, hội đồng nhà đất, hội đồng lương, hội đồng quản trị BHYT, hội đồng thi đua khen thưởng ... để phản ánh nguyện vọng và giải quyết quyền lợi cho CNVC-LĐ. Công tác kiểm tra giám sát việc thi hành Bộ Luật lao động trong 3 năm (1995-1997) ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế là hoạt động phối hợp thường xuyên của LĐLĐ tỉnh, Sở LĐ-TBXH và các ngành chức năng. Đã tiến hành kiểm tra 150 lượt đơn vị. Kết quả có 1/3 đơn vị thực hiện tương đối tốt

Bộ luật lao động, số còn lại thực hiện chưa đúng hoặc chưa đầy đủ. Các sai phạm chủ yếu về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi, không ký hợp đồng lao động, chậm hoặc né tránh việc nộp BHXH, trả lương trợ cấp không đúng qui định. Phần lớn sai phạm xảy ra ở các doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, các doanh nghiệp tư nhân.

Về công tác bảo hộ lao động (BHLĐ), trong năm 1993 sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phát triển chậm, dần dần có bước phát triển trong những năm sau. Đến năm 1997, toàn tỉnh có 33 doanh nghiệp nhà nước, 37 doanh nghiệp tư nhân, 32 Công ty TNHH, trên 1000 cơ sở sản xuất nhỏ. Số lao động SXKD trong doanh nghiệp nhà nước là trên 5000 người và trên 25.000 lao động trong các thành phần kinh tế khác, công tác BHLĐ đã được các cấp, các ngành quan tâm. Năm 1992, UBND Tỉnh có quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện pháp lệnh BHLĐ, tổ chức triển khai pháp lệnh BHLĐ và ra các quyết định ban hành chế độ xử phạt vi phạm chính trong công tác BHLĐ. 5 năm qua, các cấp công đoàn trong tỉnh đã phối hợp với chính quyền, các đơn vị, các ngành liên quan mở gần 200 lớp tập huấn công tác BHLĐ, bồi dưỡng đội ngũ an toàn vệ sinh viên. Đến cuối năm 1997, có trên 95% CNLĐ trong khu vực quốc doanh được bồi dưỡng về kiến thức an toàn vệ sinh lao động; trên 85% doanh nghiệp nhà nước đã ký kết thỏa ước lao động tập thể, trên 70% doanh nghiệp xây dựng nội quy doanh nghiệp, 100% doanh nghiệp nhà nước xây dựng và thực hiện chế độ trang bị phòng hộ cá nhân cho người lao động. Theo số liệu báo cáo của các đơn vị thì tổng chi phí BHLĐ từ trên 700 triệu đồng năm 1993, đến cuối năm 1997 đã tăng lên 2,2 tỉ đồng. Nhiều đơn vị SXKD như Cty Thủy sản xuất nhập khẩu, Cty cấp nước, Cty kinh doanh thủy sản tổng hợp, Cty TNHH Kim Anh đã trang bị thêm phương tiện, thiết bị hiện đại, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Hàng năm, LĐLĐ tỉnh phối hợp với các ngành chức năng tiến hành kiểm tra và chấm điểm công tác BHLĐ (chủ yếu là các đơn vị SXKD) với trên 30 đợt và 270 lượt đơn vị được kiểm tra, công nhận 100 lượt đơn vị đạt danh hiệu đơn vị an toàn trong 3 năm 1995-1997. Những kết quả đạt được từ công tác BHLĐ, tỉnh Sóc Trăng đã được Đoàn Chủ tịch Tổng LĐLĐ Việt Nam tặng 10 bằng khen tập thể, LĐLĐ tỉnh cũng đã tặng 20 bằng khen cho các đơn vị cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác BHLĐ.

Tuy công tác BHLĐ của tỉnh có chuyển biến tích cực nhưng vẫn còn một số tồn tại, thiếu sót như việc tổ chức, triển khai tuyên truyền các chính sách, chế độ của Đảng, Nhà nước về công tác BHLĐ chưa thực hiện đều khắp trong CNLĐ, nhất là ở các đơn vị kinh tế tư nhân, các doanh nghiệp loại vừa và nhỏ, tình trạng tai nạn lao động vẫn còn xảy ra.

Một trong những công tác trọng tâm của các cấp công đoàn là quan tâm chăm lo đời sống và các hoạt động xã hội. Ngoài việc tham gia tạo việc làm ổn định, tạo thu nhập cho người lao động từ tiền lương, trợ cấp hàng tháng, các cấp công đoàn trong tỉnh còn tìm nhiều biện pháp, hình thức khác giúp CNVC-LĐ nâng cao đời sống như xây dựng nhà tập thể, nhà bán trả góp, góp vốn phát triển kinh tế gia đình, tín chấp cho CNVC-LĐ vay vốn ngân hàng, vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm. Tổng các nguồn vốn trong 5 năm lên đến 17 tỉ 850 triệu đồng, giải quyết cho 20.125 lượt người vay. Các nguồn vốn vay được sử dụng vào mục đích chăn nuôi, sản xuất phụ, làm dịch vụ, cải tạo vườn tạp, mua sắm tư liệu sản xuất. Các nguồn vốn trong hệ thống Công đoàn đều được quản lý sử dụng đúng mục đích, thanh toán nợ đến hạn tốt, góp phần tích cực “xóa đói giảm nghèo” theo chủ trương của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh.

Trong nhiệm kỳ này, hoạt động xã hội của các cấp công đoàn ngày càng phát triển về chiều rộng cũng như chiều sâu. Với tinh thần “lá lành đùm lá rách”, “một miếng khi đói bằng một gói khi no” CNVC-LĐ trong tinh nhiệt tình tham gia đóng góp làm công tác từ thiện, cứu trợ, hưởng ứng các đợt vận động xã hội do các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng phát động như: phong trào 10 ngàn tấn gạo giúp nhân dân Cuba với trên 100 triệu đồng; cứu trợ nhân dân 2 huyện Long Phú, Vĩnh Châu bị triều cường 157,8 triệu đồng; mua tín phiếu xây dựng đường điện Bắc Nam 546 triệu đồng; ủng hộ đồng bào khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bị lũ lụt năm 1994 được 283,645 triệu đồng; ủng hộ đồng bào vùng bị thiệt hại do cơn bão số 5 gây ra năm 1997 số tiền 01 tỉ 971 triệu đồng.

Ngoài ra, CNVC-LĐ còn ủng hộ một phần tiền lương, tiền công và trích một phần quỹ phúc lợi của đơn vị xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình diện chính sách. Các cấp công đoàn đã góp phần cùng với các ngành, các cấp chính quyền trong tỉnh xây dựng 2.130 căn nhà tình nghĩa; phụng dưỡng 274 bà mẹ Việt Nam anh hùng; lập sổ vàng tình nghĩa 13 tỉ 857 triệu đồng; nhận chăm sóc, giúp đỡ 157 gia đình thương binh liệt sĩ; nhận đỡ đầu 221 con thương binh liệt sĩ có hoàn cảnh khó khăn (thống kê từ năm 1992-1997). Đặc biệt là mỗi CNVC đóng góp hàng tháng ít nhất 1 ngày lương để xây dựng nông thôn mới.

Về công tác vận động nữ CNVC-LĐ, các cấp công đoàn đã quan tâm tuyên truyền giáo dục các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền và lợi ích chính đáng của lao động nữ. Lực lượng lao động nữ trong tỉnh chiếm tỉ lệ 30% và ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong lao động và quản lý, đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển chung của phong trào CNLĐ, hoạt động công đoàn của tỉnh, tiêu biểu trong các phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”, “Giúp nhau làm kinh tế gia đình”, “Thực hiện xóa đói giảm nghèo”. Qua đó có 114 chị đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” cấp TW, 225 chị cấp tỉnh và hàng ngàn lượt chị đạt cấp ngành, cơ sở.

Ban Nữ công các cấp công đoàn trong tỉnh có nhiều hình thức hoạt động đáp ứng được nguyện vọng của chị em như: vận động tổ chức quỹ tiết kiệm vì phụ nữ nghèo với tổng số tiền là 2.474.000 đồng, giúp cho 272 chị em có hoàn cảnh khó khăn; 1.469 nhóm tiết kiệm với 27.168 lượt người tham gia với tổng số tiền là 6 tỉ 763 triệu đồng, bình quân mỗi người không lấy lãi cho mỗi người từ 500.000đ – 2.000.000đ để làm kinh tế gia đình; tổ chức chăm sóc sức khỏe cho chị em. Trong nhiệm kỳ, Ban nữ công các cấp đã tổ chức cho trên 6.000 lượt chị em khám bệnh. Các hoạt động trên đã đem lại hiệu quả tích cực về kinh tế và xã hội, góp phần giải quyết khó khăn cho nữ CNVC-LĐ và nâng cao vai trò của người phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội.

Công tác kế hoạch hóa gia đình được đa số CNVC-LĐ thực hiện tốt, mô hình chỉ nên có từ 1 đến 2 con được tuyên truyền phổ biến trong CNVC-LĐ. Công tác giáo dục nâng cao kiến thức về xây dựng và bảo vệ hạnh phúc gia đình, kiến thức dạy con theo khoa học, các hoạt động văn hóa thể thao trong nữ CNLĐ được các cấp công đoàn quan tâm. 5 năm qua, tổ chức Công đoàn mở được 319 lớp tập huấn về kiến thức kế hoạch hóa gia đình với 9.409 lượt người dự, mở 101 lớp tập huấn phòng chống AIDS với 4.790 lượt người dự.

Về công tác BHXH, công tác tài chính công đoàn<sup>114</sup>, từ năm 1993 đến tháng 6/1995 LĐLĐ tỉnh Sóc Trăng luôn thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ được giao, chi

<sup>114</sup> Những năm trước, khi còn quản lý sự nghiệp BHXH (1993 – 6/1995) – chuyên đề tài chính và BHXH được ghép chung, nhưng khi đánh giá thì được tách ra từng nội dung.

trả trợ cấp 3 chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; chăm lo sự nghiệp nghỉ ngơi dưỡng sức, tham quan du lịch và bồi dưỡng tại chỗ cho CNVC-LĐ đúng chế độ qui định. LĐLĐ tỉnh còn thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng tăng cường các biện pháp kiểm tra, thu, chi, trích nộp BHXH các cấp, tuyên truyền và vận động CNVC-LĐ thực hiện tốt chính sách DS-KHHGD, các biện pháp phòng hộ lao động, chăm sóc sức khỏe... để giảm ngày nghỉ chế độ, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi, dành một phần kinh phí kết dư cho sự nghiệp nghỉ ngơi, dưỡng sức và tham quan du lịch của CNLĐ.

Khi bàn giao quỹ BHXH cho cơ quan BHXH mới, LĐLĐ tỉnh tích cực thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Nghị Định 19/CP của Chính phủ; phối hợp kiểm tra việc thực hiện chính sách BHXH tại cơ sở; giải quyết các vướng mắc trong thủ tục chi trả và nợ kinh phí BHXH ở các doanh nghiệp. LĐLĐ tỉnh đã nhiều lần kiến nghị với các cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi điều lệ BHXH cho phù hợp với yêu cầu thực tế và nguyện vọng của CNVCLĐ.

Về công tác quản lý tài chính của công đoàn, tổng thu ngân sách của Công đoàn đạt 141% so với kế hoạch. Trong đó, thu kinh phí công đoàn, thu khác Tổng LĐLĐ Việt Nam cấp đều vượt kế hoạch. Riêng đoàn phí công đoàn chỉ đạt tỉ lệ 92%. Tổng chi đạt tỉ lệ 133,6% so với kế hoạch. Số CĐCS quyết toán định kỳ không kịp thời khoảng trên 20%. Nhìn chung, công tác thu, chi và quản lý tài chính đảm bảo cho các nhu cầu chi tiêu cần thiết nhất, phục vụ cho việc tổ chức và duy trì các phong trào CNVC-LĐ trong tỉnh, đồng thời đảm bảo các khoản chi cho bộ máy công đoàn hoạt động bình thường.

Đối với công tác kiểm tra giải quyết đơn thư khiếu tố: trong nhiệm kỳ công đoàn các cấp nhận và giải quyết 475/588 đơn thư khiếu nại tố cáo của CNVC-LĐ tập trung vào việc giải quyết chế độ chính sách chưa thỏa đáng, tranh chấp lao động, trù dập... ngoài ra, UBKT công đoàn các cấp đã tiến hành kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản Công đoàn, kiểm tra thi hành điều lệ công đoàn Việt Nam hàng trăm cuộc. Qua hoạt động kiểm tra của công đoàn, nhất là việc phối hợp giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo đã bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.

**+ Chương trình đối với công tác tuyên truyền giáo dục góp phần xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh:**

Trong nhiệm kỳ các cấp công đoàn đã tuyên truyền và tổ chức học tập: Nghị quyết Đại hội VII và Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ, các Nghị quyết của BCH Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội VIII, Đại hội IX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội VII CĐ Việt Nam, tài liệu chống âm mưu “Diễn biến hòa bình”, tuyên truyền về luật pháp và các chính sách khác... Tính chung toàn tỉnh tổ chức trên 380 cuộc với hơn 57.000 lượt người dự. Riêng về Bộ luật Lao động và các văn bản dưới luật, các cấp công đoàn trong tỉnh tổ chức triển khai được 132 cuộc cho 15.840 lượt CNLĐ. Thông qua đó, giúp cho CNLĐ nắm vững những nội dung quan trọng, là cơ sở pháp lý để thực hiện chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người lao động, đồng thời bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật; tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị với nhiều chủ đề khác nhau có trên 300 cuộc (trong đó giáo dục chiếm gần 60 cuộc) thu hút khoảng 850.000 lượt người dự (trong đó giáo dục chiếm khoảng 370.000 lượt) đạt tỷ lệ 80% trong CNLĐ. Đặc biệt trong năm 1996, LĐLĐ tỉnh tổ chức đợt sinh hoạt chính trị với chủ đề “Giai cấp công nhân Việt Nam đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước” gắn với bồi dưỡng cán bộ công đoàn các cấp nhân Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII với 225 cán bộ CĐ ở 41 đơn vị ngành, huyện, thị và cơ sở trực thuộc.

Từ đợt sinh hoạt này giúp cho CĐ các cấp tiếp tục ổn định bộ máy, tổ chức nâng cao chất lượng hoạt động ngang tầm với những nhiệm vụ mới để thực hiện có hiệu quả những mục tiêu chung, nhất là những định hướng lớn trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà.

Hàng năm, thông qua tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng các cấp công đoàn trong tỉnh đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục truyền thống giai cấp, sự nghiệp cách mạng Việt Nam, đạo đức và tư tưởng Hồ Chí Minh, những thành tựu của công cuộc đổi mới đất nước trên các lĩnh vực chính trị - kinh tế - xã hội.

Các cấp CĐ còn quan tâm đến việc phát triển thông tin bằng nhiều hình thức thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Sách báo, tạp chí, bản tin, phát thanh, truyền thanh, truyền hình... Từ đó, góp phần cung cấp một số lượng thông tin phong phú, đa dạng đến CNLĐ đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương thức hoạt động CĐ. Về chương trình phát thanh truyền hình chuyên mục CĐ - CNLĐ đã phối hợp với Đài truyền hình tỉnh Sóc Trăng thực hiện hàng trăm buổi phát về phong trào CNVC-LĐ, hoạt động công đoàn cả tỉnh. Thông tin hoạt động công đoàn của tỉnh mỗi quý một kỳ với số lượng 500 quyền. Số cơ sở mua báo Lao động để nắm bắt tình hình hoạt động CĐ và phục vụ cho công tác tuyên truyền giáo dục trong đội ngũ CNVC chiếm trên 80%; số tài liệu ấn phẩm in hoặc mua phát hành đến cơ sở trực thuộc bình quân 5.000 – 6.000 bản mỗi năm.

Những hoạt động tuyên truyền trên góp phần giúp cho CNVC-LĐ có nhận thức đúng đắn về việc học tập, tu dưỡng rèn luyện để nâng cao trình độ mọi mặt nhất là chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học... hội nhập và bắt kịp những đòi hỏi lớn lao của đất nước, chuẩn bị bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước tiên là để có việc làm nuôi sống bản thân, gia đình, sau đó là phục vụ tích cực cho xã hội. Tỷ lệ CNLĐ tham gia học tập chiếm khoảng trên 70% (kể cả các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài tỉnh dưới nhiều loại hình). Riêng ngành giáo dục chiếm tỷ lệ gần 60% (6.127 CB, GV hoàn tất chương trình chuẩn hóa và nhận bằng tốt nghiệp gồm giáo viên tiểu học 5.211, trung học cơ sở 718, giáo viên cấp 3; 198).

Các hoạt động hội thi văn nghệ quần chúng, liên hoan khúc hát truyền thống Cách mạng do LĐLĐ tỉnh và các cấp Công đoàn trực thuộc tổ chức đã thu hút hàng nghìn thí sinh và hàng triệu nghìn lượt người xem. Ngoài ra, tỉnh còn tham gia tốt 4 lần hội thao CNLĐ khu vực ĐBSCL có gần 150 vận động viên, trong đó 2 năm liên duy trì thành tích thứ hạng toàn đoàn<sup>115</sup>.

Cùng với việc đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thể thao, LĐLĐ tỉnh còn phối hợp với UBMTTQ và ngành Văn hóa thông tin vận động CNVC-LĐ tích cực thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” theo tinh thần Thông tri 04 của UBTWMTTQVN, kết hợp với các ngành chức năng chỉ đạo phòng chống ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội trong CNLĐ, qua đó đã làm chuyển biến cơ bản trong nhận thức tư tưởng cán bộ, CNVC-LĐ thấy được tác hại nghiêm trọng trên nhiều mặt của các loại hình văn hóa độc hại và tệ nạn xã hội.

Bên cạnh những thành tích tiến bộ nói trên, việc chỉ đạo thực hiện nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ V vẫn còn một số tồn tại, thiếu sót. Về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, việc triển khai học tập các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật

<sup>115</sup> năm 1996 được xếp hạng 3/10 tỉnh ĐBSCL đoạt 11 huy chương gồm 5 vàng, 3 bạc, 3 đồng. Năm 1997 được xếp hạng 3/11 tỉnh ĐBSCL đoạt 13 huy chương gồm 5 vàng, 4 bạc, 4 đồng và các giải khác cho một số cá nhân và tập thể.

của Nhà nước ở các cấp công đoàn nhiều lúc chưa kịp thời, thiếu chiều sâu và còn giới hạn trong phạm vi CNLĐ có tổ chức công đoàn, có lúc chưa quan tâm đúng mức về giáo dục ý thức giai cấp công nhân, về tinh thần thái độ lao động mới, nhất là CNLĐ ở khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

**+ Chương trình “Đổi mới công tác tổ chức và cán bộ”:**

Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Tổng Liên đoàn, thực hiện mục tiêu đổi mới tổ chức cán bộ, xây dựng công đoàn vững mạnh và đa dạng hóa các hình thức tập hợp CNLĐ trong nhiệm kỳ, công tác xây dựng bộ máy, sắp xếp tổ chức và phát triển đoàn viên công đoàn được đặc biệt coi trọng. Nếu từ đầu nhiệm kỳ toàn tỉnh có 01 LĐLĐ Thị xã, 06 LĐLĐ Huyện, 06 CĐ Ngành, 400 CĐCS trực thuộc các cấp CĐ, thì đến cuối nhiệm kỳ, bộ máy công đoàn các cấp từ cơ sở đến LĐLĐ Huyện, Thị được duy trì và phát triển theo đơn vị sản xuất, công tác; thành lập mới 03 công đoàn Ngành, 219 CĐCS, nghiệp đoàn; giải thể và sát nhập 05 CĐCS, nghiệp đoàn và bản giao 01 công đoàn ngành về công đoàn Ngành TW, đưa tổng số CĐCS, nghiệp đoàn cả tỉnh lên 614 cơ sở (trong đó có 10 CĐCS ngoài quốc doanh, 45 nghiệp đoàn và 01 hội lao động). Số cán bộ công đoàn từ 2.467 người, trong đó 49 cán bộ chuyên trách, với 14.411 ĐVCD, Hội viên/31.104 CNVCLĐ đã tăng lên 22.406 ĐVCD/47.856 CNVCLĐ (chiếm tỷ lệ 48,56%); có 3.208 cán bộ công đoàn, trong đó 65 cán bộ công đoàn chuyên trách<sup>116</sup>.

Từ việc xác định xây dựng CĐCS, nghiệp đoàn vững mạnh là yếu tố quan trọng có tính quyết định đến sự tồn tại và phát triển của tổ chức công đoàn, hàng năm, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đề u có kế hoạch hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng CĐCS, nghiệp đoàn vững mạnh, xây dựng thang điểm đánh giá xếp loại hoạt động công đoàn, có bổ sung hoàn chỉnh cho phù hợp với tình hình hoạt động của từng cấp công đoàn<sup>117</sup>. Từ đó chất lượng xây dựng công đoàn cơ sở ngày càng được nâng lên. Nếu năm 1993 tỉ lệ công đoàn cơ sở vững mạnh và khá là 70%, trung bình 10%, số cơ sở yếu kém chiếm 20% thì đến năm 1997, tỉ lệ CĐCS vững mạnh và khá là 86%, không có cơ sở yếu kém.

Việc xây dựng công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn đạt hiệu quả tốt xuất phát từ sự quan tâm chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể của Tổng LĐLĐ Việt Nam, của Tỉnh ủy. BCH LĐLĐ Tỉnh biết tập trung chỉ đạo bằng kế hoạch, phân công cán bộ, chọn điểm chỉ đạo từng năm, đánh giá kết quả xây dựng CĐCS, nghiệp đoàn vững mạnh, kịp thời biểu dương khen thưởng đề động viên cơ sở đạt thành tích cao. Nhưng yếu tố có tính quyết định trong việc xây dựng Công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn vững mạnh là nỗ lực chủ quan của cơ sở của đoàn viên, cán bộ công đoàn, nghiệp đoàn. Bên cạnh những thành tựu nêu trên, cũng còn một số ít Công đoàn cơ sở chưa chú trọng đến việc xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh. Ngoài ra, sự quan tâm của cấp ủy Đảng, sự tạo điều kiện của chính quyền, lãnh đạo cơ quan ở một số nơi chưa toàn diện, dẫn đến sự yếu kém trong hoạt động công đoàn của một số cơ sở.

Công tác phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn trong nhiệm kỳ đạt gần 8.000 người, tuy có tăng nhưng còn nảy sinh một số vấn đề mới cần giải quyết.<sup>118</sup> Trước hết, phải nhận thấy rằng việc phát triển đoàn viên trong khu vực Nhà nước là tương đối ổn định và tăng chậm ( đạt tỷ lệ 36% trong cả nhiệm kỳ) trong khi số đoàn

<sup>116</sup> Số liệu tính đến tháng 12/1997.

<sup>117</sup> Công tác chấm điểm xếp loại được tiến hành vào tháng cuối của năm. Công đoàn cấp trên thành lập đoàn kiểm tra trực tiếp xem xét khẳng định thành tích, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu rút kinh nghiệm cho hoạt động năm sau đạt kết quả cao hơn.

<sup>118</sup> Đầu nhiệm kỳ (5/1993) có 14.441 ĐVCD, Hội viên trên tổng số 31.000 CNVC-LĐ. Cuối nhiệm kỳ có 22.406 ĐVCD, Hội viên/47.856 CNLĐ. Cả nhiệm kỳ phát triển thêm 7.965 ĐVCD, hội viên trong số 16.856 CNLĐ.



viên ngoài quốc doanh tăng nhanh nhưng thiếu ổn định do tùy thuộc vào điều kiện hành nghề. Mặt khác, một số ĐVCD, NĐ chưa nhận thức hết vai trò của tổ chức công đoàn, nghiệp đoàn, nên chưa thật sự gắn bó với tổ chức công đoàn. Về hội lao động, số hội viên giảm là do sự phát triển của Hội lao động thành nghiệp đoàn.

Trong 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn lần thứ V, các cấp công đoàn trong tỉnh mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ hoạt động công đoàn cho 2.000 lượt cán bộ từ tổ phó công đoàn trở lên. Cùng với việc bồi dưỡng tại địa phương, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh còn tạo điều kiện cử trên 20 lượt cán bộ chuyên trách công đoàn theo học các lớp cử nhân Luật, cử nhân Chính trị, cử nhân Kinh tế, các lớp nghiệp vụ, cử trên 50 lượt cán bộ đi dự các lớp huấn luyện nghiệp vụ do Tổng LĐLĐ Việt Nam tổ chức.

Nhìn chung, hàng năm, từ 1994 đến 1998, công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ công đoàn đều được bổ sung điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, đạt chỉ tiêu kế hoạch, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị ở địa phương đơn vị. Nhờ vậy, từ năm 1993 đến năm 1998, trình độ cán bộ chuyên trách công đoàn tốt nghiệp Đại học từ tỉ lệ 10% nâng lên 22%, số cán bộ có trình độ tốt nghiệp cấp 3 từ 60% nâng lên là 80%. Số cán bộ tốt nghiệp trình độ cử nhân chính trị và trung cấp chính trị cũng tăng lên so với đầu nhiệm kỳ.

Cùng với những kết quả đạt được, hoạt động công đoàn nhiệm kỳ V còn một số khuyết điểm tồn tại. Đó là công tác tổ chức triển khai các nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của Tổng LĐLĐ Việt Nam và các chương trình công tác được tiến hành tương đối tốt, nhưng công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện chưa được thường xuyên. Hoạt động của công đoàn các cấp tuy đã cố gắng đổi mới nhiều mặt và thích nghi với điều kiện kinh tế thị trường, nhưng vai trò của công đoàn trong việc thực hiện chức năng tham gia quản lý và giám sát chưa được thể hiện rõ như: xây dựng cơ chế tạo vốn cho doanh nghiệp, phân phối thu nhập trong đơn vị, chính sách nhà ở, cải cách thủ tục hành chính, chống tiêu cực, tham nhũng... nhất là kiểm tra, kiến nghị xử lý những vi phạm Bộ luật Lao động. Công tác phát động thi đua, sơ tổng kết rút kinh nghiệm, nhân điển hình chưa kịp thời, chế độ khen thưởng chưa khuyến khích người lao động. Phong trào thi đua lập kết phục vụ nông nghiệp còn lúng túng trong chỉ đạo, chưa có nội dung và hình thức phù hợp. Ngoài ra, việc xây dựng và phát triển tổ chức công đoàn khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tuy đạt được một số kết quả nhưng vẫn còn chậm so với tốc độ phát triển ở khu vực kinh tế này, chất lượng hoạt động còn yếu. Kinh phí để duy trì phát triển bộ máy công đoàn ở khu vực này rất hạn chế, đội ngũ cán bộ chưa được đào tạo đúng mức, những điều kiện khác để công đoàn ngoài quốc doanh hoạt động chưa đảm bảo.

Mặt khác, sự liên hệ phối hợp chỉ đạo giữa LĐLĐ tỉnh và công đoàn ngành nghề TW chưa thường xuyên. Nội dung và phương thức hoạt động ở một số CĐCS khối TCSN, CĐCS ngoài quốc doanh chậm đổi mới. Nội dung, phương thức hoạt động của Ban nữ công CĐCS có đổi mới nhưng chưa theo kịp tình hình. Phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà” chất lượng chưa cao, nặng về nội dung “Giỏi việc nước” nhẹ về nội dung “đảm việc nhà”, chưa tác động sâu rộng trong lực lượng lao động nữ tại các doanh nghiệp, nhất là các đơn vị ngoài quốc doanh. Điều cần quan tâm nhiều hơn chính là việc nắm bắt diễn biến tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của đoàn viên, CNVCLĐ chưa kịp thời nên hiệu quả của công tác tuyên truyền, giáo dục chưa cao, nhất là đối với các cơ sở ngoài quốc doanh.

Những tồn tại trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trước hết về nguyên nhân chủ quan, tuy vai trò, vị trí, chức năng của công đoàn đã được qui định trong Hiến

pháp, Luật công đoàn và Bộ luật Lao động, nhưng trên thực tế công đoàn thiếu biện pháp để thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình. Đội ngũ cán bộ công đoàn từ cơ sở đến tỉnh, có kinh nghiệm thực tiễn, được bồi dưỡng về nghiệp vụ và có bước trưởng thành, nhưng nhìn chung chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động công đoàn trong cơ chế thị trường. Đội ngũ cán bộ CĐCS đa số kiêm nhiệm ít được đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ, thời gian hoạt động không nhiều, lại thường thay đổi nên tích lũy kinh nghiệm, năng lực, bản lĩnh còn hạn chế.

Ngoài ra, tuy đã cải tiến một bước, nhưng bệnh hành chính, giấy tờ trong hoạt động công đoàn chậm được khắc phục. Công tác chỉ đạo thực hiện có lúc thiếu tập trung nên hiệu quả thấp. Nhiều vấn đề mới nảy sinh trong hoạt động thực tiễn nhưng chưa được quan tâm nghiên cứu, giải quyết và tổng kết nhân lên.

Về khách quan, có thể thấy rằng, trong quá trình chuyển sang cơ chế mới tuy đạt được những thành tựu quan trọng về nhiều mặt, nhưng tình hình kinh tế xã hội có nhiều vấn đề mới phát sinh và diễn biến phức tạp, một số chủ trương chính sách chưa có những giải pháp đồng bộ để tổ chức thực hiện, có tác động đến hoạt động công đoàn, nhất là trong việc thực hiện Luật Công đoàn, Bộ luật Lao động ở một số doanh nghiệp Nhà nước và ở khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Một số cấp ủy Đảng, chính quyền và chủ doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện cho Công đoàn hoạt động. Mặt khác, công tác chỉ đạo của Tổng LĐLĐ Việt Nam về mô hình tổ chức, về quan hệ giữa ngành và địa phương có nhiều điểm chưa cụ thể; chế độ đào tạo sử dụng, đãi ngộ cán bộ làm công tác công đoàn chưa thỏa đáng; cơ chế chính sách chưa tạo động lực để thu hút cán bộ Công đoàn nhất là cán bộ bán chuyên trách.

Nhìn chung, trong 5 năm từ 1993 đến 1998, thực hiện Nghị quyết Đại hội VII Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết V Công đoàn tỉnh Sóc Trăng, phong trào CNVC-LĐ và hoạt động công đoàn trong tỉnh có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn theo hướng bảo vệ lợi ích kinh tế gắn bó với bảo vệ quyền lợi về chính trị xã hội của người lao động và thông qua việc kiểm tra giám sát thực hiện các chế độ chính sách theo luật định, đã tạo sự chuyển biến sâu sắc, tích cực trong các mặt công tác công đoàn. Những chỉ tiêu, nhiệm vụ do Đại hội V Công đoàn tỉnh đề ra cơ bản được tổ chức triển khai thực hiện đạt kết quả. Các hoạt động xã hội của công đoàn được tăng cường đem lại hiệu quả thiết thực, được CNVC-LĐ đồng tình hưởng ứng và tạo sự gắn bó giữa người lao động với tổ chức công đoàn. Công tác xây dựng và phát triển công đoàn trong các thành phần kinh tế, nhất là xây dựng công đoàn vững mạnh đạt hiệu quả ngày càng cao cả về số lượng và chất lượng, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, xã hội, hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội của tỉnh. Nghị quyết Đại hội V Công đoàn tỉnh đã thực sự đi vào cuộc sống, phù hợp với yêu cầu của phong trào CNVC-LĐ và hoạt động công đoàn ở địa phương và đáp ứng được nguyện vọng của CNVC-LĐ. Tổ chức công đoàn của tỉnh ngày càng trưởng thành về nhiều mặt, xứng đáng với niềm tin của Đảng, của Chính quyền và là chỗ dựa tin cậy của CNVC-LĐ.

Thành tích trên bắt nguồn từ sự quan tâm lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của Đoàn Chủ tịch Tổng LĐLĐ Việt Nam, sự quan tâm phối hợp của UBND tỉnh, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn thể cán bộ, đoàn viên CNVC-LĐ tỉnh nhà.

Quá trình chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội V Công đoàn tỉnh, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

- Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, mọi hoạt động của công đoàn phải xuất phát từ đường lối chính sách của Đảng, nguyện vọng của người lao động và qui định của Pháp luật, biết vận dụng phù hợp với đơn vị, cơ sở, địa phương mình. Sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo hướng dẫn nghiệp vụ của Công đoàn cấp trên, sự quan tâm và phối hợp chặt chẽ của Chính quyền cùng cấp là yếu tố quan trọng để công đoàn thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Nêu cao tinh thần đại đoàn kết toàn dân, chăm lo xây dựng giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng để giai cấp công nhân thật sự là lực lượng nòng cốt trong khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức.

- Tập trung xây dựng CĐCS vững mạnh và đào tạo, chọn lựa, bố trí đội ngũ cán bộ công đoàn có trình độ, năng lực, năng động sáng tạo, nhạy bén, có bản lĩnh và nhiệt tình với phong trào là nhân tố quyết định mang lại thành công trong hoạt động công đoàn.

- Phương thức hoạt động công đoàn phải thường xuyên đổi mới đi đầu, phong phú, phù hợp với các đối tượng CNLĐ. Hoạt động xã hội của công đoàn cũng được mở rộng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ càng được quan tâm bảo vệ thì càng có điều kiện sâu sát gần gũi để vận động tập hợp, thu hút đông đảo CNVCLĐ tham gia tổ chức và hoạt động công đoàn. Hoạt động công đoàn càng bớt quan liêu, hành chính thì vị trí công đoàn trong xã hội càng được nâng lên.

## **II. Xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh và tăng lợi của phong trào công nhân viên chức lao động tỉnh nhà trong thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Sóc Trăng lần thứ VI (1998-2003). Bước tiến mới trong công tác xây dựng tổ chức công đoàn và nghiệp đoàn, nâng cao chất lượng tập hợp, tổ chức giáo dục tuyên truyền trong công nhân viên chức lao động tỉnh nhà.**

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong 5 năm, từ 1998 đến 2003, Đảng bộ và nhân dân Sóc Trăng nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, đưa nền kinh tế tỉnh nhà phát triển khá toàn diện và vững chắc; tổng sản phẩm xã hội duy trì được tốc độ bình quân 11,11%/năm; cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tích cực, thành tựu quan trọng là tổng sản phẩm lúa tăng bình quân hàng năm 7,04%; các thành phần kinh tế tiếp tục phát triển, đa dạng hóa việc làm, nhất là trên lĩnh vực nuôi trồng và chế biến thủy sản tạo ra nhiều việc làm cho người lao động và tăng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh nhà.

Trong 5 năm này, tỉnh giải quyết việc làm hàng năm cho khoảng 30.000-32.000 người trong độ tuổi. Tính đến cuối năm 2002, số lượng CNVCLĐ trong tỉnh có 55.719 người (so với đầu nhiệm kỳ tăng 5354 người), số làm việc trong các cơ quan HCN 17.092 người, chiếm 32,11%, các DNNN 6.827 người, chiếm 12,25%; khu vực NQD khoảng 31.000 người, chiếm 55,63% so với tổng số lao động (trong này số lao động tự do có 23.158 người). Chất lượng đội ngũ CNVCLĐ được nâng lên nhiều mặt, số lao động qua dạy nghề hàng năm được tăng (năm 1998 có 2040 người, năm 2002 có 3896 người). Số đông CNVCLĐ có phẩm chất và bản lĩnh chính trị vững vàng, tin tưởng vào đường lối đổi mới do Đảng lãnh đạo; có tinh thần yêu nước; ý chí tự lực tự cường, năng động sáng tạo, vượt qua khó khăn, thử thách, nhận thức rõ hơn quy luật của kinh tế thị trường, xu thế cạnh tranh và hội nhập của nền kinh tế; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch vững mạnh; kiên quyết đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; an ninh, quốc phòng trên địa bàn của tỉnh được củng cố và giữ vững; trong sự nghiệp CNH, HĐH

CNVCLĐ luôn là lực lượng đi đầu và giữ vai trò nòng cốt trong khối liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; góp phần tích cực vào thành tích chung của tỉnh trên các mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng.

Cùng với một số mặt tích cực, thuận lợi nêu trên, tình còn bộc lộ một số hạn chế và khó khăn như chuyên dịch cơ cấu kinh tế còn chậm (tỷ trọng GDP khu vực 1 còn chiếm khoảng 60%), hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao, hàng hóa thiếu sức cạnh tranh; một bộ phận cán bộ, công chức ý thức trách nhiệm chưa cao, thiếu cán bộ quản lý doanh nghiệp giỏi; khá đông CNLĐ trực tiếp sản xuất có trình độ học vấn, tay nghề thấp; số lao động giản đơn, chưa được đào tạo chiếm tỷ lệ cao; vẫn còn một ít CNLĐ đang làm việc trong xí nghiệp chưa biết chữ <sup>119</sup>.

Tình hình trên cho thấy lực lượng lao động trong tỉnh tuy đông nhưng chất lượng chưa cao. Tỉnh chưa có trường công nhân kỹ thuật, số cán bộ kỹ thuật, thợ lành nghề còn thiếu; Trung tâm xúc tiến việc làm của tỉnh chỉ có khả năng đào tạo một số ngành nghề dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp nhỏ, không đáp ứng yêu cầu tuyển dụng lao động trong quá trình CNH, HĐH. Vì vậy, ở nông thôn thời gian sử dụng lao động chỉ đạt khoảng 3/4 trong năm, ở thành thị, số lao động thất nghiệp còn khá cao <sup>120</sup>. Mặt khác, trong các xí nghiệp, điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân chưa đảm bảo như thiết bị còn lạc hậu, công nghệ sản xuất chậm được cải tiến, vệ sinh môi trường, an toàn lao động chưa thật sự được đảm bảo. Điều rất đáng lo ngại là đồng lương và thu nhập thấp nên đời sống của công nhân còn khá nhiều khó khăn <sup>121</sup>. Ngoài ra, còn một bộ phận CNVCLĐ nhận thức chính trị chưa sâu, giai cấp còn thấp, chỉ mong có việc làm và đồng lương để nuôi sống bản thân và gia đình, còn hạn chế về ý thức bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, do lối sống thực dụng, thiếu rèn luyện phấn đấu vươn lên trong công tác, lao động.

Trên đà thắng lợi của công cuộc đổi mới do Đảng lãnh đạo, được sự chỉ đạo của Tổng Liên đoàn và Tỉnh ủy, Đại hội Công đoàn tỉnh Sóc Trăng đã chính thức khai mạc vào ngày 27 tháng 7 năm 1998 tại Hội trường Tỉnh ủy Sóc Trăng.

Tham dự Đại hội có 187 đại biểu, đại diện cho gần 60.000 CNVC lao động trong toàn tỉnh, trong này có gần 32.000 đoàn viên công đoàn. Đại hội vinh dự được đón tiếp đồng chí Nguyễn Văn Dũng, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, đồng chí Trần Văn Vụ, UV TWĐ, Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Huỳnh Thành Hiệp, Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh, các đồng chí trong BTV, BCH Tỉnh ủy, đại diện lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh. Đại hội còn đón tiếp đại diện lãnh đạo các ban ngành Lao động tỉnh bạn về dự như: tỉnh Cần Thơ, Long An, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp.

Trong 2 ngày làm việc, Đại hội tập trung thảo luận và nhất trí thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ V và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ VI. Có 29 đồng chí được Đại hội tín nhiệm bầu vào BCH nhiệm kỳ mới, trong này có 9 đồng chí là Ủy viên Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Thành Văn được BCH tín nhiệm bầu giữ

<sup>119</sup> Theo số liệu tổng điều tra dân số ngày 01/07/2001, tổng số lao động trong độ tuổi toàn tỉnh có 746.826 người. Trong đó, lao động hoạt động trong các thành phần kinh tế là 568.709 người, về học vấn 16,08% chưa biết chữ, 35,65% chưa hết cấp I; 33,68% tốt nghiệp cấp I; 10,02% tốt nghiệp cấp II; 4,57% tốt nghiệp cấp III; về trình độ chuyên môn kỹ thuật, có trình độ sơ cấp, học nghề chiếm 9,05%; công nhân kỹ thuật chiếm 6,39%; không có chuyên môn kỹ thuật chiếm 90,95%.

<sup>120</sup> Lao động thất nghiệp, thiếu việc làm ở thành thị chiếm tỷ lệ 14,85%. Ở nông thôn, thời gian lao động chỉ đạt 76,05%.

<sup>121</sup> Thống kê năm 2001, thu nhập bình quân của CBCC do địa phương quản lý chỉ có 639.000 đồng/ người/ tháng và các ngành do Trung ương quản lý thu nhập bình quân hàng tháng là 1.105.000 đồng/ người.

chức vụ Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh<sup>122</sup>. UBKT được bầu gồm có 5 đồng chí. Đ/c Lê Thu Lan giữ nhiệm vụ Chủ nhiệm.

Với khẩu hiệu hành động “Vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội, xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh”, 6 nhiệm vụ cụ thể do Đại hội lần thứ VI Công đoàn tỉnh Sóc Trăng thống nhất đề ra đã được các cấp công đoàn trong tỉnh tập trung chỉ đạo trong nhiệm kỳ, đạt được những kết quả khá toàn diện.

Trước hết về công tác tuyên truyền, giáo dục, các cấp công đoàn xác định công tác tuyên truyền giáo dục CNVCLĐ, là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài, nhất là trước diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những biến đổi sâu sắc của đất nước, Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh kịp thời xây dựng Nghị quyết chuyên đề “Về tổ chức mới công tác tuyên truyền giáo dục của Công đoàn”, các cấp công đoàn trong tỉnh vận dụng và xây dựng chương trình, kế hoạch tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong đội ngũ CNVCLĐ, nhằm nâng lên nhận thức về đường lối, Nghị quyết của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước, Nghị quyết, chủ trương của công đoàn cấp trên. Với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thu hút 95% CLB, CNVCLĐ khu vực Nhà nước (chỉ tiêu NQ ĐH đề ra 92-95%), và 45% CNVCLĐ khu vực ngoài quốc doanh tham gia ( chỉ tiêu NQ là 50- 60%). Học tập 05 bài chính trị cơ bản cho 25.127 CNVCLĐ, số này khu vực nhà nước đạt 88,3% (chỉ tiêu NQ Đại hội đề ra 90%), khu vực NQĐ đạt 57,08% (chỉ tiêu NQ là 60% so với tổng số CNLĐ). Về hình thức, biện pháp tuyên truyền giáo dục học tập cho CNVCLĐ có nhiều chuyển biến mới, công đoàn biết tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng phối hợp với Chính quyền và Trung tâm bồi dưỡng chính trị của tỉnh, các huyện, thị tổ chức triển khai học tập quán triệt các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, của Nhà nước đến CNVCLĐ; Ngoài ra, các cấp công đoàn trong tỉnh còn tổ chức nhiều hình thức như: đẩy mạnh công tác truyền thông, tọa đàm, hội thảo, hái hoa dân chủ, tổ chức cuộc thi... thu hút trên 638.000 lượt CNVCLĐ tham gia. Một số CLB văn hóa Công đoàn được triển khai hoạt động có hiệu quả thiết thực tăng công tác tuyên truyền giáo dục CNVCLĐ.

LĐLĐ tỉnh còn duy trì tập Thông tin hoạt động Công đoàn ra hàng quý với số lượng 800 quyển/số; xây dựng được mạng lưới tuyên truyền viên, báo cáo viên công đoàn với 2468 đồng chí và sau giữa nhiệm kỳ Công đoàn tỉnh phối hợp với Báo Sóc Trăng, đài PTTH mở Chuyên trang, Chuyên mục Công đoàn hàng tháng, kịp thời thông tin tình hình hoạt động của các cấp công đoàn và các chế độ, chính sách mới đến CNVCLĐ. Thực hiện Chỉ thị 01 của Đoàn Chủ tịch TLĐ, đến cuối năm 2002, có 242/750 CĐCS có tờ Báo Lao động và 684/750 CĐCS có tờ báo Sóc Trăng (chỉ tiêu NQ đề ra 100%).

Phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT trong CNVCLĐ ngày càng phát triển và đi vào chiều sâu đã trở thành ý thức của nhiều người. Hàng năm, nhân kỷ niệm các ngày lớn, các sự kiện lịch sử của đất nước, các cấp công đoàn tổ chức hội thi, liên hoan văn hóa nghệ thuật, hội thao CNLĐ ở cấp mình, tham gia cấp tỉnh và khu vực ĐBSCL. Tích cực vận động CNVCLĐ xây dựng đời sống văn hóa ở công sở, khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa, đấu tranh phòng và chống các tệ nạn xã hội, đến cuối năm 2002 có trên 90 % cơ quan hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, thị được công nhận cơ

<sup>122</sup> Đồng chí Nguyễn Hoàng Thao giữ nhiệm vụ Phó Chủ tịch LĐLĐ tỉnh. Các đ/c UV BTV còn lại gồm có ; Nguyễn Ngọc Sương, Nguyễn Việt Hùng, Lê Thu Lan, Vương Thị Nguyệt Ánh, Trang Phước, Hậu Vĩnh Thọ, Lâm Thị Thanh. Ngày 16/4/2001, đồng chí Nguyễn Minh Châu, Tỉnh ủy viên, được bầu làm Chủ tịch LĐLĐ tỉnh, thay đồng chí Nguyễn Thành Văn được Tỉnh ủy phân công nhiệm vụ mới. Ngày 15/11/2001, đồng chí Nguyễn Ngọc Sương được bầu bổ sung vào chức danh phó CTLĐLĐ tỉnh.

quan văn hóa (chỉ tiêu phần đầu 80%); có 90% gia đình CNVC, đoàn viên công đoàn được công nhận “gia đình văn hóa” (chỉ tiêu NQ đề ra 85%).

Nhìn chung trong nhiệm kỳ V, công tác tuyên truyền giáo dục có nhiều tiến bộ, nâng lên được nhận thức trong CNVCLĐ về tính giai cấp công nhân, về đường lối đổi mới của Đảng, thấy được những cơ hội thuận lợi và khó khăn thử thách của đất nước, của tỉnh nhà; củng cố lòng tin vào công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bên cạnh những việc đã làm được, vẫn còn một số yếu kém, tồn tại trong công tác tuyên truyền giáo dục. Các cấp công đoàn thiếu sự quan tâm thường xuyên đến công tác này, mối quan hệ phối hợp giữa cấp ủy Đảng, Chính quyền và tổ chức công đoàn ở một số địa phương, cơ quan, doanh nghiệp từng lúc chưa đồng bộ; việc tổ chức triển khai học tập quán triệt cho CNVCLĐ ở một số nơi chưa đạt yêu cầu, nhất là ở khu vực ngoài quốc doanh việc tập hợp CNLĐ để sinh hoạt, học tập gặp khó khăn; công tác nắm tình hình, tâm tư, nguyện vọng của đoàn viên, CNVCLĐ không kịp thời.

Đối với các phong trào thi đua hành động cách mạng, thi đua lao động sản xuất, công tác và học tập đã được nâng lên một bước mới.

Từ 1998 đến 2003, 03 phong trào thi đua do Đại hội lần thứ VIII Tổng LĐLĐ VN đề ra được các cấp công đoàn trong tỉnh quan tâm chỉ đạo và cụ thể hóa thành các phong trào thi đua với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, nội dung cụ thể, phù hợp với từng loại hình ngành nghề, đối tượng đã thu hút đông đảo CNVCLĐ tham gia như: phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo; phong trào Xanh, Sạch, Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, phong trào thi đua phục vụ nông nghiệp và nông thôn . . . Tính chung, 05 năm qua, các cấp công đoàn có 82 công trình, sản phẩm, chương trình công tác đạt tiến độ thời gian, chất lượng tốt; ứng dụng nhiều giải pháp kỹ thuật mới đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao, có ý nghĩa thiết thực góp phần tích cực vào việc hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội của từng đơn vị, địa phương. Trong đó, phong trào liên kết phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, như: chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ cho nông dân, mở 1685 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi, trên 2010 điểm trình diễn về giống cây trồng, vật nuôi và có trên 50 tài năng, nghiên cứu khảo nghiệm, hàng năm còn nghiên cứu khảo nghiệm một số bộ giống lúa, đã đưa vào sản xuất đến nay có khoảng 60% diện tích gieo trồng các giống lúa cao sản xuất khẩu; trên lĩnh vực thủy sản được đẩy mạnh phát triển cả nuôi trồng, sản lượng, chế biến và giá trị kim ngạch xuất khẩu góp phần đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế của tỉnh, công tác khuyến ngư, bảo vệ nguồn lợi thủy sản được quan tâm thường xuyên, đến nay tỉnh có 05 doanh nghiệp chế biến thủy sản với công suất 28.000 tấn/năm, thu hút 8953 lao động.

Từ những thành tích đạt được, đã có 3.614 lượt tập thể, 90.592 lượt cá nhân được công nhận Lao động giỏi; 3.194 lượt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 111 cấp tỉnh và 40 cấp toàn quốc; tặng thưởng 4.247 Bằng khen, 30 cờ thi đua của tổ chức Công đoàn; được UBND tỉnh, Thủ tướng Chính phủ và Nhà nước khen thưởng nhiều giấy khen, bằng khen, Cờ, các danh hiệu thi đua cho tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc. Đặc biệt có 01 Doanh nghiệp Nhà nước được Chính phủ phong tặng “Anh hùng lao động” trong thời kỳ đổi mới ( Cty FIMEX).

Nhìn chung, các phong trào thi đua do Công đoàn phát động đã khơi dậy ý thức trách nhiệm, nhiệt tình cách mạng, tinh thần hăng say lao động sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, vượt qua khó khăn của đội ngũ CNVC LĐ; công tác sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân điển hình tiên tiến, việc bình chọn các danh

hiệu thi đua được quan tâm và đúng thực chất hơn. Công tác thi đua có bám vào các mục tiêu “năng suất, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm” và gắn với các nội dung cụ thể như: lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn, các sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước và của địa phương, của ngành, chào đón thiên niên kỷ mới, chào mừng Đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm 10 năm tái lập tỉnh Sóc Trăng (4/1992- 4/2002) và chào mừng Đại hội Công đoàn các cấp, tiến tới Đại hội IX Công đoàn Việt Nam . . . .

Tuy nhiên, phong trào thi đua cũng còn những mặt hạn chế. Trước hết là nội dung phát động phong trào thi đua ở một số địa phương, đơn vị còn chung chung, thiếu biện pháp tổ chức thực hiện nên hiệu quả còn thấp. Mặt khác, phong trào thi đua liên kết phục vụ nông nghiệp- nông thôn tuy có nhiều điển hình, nhân tố mới nhưng chưa huy động sự liên kết của nhiều ngành, chưa kịp thời sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm; phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật chưa được nhân rộng. Điều đáng lưu ý là cuộc vận động thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí và các biểu hiện tiêu cực hiệu quả chưa cao; quản lý ngày giờ công ở một số cơ quan, đơn vị còn lỏng lẻo; công tác sơ kết, tổng kết thi đua khen thưởng có địa phương, đơn vị thiếu quan tâm đúng mức hoặc xét khen thưởng theo chũnghĩa bình quân.

Về công tác tham gia quản lý; chăm lo đời sống, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của CNVCLĐ và hoạt động xã hội của công đoàn ngày càng được chú ý hơn. Công tác tham gia xây dựng, giám sát việc thực hiện pháp luật, các chính sách có liên quan trực tiếp đến CNVCLĐ được quan tâm hơn và ngày càng phát huy được vai trò của tổ chức công đoàn là người đại diện cho tập thể người lao động. Trong nhiệm kỳ qua, các cơ quan liên ngành phối hợp tổ chức nhiều đợt kiểm tra ở các doanh nghiệp (Nhà nước và ngoài quốc doanh) và cơ sở sản xuất kinh doanh, cho thấy người sử dụng lao động và người lao động nắm vững rõ hơn về Bộ Luật Lao động, Luật Công đoàn và công tác BHLĐ, ở nhiều doanh nghiệp nhà nước điều kiện làm việc của CNLĐ có cải thiện hơn so với trước, thể hiện như: sắp xếp lại sản xuất để giảm cường độ lao động, cải thiện môi trường làm việc, chế độ nghỉ ngơi, khám sức khỏe định kỳ, bồi dưỡng tại chỗ, mua BHYT, BHXH . . .

Thực hiện chức năng đại diện cho tập thể người lao động tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của CNVCLĐ. Các cấp công đoàn, nhất là CĐCS phối hợp với Thủ trưởng cơ quan đơn vị, chủ doanh nghiệp tổ chức thực hiện Nghị định 71 và Nghị định 07 của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Đến năm 2002 có 95% đơn vị mở Hội nghị CBCC (chỉ tiêu NQ đề ra 90%) và 80% Doanh nghiệp mở Đại hội CNVC (chỉ tiêu NQ đề ra 70%); thông qua Hội nghị CBCC nhiều cơ quan, đơn vị HCSN quyền làm chủ của CBCĐ được mở rộng, kỷ cương, pháp luật được tăng cường; nội quy, kỷ luật cơ quan được thực hiện nghiêm chỉnh, nội bộ đoàn kết, ý thức phục vụ nhân dân được nâng cao. Nhiều doanh nghiệp tổ chức Đại hội CNVC thực hiện dân chủ trực tiếp để CNVCLĐ tham gia quản lý doanh nghiệp, ký kết thỏa ước lao động tập thể, bầu Ban Thanh tra nhân dân. Tuy vậy, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở còn nhiều mặt hạn chế: một số cơ quan, đơn vị thủ trưởng, người sử dụng lao động chưa quan tâm đúng mức đến việc tổ chức Hội nghị CBCC, Đại hội CNVC; đáng chú ý Ban Thanh tra nhân dân còn lúng túng trong hoạt động, nhiều nơi hoạt động chỉ mang tính hình thức.

Công tác BHLĐ, đảm bảo an toàn tính mạng cho người lao động và hiệu quả kinh tế trong SXKD đã được các cấp chính quyền và công đoàn quan tâm. Tuy còn nhiều khó khăn về kinh phí, nguồn vốn và cơ sở vật chất, trang thiết bị lạc hậu, nhưng người lao động có sự phối hợp chặt chẽ với tổ chức công đoàn cùng cấp thực hiện

công tác BHLĐ từ khâu tuyên truyền, vận động, tổ chức tập huấn, mua sắm trang thiết bị, cải thiện điều kiện làm việc, đến việc phát động phong trào quần chúng làm công tác BHLĐ. Thông qua hoạt động BHLĐ giúp cho các cấp Công đoàn, Chính quyền và CNVCLĐ nhận thức ngày càng sâu hơn về pháp luật lao động, về trách nhiệm thực hiện công tác BHLĐ và từng bước tạo được phong trào quần chúng tham gia công tác BHLĐ.

Công đoàn phối hợp với các ngành chức năng thường xuyên tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện công tác BHLĐ, kịp thời điều chỉnh sửa chữa những vi phạm, thiếu sót. Trong nhiệm kỳ, tuy có xảy ra 44 vụ tai nạn lao động, nhưng số lượng các vụ tai nạn lao động nghiêm trọng, tai nạn chết người hàng năm đều có giảm.

Tuy vậy, công tác BHLĐ còn một số tồn tại, hạn chế. Đó là công tác tuyên truyền, giáo dục các chính sách, chế độ của Nhà nước về công tác BHLĐ chưa đều khắp trong CNLĐ, nhất là ở doanh nghiệp NQĐ; một số doanh nghiệp trong sản xuất chưa tuân thủ nghiêm những quy định của pháp luật, chế độ nghỉ ngơi của công nhân trực tiếp sản xuất bị lạm dụng, điều kiện làm việc của công nhân chưa tốt, có nhiều yếu tố độc hại, nguy hiểm chưa đảm bảo về an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ). Tình hình trên là do vai trò của tổ chức công đoàn chưa dám đấu tranh bảo vệ quyền, lợi ích cho CNLĐ; Chính quyền quản lý, kiểm tra chưa chặt, có trường hợp xử lý vi phạm chưa nghiêm; mặt khác người lao động đang cần việc làm nên họ chấp nhận làm việc trong điều kiện thiếu ATVSLĐ.

Về chăm lo đời sống CNVCLĐ, trong nhiệm kỳ, các cấp công đoàn trong tỉnh bằng nhiều biện pháp, hình thức giúp cho CNVCLĐ nâng cao đời sống. Tính chung đến nay, toàn tỉnh có 667 tổ, nhóm tiết kiệm với số vốn trên 05 tỷ đồng, đạt 88% chỉ tiêu tín chấp cho 75.000 lượt CNVCLĐ vay trên 100 triệu đồng từ nguồn vốn các ngân hàng và Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm. Từ đó, đời sống vật chất và tinh thần CNVCLĐ từng bước được nâng lên so với trước, có người làm giàu chính đáng bằng sức lao động và trí tuệ của mình đáng được phát huy.

Tuy cuộc sống của khá đông CNVCLĐ còn khó khăn, nhưng với tinh thần tương thân, tương ái, các bộ phận đoàn viên công đoàn rất nhiệt tình hưởng ứng các cuộc vận động như: đóng góp xây dựng quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, quỹ Đền ơn đáp nghĩa, quỹ khắc phục thiên tai, quỹ Vì người nghèo. . . Nhiều đơn vị đóng góp đạt và vượt chỉ tiêu trên giao.

Công tác vận động nữ CNVCLĐ được quan tâm thường xuyên, nhất là sau khi BCH LĐLĐ tỉnh ra Nghị quyết “Về tăng cường công tác nữ công, củng cố hệ thống tổ chức, đẩy mạnh các hoạt động”, các cấp công đoàn tập trung chỉ đạo các phong trào, như: “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, “Nuôi con khỏe, dạy con ngoan”, “Giúp nhau làm kinh tế gia đình”, phòng chống HIV/AIDS, các tệ nạn xã hội . . . góp phần tích cực vào sự phát triển KT-XH của tỉnh nhà. Trong 5 năm, từ 1998 đến 2003, có 24.273 lượt cá nhân và 98 tập thể được các cấp công đoàn công nhận đạt danh hiệu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, trong số này có 01 tập thể và 283 cá nhân được TLĐ công nhận. Có 20% số chị, em đạt danh hiệu được các cấp khen thưởng.

Công tác tài chính của công đoàn được các cấp công đoàn trong tỉnh thực hiện khá tốt, biết tranh thủ sự hỗ trợ của Chính quyền và các ngành liên quan, thu đúng, thu đủ theo số lao động và tổng quỹ tiền lương thực trả của đơn vị; tổ chức tốt việc thu, chi, cấp phát kinh phí, đảm bảo chỉ tiêu, thực hiện chế độ báo cáo thu chi đúng theo quy định. Mặt khác,

<sup>123</sup> Chỉ tiêu NQ đề ra là có 50% CĐCS thành lập được nhóm tiết kiệm.



hàng năm từ sự hỗ trợ kinh phí của TLD, LDLĐ tỉnh có điều kiện hơn để cân đối chi tiêu đáp ứng yêu cầu hoạt động.

Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ này, kinh phí công đoàn vẫn còn bị thất thu. Một số doanh nghiệp gặp khó khăn về hoạt động kinh doanh, làm ăn kém hiệu quả, thua lỗ nên không nộp hoặc chậm trích nộp. Mặt khác, trong chỉ đạo có biểu hiện thỏa mãn với khó khăn nên khai thác nguồn thu chưa đúng mức, có nơi còn khoán thu. Về công tác quản lý tài chính việc phân cấp cho các huyện, thị thiếu sự chuẩn bị chu đáo, nhất là về con người<sup>124</sup>; lãnh đạo chi tiêu có đơn vị sai phạm về nguyên tắc quản lý tài chính, chi sai quy định bị xuất toán, có nơi để kế toán chiếm dụng kinh phí,... dẫn đến một số cán bộ bị kỷ luật. Quản lý kinh tế công đoàn (Khách sạn Du lịch Công đoàn) thiếu chặt chẽ để nhiều năm liền hoạt động không hiệu quả.

Đối với công tác kiểm tra, sau Đại hội VI Công đoàn tỉnh, hệ thống tổ chức UBKT công đoàn các cấp được kiện toàn và làm khá tốt vai trò tham mưu, giúp cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Công đoàn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và hoạt động kinh tế của Công đoàn. Các cấp công đoàn trong tỉnh cũng đã tham gia giải quyết 554/575 đơn, thư khiếu nại, tố cáo đúng trình tự, luật định.

Cùng với một số mặt mạnh nêu trên, công tác kiểm tra còn bộc lộ một số hạn chế. Trước hết, sau Đại hội, một số đơn vị có điều động cán bộ kiểm tra làm nhiệm vụ khác, nhưng chậm bổ sung; trình độ nghiệp vụ công tác kiểm tra của một số cán bộ còn hạn chế. Ngoài ra, việc thực hiện kiểm tra đồng cấp và cấp trên kiểm tra hoạt động của cấp dưới thiếu thường xuyên, thiếu tính chủ động, còn hình thức, nên hiệu quả không cao; một số vụ việc được phát hiện nhưng kiểm tra không kịp thời, xử lý chậm, nhất là trong công tác quản lý tài chính.

Công tác xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh có nhiều chuyển biến tích cực. Trong nhiệm kỳ, toàn tỉnh kết nạp được 9002 đoàn viên mới, đạt 90,7% so với chỉ tiêu của NQ đại hội (chỉ tiêu đề ra 100% CNV LDLĐ đủ điều kiện vào tổ chức công đoàn); cũng có đưa ra khỏi tổ chức 994 đoàn viên. Đến cuối năm 2002, toàn tỉnh có 31.364 đoàn viên, chiếm 56,28% so với tổng số CNV LDLĐ toàn tỉnh. Trong đó ở khu vực Nhà nước có 22.999 đoàn viên, chiếm 93,04%, ở khu vực kinh tế ngoài quốc doanh có 8365 đoàn viên, chiếm 27% so với tổng số lao động trong tỉnh. Toàn tỉnh xây dựng mới 150 CĐCS, 15 NĐ; giải thể 27 CĐCS, 13 NĐ. Đến cuối nhiệm kỳ, toàn tỉnh có 720 CĐCS, 29 NĐ và 01 Hội Lao động.

Về xây dựng tổ chức CĐCS vững mạnh, đến cuối nhiệm kỳ có 520/724 đơn vị “vững mạnh”, đạt 71,82% so với chỉ tiêu NQ (chỉ tiêu là 90%); 161 đơn vị đạt loại “khá”; 43 đơn vị “tương bình”, không còn CĐCS, NĐ yếu kém.

Đối với công đoàn cấp trên cơ sở (huyện, thị, CĐ ngành): có 13/15 đơn vị “vững mạnh” đạt 86,67% (chỉ tiêu NQ đề ra 90%); 02 đơn vị “khá”.

Về công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn, trong nhiệm kỳ, các cấp công đoàn cử 2560 lượt cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách công đoàn đi học các lớp cử nhân, trung cấp chính trị, đại học quản trị kinh doanh và công đoàn, đại học phần công đoàn, đại học tài chính kế toán, trung cấp quản lý nhà nước và nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ khác. Đội ngũ cán bộ chủ chốt của công đoàn trong tỉnh đến cuối nhiệm kỳ: về học vấn có 93,14% tốt nghiệp cấp III, trong này có 68,5% có trình độ đại học trở lên<sup>125</sup>.

<sup>124</sup> lúc phân cấp chỉ có 01/07 đơn vị huyện, thị, có cán bộ đạt trình độ trung cấp kế toán

<sup>125</sup> Chỉ tiêu NQ đề ra là 100% cán bộ chủ chốt công đoàn có trình độ cấp III và 50% có trình độ đại học trở lên.

Tuy nhiên, chất lượng hoạt động CĐCS chưa đều, sự chỉ đạo của cấp trên cơ sở chưa thật sâu sắc; nội dung, phương pháp hoạt động của một số CĐCS còn lúng túng, thiếu tính chủ động, tự lực phấn đấu vươn lên; việc củng cố nâng cao chất lượng công đoàn ngoài quốc doanh còn nhiều bất cập; trình độ năng lực của một số cán bộ còn chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới, một số đồng chí thiếu nhiệt tình với công tác công đoàn.

Về công tác tham gia đóng góp xây dựng Đảng, xây dựng bộ máy Nhà nước “trong sạch, vững mạnh”, các cấp công đoàn tích cực hưởng ứng và tham gia các cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng theo tinh thần Nghị quyết TW 6 (khóa VIII). Thường xuyên vận động đoàn viên, CNVCLĐ trong tỉnh đi đầu trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tích cực tham gia và làm nòng cốt trong các phong trào hành động cách mạng, tham gia cùng với Chính quyền sắp xếp tổ chức bộ máy, cải tiến lề lối làm việc, cải cách hành chính; thực hiện cuộc vận động xây dựng cơ quan văn hóa, người cán bộ công chức “Trung thành- Sáng tạo- Tận tụy- Gương mẫu”; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Trong nhiệm kỳ qua, các cấp công đoàn trong tỉnh đã giới thiệu 2598 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét và đã kết nạp được 2502 đồng chí, đạt tỷ lệ 8,28% trên tổng số đoàn viên (chỉ tiêu 5%).

Trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đề cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VI Công đoàn tỉnh, Ban chấp hành LĐLĐ tỉnh đề ra quy chế làm việc, quy chế hoạt động của UBKT công đoàn, xây dựng chương trình toàn khóa và xây dựng 5 Nghị quyết chuyên đề; đồng thời đề ra chương trình công tác hàng tháng, quý, năm, biện pháp thực hiện các nhiệm vụ công tác. Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo có chú ý công tác sơ kết, tổng kết; đặc biệt là sơ kết nửa nhiệm kỳ nhằm rút ra bài học kinh nghiệm, kiểm điểm những mặt làm được, chưa được, những mặt hạn chế, tồn tại, đề ra biện pháp khắc phục nhằm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ, các chỉ tiêu của Đại hội đề ra, bổ sung, sửa đổi quy chế làm việc của Ban Chấp hành cho phù hợp. Công tác thông tin được quan tâm, mạnh dạn đầu tư trang thiết bị tin học (máy vi tính) trong hệ thống công đoàn (08/08 huyện, thị đều có máy vi tính), từng bước đáp ứng yêu cầu phục vụ hoạt động công đoàn.

Thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ VI xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Trước hết về khách quan là có đường lối, Nghị quyết đúng đắn của Đảng và sự lãnh đạo, sự sát của Tỉnh ủy, sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Đoàn Chủ tịch Tổng LĐLĐ Việt Nam, sự hỗ trợ giúp đỡ tạo điều kiện của các cấp chính quyền; công tác phối hợp có hiệu quả của các ngành, các đoàn thể tạo ra sức mạnh tổng hợp trong công tác vận động CNVCLĐ và xây dựng giai cấp công nhân, tổ chức công nhân. Về chủ quan, cơ thể khẳng định rằng công đoàn các cấp trong tỉnh xác định được vai trò, vị trí của mình chủ động xây dựng chương trình kế hoạch, cải tiến nội dung, phương thức hoạt động và sinh hoạt; cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ trong tỉnh có sự nỗ lực khắc phục khó khăn vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, khẳng định vai trò của tổ chức công đoàn và phong trào công nhân viên chức, lao động của tỉnh nhà trong sự nghiệp đổi mới của Đảng.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ VI còn một số hạn chế, tồn tại. Về khách quan, phải thấy rằng, trong quá trình chuyển đổi cơ chế mới, có nhiều chủ trương, chính sách của Nhà nước chưa thật đồng bộ và có nhiều vấn đề mới phát sinh, tác động trực tiếp đến hoạt động công đoàn. Vai trò, vị trí của công đoàn được quy định trong Hiến pháp, trong Bộ Luật Lao động, Luật Công đoàn chậm thể chế hóa, thực thi kém hiệu quả và đến nay Đảng chưa ra được Nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân trong tình hình mới. Một số ít cấp ủy Đảng,

Chính quyền chưa thật sự quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện cho công đoàn hoạt động theo luật định.

Ngoài ra, cơ sở vật chất và phương tiện cần thiết phục vụ cho hoạt động công đoàn còn thiếu; chế độ, chính sách chưa phù hợp, chưa tạo động lực để khuyến khích, thu hút cán bộ giỏi làm công tác công đoàn, nhất là cán bộ cơ sở.

Về chủ quan, số đông đội ngũ cán bộ công đoàn từ tỉnh đến cơ sở đã qua đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nhận thức và nghiệp vụ, có bước trưởng thành, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới; một số cán bộ công đoàn còn hạn chế về năng lực, thiếu nhiệt tình, ít kinh nghiệm; cán bộ CĐCS hầu hết là bán chuyên trách, ít có thời gian tập trung đầy đủ cho công tác công đoàn.

Trong hoạt động của công đoàn vẫn còn có biểu hiện bệnh hành chính, máy móc, quan liêu . . . ; còn yếu kém trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện, biểu hiện trong chỉ đạo còn dàn đều, thiếu biện pháp, chưa xác định được trọng tâm, trọng điểm chưa sâu sát đối với cơ sở. Mặt khác, BCH công đoàn một số đơn vị chưa chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng đối với công tác công đoàn, chưa tranh thủ tốt sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, sự phối hợp liên kết với các ngành liên quan trong việc chăm lo quyền lợi và tổ chức các phong trào hành động cách mạng của CNVCLĐ. Nội dung, phương pháp và kinh phí cho hoạt động đối với công đoàn khu vực ngoài quốc doanh còn lúng túng và khó khăn. Việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo trong hệ thống công đoàn chưa tốt.

Nhìn chung trong nhiệm kỳ VI, dù còn nhiều khó khăn, thử thách, nhưng được sự quan tâm lãnh đạo của Tỉnh ủy, của Tổng LĐLĐ Việt Nam, sự phối hợp, hỗ trợ của UBND tỉnh, các Sở, Ban ngành, các đoàn thể, các cấp công đoàn trong tỉnh có nhiều nỗ lực cố gắng, quyết tâm cao, hoàn thành cơ bản và vượt nhiều chỉ tiêu chủ yếu của Đại hội đề ra. Từ đó, tiếp tục đưa phong trào CNVCLĐ của tỉnh nhà tiến lên bước phát triển mới, nhất là phong trào thi đua lao động, sản xuất, góp phần đáng kể vào thành tích phát triển kinh tế- xã hội chung của tỉnh nhà. Tổ chức công đoàn và đội ngũ cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ Minh Sóc Trăng không ngừng lớn mạnh và trưởng thành về nhiều mặt, xứng đáng là cơ sở dựa tin cậy của Đảng, Chính quyền và của CNVCLĐ.

Trong quá trình chỉ đạo triển khai thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ VI, để lại một số bài học kinh nghiệm quý báu. Đó là:

- Việc xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ hoạt động công đoàn phải xuất phát từ quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết, chủ trương của TLĐ và nguyện vọng chính đáng của CNVCLĐ. Trên cơ sở đó vận dụng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương cho sát hợp.

- Tranh thủ cho được sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp, hỗ trợ, có hiệu quả của Chính quyền, các ban ngành, các đoàn thể trong tỉnh và sự nỗ lực của Ban Chấp hành công đoàn các cấp, đây là yếu tố rất quan trọng để công đoàn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ.

- Khi có Nghị quyết, chương trình công tác, khâu tổ chức thực hiện có ý nghĩa quyết định. Trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện cần xác định chọn khâu đột phá, tìm biện pháp thực hiện; sơ kết, tổng kết kịp thời; chú ý phát hiện kịp thời nhân rộng những điển hình, nhân tố mới trong phong trào.

- Về công tác cán bộ, trước hết là phải xây dựng cho được đội ngũ cán bộ chủ chốt ở công đoàn các cấp có bản lĩnh, uy tín, nhiệt tình; có năng lực hoạt động thực tiễn, am hiểu về ngành nghề, luật pháp, chính sách. Cần có chính sách động viên cán bộ yên tâm gắn bó với tổ chức công đoàn.

- Tập trung củng cố, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, trước hết là xây dựng tổ chức CĐCS thật sự là nền tảng của tổ chức Công đoàn Việt Nam.

### **III- Đại hội Công đoàn tỉnh Sóc Trăng lần thứ VII (nhiệm kỳ 2003-2008) và kết quả của phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết Đại hội.**

Thực hiện Chỉ thị số 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và công văn số 282-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Sóc Trăng cùng Kế hoạch số 177/KH.TLĐ của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam “ Về việc tổ chức Đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội IX Công đoàn Việt Nam, sau thời gian chuẩn bị, Đại hội lần thứ VII ( 2003-2008) của Công đoàn tỉnh Sóc Trăng chính thức khai mạc vào ngày 26/6/2003. Tham dự Đại hội có 178/180 đại biểu được triệu tập, đại diện cho hơn 31.000 đoàn viên công đoàn trong tỉnh.

Đại hội vinh dự đón tiếp các đồng chí Nguyễn Thị Luật, Ủy viên Đoàn Chủ tịch TLĐLĐ VN, đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng, các đồng chí trong BTV, BCH Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, đại diện một số cơ quan Trung ương và các sở, ban, ngành, Mặt trận và các đoàn thể cấp tỉnh; đại diện lãnh đạo ĐLĐĐ các tỉnh khu vực ĐBSCL và TP.Hồ Chí Minh; đại diện cấp ủy, chính quyền, Ban Dân vận các huyện, thị xã; phóng viên báo đài Trung ương và địa phương. Đại hội được tiến hành với tinh thần “Đoàn kết, trí tuệ, dân chủ, đổi mới”, thể hiện ý chí, quyết tâm của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Trên cơ sở đánh giá những mặt tích cực và hạn chế trong quá trình thực hiện nghị quyết đại hội Công đoàn tỉnh nhiệm kỳ VII căn cứ vào nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng lần thứ X, nghị quyết Đại hội IX Công đoàn Việt Nam, đại biểu dự đại hội thống nhất đề ra mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ công đoàn nhiệm kỳ VII (2003-2008). Mục tiêu chung nêu rõ: “Góp phần xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, xứng đáng là lực lượng nòng cốt đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà, củng cố và phát triển khối liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông nhân và đội ngũ trí thức; liên minh cốt lõi đại đoàn kết toàn dân; tổ chức và đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, trọng tâm là phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và Nghị quyết Đại hội X của Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng, chăm lo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân viên chức lao động; đẩy mạnh phát triển đoàn viên và tổ chức công đoàn trong các thành phần kinh tế; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; nâng cao trình độ cán bộ công đoàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới; xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch vững mạnh”.

Để thực hiện tốt mục tiêu nêu trên, Đại hội biểu quyết nhất trí thông qua 13 chỉ tiêu phải phấn đấu đạt được trong nhiệm kỳ VII<sup>126</sup> và nêu khẩu hiệu hành động là “Xây dựng giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn vững mạnh; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVCLĐ; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế-xã hội của tỉnh nhà”.

Đại biểu dự Đại hội còn tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị của BCH TLĐLĐ VN và Điều lệ Công đoàn Việt Nam (sửa đổi).

Đại hội nhất trí bầu ra BCH nhiệm kỳ VII gồm có 33 đồng chí, trong này có 11 đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ. Đồng chí Nguyễn Minh Châu được tập thể tín

<sup>126</sup> Xem phụ lục 13 chỉ tiêu này.

nhiệm bầu giữ chức vụ Chủ tịch<sup>127</sup>. Ủy ban kiểm tra được BCH bầu ra gồm có 5 đồng chí; đồng chí Lê Thu Lan đảm chức vụ Chủ nhiệm. Đại hội còn bầu đoàn đại biểu dự Đại hội IX Công đoàn Việt Nam gồm 7 đồng chí, trong này có 1 đại biểu dự khuyết

Tại Đại hội, các đồng chí Nguyễn Thị Luật, Ủy viên Đoàn Chủ tịch TLĐLĐ VN, đồng chí Nguyễn Thanh Bình, Bí thư Tỉnh ủy Sóc Trăng, đồng chí Huỳnh Thành Hiệp, Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh lần lượt phát biểu ý kiến biểu dương những thành tích trong nhiệm kỳ qua của các cấp công đoàn trong tỉnh và chỉ đạo nhiều ý kiến quan trọng đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ mới.

Đại hội lần thứ VII Công đoàn tỉnh Sóc Trăng đánh dấu bước chuyển biến mạnh mẽ của phong trào CNVC LĐ và tổ chức công đoàn trong toàn tỉnh. Ngay sau khi Đại hội kết thúc, BCH nhiệm kỳ mới bắt tay ngay vào thực hiện nhiệm vụ của mình, nhất là cụ thể hóa các bước triển khai nghị quyết và biện pháp chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu mà Đại hội đã thông qua, biến quyết tâm của từng Đại biểu dự đại hội thành hành động cách mạng thiết thực. Một phong trào thi đua sôi nổi, đều khắp được phát động trong toàn tỉnh. Từng tổ chức công đoàn và cán bộ, đoàn viên, CNVC LĐ đều tích cực đăng ký thi đua trên lĩnh vực chuyên môn và công tác công đoàn, quyết tâm đoàn kết thực hiện thắng lợi các mục tiêu và chỉ tiêu do Đại hội đề ra.

Quá trình triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ VII trong bối cảnh tỉnh nhà có nhiều chuyển biến tích cực trên các lĩnh vực.

Về tình hình kinh tế - xã hội, trong 5 năm (2003 - 2008), dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, điều hành của UBND tỉnh, sự nỗ lực của nhân dân nói chung, CNVC LĐ nói riêng tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh từng bước phát triển và đạt nhiều thành tựu quan trọng, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 12,32%/năm, trong đó: khu vực I tăng 8,25%, khu vực II tăng 14,9% và khu vực III tăng 12,80%, cơ cấu kinh tế khu vực I, II, III trong GDP đạt lần lượt là: 50,13% - 23,14% - 26,73%; GDP bình quân đầu người năm 2007 đạt 600 USD/người gấp 1,5 lần so với năm 2003. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường, nhất là sau Đại hội Đảng các cấp. Tình hình trên tạo được sự phấn khởi, nâng cao lòng tin của CNVC LĐ vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Tuy nhiên, nền kinh tế của tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng vốn có, thực hiện kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, chất lượng nguồn nhân lực chưa còn liên chế trong huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, chưa thu hút mạnh vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Ngoài ra, thiên tai dịch bệnh, ảnh hưởng biến động thị trường trong nước nên giá cả các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu đều tăng làm ảnh hưởng đến đời sống CNVC LĐ, nhất là những người có thu nhập thấp gặp rất nhiều khó khăn. Vượt qua những khó khăn thử thách, phong trào CNVC LĐ và hoạt động công đoàn trong tỉnh nhiệm kỳ VII vẫn gặt hái nhiều thành tích mới.

Điều hết sức phấn khởi là trong quá trình thi đua thực hiện nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh lần thứ VII, giai cấp công nhân, cán bộ công nhân viên chức, lao động

<sup>127</sup> Hai phó Chủ tịch là đồng chí Nguyễn Hoàng Thao và Nguyễn Ngọc Sương. Ban Thường vụ ĐLĐĐ có các đồng chí Lê Thu lan., Trang Phước, Nguyễn Việt Hùng, Vương Thị Nguyệt Ánh, Phạm Hoài Nam, Nguyễn Minh Hiền, Hậu Vĩnh Thọ, Nguyễn Thanh Kiệt.

tỉnh nhà vinh dự được đón tiếp đồng chí Cù Thị Hậu, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; đồng chí Nguyễn Hòa Bình, Phó Chủ tịch TLĐLD Việt Nam và lãnh đạo các Ban Chuyên môn của TLĐLD Việt Nam đến thăm và làm việc với tỉnh vào ngày 20/02/2006. Thay mặt Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh, đồng chí Nguyễn Minh Châu, Chủ tịch LĐLĐ tỉnh đã báo cáo với đoàn về tình hình kinh tế-xã hội, tình hình CNVC lao động, việc làm, tổ chức hoạt động công đoàn của tỉnh, về việc lấy ý kiến đóng góp vào dự án sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ Luật Lao động, kế hoạch sơ kết nửa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết Đại hội VII Công đoàn tỉnh. Đồng chí Cù Thị Hậu đã biểu dương những nỗ lực thi đua và thành tích của giai cấp công nhân, cán bộ công nhân viên chức và người lao động của tỉnh trong thời gian qua, đồng thời chỉ đạo cụ thể từng mặt công tác để giúp cho Công đoàn của tỉnh ngày càng được nâng cao vai trò và chất lượng hoạt động.

Để góp phần cùng Đảng, Nhà nước xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh về mọi mặt, đi đầu trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước, các cấp CĐ thường xuyên quan tâm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Nghị quyết của Công đoàn, các sự kiện chính trị của đất nước, địa phương, giáo dục truyền thống cách mạng và triển khai học tập chính trị cho CNVC-LĐ bằng nhiều hình thức, biện pháp phù hợp đặc điểm, tình hình của địa phương, ngành và từng loại hình cơ sở. Đó là các hình thức tổ chức các lớp bồi dưỡng cho hàng nghìn lượt báo cáo viên, tuyên truyền viên từ tỉnh đến cơ sở, tổ chức họp mặt tọa đàm, hái hoa dân chủ, hoạt động của Câu lạc bộ Văn hóa Công đoàn, thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ, về giai cấp công nhân và tổ chức CĐ... sử dụng truyền thanh nội bộ, phương tiện thông tin đại chúng, cô đọng trực quan. Đặc biệt những năm gần đây Công đoàn đã tăng cường biên soạn tờ gấp, sổ tay tuyên truyền với nội dung hỏi - đáp ngắn gọn, dễ hiểu, dễ tiếp thu, phù hợp với điều kiện làm việc và trình độ của từng đối tượng CNVCLĐ, giúp cho việc tuyên truyền, học tập được thuận lợi hơn, nhất là CNLĐ ở các doanh nghiệp. Tính chung, trong nhiệm kỳ, các cấp công đoàn trong tỉnh đã tổ chức trên 32.900 cuộc tuyên truyền, học tập, có trên 1,7 triệu lượt cán bộ CNVCLĐ tham gia. Trong đó học các nghị quyết của Đảng, của Công đoàn, bầu cử HĐND 3 cấp (nhiệm kỳ 2004 – 2009) bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XII ... khu vực nhà nước đạt 95% trở lên, khu vực NNĐ đạt trên 65%. Đến cuối năm 2006, có 42.376 CNVCLĐ được học những bài chính trị cơ bản, trong số này khu vực HCSN đạt 99,3%, khu vực nhà nước đạt 94,2%, khu vực ngoài quốc doanh đạt 78,7%.

Các cấp Công đoàn tích cực tham gia đề xuất với cấp ủy Đảng, phối hợp với chính quyền địa phương làm việc học tập nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ, đoàn viên, CNVCLĐ. Đặc biệt, sau khi có Nghị quyết 4b/NQ-TLĐ của Ban Chấp hành Tổng LĐLĐ Việt Nam về "Công đoàn với nhiệm vụ nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp của CNVCLĐ đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" và Nghị quyết Liên tịch giữa Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn với Bộ Giáo dục - Đào tạo "về việc phối hợp hoạt động nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp trong CNVC-LĐ giai đoạn 2005-2010", LĐLĐ tỉnh và các huyện, thành phố cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch liên tịch với ngành giáo dục cùng cấp và đã triển khai tổ chức thực hiện. Trong nhiệm kỳ VII, có 6.083 lượt CNVCLĐ được học bổ túc văn hóa; 2.060 lượt cán bộ được cử đi học các lớp chính trị (cao cấp và đại học là 495 đồng chí) và trên 17.400 lượt CNVCLĐ được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, (Đại học và sau đại học là 1.125 lượt người).

LĐLĐ tỉnh còn duy trì và cải tiến nội dung, hình thức, nâng cao chất lượng tập thông tin Công đoàn ra mỗi quý/kỳ, với số lượng từ 1.000 - 1.100 quyển, phát hành đến các CĐCS và tổ Công đoàn có đông CNVCLĐ để làm nội dung sinh hoạt, tuyên truyền; "Chuyên trang Công đoàn" trên Báo Sóc Trăng; "Chuyên mục Công đoàn - CNLĐ" trên Đài PTTH tỉnh, đài truyền thanh huyện, thành phố thực hiện đều đặn định kỳ hàng tháng và thường xuyên trong các chương trình thời sự địa phương, chất lượng tin, bài ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu thông tin và chỉ đạo của tổ chức Công đoàn, có tác động tích cực đến CNVCLĐ.

Công tác tuyên truyền tuy có nhiều cố gắng, tiến bộ đáng kể so với trước, nhưng về chất lượng chưa sâu, nhất là ở các doanh nghiệp đông CNLĐ và NĐ; chưa có biện pháp thích hợp để nắm bắt và xử lý kịp thời diễn biến tư tưởng, tâm trạng, nguyện vọng của CNVC-LĐ; một số CLB Văn hóa CĐ có lúc không duy trì được hoạt động, nhưng việc củng cố, khắc phục còn chậm. Nhìn chung, tình hình tư tưởng, tâm trạng của CNVCLĐ trong tỉnh ổn định, phấn khởi trước sự phát triển kinh tế của đất nước và của tỉnh nhà, đa số tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, có ý thức phấn đấu học tập nâng lên về trình độ mọi mặt để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Tuy nhiên, vẫn còn băn khoăn lo lắng về việc làm, đời sống còn nhiều khó khăn, từng lúc, từng nơi tình hình an ninh, trật tự xã hội trên địa bàn còn diễn biến phức tạp; tai nạn giao thông ngày càng gia tăng ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của nhân dân.

Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở trọng tâm là xây dựng gia đình văn hóa, cơ quan, doanh nghiệp văn hóa luôn được các cấp Công đoàn cùng với chính quyền duy trì phát động trở thành nề nếp và từng bước đi vào chiều sâu, nâng lên về chất. LĐLĐ tỉnh đã tham mưu cho Ban chỉ đạo phong trào "TĐĐKXDĐSVH" tỉnh xây dựng nội dung tiêu chuẩn, thang điểm cơ quan, doanh nghiệp văn hóa thực hiện hàng năm. Bình quân hàng năm có 93% cơ quan cấp tỉnh, huyện, thành phố và cơ quan Trung ương đóng tại địa phương được công nhận cơ quan văn hóa và trên 95% hộ gia đình cán bộ, đoàn viên, CCVC đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Bên cạnh đó, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, công tác phòng chống ma túy, HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội trong CNVCLĐ tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh, mang lại hiệu quả thiết thực. Về các phong trào thi đua yêu nước trong CNVCLĐ, trong nhiệm kỳ này, các cấp công đoàn quan tâm hơn trong công tác chỉ đạo, cụ thể hóa trong triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Đại hội IX CĐVN đề ra và phong trào thi đua "đặc biệt" của tỉnh. Bằng nhiều hình thức tổ chức phong phú, đa dạng, nội dung cụ thể, phù hợp với từng loại hình ngành nghề, đối tượng, phong trào thi đua tác động tích cực góp phần hoàn thành nhiệm vụ công tác ở từng cơ quan, đơn vị và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương. Nổi bật là phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo; phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà"; phong trào Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; phong trào thi đua phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp, nông thôn v.v. . . được đông đảo CNVCLĐ tham gia. Kết quả, có trên 521 công trình, sản phẩm, 126 đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật và ứng dụng khoa học kỹ thuật, 70 sáng kiến cải tiến kỹ thuật đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao, với tổng giá trị trên 500 tỉ đồng và làm lợi trên 1,2 tỉ đồng. Từ những thành tích trên, trong nhiệm kỳ qua, các cấp Công đoàn được Chủ tịch nước tặng thưởng **Huân Chương lao động Hạng Ba** cho LĐLĐ huyện Long Phú, LĐLĐ thành phố Sóc Trăng; TLĐ LĐVN tặng thưởng 11 Cờ thi đua, 49 Bằng khen tập thể, 86 Bằng khen cá nhân; LĐLĐ tỉnh tặng 19 Cờ thi đua, 907 Bằng khen tập thể, 5.285 Bằng khen cá nhân.

Trong nhiệm kỳ VII, LĐLĐ tỉnh còn phối hợp với Sở Khoa học Công nghệ và Tỉnh Đoàn tổ chức 2 cuộc Hội thi Sáng tạo kỹ thuật thu hút trên 50 đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, y tế, giáo dục... phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội tỉnh nhà và đã được ứng dụng tốt trong thực tế.

Nhìn chung, các phong trào thi đua do Công đoàn phát động đã khơi dậy ý thức trách nhiệm, nhiệt tình cách mạng, tinh thần hăng say lao động sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường, dám nghĩ, dám làm, vượt qua khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch 05 năm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (2001 - 2005).

Các cấp công đoàn ngày càng phát huy tốt vị trí vai trò của mình tham gia xây dựng, giám sát việc thực hiện pháp luật, các chính sách có liên quan trực tiếp đến CNVCLĐ như phối hợp với các ngành chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn, tập trung vào các vấn đề về ký kết hợp đồng lao động, bảo hộ lao động, BHXH, BHYT,... Trong nhiệm kỳ tổ chức công đoàn các cấp trong tỉnh tiến hành kiểm tra được 973 lượt doanh nghiệp (Nhà nước và ngoài quốc doanh) và cơ sở sản xuất kinh doanh. Qua đó, giúp cho người lao động và người sử dụng lao động nhận thức rõ hơn về Bộ luật Lao động, Luật Công đoàn và công tác BHLĐ, nhiều doanh nghiệp điều kiện làm việc của CNLĐ có cải thiện hơn so với trước, đã sắp xếp lại sản xuất để giảm cường độ lao động, cải thiện môi trường làm việc, chế độ nghỉ ngơi, khám sức khỏe định kỳ, bồi dưỡng tại chỗ, mua BHYT, BHXH... Công tác bảo hộ lao động cũng được các cấp công đoàn quan tâm, đã mở 135 lớp tập huấn cho 8.950 lượt CNLĐ về công tác ATVSLĐ - PCCN. Tình hình TNLĐ đã có chiều hướng giảm so với các năm trước đây, nhất là số vụ TNLĐ chết người, TNLĐ nặng và TNLĐ nhiều người. Trong 5 năm, xảy ra 37 vụ tai nạn lao động, giảm 10 vụ so với nhiệm kỳ trước <sup>128</sup>.

Các cấp Công đoàn còn phối hợp với Thủ trưởng cơ quan đơn vị, chủ doanh nghiệp tổ chức thực hiện khá tốt Nghị định 71 và Nghị định 07 của Chính phủ về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở. Năm 2004, tỉ lệ Hội nghị CBCC khu vực HCSN đạt 98%, Đại hội CNVC trong các DNNN đạt 95%, khu vực ngoài quốc doanh đạt 50%. Đến năm 2007, khu vực HCSN, DNNN đạt tỷ lệ 100%; khu vực ngoài quốc doanh đạt 70%. Thông qua Hội nghị CBCC nhiều cơ quan, đơn vị HCSN quyền làm chủ của CBCC được mở rộng, kỷ cương, pháp luật được tăng cường; nội quy, kỷ luật cơ quan được thực hiện nghiêm chỉnh, nội bộ đoàn kết, ý thức phục vụ nhân dân được nâng cao.

Để công tác chăm lo đời sống CNVCLĐ, các cấp công đoàn trong tỉnh có nhiều biện pháp, hình thức tổ chức giúp cho CNVCLĐ nâng cao đời sống. Tính chung, toàn tỉnh xây dựng được 810 tổ, nhóm tiết kiệm với số vốn trên 05 tỷ đồng; tín chấp cho 20.000 lượt CNVCLĐ vay 240 tỷ đồng từ nguồn vốn các ngân hàng và Quỹ Quốc gia HTVL từ kênh của UBND tỉnh. Riêng nguồn QQG-HTVL từ Tổng Liên đoàn 05 năm qua đã có 32 lượt dự án được phát vay với số tiền 1,585 tỷ đồng cho 389 hộ gia đình CNVCLĐ, giải quyết việc làm cho 597 người. Kết quả các quỹ Quốc gia giải quyết việc làm và các nguồn trợ giúp khác ở cơ sở, từng bước góp phần nâng cao đời sống của CNVCLĐ <sup>129</sup>.

<sup>128</sup> làm chết 11 người, bị thương 26 người.

<sup>129</sup> Trong nhiệm kỳ VII, hàng năm giải quyết việc làm mới cho 20.000 lao động (kể cả lao động nông thôn) nhưng số lao động được đào tạo tay nghề hiện nay chiếm tỷ lệ còn thấp. Về tiền lương, bình quân khu vực HCSN



Thực hiện chương trình nhà ở "Mái ấm Công đoàn", từ năm 2006 đến 2007 Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đã chỉ đạo các cấp Công đoàn trong tỉnh vận động CNVCLĐ hưởng ứng chủ trương của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đóng góp thành lập quỹ mái ấm Công đoàn của tỉnh được 826 triệu đồng. Theo đề nghị của các công đoàn cấp dưới, Ban Chỉ đạo Quỹ "Mái ấm Công đoàn" xem xét, quyết định đầu tư xây dựng 17 căn nhà, sửa chữa 02 căn nhà với tổng trị giá 360 triệu đồng cho các đối tượng được thụ hưởng. Ngoài ra, với tinh thần tương thân, tương ái, tuy điều kiện cuộc sống của đa số CNVCLĐ trong tỉnh còn khó khăn, nhưng rất nhiệt tình hưởng ứng các cuộc vận động như: đóng góp quỹ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, quỹ Đền ơn đáp nghĩa, quỹ khắc phục thiên tai, quỹ Vì người nghèo, quỹ "Mái ấm Công đoàn",... nhiều đơn vị đóng góp đạt và vượt chỉ tiêu giao.

Đối với công tác phát triển đoàn viên, thực hiện "*Chương trình phát triển 01 triệu đoàn viên*" của Tổng LĐLĐ Việt Nam gắn với công tác phát triển và xây dựng tổ chức Công đoàn theo nghị quyết Đại hội VII Công đoàn tỉnh Sóc Trăng hàng năm, Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh xây dựng kế hoạch, đề ra chỉ tiêu phân đầu chỉ đạo các cấp Công đoàn tập trung thực hiện công tác phát triển đoàn viên trong các thành phần kinh tế. Từ đó, các cấp Công đoàn quan tâm khảo sát nắm tình hình, tuyên truyền, giới thiệu về tổ chức Công đoàn, về nghĩa vụ, quyền lợi của đoàn viên. Điều lệ CĐVN, Luật Công đoàn, Bộ Luật Lao động cho người lao động và người sử dụng lao động để tự nguyện gia nhập Tổ chức Công đoàn và thành lập CĐCS. Nhờ vậy, từ đầu nhiệm kỳ đến cuối năm 2007, toàn tỉnh phát triển được 24.681 ĐVCLĐ, (trong này có 8.974 nữ) đạt 145,18% (trong đó khu vực NQD 9.075 ĐVCLĐ, đạt 90%); thành lập mới 325 CĐCS, NĐ, đạt 151,16% chỉ tiêu<sup>130</sup>. Đến cuối nhiệm kỳ, toàn tỉnh có 1.057 công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn, với 42.199 đoàn viên, tăng 88,5% (trong đó có 19.637 nữ) so với tổng số CNVCLĐ nơi có tổ chức công đoàn.<sup>131</sup>

Về công tác xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, hàng năm, LĐLĐ tỉnh xây dựng nội dung, tiêu chuẩn Công đoàn vững mạnh cho từng loại hình CĐCS phù hợp, thiết thực. Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo việc chấm điểm, xếp loại đã tạo thành nề nếp, coi trọng việc kiểm tra đánh giá đúng thực chất kết quả của CĐCS. Từ đó chất lượng hoạt động của tổ chức Công đoàn được nâng lên, giảm dần số Công đoàn loại trung bình, yếu kém. Đặc biệt, LĐLĐ tỉnh còn thường xuyên quan tâm nội dung và phương pháp hoạt động của CĐCS doanh nghiệp tư nhân, Cty Cổ phần, Cty TNHH và NĐ... Kết quả, đến cuối nhiệm kỳ, khu vực nhà nước có 80,4% CĐCS đạt tiêu chuẩn vững mạnh, trong đó có 56,8% đạt tiêu chuẩn xuất sắc (*chỉ tiêu từ 85% - 95% vững mạnh có 60% - 70% xuất sắc*); khu vực ngoài nhà nước có 59,8% CĐCS, NĐ đạt tiêu chuẩn vững mạnh, trong đó có 30,5% xuất sắc (*chỉ tiêu có 60% vững mạnh*). Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ Công đoàn được quan tâm hơn, LĐLĐ tỉnh thực hiện công tác quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, cử 49 lượt cán bộ theo học các lớp Đại học Công đoàn, quản lý Nhà nước, cao cấp lý luận chính trị, Số này có 29 đồng chí đã tốt

---

từ 800.000 đồng – 1.200.000 đồng/người/tháng; sản xuất kinh doanh (khu vực nhà nước) bình quân từ 1.200.000 đồng – 1.500.000 đồng/người/tháng, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh thấp nhất từ 700.000 đồng – 3.000.000 đồng/người/tháng. Nhìn chung tiền lương có được nâng lên, nhưng giá cả các mặt hàng thiết yếu cho đời sống tăng nhanh, nên số đông người lao động vẫn còn gặp khó khăn.

<sup>130</sup> Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh (khoá VII) xây dựng kế hoạch phân đầu trong nhiệm kỳ phát triển từ 15.000 - 17.000 đoàn viên, thành lập 215 CĐCS.

<sup>131</sup> Trong đó, khu vực Nhà nước là 30.878 người, khu vực HCSN: 28.298 người, khu vực DNNN: 2.580 người, khu vực ngoài quốc doanh: 16.022 người. So với đầu nhiệm kỳ số lao động tăng thêm 8.620 người.

nghiệp (06 đồng chí hoàn thành chương trình Đại học phần Công đoàn). Các cấp Công đoàn mở 61 lớp tập huấn nghiệp vụ cho 4.142 cán bộ chủ chốt của LĐLĐ huyện, thành phố, Công đoàn ngành và CĐCS.

Về chính trị, số cán bộ là uỷ viên BCH LĐLĐ tỉnh có trình độ từ trung cấp trở lên đạt 100%; uỷ viên BCH LĐLĐ huyện, thành phố và Công đoàn ngành đạt 76% (chỉ tiêu nghị quyết từ 70% - 80%); Chủ tịch CĐCS đạt 66% (chỉ tiêu nghị quyết từ 60% - 70%).

LĐLĐ tỉnh còn xây dựng đề án sắp xếp tổ chức bộ máy Công đoàn trong tỉnh, từng bước được củng cố và kiện toàn, cơ bản ổn định, đảm đương được nhiệm vụ. Qua Đại hội CĐCS nhiệm kỳ 2005 - 2007 đã thay đổi 30 % Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch mới (chủ yếu là do thay đổi nhiệm vụ công tác); miễn nhiệm 24 uỷ viên và bổ sung 32 uỷ viên BCH LĐLĐ huyện, thành phố và Công đoàn ngành (có 04 Chủ tịch, 10 Phó Chủ tịch); Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh (khoá VII) miễn nhiệm 04 uỷ viên, bầu bổ sung 04 uỷ viên; để lại 05 phó Ban trực thuộc LĐLĐ tỉnh.

Đối với công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, tổ chức công đoàn hướng dẫn cho cán bộ, Đoàn viên, CNVCLĐ tham gia, đóng góp xây dựng tổ chức Đảng, cơ quan, đơn vị và nhận xét cán bộ đảng viên hàng năm. Nhiệm kỳ qua, các cấp Công đoàn đã giới thiệu 3.562 đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp. Trong số này có 2.865 đoàn viên được kết nạp vào Đảng, đạt tỷ lệ 6,8% so với tổng số ĐVCD của tỉnh.

Tổ chức Công đoàn từng cấp phát huy ngày càng tốt hơn chức năng tham gia quản lý, giám sát tại cơ quan, đơn vị. Từ đó, có tác động tích cực, góp phần tạo nên những chuyển biến trong cải cách thủ tục hành chính, trong việc xây dựng nội quy, quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị.

Đối với công tác Nữ công, với số lượng nữ CNVCLĐ chiếm tỷ lệ 43,8% tổng số CNVCLĐ, được sự quan tâm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và Công đoàn. Ban Nữ công các cấp đã tổ chức tuyên truyền cho trên 180.000 lượt nữ CNVCLĐ về các quy định của pháp luật liên quan đến lao động nữ, về bình đẳng giới, kiến thức về chăm sóc sức khoẻ phụ nữ và trẻ em, ... gắn với các hoạt động nhân các ngày lễ, kỷ niệm như: Quốc tế Phụ nữ 8/3, Quốc tế thiếu nhi 1/6, ngày Gia đình Việt Nam 28/6, Tết Trung thu, ... tạo sinh khí vui tươi trong nữ CNVCLĐ.

Hưởng ứng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, trong nhiệm kỳ VII, có 59.676 lượt nữ CNVCLĐ đăng ký thực hiện (tỷ lệ từ 53%-73%/năm). Kết quả từ 2003-2007 có 48.814 lượt nữ CNVCLĐ đạt danh hiệu cấp cơ sở (tỷ lệ từ 43-58,7%). Qua phong trào đã tác động nhiều nữ CNVCLĐ phấn đấu học tập, tích cực thực hiện hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, thi đua lao động giỏi, phong trào “Hai tốt”, “Đương y như từ mẫu”, nhiều nữ CBCC đã thể hiện vai trò chủ động trong lao động sản xuất, kinh doanh, quản lý kinh tế gia đình, chăm sóc dạy dỗ con cái, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững.

Về công tác tài chính, các cấp công đoàn có nhiều cố gắng thu đúng, thu đủ kinh phí và đoàn phí Công đoàn, khai thác thêm nguồn thu từ hỗ trợ của Chính quyền, chủ doanh nghiệp để đảm bảo cho yêu cầu hoạt động; hàng năm đều thu đạt kế hoạch của TLD giao. LĐLĐ tỉnh đã phân cấp quản lý tài chính cho 14 đơn vị, còn 02 đơn vị Công đoàn Ngành và 59 CĐCS trực thuộc thanh toán trực tiếp với LĐLĐ tỉnh. Công

tác quản lý tài chính được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo nguyên tắc, chi đúng mục đích yêu cầu, bảo quản tài sản tốt, từng bước khắc phục tình trạng thanh quyết toán chậm trễ.

Đối với công tác kiểm tra, hệ thống tổ chức kiểm tra của Công đoàn được quan tâm củng cố, kiện toàn, có nhiều cố gắng trong hoạt động, bám sát nhiệm vụ tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong lãnh đạo, chỉ đạo. UBKT mở 14 lớp tập huấn nghiệp vụ kiểm tra cho 1.108 cán bộ làm công tác kiểm tra công đoàn các cấp. Trong nhiệm kỳ, các cấp công đoàn đã thực hiện 3.577 cuộc kiểm tra thực hiện Điều lệ (kiểm tra đồng cấp 2.144 cuộc, kiểm tra cấp dưới 1.433 cuộc); kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm 87 cuộc, kiểm tra tài chính 3.373 cuộc (kiểm tra đồng cấp 2.388 cuộc, kiểm tra dưới cấp 985 cuộc); tiếp nhận 407 đơn (có 179 đơn thuộc thẩm quyền của công đoàn giải quyết) và tiếp 262 lượt CNVCLĐ đến trình bày khiếu nại, thắc mắc. UBKT đã tham mưu cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và phối hợp với các ngành chức giải quyết và tham gia giải quyết được 346 đơn khiếu nại.

Về công tác chỉ đạo thực hiện, sau Đại hội VII Công đoàn tỉnh và Đại hội IX Công đoàn Việt Nam, Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh (khoá VII) xây dựng Chương trình hoạt động toàn khoá, xây dựng Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ các thành viên của Ban Chấp hành. Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh đã thảo luận và thông qua nghị quyết “Về công tác phát triển đoàn viên, thành lập tổ chức Công đoàn LQD” và hàng năm đều xây dựng chương trình công tác năm và 6 tháng. Mỗi bắt trong nhiệm kỳ này là BCH LĐLĐ tỉnh xác định được nhiệm vụ công tác trọng tâm; giữ đúng sinh hoạt định kỳ, từ đó sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh ngày càng có hiệu quả hơn.

Có thể khẳng định rằng, trong nhiệm kỳ VII, từ việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn tỉnh và Nghị quyết Đại hội IX Công đoàn Việt Nam, hoạt động Công đoàn có chuyển biến tích cực trên các mặt công tác; từng cấp công đoàn trong tỉnh có cố gắng khắc phục khó khăn, quyết tâm thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Đại hội đề ra và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Tổng LĐLĐ Việt Nam.

Công tác tuyên truyền, giáo dục được quan tâm, kịp thời phổ biến các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến đoàn viên, công nhân viên chức, lao động, có tìm tòi, đổi mới nội dung, hình thức phong phú đa dạng phù hợp với từng đối tượng, nhất là CNLĐ ngoài quốc doanh. Phần lớn CNVCLĐ nêu cao ý thức, gương mẫu chấp hành tốt nghĩa vụ công dân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao tại nơi công tác, học tập và lao động sản xuất. Các phong trào trong CNVCLĐ được duy trì và phát triển mạnh, nhất là phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo; hàng năm tổ chức Hội nghị CBCC, Đại hội CNVC, nội dung, chất lượng có nâng lên, hoạt động nữ CNVCLĐ có tiến bộ hơn. Các hoạt động chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, CNVCLĐ được quan tâm thường xuyên, công tác BHLĐ được thực hiện khá tốt. Tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Hàng năm đều có xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu và nội dung tiêu chuẩn đối với công tác phát triển đoàn viên và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh. Tổ chức bộ máy Công đoàn các cấp được củng cố, kiện toàn khá ổn định, kịp thời bổ sung cán bộ do điều động và nghỉ chính sách; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có nhiều cố gắng.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiến bộ đạt được, còn những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm. Trước hết là hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục trong CNVCLĐ còn thấp, còn lúng túng về hình thức và biện pháp triển khai học tập, việc tuyên truyền

phổ biến Luật lao động, Luật Công đoàn ở khu vực ngoài quốc doanh còn ít; nắm tình hình tư tưởng, tâm trạng, nguyện vọng của cán bộ, đoàn viên và CNVCLĐ không kịp thời.

Về công tác kiểm tra giám sát việc thực hiện chế độ, chính sách đối với CNVCLĐ cũng bộc lộ một số hạn chế; một số nơi công đoàn chưa làm tốt chức năng bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân, lao động; không ký kết HĐLĐ, ký TULĐTT, trang bị bảo hộ lao động không đầy đủ, uy tín tổ chức công đoàn bị giảm sút; chất lượng Đại hội công nhân, viên chức và Hội nghị cán bộ, công chức một số nơi chưa thiết thực; Ban Thanh tra nhân dân nhiều nơi hoạt động còn hình thức.

Đối với phong trào thi đua phát triển chưa đều, có nơi còn mang tính hình thức; việc xét khen thưởng còn nể nang; tỷ lệ khen thưởng đối tượng là công nhân, lao động còn quá ít, nên chưa thật sự phát huy tác dụng động viên phong trào thi đua ở từng cơ quan, đơn vị. Công tác sơ kết, tổng kết, xây dựng điển hình và nhân rộng điển hình chưa kịp thời.

Công tác phát triển đoàn viên và thành lập công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp ngoài quốc doanh còn gặp nhiều khó khăn và thiếu tính bền vững. Việc đánh giá xếp loại công đoàn vững mạnh, có nơi chạy theo chỉ tiêu thi đua nên phản ánh chưa đúng thực chất hoạt động. Công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là đội ngũ cán bộ công đoàn cơ sở. Công tác quy hoạch cán bộ chuyên trách công đoàn chưa tốt còn bị hẫng hụt, thiếu tính kế thừa. Công tác kiểm tra có nơi hoạt động còn hạn chế, chưa làm tốt chức năng tham mưu giúp cho Ban Chấp hành cùng cấp thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra theo quy định của Điều lệ. Công tác tài chính, việc trích nộp kinh phí công đoàn có nơi còn chậm, thất thu đoàn phí, kinh phí công đoàn ở khu vực ngoài quốc doanh.

Công tác chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành chưa kịp thời như việc triển khai thực hiện Chương trình toàn khóa nhất là tổng kết một số nghị quyết chuyên đề của khóa VI; việc kiểm tra thực hiện chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành . . . ; trong chỉ đạo còn lúng túng về nội dung, phương thức hoạt động công đoàn khu vực ngoài quốc doanh, nhất là mô hình công đoàn cơ sở công ty cổ phần và công đoàn cơ sở xã, phường, thị trấn. Công tác thông tin báo cáo từng lúc chưa kịp thời, nắm tình hình cơ sở không chặt.

Từ hoạt động thực tiễn của phong trào CNVCLĐ và tổ chức Công đoàn nhiệm kỳ VII, Đại hội rút ra một số kinh nghiệm như sau:

- Hoạt động của Công đoàn phải xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nguyện vọng chính đáng của CNVCLĐ để đề ra mục tiêu, nội dung, biện pháp hoạt động; tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự hỗ trợ của các cấp chính quyền và chuyên môn và sự phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan; trong tổ chức thực hiện phải xác định những việc trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; có kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm thường xuyên là yếu tố quyết định đến kết quả các mặt hoạt động Công đoàn.

- Lấy việc thực hiện chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của công nhân, viên chức, lao động là nhiệm vụ hàng đầu của các cấp công đoàn, xem đây là yếu tố rất quan trọng để thu hút CNVCLĐ tham gia vào tổ chức công đoàn.

- Công tác cán bộ phải được coi trọng, có chiến lược lâu dài trong khâu quy hoạch, đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ. Chú ý, những cán bộ trẻ mạnh dạn phân công,

thử thách, rèn luyện trong hoạt động thực tiễn, coi đây là nguồn để xây dựng đội ngũ cán bộ kế thừa.

- Tập trung củng cố, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh thật sự là nền tảng của tổ chức công đoàn; đồng thời quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở. Trong hoạt động phải hướng về cơ sở, để kịp thời giúp cho cơ sở tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động.

- Thường xuyên chăm lo củng cố, xây dựng sự đoàn kết nội bộ. Trước hết là trong đội ngũ cán bộ chủ chốt, trong Ban Chấp hành, Ban Thường vụ công đoàn các cấp.

Thư viện Sốc Trắng

## PHỤ LỤC

---

### DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH SÓC TRĂNG

-----

#### **CHỦ TỊCH**

Đồng chí PHẠM VĂN HỒ

#### **PHÓ CHỦ TỊCH**

Đồng chí TRẦN VIỆT HÙNG

Đồng chí NGUYỄN THÀNH VĂN

#### **CÁC UỶ VIÊN THƯỜNG VỤ**

Đồng chí PHẠM THỊ HỒNG AN

Đồng chí NGUYỄN HỒNG LẠC

#### **CÁC UỶ VIÊN BAN CHẤP HÀNH**

Đồng chí LÊ THU LAN

Đồng chí NGUYỄN AN TOẠI

Đồng chí HẬU VĨNH THỌ

Đồng chí HÀ THỊ BÉ

Đồng chí VÕ HOÀNG AN

Đồng chí BÙI THỊ ĐẸP

Đồng chí LÂM THỊ THANH

Đồng chí NGUYỄN MINH CHIẾN

Đồng chí THẠCH THỊ HOA LA

Đồng chí CAO THỊ VÂN

Đồng chí LÂM THỊ HOA

Thư Viện Sóc Trăng

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG  
TỈNH SÓC TRĂNG KHOÁ V  
(NHIỆM KỲ 1993 – 1998)**

-----

**CHỦ TỊCH**

Đồng chí PHẠM VĂN HỒ

**PHÓ CHỦ TỊCH**

Đồng chí NGUYỄN THÀNH VĂN

Đồng chí PHẠM THỊ HỒNG NGÀ

**CÁC UỶ VIÊN THƯỜNG VỤ**

Đồng chí TRẦN VIỆT HÙNG

Đồng chí NGUYỄN HỒNG LẠC

Đồng chí LÊ THU LAN

Đồng chí NGUYỄN NGỌC SƯƠNG

**CÁC UỶ VIÊN BAN CHẤP HÀNH**

Đồng chí NGUYỄN AN TOẠI

Đồng chí NGUYỄN VIỆT HÙNG

Đồng chí HẬU VĨNH THỌ

Đồng chí NGUYỄN THANH KIẾT

Đồng chí TRẦN VĂN DŨNG

Đồng chí HÀ THỊ BÉ

Đồng chí TRẦN TẤN PHONG

Đồng chí DƯƠNG MINH HOÀNG

Đồng chí SƠN LƯỢNG

Đồng chí VÕ HỒNG NGÀ

Đồng chí NGUYỄN NAM THÀNH

Đồng chí LÂM CHÍ NHƠN

Đồng chí TRẦN DUY HÙNG

Đồng chí MÔ TÚ PHỤNG

Đồng chí BÙI THỊ ĐẸP

Đồng chí LÂM THỊ THANH

Đồng chí TRẦN NGỌC THU

Đồng chí VÕ HỒNG NHAN

Đồng chí TRẦN KIM HOA

Đồng chí VÕ LOAN ÁNH

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG  
TỈNH SÓC TRĂNG KHOÁ VI  
(NHIỆM KỲ 1998 – 2003)**

-----

**CHỦ TỊCH**

Đồng chí NGUYỄN THÀNH VĂN

**PHÓ CHỦ TỊCH**

Đồng chí NGUYỄN HOÀNG THAO

**CÁC ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ**

Đồng chí LÊ THU LAN

Đồng chí NGUYỄN VIỆT HÙNG

Đồng chí VƯƠNG THỊ NGUYỆT ÁNH

Đồng chí TRANG PHƯỚC

Đồng chí NGUYỄN NGỌC SƯƠNG

Đồng chí LÂM THỊ THANH

Đồng chí HẬU VĨNH THỌ

**CÁC ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH**

Đồng chí NGUYỄN AN TOẠI

Đồng chí HỒ TÚ PHỤNG

Đồng chí PHẠM HOÀI NAM

Đồng chí HUỖNH THẾ LAM

Đồng chí CAO QUỐC VŨ

Đồng chí LÊ THỊ SÁNG

Đồng chí VÕ HỒNG NHAN

Đồng chí SE THỊ QUỲ

Đồng chí TRƯƠNG HOÀI PHONG

Đồng chí HÀ THỊ BÉ

Đồng chí TRẦN ANH VIỆT

Đồng chí VÕ KIM HOÀNG

Đồng chí TRƯƠNG HOÀNG ÂN

Đồng chí NGUYỄN NAM THÀNH

Đồng chí NGUYỄN VĂN SỬ

Đồng chí ĐÌNH QUỐC BỒN

Đồng chí ĐOÀN TÙNG

Đồng chí NGÔ THANH SỬ

Đồng chí NGUYỄN HOÀNG HÂN

Đồng chí HUỖNH HÙNG LUÔNG



**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG  
TỈNH SÓC TRĂNG KHOÁ VII  
(NHIỆM KỲ 2003 – 2008)**

-----

**CHỦ TỊCH**

Đồng chí NGUYỄN MINH CHÂU

**PHÓ CHỦ TỊCH**

Đồng chí NGUYỄN HOÀNG THAO

Đồng chí NGUYỄN NGỌC SƯƠNG

**CÁC UỶ VIÊN THƯỜNG VỤ**

Đồng chí LÊ THU LAN

Đồng chí TRANG PHƯỚC

Đồng chí NGUYỄN VIỆT HÙNG

Đồng chí VƯƠNG THỊ NGUYỆT ÁNH

Đồng chí PHẠM HOÀI NAM

Đồng chí NGUYỄN MINH HIỀN

Đồng chí HẬU VĨNH THỌ

Đồng chí NGUYỄN THANH KIẾT

**CÁC UỶ VIÊN BAN CHẤP HÀNH**

Đồng chí NGUYỄN AN TOẠI

Đồng chí TRẦN NGUYỆT THỤ

Đồng chí NGUYỄN THỊ MỸ GIÀO

Đồng chí NGUYỄN VĂN TRIỆU

Đồng chí TĂNG THỊ BẠCH VÂN

Đồng chí LÊ VIỆT TRIỂN

Đồng chí NGUYỄN VĂN ĐỐI

Đồng chí HUỖNH THỊ LAM

Đồng chí LÊ TUẤN KIẾT

Đồng chí NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN

Đồng chí ĐỖ VĂN NAM

Đồng chí LÂM BÍCH HƯƠNG

Đồng chí NGUYỄN NAM THÀNH

Đồng chí TRẦN VĂN KHỞI

Đồng chí SƠN LƯƠNG

Đồng chí LÊ TRỌNG SƠN

Đồng chí VÕ VĂN SỬ

Đồng chí LÂM DŨ NHƠN

Đồng chí HOÀNG VĂN HÙNG

Đồng chí VÕ KIM HOÀNG

Đồng chí NGUYỄN VĂN SỬ

Đồng chí HUỖNH THỊ TUYẾT MAI

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG  
TỈNH SÓC TRĂNG KHOÁ VIII  
(NHIỆM KỲ 2008 – 2013)**

-----

**CHỦ TỊCH**

Đồng chí NGUYỄN THANH HÀ

**PHÓ CHỦ TỊCH**

Đồng chí NGUYỄN HOÀNG THAO

**CÁC UỶ VIÊN THƯỜNG VỤ**

Đồng chí NGUYỄN VIỆT HÙNG

Đồng chí TRẦN NGUYỆT THU

Đồng chí NGUYỄN VĂN THANH

Đồng chí NGUYỄN MINH HIỀN

Đồng chí LỤC BÍCH PHÚC

Đồng chí PHẠM THANH LOAN

**CÁC UỶ VIÊN BAN CHẤP HÀNH**

Đồng chí NGUYỄN AN TOẠI

Đồng chí TRẦN DŨNG KIỆT

Đồng chí TRIỆU HUY THÀNH

Đồng chí HẬU VĨNH THỌ

Đồng chí NGUYỄN THANH KIỆT

Đồng chí LÂM BÍCH HƯƠNG

Đồng chí NGUYỄN VĂN TRIỆU

Đồng chí LÊ TUẤN KIỆT

Đồng chí NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN

Đồng chí ĐỖ VĂN NAM

Đồng chí LÊ VIỆT THIỆN

Đồng chí LÊ MINH TRÍ

Đồng chí NGUYỄN VĂN ĐỐI

Đồng chí HUỖNH VĂN CƯỜNG

Đồng chí TRẦN VĂN VIỆT

Đồng chí NGUYỄN THỊ THU VÂN

Đồng chí HUỖNH VĂN BAL

Đồng chí ĐINH QUỐC BỒN

Đồng chí NGUYỄN THỊ THU QUYÊN

Đồng chí NGUYỄN VIỆT TRUNG

Đồng chí DƯƠNG VIÊN BÌNH

Đồng chí NGUYỄN VĂN SỬ

Đồng chí TRẦN VĂN HOÀ

Đồng chí LÊ THANH SƠN

Đồng chí TRỊNH NGỌC THUY

# Thư viện Sóc Trăng

# Thư viện Sóc Trăng

# Thư viện Sóc Trăng

# Thư viện Sóc Trăng